

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

MINH MỆNH CHÍNH YẾU

TẬP III

Quyển 8, 9, 10, 11, 12 và 13



Bản dịch của:

VÕ KHẮC-VĂN
LÊ PHỤC-THIỆN

TỦ SÁCH CỔ VĂN — ỦY BAN DỊCH THUẬT

MINH-MỆNH CHÍNH-YẾU

của QUỐC-SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

Bản dịch kèm nguyên-tác trong
TÙ SÁCH CỎ VĂN ỦY-BAN DỊCH-THUẬT
(Gồm 26 quyển)

Số hiệu :	Năm xuất-bản
23. a/CV : Tập I : Quyển 1, 2, 3, và 4. Bản dịch của Hoàng-Du-Đồng và Hà-Ngọc-Xuyến.	1971
23. b/CV : Tập II : Quyển 5, 6 và 7. Bản dịch của Vũ-Quang-Khanh và Võ-Khắc-Văn.	1972
23. c/CV : Tập III : Quyển 8, 9, 10, 11, 12 và 13. Bản dịch của Võ-Khắc-Văn và Lê-Phục-Thiện.	1974
23. d/CV : Tập IV : Quyển 14, 15 và 16 và 17. Bản dịch của Đào-Vũ-Luyện và Hồ-Tánh.	1974
23. đ/CV : Tập V : Quyển 18, 19, 20 và 21. Bản dịch của Đào-Vũ-Luyện và Hà-Ngọc-Xuyến.	1974
23. e/CV : Tập VI : Quyển 22, 23, 24 và 25. Bản dịch của Hoàng-văn-Học và Nguyễn-Quang-Tô.	1974



QUỐC-SỬ QUÁN
TRIỀU NGUYỄN

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

TẬP III

QUYỀN 8, 9, 10, 11, 12 và 13

Nguyên bản lưu trữ tại Chi-nhánh Văn-
khố Đà-lạt dưới số hiệu : MC 3080 HC
(Quyển 8) MC 3081 HC (quyển 9, 10,
11) và MC 3082 HC (quyển 12, 13)

Bản dịch của :

VÕ KHẮC-VĂN

LÊ PHỤC-THIỆN

TỪ SÁCH CỎ VĂN

ỦY-BAN DỊCH-THUẬT

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN XUẤT-BẢN

1974

MINH-MỆNH CHÍNH-YẾU

QUYỀN THỨ 8

TRỌNG NÔNG (tập thượng)

Bản dịch của

VÕ KHẮC-VĂN

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỨ 8

MỤC TRỌNG NÔNG (trọng nghề nông)

(TẬP THƯỢNG)

MINH-MỆNH NGUYÊN-NIÊN (NĂM THỨ NHẤT)

Vua sai Trung-sứ chia nhau đi về các ấp, các huyện trong Kỳ (từ Thanh-hóa vào Bình-thuận, tức là Trung-kỳ) xét xem mùa-màng về tâu lại. Vì từ Nghệ-an ra Bắc lâu ngày không mưa, vua lại sai sứ đi các địa-phương quan-sát tình-hình nghề nông, và xuống dụ sai các quan sở-tại kính cần cầu đảo (để được mưa).

Lúc ấy hai xã An-vân Đốc-sơ thuộc dinh Quảng-đức (tức là tỉnh Thừa-thiên ngày nay) tâu xin được miễn các tạp-diên (công-dịch tạp) trong hai tháng để sửa sang các sông ngòi đem nước vào ruộng. Vua sai các qua dinh-thần khám xét lại, bèn y cho.

[1b] Vua dụ cùng thị-thần (các quan hầu-cận) rằng: Nay đang đúng mùa công-tác về nông-nghiệp, tại Kinh-sư (kinh-đô) được mưa, Trẫm rất vui mừng, nhưng chưa rõ ngoài các địa-phương ra sao, nên sai người đi các nơi dò hỏi.

Vua lại sắc các địa-phương thường năm lúa chín phải xét trong hạt thâu-hoạch tỷ-lệ phần số được bao nhiêu tâu lên vua biết.

NĂM MINH-MỆNH THỨ HAI

Tháng 2, tại trấn Bình-hòa (tức tỉnh Khánh-hòa) bị hạn lâu ngày, trấn-thần (quan đầu trấn, tức quan tỉnh) chưa tâu lên, và đến khi cầu đảo được mưa rồi mới tâu.

Vua ban quở rằng: Các người chức-phận đến bậc Tuân, Tuyên (tức là chức lớn cầm đầu một tỉnh), mỗi khi gặp nạn hạn-hán thì nên lập tức phi tâu về Triều, và chân-thành cầu đảo, mong sớm hưởng được mưa lành, cứu được lúa mùa bị hạn hán, [2a] vậy mà đề đến mấy tháng trời không mưa, mới trở lại chọn ngày cầu đảo, sau đó được mưa rồi mới tâu lên, tỏ ra không chăm lo việc dân, vậy thời trách-nhiệm làm quan Thù, Múc (có nhiệm-vụ chăn nuôi chăm sóc dân) lo lắng cho dân, các người đề đầu? Nay thì tha tội cho, nhưng về sau không nên tái-phạm.

Quan Cai-bộ tỉnh Quảng-nam là Nguyễn-Kim-Truy về chầu.

Vua ban hỏi về công việc nghề nông.

Tâu rằng: Một tháng trở lại đây không mưa, sợ có phần phương-hại đến nghề nông.

Vua buồn mà phán rằng: Năm ngoái đã ban ân-xá cho các địa-phương trong (Kinh-đô) cũng như ngoài (các địa-phương), không nơi nào không thấm-nhuần; Trẫm chỉ lo cho tỉnh Quảng-nam bị đói kém nhiều, trong một năm đã

hai lần cho phát lúa kho ra bán cho dân; tưởng lòng thương dân như thế không phải chưa đến nơi đến chốn vậy; nay công việc mùa nông đang thời xúc-tiến, đã hơn tuần (10 ngày) không được cơn mưa, sao mà riêng một phương này phải bị khốn-khổ như thế, khiến cho Trăm đêm ngày âu lo vậy. Vua liền sai Trung-sứ chia nhau đến các tỉnh Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam Quảng-nghia xem xét mùa-màng về tàu lại.

[2b] Vua sắc cho sông An-cự đổi tên là sông Lợi-nông (niên-hiệu Gia-long sơ niên đào nhánh sông Hương-giang thông đến cửa Thuận, đến mùa nông tát nước tưới ruộng rất lợi cho dân, nên đến nay Vua ban cho tên ấy).

Vua xem bản-dồ Kinh-thành, gọi các quan thị-thần mà phán rằng: Xưa Tiên-đế (vị vua trước) cho đào sông ấy, người nông-dân được nguồn lợi muôn đời vậy, bèn lấy tên là Lợi-nông mà ban cho, lại ra lệnh làm bia đá đặt ở phía trên và phía dưới cửa sông để ghi chí.

Vua thường ngự thuyền qua sông ấy để xem gặt lúa, và dụ xuống Bộ Hộ rằng: Đức Tiên-đế ta tốn mấy vạn vàng đào con sông ấy để lợi cho dân, nay thấy mùa-màng tươi tốt, so với xưa hơn không biết bao nhiêu, như thế mới biết rõ [3a] rằng bậc thánh-nhân làm việc gì là để đến muôn đời về sau, không phải như những hạng người muốn cho mau và chỉ thấy gần đã biết được.

Vua ngự đến hai xã An-vân và Cồ-buru xem mùa lúa, đòi các kỳ-lão đến hỏi, họ đều tàu đáp rằng: Năm nay tươi tốt, so với những năm trước thời hơn. Vua vui-vẻ lắm, lại tới sông Lợi-nông đòi các kỳ-lão xã Thanh-thủy đến hỏi đều tàu đáp rằng: Nay hơi tươi tốt, nhưng đến lúc

thầu-hoạch chưa biết ra sao. Vua phán rằng: Trẫm vì dân mà lo việc nông, gặp năm được mùa thời mừng, chứ không phải nhân thấy được mùa mà gia-tăng thuế-khóa đâu, nay Trẫm hỏi mà không lấy sự thật tâu cho Trẫm biết, há không phụ lòng tốt của Trẫm hay sao? Đến xã Gia-lệ lại hỏi các kỳ-lão, đều tâu rằng: Bọn chúng tôi tuổi [3b] đến 70, chưa từng thấy lúa tốt như ngày nay vậy. Vua khen là thuần-phác (thật-thà), ban tiền thưởng cho.

Thoạt có gió Bắc nổi lên, vua triệu Dinh-thần (quan đầu tỉnh) dinh Quảng-đức (Thừa-thiên) ban dụ rằng: Nay lúa vừa mới trở bông mà gió bắc lạnh-lùng như thế, Trẫm rất lấy làm lo, vậy nhà ngươi nên quan-sát lại mùa-màng có bị tổn-thương gì không? Sở dĩ Trẫm đêm ngày lo-lắng đến như thế, không phải là muốn chuộng tiếng tốt, mà chính là vì nghĩ đến dân ta quanh năm cần-cù khổ nhọc, nếu không may đến mùa không gặt lúa được, thời không khỏi đói rét vậy.

Tiếp đó dân xã An-lai thuộc dinh Quảng-đức tâu xin miễn các công-tác binh-nhiêu, sai-dịch để vét đào mương tưới ruộng.

Vua ban dụ Bộ Hộ rằng: Trẫm hằng lo nghĩ đến nhân-dân, mỗi việc đều chú-ý đến mục-dịch khuyến-nông, nay dân ấy biết chăm lo ra sức về việc ruộng đất, Trẫm rất khen ngợi, và y theo lời tâu xin. Vua lại ban cho gạo kho 1 trăm vuông [4a] để giúp thêm cho. Dân hai xã Lễ-môn và An-ninh lấy cơ ruộng khe bị lấp, cũng tâu xin triệt bãi ngạch xã binh (lính làng) để cùng giúp sức đào vét, vua cũng đều y cho.

NĂM MINH-MỆNH THỨ BA

Tồ-chức săn-bắn lớn tại Thế-giới-sơn (núi Thế-giới).

Vua xuống dụ Bộ Hộ rằng : Trẫm đi như thế, sáng đi tối về, trên thời khỏi lo về việc đi liên-miên đến giáp tuần (10 ngày), mà dưới thì vui-vẻ nghỉ-ngơi và thỏa lòng mong đợi hoan-nghênh, Trẫm lấy làm vui lắm. Vậy những nơi đã đi qua, đều chước giảm cho 2 phần 10 số thuế lúa ruộng năm nay.

Tại xã La-chữ có một đoạn dọc theo đường cái quan ruộng đất bị nước lụt xoi ngang lở đất, cũng cho được trừ thuế về đất ruộng ấy, và ban thêm cho 1 ngàn 5 trăm quan tiền sai dân bồi đắp lại.

[4b] NĂM MINH-MỆNH THỨ TƯ

Vua tự mình viết lên 4 bức giấy long-dăng (1) 6 chữ : Phước Thọ Thượng Thọ Hữu Niên (福壽上壽有年) đưa cho quần-thần xem và phán rằng : Năm mới Trẫm viết thử 6 chữ ấy, mà trong đó hai chữ Hữu Niên (有年) là đề cầu mong cho dân ta năm nay rất được mùa. Nhân đó hỏi quan Thượng-thư Bộ Hộ là Nguyễn-Hữu-Thận rằng : Đầu năm mà có gió nhẹ, vậy gió ấy là gió gì ? Tâu đáp rằng : Đó là gió Cấn, thuộc Đông-Bắc và đoán rằng năm ấy là « hữu niên » (tức là năm được mùa).

Vua phán rằng : Năm ngoài mùa-màng hơi mất, Trẫm thường chấp-chờn lo nghĩ không quên. Nay nếu tin được lời ấy, lòng Trẫm cũng được hơi vui vậy. Liền đó ra lệnh Bộ Hộ tư [5a] các địa-phương mỗi năm đến kỳ thâu-hoạch, đều chiếu trong hạt mùa lúa thâu được phân số

(1) Long-dăng : Giấy màu vàng có vũ hình rồng, dùng để vua viết.

bao nhiêu, dâng sớ (1) tâu lên vua biết, và từ ấy về sau thường phải chiếu theo lệ ấy thi-hành.

Tháng 8 Mậu-Tuất tế Thu tại đàn Xã-tắc. Trước ngày vua thân-hành đến làm lễ, trong kỳ bị hạn. Vua lấy việc nông làm lo nên ngày tế lễ thành-khẩn khẩn vái cầu đảo. Đến đêm ấy được mưa, ngày mai lại mưa nữa, đất khô thấm ướt được mấy tấc. Vua còn ngại mưa chưa được nhiều, ruộng vườn thấm-nhuần chưa được đầy đủ, lại ra lệnh Phủ-doãn Thừa-thiên cầu đảo tại Miếu Hội-đồng; vừa được mưa lớn mùa-màng đều được thấm đủ, mọc đều. Vua rất vui mừng, và ra lệnh đưa của kho trong Nội-các hạng trầm, nhang, lụa đề lễ tạ.

[5b] Bắc-ký tâu báo năm ấy rất được mùa. Vua gọi thị-thần phán rằng: Bắc-thành (tức Bắc-ký) địa thế rộng và xu, năm nào có hơi mất mùa, thì bọn bắt-tiểu (lưu-manh, bắt-hiếu, bắt mục) hay lừa gạt dụ-dỗ dân lành họp nhau lại dẫn đi trộm cắp. Năm nay được mùa, dân ta đều được vui-vẻ no đủ, không còn phải lo-lắng gì nữa.

NĂM MINH-MỆNH THỨ NĂM

Dinh-thần Quảng-trị (dinh sau đổi làm tỉnh) tâu rằng: Xã Kim-giao nguyên trước có một đường kênh, đã bị cát bồi, dân xã ấy tâu xin mượn số lính-tráng có ngạch-tịch thuộc Ty Biên-binh giúp sức khai vét, một đường là có thể dẫn nước thủy-triều vào để tưới ruộng, một đường là có chỗ đề tháo nước ứ đọng chảy thông ra bể, như vậy thiệt là lợi cho công việc [6a] nghề nông, mà lại có thêm

(1) Sớ: Văn-thư các quan tâu lên vua.

lợi dùng kênh ấy thông với sông lớn, có thể chuyển-vận lúa thuế đi nạp. Vua y cho, và còn tha cho dân ấy khỏi phải nhiều dịch 5 tháng.

Mùa thu tháng 7 năm ấy, trong Kỳ bị lâu ngày không mưa. Vua ra lệnh cầu đảo tại Miếu Nam-hải Long-vương, qua ngày sau được mưa. Vua nhân đó xuống du Bộ Lễ ra thông-tư các địa-phương rằng: Nay ruộng lúa đang chín, mà còn bị hạn, thời nên đến các Miếu Hội-đồng hoặc các đền linh-ứng trong hạt thành-khẩn cầu đảo, không quản mấy ngày, cốt cho được mưa lành, để đáp lòng mong mỏi của nhà nông. Và từ nay về sau, hạt nào bị không mưa hơn tuần (10 ngày), tuy mùa-màng chưa bị tổn-thương, cũng nên vì dân mà cầu đảo trước. Và nên lấy đó làm lệ.

Lúc ấy Quảng-trị cũng báo được mưa lớn. Vua vui-vẻ lắm, phán rằng: Trong Kinh mới được mưa, vừa thư được niềm vui, nay lại nghe Quảng-trị báo, Trẫm lại thêm vui mừng, nhờ vậy mà ăn thêm được nhiều cơm.

[6b] NĂM MINH-MỆNH THỨ SÁU

Tháng 2 tại Kinh-sư không mưa. Vua ra lệnh cầu đảo, nhưng đều chưa được ứng-nghiem. Vua xuống du thị-thần (tức quan hầu-cận) rằng: Từ ngày Trẫm thân-chính đến nay, công việc trọng nông chưa từng một phút quên lãng. Xuân này khát mưa mà nông-vụ lại đương thời, đã từng ra lệnh cầu đảo, nhưng cũng chưa được ứng-nghiem, có lẽ tâm lòng thành chưa thấu tới (Trời, Đất) hay chăng? Vua bèn sai đặt đàn cúng Tam-thuần tại trong Kinh-thành ủy cho quan tới cầu đảo, và sau đó lại ban sắc từ nay ngày

làm lễ cầu mưa cấm không được xử việc hình án, làm thịt trâu bò vậy, và về sau lấy đó làm lệnh.

[7a] Vua lại triệu quan Phủ-doãn Thừa-thiên là Bùi-Tăng-Huy hỏi về mùa-màng trong dân-gian ra sao. Tâu lại rằng: Ruộng cao thì khô cạn, còn ruộng thấp thì bị trũng và chuột làm thiệt hại.

Vua huờn mà phán rằng: Dân ấy nào tội tình gì mà lại luôn-luôn gặp phải tai họa thiếu kém như vậy. Vua quay lại gọi thi-thần phán rằng: Tại trong Kinh-thành còn có nhiều đất hoang trống, nên truyền các cấm-binh (lính phụ-trách canh gác trong Hoàng-thành) trồng tría khoai, đậu; tuy không bằng lúa, nhưng cũng giúp vào việc ăn uống một phần vậy.

Về công-tác đào sông Vĩnh-định thuộc tỉnh Quảng-trị, vua sai Phó-đô Thống-chế Phan-văn-Thủy chỉ-huy điều-khiển công-trường.

Vua ban dụ rằng: Đào sông ấy có thể thông-thương các đường thủy nối liền Thừa-thiên — Quảng-trị, mà lại tiện công việc nhà nông. Trẫm đã tham-khảo nhiều mưu-kế và nhiều ý-kiến, cho nên chẳng ngại tốn kém để thực-hành, chứ không phải muốn khinh-suất dùng sức dân bừa bãi vậy. Sau đó lại còn [7b] đào thêm con sông Vĩnh-diện tại Quảng-nam và sai quan Phó-đô Thống-chế Trương-văn-Minh điều-khiển công-trường.

Vua ban dụ về việc ấy rằng: Việc khai đào sông ấy, vốn là muốn tiện cho dân, nhưng trước đó người đồng-lý công việc không giỏi, nên đường sông chật hẹp, hai bờ cao dựng đứng, tát nước vào ruộng không tiện; nay nói rộng thêm ra, để vì lợi lâu dài cho dân ta, mà người nên tiết-

dụng nhân-công, làm việc đúng theo thời khắc, thì ai ai cũng đều vui-vẻ, sẵn-sàng cung-ứng công việc vậy.

Tại hai tỉnh Thanh-hoa và Nghệ-an giá gạo hơi hạ xuống, mà các trấn-thần (quan đầu trấn) chưa kịp tâu báo lên.

Vua xuống dụ khiển-trách, và ban sắc rằng: Từ nay các địa-phương đều phải chiếu giá gạo tại chợ nơi lý-sở mỗi [8a] tháng báo-cáo 2 lần (về sau cải lại là 1 lần); phạm đến các tháng mùa nông, thời phải ghi thêm tình-trạng mưa nắng, hạt nào gặp gió mưa, hạn, lụt không được như thường, và có liên-quan đến sự lợi hại của nông-dân, các quan sở tại đều phải lập tức cứ thiệt lập bản tường-trình gửi về Khâm-thiên-giám (1) chuyển tâu lên. Về sau lại sai Bộ Hộ tâu cho thành Gia-định (tức Nam-kỳ) từ nay phạm đến các tháng có liên-quan về công việc nghề nông thời trong bản sớ tâu báo về giá gạo, cũng ghi thêm trong mấy ngày gần đó tình-trạng nắng mưa như thế nào luôn để vua biết.

Nguyên trước lúc mới đại-định, có lệ về các hạng ruộng thu-diễn, hạn-diễn tại các tỉnh từ Quảng-bình trở vào phía Nam (từ Quảng-bình vào phía Nam có 5 hạng ruộng: ruộng mùa hạ thì mùa đông gieo mạ, mùa hạ gặt lúa; ruộng mùa thu thì mùa hạ gieo mạ, đến mùa đông gặt lúa; ruộng hạ-thu thì đã gặt vào mùa hạ rồi, mà còn gặt lại vào mùa thu nữa; các hạng ruộng hạn-diễn và hạ hạn-diễn đều thuộc đất cao và không tốt, một hạng thì trâu-hoạch vào khoảng ba tháng 3, 4, 5, còn một hạng thì trâu-hoạch vào khoảng hai tháng 10, 11, đều phải tùy theo thời-tiết, khí-hậu mà cấy và gặt).

(1) *Khâm-thiên-giám*: Cơ-quan phụ-trách coi thiên-văn.

Việc khám xét các tai-ương, thiệt-hại, thời Bộ Hộ tâu [8b] rằng: Từ Nghệ-an ra Bắc thuế ruộng chia làm hai kỳ để thâu vào mùa hạ và mùa thu, cho nên mỗi khi có tai-ương về ruộng mùa hạ hoặc ruộng mùa thu, đều được báo khám để có thể chước hoặc giảm. Còn từ Quảng-bình vào phía Nam chỉ có một kỳ thâu thuế vào mùa hạ, nên nếu các hạng ruộng mùa thu, hay hạn-diễn, đều có bị nạn hạn-hán cũng không được dự vào lệ khám xét; nay tâu xin từ ấy về sau các hạng ruộng này khi đã gieo mạ rồi mà có báo bị tổn-thương, thì xin cho được dự vào lệ đối với các hạng ruộng hạ-diễn, hạ-thu-diễn, hạ-hạn-diễn, để được khám-xét. Vua giao việc ấy xuống Đĩnh-thần xét, và phúc-ng nghị rằng: Từ nay các hạng ruộng thu-diễn, hạn-diễn, nếu cấy cấy vào mùa thu, mà rủi gặp nạn lụt, hạn-hán, bị tai-thương, thời chiếu lệ khám thu-diễn từ Nghệ-an ra Bắc cũng được tra khám mà thi-hành. Còn như các hạng ruộng chỉ làm cầu may, không đúng theo thời-tiết nghề nông, thời không được dự vào lệ ấy. Vua nghe theo.

[9a] NĂM MINH-MỆNH THỨ BẢY

Trần-thần Bình-thuận (quan đầu trấn) tâu rằng: Mùa đông vừa rồi ruộng đất được mùa lớn. Vua xuống dụ quần-thần (các bầy tôi) rằng: Năm mới vừa hé bóng mặt trời, mà trước hết đã được báo tin vui năm được mùa, bậc vương-giả lấy sự thiên-hạ vui làm sao, thời mình cũng vui như thế, chứ đâu có phải vì bận áo gấm, ăn ngon mà mới bảo rằng vui hay sao? Nếu còn một hột lúa bị mất, không thâu-hoạch được, trong dân-gian khó làm ăn, thời thử hỏi với ai cùng vui? Trăm ngày đêm trong lòng lo sợ, duy chỉ mong mỗi một năm được mùa lúa tốt mọi nhà có ăn đầy đủ mà thôi vậy.

Đê công Thuận-trực, và đê tư An-truyền đều thuộc tỉnh Thừa-thiên nhân bị lụt xoi hư lở, phủ-thần (quan đầu tỉnh) tâu xin nhân mùa nông còn rảnh-rang, mà tu-bồ bồi đắp lại đê [9b] lợi cho công việc cấy cấy. Vua đều cho phép.

Vua lâm triều, triệu phủ-thần Thừa-thiên ban hỏi về tình-trạng nông-dân. Tâu đáp rằng: Các nông-gia đều nói bị hạn lâu ngày mà được mưa, nay lại trời quang mây tạnh, có hy-vọng đến mùa thu thâu-hoạch được mùa.

Vua phán rằng: Trẫm xem nông-thư (sách nói về việc nông) có nói rằng: Nếu một ngày mưa, mấy ngày tạnh, tất nhiên khí đất ôn ấm, mùa-màng tươi tốt, đúng theo sự ước mong của nhà nông được một năm như thế, bởi vậy nên chi theo lời đó là đúng lý, và cũng là vui lòng nông-dân ta mong muốn vậy.

Từ Gia-dịnh (tức Nam-kỳ) trở ra Bắc đến tỉnh Nghệ-an đều tâu về báo tin được mùa.

Vua xuống dụ quần-thần rằng: Năm ngoái sao Chổi (Tuế là sao Chổi) hiện ra, Trẫm lo bị mất mùa đói kém, mỗi [10a] đêm ở trong cung thường mật đảo chỉ một đều là ước-ao mùa-màng tươi tốt, nhân-dân bình-yên no đủ, nay gặp năm được mùa, rất mừng cho dân ta vậy

Hai tỉnh Nam, Nghĩa (Quảng-nam, Quảng-nghĩa) lúa ruộng bị nạn sâu keo, như kiến trắng, bọ ngựa vậy (bám vào lúa đến khô rồi chết), tâu lên vua biết.

Vua xem lời tâu, xuống dụ rằng: Trẫm rất lo cho miền ấy. Nay nên thiết-lập đàn đề cầu-khẩn cho được mưa xuống, thời trùng sẽ tiêu mất, hoặc đặt ra phương-pháp

bắt, trừ, hoặc khuyên dân trồng giặm thêm để đỡ thiệt-hại và lợi cho công việc nông vậy.

Trần-thần Quảng-ngĩa tâu rằng : Trong thời-gian từ niên-hiệu Gia-long đến nay, sở tuất trong cơ lục-kiên thuộc [10b] trấn ấy khai-khẩn ruộng hoang hơn 60 mẫu, mỗi mẫu thường năm đề dành lúa giống hơn 40 thăng, còn dư bao bao nhiêu đăng nạp vào kho, nay tâu xin áng ra đo-đạc cho biết được bao nhiêu mẫu, sẽ phân biệt chi ra đăng hạng ghi vào bộ thuế để thâu.

Vua xuống dụ rằng : Vấn-đề thuế-khoá của quốc-gia vốn không phải lấy số ấy thêm vào mà được nhiều đâu. Hưởng chỉ lĩnh cơ Lục-kiên có công lao đồn thú giữ thành, lại kiêm luôn việc cày cấy, thành được như vậy, thật là đáng thương. Nếu nay đăng vào ngạch thuế, thời phải có sự đòi hỏi thúc-giục, và tự đó sinh thêm kỳ hạn, nếu chậm hay thiếu cũng đều có chương-mục điều-khoản (đề phạt) ; tương-lai lĩnh ấy làm sao cung nạp cho nổi ? Vậy kể từ nay về sau, sở ruộng được khai-thác mở-mang ra đó, không kể được bao nhiêu mẫu sào, thuộc đăng hạng nào, mỗi đến mùa hạ, mùa thu lúa chín thâu được bao nhiêu, thời một nửa nạp vào kho, một nửa ban cho họ được hưởng [11a] lợi để họ vui lòng lo công việc cày cấy.

NĂM MINH-MỆNH THỨ TÁM

Tháng 3 trong Kỳ được mưa, vua vui-vẻ gọi quan thị-thần phán rằng : Lúa vừa trổ bông, mà được mưa lành ấy, có thể làm vui và thỏa lòng dân ta mong ước.

Tại xã Dương-nỗ thuộc phủ Thừa-thiên có đề ngấn

nước mặn bị lụt xoi ngang khuyết đi, dân xã ấy xin miễn nhiều dịch để bồi trừc lợi cho công việc nghề nông. Vua y cho.

NĂM MINH-MỆNH THỨ CHÍN

[11b] Về việc bồi trừc tu-bổ đê tại Bắc-thành (tức Bắc-ký), quan thành-thần tâu rằng: Các đê cũ đều không có bộ tịch sổ sách có thể dùng để kê-cứu. Nay mới định thức, đem ra so-sánh, thời (đê cũ) nhiều chỗ thấp hơn, nay nếu nhất luật đều phải làm theo thức mới, thời có lẽ nhu-phí quá nhiều, mà công-trình cũng quá trọng đại sợ làm không được chu-đáo. Nay tâu xin lấy theo mực nước kỳ lụt mùa thu năm ngoái mà định lượng tăng thêm bề cao, bề rộng, bắt dân làm công dịch tu-bổ các đê tư bị hư hỏng; nếu sức dân không đủ để bồi trừc kỹ-càng các chỗ lở, thời sẽ lượng cấp tiền gạo hợp sức mà làm, khi nào xong rồi sẽ giao cho sở-tại lãnh giữ.

Vua xuống dụ về việc ấy rằng: Chính-sách đê-điều là có quan-hệ đến công việc lợi hại nghề nông không nhỏ, công-trình tu-bổ nguyên trước Triều-định không ngại tốn kém, mà làm không đúng thức, là lỗi tự người có trách-nhiệm thi-hành, nay [12a] lại trách-cứ vào dân ta, như thế há lại không biết kể đến công-lao khó-nhọc của dân hay sao? Vậy nên xuất tiền kho thuế công mà làm. Lần này vì thường mộ bọn du-thủ du-thực chịu lãnh làm khoán một cách lạo-thảo suất lược cho xong chuyện, vì vậy mà nay bị nước rịn (đến bị xoi lở). Từ nay về sau chỉ được thuê dân sở-tại bồi đắp tu bổ, không được thuê khoán.

Vua tự mình đến cày ruộng tịch-diền (xưa đặt ở Cung-

canh tại hai phường Hậu-sanh và An-trạch; bên tả đặt đài Quan-canh, phía trước là chỗ dành riêng cho vua cày gọi là Đế-tịch; phía sau là điện để thay áo, tức Cu-phục điện; phía hữu đặt đàn Tiên-nông và kho Thần-thương, đình Thâu-cốc để thâu lúa; lại đặt trở lại sở Diễn-canh tại phía bắc cung Khánh-ninh, đặt tên là vườn Vĩnh-trạch. Lại ra lệnh mua thóc lúa nếp giống tại các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-trị, và tỉnh Sơn-tây tại Bắc-thành đem về cất tại đó, để đủ sau này ương giống; lại định lương các nông phu sở Tịch-diễn: Ngạch nông-phu Tịch-diễn là 30 người, lấy dân trong 8 xã thuộc Phú-xuân sung vào, mỗi tháng mỗi người được cấp 1 quan tiền, 1 vuông gạo, kể từ mồng 1 tháng tư năm ấy làm đầu; sau mùa nông rảnh rồi, thời chia làm 2 ban, về ban trực mỗi tháng mỗi người được cấp 1 vuông gạo). Khi hành lễ xong, vua chuẩn cho tha các thứ thuế năm sau nạp bằng lúa gạo về điền-thò của các địa-phương.

[12b] Vua xuống dụ rằng: Lễ Canh-tịch từ đời Đường, Ngu đến đời Chu đều được rõ-ràng chu-đáo; từ đời Hán về sau cũng không dám bỏ. Vì vậy việc nông là việc đầu tiên của quốc-gia, nếu không tự đem mình ra đốc-suất làm gương, thời làm sao mà dạy thiên-hạ bỏ ngọn chuộng gốc vậy. Từ ngày Đức Hoàng-khảo (cha của vua) Thế-tổ Cao Hoàng-đế (vua Gia-long) bình-định thiên-hạ về sau, các quan Bộ Lễ chưa kịp tham-khảo sách xưa, cho nên chưa có thể vội-vàng cử-hành lễ ấy. Nay Trẫm thừa theo ý-chí Đức vua trước, sắc xuống Bộ Lễ phỏng theo lệ cũ, châm-chước đề-nghị thi-hành. Ngày 29 tháng trọng hạ (tức tháng 5), Trẫm cung kính đến đàn Tiên-nông tri lễ, khi lễ xong rồi, tự mình đến ruộng Tịch-diễn cày đi bữa lại 3 đường; sau đó đến trước công-khanh, và sau nữa là các nông-phu đều cày, Trẫm thấy phần đông trên mặt

đều đồ mờ-hôi, như thế đủ thấy công việc cày cấy rất khó-khăn nhọc [13a] mệt, mà nông-dân quanh năm cần-cù vất-vả vẫn không đầy đủ no ấm, Trẫm lấy làm thương xót lắm. Vậy vụ thuế năm sau, các số thuế phải nộp bằng lúa gạo, đều được giảm bớt 3 phần 10, để tỏ lòng Trẫm biết suy ta mà gấm đến người. Các quan-lai địa-phương có trách-nhiệm thương yêu dân, đều nên khuyên bảo nhân-dân lo việc nông-tang (cày ruộng trồng lúa, trồng dâu nuôi tằm), khiến cho được đủ ăn đủ mặc, thỏa lòng Trẫm tôn-sùng căn-bản nghề nông, cùng tuân theo ý-chỉ lo việc của cha ông.

Quan Thị-lang Bộ Hình Nguyễn-Công-Trứ dâng sớ tâu xin khai-khẩn ruộng hoang để dân bần cùng có nghề-nghiệp làm ăn.

Lời tâu rằng: Người xưa chia cấp ruộng đất, tạo nên của cải cho dân có nghề-nghiệp thường-xuyên an phận với ruộng đất trong làng, không còn có lòng tà nghĩ đến làm bậy. Nay tại Nam-dịnh, hai huyện Giao-thủy và Chân-dịnh đất hoang nhân rộng mệnh-mông, tầm mắt trông xa không thấy bờ bến, không biết mấy [13b] ngàn, mấy trăm mẫu, nay nếu cấp công-nho, truyền cho tập-trung dân nghèo đến đó khai-khẩn, thời quốc-gia chi ra phí-tồn không bao nhiêu, mà nguồn lợi tự-nhiên sẽ được vô cùng vậy. Vả lại, tại Tiền-châu cỏ cây rạp rạp, bọn giặc cướp thường tụ họp tại đó; nay nếu khai phá, thời chẳng những bần dân có nghề-nghiệp làm ăn, mà cũng có thể tuyệt trừ đảng ác, tâu xin ra lệnh cho các quan trấn mộ dân đến khai-khẩn, cứ 50 người lập thành một làng, 30 người lập thành một ấp, tùy theo đất mà định-cư; các ngưư canh điền khí (trâu bò và dụng-cu nghề nông như cày bừa, v.v...) đều do quan cấp, 3 năm thành ruộng, bắt đầu cho trung,

thọ thuế; như thế thời đất không mất lợi, mà dân đều đều hưởng hết về nghiệp nông, nếp sống phiêu bạt trở nên thuần-hậu vậy. Vua giao xuống cho đình-thần xét lại và đề-nghị, thời đều tâu xin cho thử làm 3 năm để xem có thành hiệu chăng.

[14a] Vua phán rằng: Một nửa cũng đủ, cần gì phải đợi đến 3 năm, bèn ra lệnh cho Trừ lãn làm Đình-diễn-sử, tức là quan phụ-trách việc khai-khẩn đất hoang.

Vua xuống dụ rằng: Triều-đình muốn giáo-hóa dân, không có gì khác hơn là trước tiên phải hướng-dẫn dân chú-trọng về căn-bản (tức nghề nông). Nay công việc đình-diễn đã ủy cho khanh (1) vậy nếu có thể làm việc gì mà vì trăm họ hưng lợi trừ hại, thì cho được tiện-nghĩ hành-sự (2). Trừ lại tâu rằng: Về hai huyện An-khánh, An-mô thuộc Ninh-bình cũng có một giải đất ven bờ biển còn nhiều hoang mǎng, tâu xin cũng được mộ khẩn luôn. Vua y cho. Nhờ đó mà mộ dân khẩn ruộng hoang hơn 3 ngàn dân đình, hơn 3 vạn 7 ngàn mẫu ruộng, lập thành 2 huyện Kim-sơn và Tiền-hải (Tiền-hải thuộc Nam-định, Kim-sơn thuộc Ninh-bình).

Lại tâu rằng: Tại Ninh-bình có xã Bồng-hải ruộng đất lưu hoang, phần đông cường hào ăn giấu làm cửa riêng. [14b] nay tâu xin ra lệnh khám đặc phân chia ra lập làng lập ấp để cho dân bản-cùng có cơ-nghiệp làm ăn. Vua ra lệnh đình-thần duyệt lại, và đề-nghị rằng: Bậc vương-giả phát ra một chính-sách, ban-bố một điều nhơn, đều áp-dụng một thể-thức khoan-dung rộng-rãi, vậy nên ra lệnh

(1) *Khanh*: Tiếng vua gọi một bầy tôi, được vua kính-nể.

(2) *Tiện-nghĩ hành-sự*: Cho phép tự ý mà làm, không đợi lệnh vua và khỏi báo-cáo.

các quan địa-phương cáo-thị cho toàn dân biết: phạm có ăn riêng ruộng đất, nếu tự thú thì miễn tội cho; còn như không tự thú thời sẽ nghiêm trị, tất nhiên bọn ngu ngơ cũng nhờ đó mà tự tân (sửa chữa), khỏi phải phiền dùng đến trượng lượng (tức là hình án) vậy.

Vua nghe theo lời đề-nghị ấy. Khi thi-hành dân thú nạp ruộng lậu thuế hơn 6 trăm 30 mẫu, và ruộng hoang mới khẩn chưa chịu khai trưng hơn 4 trăm mẫu. Vua ra lệnh đều cho trước bộ đăng thuế, mà cũng đều cho được miễn về tội ấy.

[15a] Tại Thừa-thiên được mùa lớn. Vua vui-vẻ gọi Phủ-doãn Thừa-thiên phán rằng: Năm nay Trẫm mới khai mùa tịch-diên, đề khuyên thiên-hạ, mà tại Kinh-ký được trưng-thu một cách vui-vẻ như thế, rất thỏa lòng Trẫm trọng nông-nghiệp, chuộng căn-bản (cũng là nghề nông). Duy tại Bắc-thành (Bắc-ký) luôn gặp nạn lụt, lúa mùa chưa thu-hoạch như thế cũng còn chỗ chưa được vừa ý vậy.

Trước khi mới đặt nh: môn Đê-chính, đê tại Bắc-thành (Bắc-ký) bị xoi lở.

Vua phán rằng: Đặt ra việc phòng đê là đề phòng nước dâng, và lại còn bảo-vệ mùa-màng ruộng nương, một vấn-đề lợi hại cho dân-sinh. Mùa hạ trước, nước sông gây ra tai-nạn, đã xuống dụ cho các quan đại-thần Bắc-thành (tức là Tổng-trấn Bắc-ký) trù-liệu nơi nào cần bồi đắp thêm, nơi nào cần đắp mới thời đắp, nên xuất nhiều vật hạng trong kho ra mà làm khiến cho mười phần kiên-cố đề phòng-ngừa nạn nước dâng lên [15b] lần nữa, mà nay đến như thế tội của các người không còn có thể nói nhiều nữa vậy. Vậy các nguyên đại-thần Bắc-thành, các viên-chức phụ-trách đê-chính, cùng các viên quan trấn, phủ, huyện sở-tại, đều ra lệnh Bộ Hình nghị tội.

Vua xuống dụ quần-thần rằng: Đặt ra cơ-quan phòng-ngự nước sông là có quan-hệ không nhỏ đến vấn-đề lợi-hại của dân; năm ngoái đê vỡ, đã xuống dụ ra lệnh phải sớm trù làm, những người có phận-sự chuyên-trách đã không lập tức tu-bổ bồi đắp, đến lúc làm mới vừa xong thì lụt đến lại bị vỡ, như vậy có thể đổ lỗi cho thế nước lớn hơn trước gấp bội được chăng? Nay nên làm thế nào định rõ các điều-khoản, phép-lắc cáo-thị minh-bạch rõ-ràng để khuyên-răn và trừng-phạt, rồi xét kỹ đề-nghị tâu lên.

Đình-thần đề-nghị tâu lên rằng: Đê-diều Bắc-thành sáng-lập từ triều Trần, trải qua mấy triều-dại không bỏ. Nay đến triều-dại nước ta lúc đầu khai-thác, các tiết-mục về đê-chính, vì chưa được thông-thả nên chưa nghiên-cứu tường-tận; [16a] đã có hai lần nước sông dâng, đê vỡ, vì người phụ-trách lao-thảo sơ-suất đến nỗi như vậy; nay tâu xin thiết-lập Đê-chính nha-môn, gặp việc quan-trọng thời vị đại-thần về Đê-chính sẽ theo cùng các vị đại-thần Bắc-thành xem xét kỹ-lưỡng, cùng nhau hội-đàm (1) tâu lên, còn gặp việc thường, thời được phép tự chuyên mà thi-hành. Và xin định công-thức đắp đê phòng-ngừa đều y như lệ trong các năm niên-hiệu Gia-long (sông cái khúc trên nguồn và khúc giữa, thời mặt đê rộng 2 trượng, dưới chân rộng 7 trượng, bề cao 1 trượng-2 thước, về khúc dưới thời mặt đê rộng 1 trượng 5 thước, dưới chân đê rộng 5 trượng, bề cao 1 trượng. Sông hạng trung, thời mặt đê rộng 1 trượng 2 thước, chân đê 4 trượng, bề cao 1 trượng. Sông nhỏ thời mặt đê 9 thước, chân đê 3 trượng, cao 9 thước). Và lại đất có nơi cao, nơi thấp, nên lấy mặt nước làm chuẩn-dịch, tùy theo thế nước

(1) Hai cơ-quan biệt-lập cùng nhau bàn bạc về một vấn-đề gọi là hội-đàm.

mà thi hành công-tác, hoặc cần tăng thêm bề rộng, bề cao, thời làm bản dự-trù tàu lên. Đến đầu mùa đông, nước đã rút, xét việc đề-phòng đề-diều như có bị xoi hỏ, cần đắp đề mới là đại công-trình, tàu xin thuê dân khởi công thi-hành, còn [16b] như đề cũ có bị xoi lỗ hoặc thấm ướt rịn nước, là công-trình nhỏ, có thể sức dân phụ-cận sửa sang lại. Lại còn định thêm các điều-khoản như : Trình hạn tu bổ, thề-lệ thưởng phạt các quan-lại phụ-trách, các nơi có thể đặt cửa đề tháo nước, chỗ ghi mức nước (thủy đậu, thủy chỉ), thời hạn bảo-cố và lập miếu thờ thần sông. Vua chuẩn y như lời đề-nghị và cho thi-hành.

Bèn sai Tham-tri Lê-Đại-Cương sung chức Quản-lý Nha Đề-chánh, Vệ-úy Ngô-Tấn-Đức sung Tham-biện. Sau đó, xét rằng Lê-Đại-Cương mới lo việc Đề-chánh, sợ một mình lo liệu khó-khẩn, nên sai thêm Hiệp-trấn Hoàng-Quỳnh, Vệ-úy Lê-Thuận-Tĩnh đến nơi khám.

18 sở đề mới vừa được báo công-tác đã xong, về đề Kim-quan công việc rất khó-khẩn cũng đã hoàn-thành kiên-cố. Qua năm sau đầu mùa hạ tại Bắc-ký có nước dâng cao, Lê-Đại-Cương đem việc ấy tàu lên.

[17a] Vua xuống dụ rằng : Tuy việc đắp đề đã thành-công đặc-biệt, nhưng cũng nên xem gương một sọt đất còn thiếu có thể xoi lỗ một hòn núi đề làm răn, vậy nên chú-ý đến các nơi xung-yếu mà phòng-bị ; sau đó vua định ra lệ báo-cáo An-lan (lấy ngày sương xuống thì tàu lên).

NĂM MINH-MỆNH THỨ MƯỜI

Tỉnh Gia-định được mùa lớn. Quan thành-thân báo về.

Vua phê vào sớ tàu rằng : Đất ruộng thành Gia-định

(tức Nam-kỳ) phi-nhiều nay được mùa lớn, các đại-thần thành Gia-định nên theo lệ phân phái các tàu đi các nơi khuyên bảo trong dân-gian nên sắm sửa sẵn-sàng nhiều thuyền bè, sào, chèo (chở lúa gạo) đi đến các thành các trấn gạo kém để buôn bán thời cả hai bên đều hưởng được lợi, khiến cho khắp nơi khỏi nạn lúa bị hạ giá, thương-tồn đến nông-nghiệp; lại còn nên làm thế nào để nghiêm sức trong hạt không được bán lên một hột gạo cho ngoại-bang; nếu không gặp năm được [17b] mùa thì dân ta đã không hưởng được phúc ấy, mà thoảng như tại chốn biên-cương có việc (giặc-giũ) gạo com cung-ứng không được đầy đủ, thời lỗi ấy các người cũng khó thể từ-chối được vậy. Vua bèn ra lệnh chiếu theo số thuế tại các đồn-diền, nếu phải nạp một học, thời thâu thêm 2 học nữa, mỗi học cấp cho một quan tiền. Lại thông-cáo rộng-rãi nếu trong hạt các thuyền buôn nào muốn chuyển-vận gạo ra Kinh-dò, thời quan sẽ tăng thêm giá mà mua cho.

Nhân đắp đê vệ-nông tại hai xứ Vĩnh-xương và Thủ-lễ thuộc tỉnh Thừa-thiên, vua miễn cho khỏi thi-hành binh dân nhiều dịch để góp sức vào công-tác ấy.

Tại thành Gia-định (tức Nam-kỳ) có hai huyện Tuấn-ngĩa và Trà-vinh thuộc phủ Lạc-hóa dân Phiên (tức Việt gốc Miên) vốn là nghề nông, đất ruộng cũng chỉ nhờ vào nước thủy-triều để tưới. Từ ngày có thâu thuế thủy-lợi (tôm, cá, v. v. . .) [18a] thời những người lãnh-trung đều có đắp đập để bắt cá, đường nước vì đó không được thông-thương, nên dân sở-tại mất nguồn sinh-sống; các quan đại-thần thành Gia-định (như Tổng-trấn hoặc Kinh-lược Nam-kỳ) tâu xin đình việc cho trưng thuê thủy-lợi cộng 21 sở để tiện-lợi cho nông-vụ.

Vua phán rằng: Dân ấy cũng là con đẻ của Triều-đình, nếu có thiệt hại ở trên, mà ít lợi cho dưới dân, thời có gì đáng tiếc, bèn y cho bãi việc đấu trưng ấy.

Các xã thôn ở ven núi huyện Yên-mô thuộc tỉnh Ninh-bình ruộng đất thấp mà ẩm, lúa mùa hạ gieo mạ hơi chậm, lại bị gió lớn vào tháng 5 và bị nắng, nên bị tổn-thương, đạo-thần (quan đầu tỉnh nhỏ) đem tai-nạn ấy tâu báo lên.

Vua truyền giao Bộ Hộ xét, Bộ tâu rằng: Phàm nhà là ruộng tất phải tùy theo đúng thời-gian sớm muộn mà cày cùg gieo mạ, nếu không thuận mùa nông mà cứ làm gượng, thời lúa không được tốt, không thể đổ tội cho thời-gian vậy. Nay đạo-thần sơ-suất khám-báo, tâu xin xử phạt, còn như các xã [18b] thôn mùa-màng bị tổn-thương thì xét không đúng vào lệ được chước miễn.

Vua phán rằng: Các hạt khác đều được mùa, riêng hạt ấy cày và gieo mạ hơi muộn nên bị tổn-thương. Dân ấy cũng có chỗ sai lầm vậy chiếu lệ cho chước miễn. Còn quan địa-phương khám-báo, là muốn nhưng việc cần khuất của dân trên đều được nghe biết, cũng được miễn tội ấy.

Định thời-hạn cho các địa-phương cầu mưa. Trước có tại Hải-dương không mưa từ tháng 5 đến tháng 7, các quan trấn và phủ, huyện đã có cầu đảo đến ba bốn mươi ngày đêm, hoặc đến năm sáu mươi ngày đêm rồi mới tâu báo lên.

Vua gọi Bộ Hộ phán rằng: Vì dân mà cầu đảo là lẽ đương-nhiên của người có chức-vụ cầm đầu một địa-phương; [19a] trong du trước có ra lệnh nên kiết-thành (cầu-khẩn) bất kể bao nhiêu ngày, là ý Trẫm chuộng nghề

nông, muốn cho các viên-chức có địa-vị lớn ở các địa-phương và những người có trách-nhiệm đối với xã dân, đều phải hết sức thành-tâm cầu-khẩn cho được mưa; có lẽ chỉ làm sơ-sài, lòng thành không được đầy-đủ, thời làm sao ơn cao mưa móc mà ban xuống được? Há bảo rằng cầu đảo lâu ngày, tháng mới gọi là kiệt-thành hay sao? Vậy từ nay gặp nạn lâu ngày không mưa, đến giáp 1 tuần (10 ngày), thời phải lập tức tuần chỉ lập đàn, hoặc tự thân-hành đi đến các đền linh-ứng cầu đảo một lần 3 ngày đêm, nếu chưa được mưa, thời nghỉ 2 ngày, rồi cầu đảo lại 3 lần nữa mà vẫn chưa được ứng-nghiem thời thôi; nếu được mưa thời phải phải sắm lễ-vật cúng tạ như lệ định, còn như trước đàn thời cấm không được xướng ca hát chèo.

NĂM MINH-MỆNH THỨ MƯỜI MỘT

Vua ban chiếu rằng: Căn-bản của thiên-hạ, việc nông là quan-trọng hơn cả; các viên phủ, châu, huyện nào [19b] có lòng chăm lo cần-mẫn về việc cày cấy trồng trĩa, vì căn-bản (tức nghề nông) mà ra sức làm, thời các quan địa-phương nên thường thường khen thưởng để khuyến-khích.

Mùa xuân tháng giêng trong Kỳ mưa xuống rất nhiều.

Vua gọi quần-thần phán rằng: Mới bắt đầu xuân đến nay chưa được 1 tuần (10 ngày), mà được mưa đã đến 5 lần, lòng Trẫm thành-thật vui mừng. Và lại năm nay chính năm Trẫm được lễ mừng từ-tuần (đúng 40 tuổi), sớm được ơn Trời ban xuống thấm-nhuần như thế, không những phần Trẫm được kính nhờ, mà nông-dân mong được

ban mưa dường vậy, thời cũng có thể đoán (bói) trước năm nay là năm (có) được mưa vậy. Và lại bậc vương-giả có ra ân cũng chỉ có hạn, không bằng được Trời ban cho luôn luôn được mưa, nhân-dân hưởng được no ấm là được nhờ ơn vô cùng vậy.

Vua bèn ra lệnh Bộ Lễ tư hỏi các thành (tức 2 Kỳ, Bắc-thành và Gia-dịnh thành); các trấn (tức tỉnh) cùng các hạt đã được mưa hay chưa, phải phi đệ tấu chương (báo-cáo) về [20a] tâu vua biết. Nhân đó vua làm ra bài thơ «Triều-Âm», đưa cho quần-thần xem mà phán rằng: Xuân này ơn mưa móc được thấm-nhuần nhiều, và đang đêm Trẫm xem tướng tinh thấy sao Thái-bạch sắc lu mờ, sau đó đỏ trở lại, nên ngại đến khoảng tháng 2 tháng 3 sẽ bị khô hạn, không khỏi đáng lo vậy.

Vua lại xuống du Bộ Lễ rằng: 10 ngày (tuần) trở lại đây được mưa, tại Kinh-đô tuy có mấy lần, nhưng chưa được mười phần thấm đủ, lại mới nghe tại Quảng-trị cũng chưa được thấm-nhuần đầy đủ; ngày nay từ giờ Sửu đến giờ Mão mưa xuống khi lớn, khi nhỏ, đến giờ Thìn thời thôi. Xét lại (mưa) chưa đủ thiếu gì. Vì Trẫm lo-âu về nông-vụ, tha-thiết, lòng thành cầu-khẩn, diễn-tả đủ trong bài thơ ấy, nên đến giờ Ty, may được trời thương ban ơn cho mưa xuống rất nhiều, như vui-vẻ rót nước vào một cách đầy đủ, đến trời tối chưa thôi. Trẫm [20b] rất đổi mừng và thành kính nghĩ rằng ơn trên đã ban cho ba ngành nông-nghiệp chung vui, mà nhìn lên trên trời bốn phương mây nồng che phủ khắp nơi, tất nhiên ơn ấy cũng đồng đều phổ-cập đến các miền Nam, Bắc, và xa gần cũng đều được triêm ân. Vậy Bộ người nên tư rất gấp (như bay) từ Quảng-nam vào Nam đến Phú-yên, từ Quảng-trị ra Bắc đến Bắc-thành (Bắc-kỳ) hỏi các hạt gần đây đã được mưa hay

chưa, tình-hình thế nào, lập tức cử thiết tâu lên để thỏa lòng mong của Trẫm.

Đến tháng 5, trong Kỳ bị khan mưa quá lâu. Vua triệu quan Phủ-thừa (Phó Tỉnh-trưởng) Thừa-thiên hỏi về tình-trạng nông-vụ. Tâu rằng : Từ tháng nhuận đến nay tuy không mưa, nhưng gió Nam chưa bắt đầu thổi, ruộng mùa hạ chưa cấy, đối với công việc về nông còn muốn được thêm tạnh ráo nữa vậy.

Vua quay lại gọi Nội-các phán rằng : Lâu nay khi nóng nung nấu, Trẫm thường sớm tối vì dân đề lòng trong sạch [21a] cầu-khẩn cho được mưa, mà nay công việc về nông trái lại cần tạnh ráo ; như thế mới biết cầu lạnh, nóng, mưa cho dân mà dân còn oán-thán ; làm cha mẹ dân phải làm thế nào để thỏa-mãn những điều mà tất cả thiên-hạ mong muốn vậy. Nội các tâu rằng : Trời đất cao dày như thế mà người còn oán trách, thời đối với các bậc thánh-nhân thường cũng vẫn có điều bất-mãn vậy.

Vua phán rằng : Người dân sinh ra cốt tại tính siêng-năng cần-mẫn, mà quý nhất chỉ có lúa gạo ; Trẫm thường cầu cho được tạnh, khẩn cho được mưa, cũng chỉ là tôn-trọng nghề nông ; nay ruộng cao lại mong được mưa, ruộng thấp lại muốn khô ráo, nhân tình không đồng đều, nội một việc ấy mà cũng khó làm toại lòng người mong muốn, huống chi vạn việc đối với số đông, thời biết làm sao ? Vua bèn ra lệnh Thị-vệ (chức quan hầu cận trong Nội) chia nhau đi khắp các Kinh-huyện (tức các huyện trong Kinh thuộc tỉnh Thừa-thiên) xem xét mùa-màng về tâu lại.

Hai tỉnh Quảng-bình và Ninh-bình cũng đều tâu báo bị khát mưa lâu ngày, đã chiếu y lệ cầu đảo.

[21b] Vua xuống dụ Bộ Hộ rằng : Nay công việc về

nông-vụ đang cần lo-lắng, mà trời lại nóng bức đã hơn một tuần (10 ngày) chưa được nhờ ơn mưa móc, tuy cũng có một vài hạt được mưa tưới cũng chưa có thể gọi được thỏa-mãn lòng của Trăm thiết-tha lo nghĩ. Vậy nên truyền chỉ các tỉnh, trấn từ Quảng-bình đến Bắc-thành (Bắc-kỳ) nếu nơi nào trong hạt lâu ngày không mưa, phải nên hết sức thành kính vì dân cầu xin sớm được mưa lành; nhưng bằng chỉ có tiếng là cầu đảo, mà trong lòng không thiết (kính-cần, thành-tâm), đến đổi ơn mưa móc chưa được rưới xuống, công việc về nông chưa được thuận-tiện thời há lẽ đợi khiên phạt đến nơi, sau đó mới biết hổ-thẹn với chức-vụ của mình hay sao? Vậy đều nên tuân theo các điều ấy. Tiếp đó ít ngày, tại Kinh-sư được mưa rất lớn, và tiếp theo bá các tỉnh cũng đều tâu có được mưa. Vua vui mừng và bằng lòng lắm.

[22a] Đến tháng 11, các hạt ở Bắc-thành (Bắc-kỳ) bị nạn thiếu mưa.

Vua xuống dụ Bộ Hộ rằng: Tại Kinh gần đây lúc tạnh lúc mưa đồng đều, lúa và mùa-màng đều được tươi tốt; nay cứ các hạt Sơn-nam, Bắc-ninh, Hải-dương, Sơn-tây tâu báo bị nạn thiếu mưa, thời-tiết như thế khiến người khó mà thư-thối lòng lo cho được. Vậy nên tư rất gấp (như bay) các địa-phương ấy hỏi đã được mưa hay chưa? Công việc nghề nông đã thuận-tiện chưa? Phải tức tốc ghi chép tâu lên. Sau đó các hạt đều tâu về báo đã được mưa.

NĂM MINH-MỆNH THỨ MƯỜI HAI

Vua ngự giá đến Đông-giao, thấy mùa-màng tươi tốt, lòng rất thỏa-thích, ban thưởng dân các làng dọc đường đi qua 2 ngàn quan tiền.

Vua xuống dụ các thị-thần rằng: Trẫm nhân thông-thả đi chơi, qua các nhà dân đều thấy có thiết hoa lá chào [22b] mừng, Trẫm không lấy thế làm đẹp mắt duy chỉ vui mừng khi thấy sắc lúa xanh tươi mà thôi, bèn ngự-chế (vua tự làm ra) một bài thơ về việc ấy.

Vua xuống dụ Bộ Lễ rằng: Tại Kinh-đô ra Tết luôn mấy ngày mong được ân ban mưa móc, nhưng từ mồng 10 trở lại vẫn luôn luôn tạnh ra, chưa có mưa xuân thấm-nhuần; hôm qua Trẫm thành-tâm mặc áo và thường làm thơ (cầu-khẩn). Hôm nay vào lúc nửa đêm, đội ơn Trời cho ban xuống mưa lành suốt đêm như xối, đến gần sáng còn mưa lãn-tãn, lòng Trẫm xiết nỗi cảm-kích sọ-sột vui mừng. Nay tại các Kinh-huyện (thuộc tỉnh Thừa-thiên) lúa và các hoa màu đều được nẩy nở tươi tốt, nhưng chưa biết các hạt phía Nam, phía Bắc kinh-kỳ đã được đồng đều thấm-nhuần mưa móc hay chưa, vậy Bộ người nên lập tức dùng ngựa [23a] truyền chỉ đi khắp các nơi đều phải cứ thiết tấu về đề thỏa lòng Trẫm mong đợi.

Vua xét tỉnh Hà-tiên đất rộng mênh-mông không bờ bến, mà ruộng đất chưa được mở-mang, làng-mạc còn ít, vua muốn một lần đi kinh-lý, đề (dự-trù) tăng thêm nguồn lợi đất-dai, và trấn-an dân-cư.

Vua xuống dụ các Đại-thần thành Gia-định hết lòng trừ nghĩ thế nào cho những dân vô nghề-nghiệp lập tức khai-khẩn hết địa-phận ấy lập thành thôn ấp, cây ruộng trồng đâu có thể gọi là mối lợi muôn đời, rồi phác-họa dự-án thành tập tâu trình.

Vua gọi Bộ Lễ phán rằng: Gần đây tại Kinh-kỳ mưa xuống đầy-đủ các ruộng vườn, mà tại Bắc-thành (Bắc-kỳ) Sơn-nam cũng nhiều lần được mưa. Mấy ngày trước xứ

Thanh-hóa, Nghệ-an, Ninh-bình tàu báo vẫn còn mong mỗi được ơn mưa móc. [23b] Vả lại các hạt ấy đều ở vào khoảng giữa Nam và Bắc, lẽ đâu mưa không cập đến hay sao? Nhưng không biết gần đây đã được mưa xuống hay chưa, vậy Bộ người nên tư hỏi.

Tại Ninh-bình lập đàn cầu mưa 3 lần, và chi tiền ra mua lễ-phẩm chỉ hạn-chế có một lần. Vua nghe được, ra lệnh xuống dụ khắp các địa-phương: Về sau nếu có lập đàn cầu mưa đến 2 hoặc 3 lần, mỗi lần đều được chiếu lệ chi tiền đầy-đủ, không được tiết-giảm, cốt làm thế nào cho lòng thành cảm-kích được quý thần trời đất.

Vua gọi Nội-các phán rằng: Năm nay tại Bắc-thành việc bồi đắp đê đã xong và kiên-cố, nước sông chảy xuôi ra cửa bể; nhưng gần đây có nghe tại hai hạt Sơn-nam và Ninh-bình mấy nơi gần đường cái quan có chỗ bị nước sông nhơn lên làm ngập lúa ruộng, hoặc đất nơi ấy địa-thể thấp và hẹp, nên đê tư bị xoi lở, do không biết y theo mẫu thức tu-bổ bồi đắp [24a] lại mà gây nên vậy. Trẫm tha-thiết vì nhân-dân, lòng lo cảnh cảnh, vậy ra lệnh Bộ Công truyền chỉ cho Bắc-thành, các trấn, cùng các đại-thần Nha Đê-chính khám xét minh bạch, trừ nghĩ làm sao có thể cứu chữa được các tệ hại ấy để tiện cho dân, thời lập dự-án tâu lên.

Các đại-thần Bắc-thành tâu: Xét đường trạm kinh quá ba phủ Thường-tín, Ứng-hòa và Lý-nhơn nơi nào vừa bị nước sông ngập lụt, xin đến đầu xuân sẽ ra công bồi trúc, cùng làm luôn cửa khẩu (đê tháo nước) thuộc xã Mỹ-lâm. Còn chư các đê tư thuộc khu vực các xã Tường-lân, xin sẽ trừ-biện sau. Vua y cho.

Vua xét rằng trong các hạt đất còn nhiều nơi bỏ hoang,

lý-do các phủ, huyện lúc khám đạc các ruộng đất thành thực trước Bộ không chịu khuyên dân khai-khẩn thành thực nộp thuế dễ lập công.

Vua ra lệnh sắc cho ba Bộ Lại, Hộ và Công hội-ngự, [24b] định lập chương-trình tâu lên.

Ba Bộ đề-ngợi rằng : Trong các thực-vật chỉ có cây mít là thiết-dụng hơn. Xin từ Quảng-binh vào Nam, từ Nghệ-an ra Bắc, hai bên đường quan, và bờ sông đều nhất luật phải trồng cây ấy. Còn hai bên con đường nhánh trong toàn-quốc, cùng các bờ sông, khe, hồ, rừng, đồi, triền núi, cồn gò, nơi nào nhất-thiết là đất hoang nhân trống trải thời các phủ, huyện sở-tại đều thông sức rộng rãi, nên tùy theo thổ nghi mà trồng trỉa, hoặc cấy lúa mạch, trồng dâu, trồng mè, hoặc trồng cây mít, không kể binh-lính hoặc nhân-dân, dân trong làng hoặc dân ngụ cư, đều được phép ai khẩn trước là được. Thảng hoặc đất ruộng nào thuộc đã có chủ thời nghiệp-chủ ấy phải tự khẩn trị lấy ; nhưng kể từ năm báo khẩn làm đầu mãn hạn 3 năm sẽ vưng kê vào sổ sách báo Bộ ; lại kê cho thêm hạn 3 năm nữa mới chiếu theo diện-tích nhiều ít, thâu-hoạch nhân- số [25a] bao nhiêu, mà định ngạch phân hạng trình xét ; nếu xét đất còn bỏ hoang nhiều, sẽ hạch hỏi và nghị-xử để phân-biệt kẻ siêng-năng người nhác - nhớn. Đất ruộng đã trưng thành đó, sau 6 năm thành-thực đều trước theo hạng ruộng đất tư mà bắt đầu chịu thuế.

Vua y theo đề-ngợi ấy, và ra lệnh cho Bộ Hộ truyền chỉ ra các địa-phương, các viên-chức lớn (cấp đầu tỉnh) chuyển sức các viên phủ, huyện đều chiếu trong hạt có đất còn bỏ hoang thời ra lệnh phải khai-khẩn trồng trỉa,

đến lúc báo khẩn, khai-phá thành-thục án hạng trước bộ, các giai-đoạn đều chiếu y các điều-khoản do Bộ đề-nghị mà thi-hành.

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BA

Tại huyện Phú-vang thuộc tỉnh Thừa-thiên ruộng có thủy-trùng (tức sâu nước) bám sát và cuốn lá lúa, cây lúa hơi vàng. Vua sai Phủ-doãn Thừa-thiên lập phương-pháp đề bắt.

Phủ-thần (tức tỉnh-thần) tâu rằng: Đủ hỏi các nông-[25b] dân đều nói rằng: Sâu ấy chưa hẳn đã hại cây lúa, năm nào gặp phải rét vào mùa xuân, thời sinh ra sâu ấy, một khi tạnh ráo, rồi gặp mưa lạnh thời thấy trong sạch hết, và lúa lại nảy-nở tươi tốt như thường, chẳng những không hại cho lúa, mà lại là triệu-chứng năm được mùa, vì vậy ngạn-ngữ có nói: «Sâu lúa là kho, sâu nước là rương» vậy.

Vua phán rằng: Sâu ấy là triệu-chứng năm được mùa, thời Trẫm chưa đủ lấy làm tin, nhưng nói rằng gặp mưa, sâu tiêu tan lúa lại xanh tốt, cũng còn có lý; các người nên làm người có nhiệm-vụ chấn dân võ-về dân-chúng một cách hiền-đức, thời chẳng những sâu không thể gây ra tai họa, mà tự nhiên cũng có khí-tượng no đủ; nếu đến cuối tháng này mà chưa được mưa, thời nên thành-kính cầu đảo sớm được mưa lạnh, đưa đến chỗ được mùa lớn ấy mới là hay vậy. Sau mấy ngày nắng, thời [26a] có mưa xuống, quả nhiên sâu bị tiêu diệt hết.

Định lệ cho các địa-phương cày cấy và nuôi tằm.

Vua xuống dụ Bộ Lễ rằng : Các Đế-vương xưa thì các hoàng-hậu đều trồng nông-tang (làm ruộng, trồng dâu), để thờ-phụng trong miếu thờ Trời, Đất (Giao-miếu), làm tiêu-hiệu cho vạn dân. Trước đây, Trẫm đã thân-hành cung-kính cây tịch-diễn có được hạt cơm ngọc đủ cúng hương khói thờ-phụng. Xuân này Trẫm ra lệnh các Phi, Tần (vợ và vợ hầu của Vua) suất các cung nhơn (người hầu-lạ trong cung) nuôi tằm dùng tơ dệt lụa. Từ nay về sau gặp kỳ lễ lớn (ban cho ăn uống nhiều), có thể kính dâng lên bậc chi-lôn ; nay Trẫm cũng muốn cử-hành lễ ấy để khuyên các địa-phương cũng thi-hành các sự nghi làm lễ canh-tịch và nuôi tằm, vậy nên xét kỹ đề-nghị tâu lên.

Bộ-thần (quan đại-thần Bộ) tâu rằng : Các địa-phương đều lựa một đám đất ngoài thành tỉnh-lỵ, phía đông-giao [26b] thiết-lập 3 mẫu tịch-diễn (chu-vi đắp tường đất bao bọc). Phía trên đầu ruộng, chính giữa đặt vị-trí Vọng-khuyết (tức là trông về hướng vua ở) hướng về phương Nam ; phía tả gần đó đặt đàn Tiên-nông hướng về phương Đông ; phía Bắc đặt kho Thần-thương, phía trước đặt đình Thâu-cốc, tức là đình đề thâu lúa ; lại bắt 15 người dân sở-tại sung làm phu cây kiềm luôn chức thủ-kho, và giữ 3 con trâu đen ; thường năm Bộ chọn ngày làm lễ canh-tịch, thời dùng ngày ấy các Tổng-đốc, Tuần-vũ đầu tỉnh hạn triều-phục dẫn các viên-chức thuộc dưới quyền đến đàn Tiên-nông làm lễ xong rồi ra ruộng tịch-diễn vắn hạn áo mảo cây di 9 đường, cây lại 9 đường, xong rồi vẫn giữ triều-phục đến vị-trí Vọng-khuyết (tức là hướng về nơi vua đang ở) lạy 5 lạy ; khi lễ xong rồi, thời nông-phu mới cày tiếp hết đám ruộng. Đến khi thâu-hoạch, lựa lúa giống rồi còn lại bao nhiêu đều đem trữ tại kho Thần-thương để sung vào việc tế-tự. Lại lựa đất trong vòng công-đường (nơi các

quan tỉnh hay phủ, huyện làm việc) làm nhà tằm-thất (tức là nhà nuôi tằm) cùng lựa đất để trồng dâu (thuê người chăm nom công việc nuôi tằm; thường năm vào mùa xuân, lựa ngày tốt lễ thần Tiên-tằm tại nhà tằm-thất, rồi lo việc nuôi tằm, đến cuối năm đều chiếu số tơ thâu được phải người đưa về Bộ đăng nạp). Chuẩn cho kể từ năm Minh-mệnh thứ 14 bắt đầu cử-hành lễ ấy và lấy đó làm lệ.

Vua lại xuống dụ Bộ Hộ rằng: Khuyên bảo về nông-tang là một chính-sách tốt của nước, trước đây đã ra lệnh [27a] các địa-phương cây cấy nuôi tằm, không phải chỉ đề cùng-lễ mà thôi, mà chính khuyên dạy nhân-dân chăm lo ruộng nương là để đủ ăn, gắng sức nuôi tằm là để đủ mặc, khiến cho được ấm no vậy. Vậy nên truyền dụ các Tổng-đốc, Tuần-vũ, Bố-chánh, Án-sát đều nên thề theo ý Trẫm mở lối dạy dân, phạm lúa tịch-diễn, hoặc tơ của tằm-thất cốt cho được rất tinh hảo bền chắc mới quý, chứ hà-tất phải so-sánh nhiều hay ít. Tuy thường năm có định lệ số tơ phải dâng nạp (Quảng-bình Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-nội, Hải-dương, Sơn-tây, Bắc-ninh, Hưng-yên, Quảng-nam, Bình-định, Vĩnh-long, chước định mỗi năm đều trên dưới 100 cân; Phú-yên, Bình-hòa tức Khánh-hòa, Phiên-an tức Gia-định, Định-lường mỗi năm đều trên dưới 7, 8 mươi cân; Quảng-trị, Hà-tĩnh, Ninh-bình, Hưng-hóa, Tuyên-quang Lạng-sơn, Cao-bằng, Thái-nguyên, Quảng-yên, Quảng-nghiã, Bình-thuận, Biên-hòa, Hà-tiên mỗi năm đều trên dưới 4, 5 mươi cân), cũng đều tùy theo thổ-nghi tính ấy mà chằm chước thành số để tỏ lòng khuyến-khích vậy, bất tất phải câu-nệ theo hạn định. Còn như nông-phu [27b] biết được trồng dâu, nuôi tằm, thời cũng nên trả giá hậu để mua chứ không được cưỡng ép bắt buộc mà sách-nhiều dân.

Vua xuống dụ Bộ Lễ rằng: Kiểm-điểm lại Án-trạch trồi

ban cho từ ngày vào xuân đến nay, cứ các tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngĩa, Bình-định, Phú-yên, Bình-hòa (tức Khánh-hòa) tàu báo bị hạn lâu ngày, Trầm rất lo-lắng; nay tại Kinh-đô may được mưa xuống suốt ngày, thấm-nhuần đầy-đủ ruộng lúa hoa màu đều nẩy-nở tươi tốt, vậy nên truyền chỉ sức hời từ tỉnh Quảng-nam vào phía Nam cho đến Bình-hòa (Khánh-hòa) mấy ngày gần đây đã được mưa hay chưa, công việc nông-vụ có thuận-tiện chưa, cứ đem tình thiệt tàu lên vua biết.

Lại ra lệnh Bộ Hộ hỏi thêm từ tỉnh Ninh-bình về phía Bắc mấy tuần lại đây đã có được trời mưa ban lạnh hay chưa, và ruộng vườn có được nẩy-nở mau chóng xanh tươi hay [28a] không, cây-cối đã trở nhụy nẩy mầm có thể được mùa hay không, đều lập tức tàu vào để thỏa lòng mong mỏi.

Lúc ấy được sớ của tỉnh Sơn-tây tàu về việc được mưa.

Sớ đến vua bằng lòng lắm bèn sai xuất kho trong Đại-nội lấy lụa và trầm nhang gửi ra cho Tổng-đốc Lê-Dại-Cương phải đến lễ tạ thần Tản-viên-sơn. Các tỉnh Bắc-kỳ cũng kế tiếp tàu báo đều đã được mưa.

Tỉnh-thần Ninh-bình tàu rằng: Thuộc hạt tỉnh tôi có huyện Kim-sơn ruộng đất đã đến kỳ đăng-bộ nạp thuế, nhưng xét trong các khoảnh đất ruộng lại có khe, đầm, đường đi chưa được chiết trừ ra nên so với, nguyên số ít hơn phải được giảm bớt; nay tàu xin lần lượt đo lại tất cả, chiếu nơi nào hiện trồng tría lúa cùng hoa màu, đều trước vào hạng ruộng tư, nơi nào trồng cây cỏ khác đều [28b] trước vào hạng đất tư, chiếu lệ khản-trung nạp thuế, đối với nguyên số có thiếu chút ít thuộc về diện-

tích các khe, đầm, đạo-lộ, thời xin cho được trừ ra, theo đúng sự thật kê vào sổ bộ và định ngạch thuế. Vua y cho.

Vua lâm triều triệu Kinh-doãn (Phủ-doãn Thừa-thiên) hỏi rằng: Mấy ngày nay mưa xuống, nông-vụ như thế nào? Tấu rằng: Ruộng nương cao cũng như thấp đều được thấm-nhuần đầy đủ, nông-vụ rất được thuận-tiện.

Vua phán rằng: Nay thật đúng thời cày cấy gieo mạ, nên chỉ mưa nhỏ thời lợi cho hạng ruộng thấp, còn hạng ruộng cao sợ không được đầy đủ thấm nước; còn nếu mưa lớn thời ruộng cao có lợi, mà ruộng thấp lại lo bị nước ứ ngập, bởi vậy cho nên nông-gia thường gặp gian-nan cần khổ, mà lòng Trẫm trọng nghề nông, mỗi việc đều hoặc cầu cho được mưa, hoặc cầu cho được tạnh, không khi nào dám quên vậy.

[29.] MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BỐN

Vua gọi Bộ Hộ phán rằng: Trẫm nghe nói ở Lạng-son có kén tằm lớn hơn giống tằm thường, không biết từ hạt nào sinh-sản ra, có lẽ từ đất phương Bắc (Trung-hoa) đưa đến. Vậy Bộ ngươi nên tư ra mua một hai cân đem về xem như thế nào. Sau đó lại ra lệnh chia cấp cho các tỉnh Hà-nội, Nam-dịnh, Hưng-yên, Hải-dương, Sơn-tây, Bắc-ninh trồng tằm trắng (trùng được đẻ trên từng tờ giấy) để thuê người săn-sóc nuôi-dưỡng.

Vua xuống dụ về việc ấy rằng: việc nông-tang vốn từ xưa các bậc đế-vương đều trọng. Trẫm đã từng cày ruộng tịch-diên nuôi tằm để làm gương cho dưới nhân-dân; gần đây nghe nói ở nước Thanh (tức Trung-hoa)

có giống tằm tuyết, chất tơ hơn chất tơ sản-xuất ở nước ta, vậy chớ nên quân-ngại đường xa mấy ngàn dặm mà tìm mua giống ấy cho được; các người là Tổng-đốc, Tuần-vũ các tỉnh, nên thân-hành sức các [29b] người chăm nom việc nuôi-dưỡng cần-thận cốt yếu thể nào giống tằm ấy càng sinh sôi nảy nở, mà lan rộng ra trong dân-gian, tất nhiên dân được trông nhờ nhiều lắm đó vậy.

Tháng 2, trong Kỳ có mưa; vừa có Thị-vệ đi việc công từ Thanh-hoa (Thanh-hóa) về. Vua phán hỏi: Việc mưa nắng ở các xứ ấy. Thời tàu rằng: Luôn mấy ngày có mưa.

Vua gọi quần-thần phán rằng: Trong ánh thiều-quang mùa xuân mà được ơn trên ban cho mưa xuống, là lòng Trẫm hàng ngày mong muốn; vậy mà ở địa-phương (được mưa) không tàu báo ngay, như thế là không đúng ý Trẫm hòng lo cho dân vậy. Vậy ra lệnh Bộ Lễ tư hỏi các tỉnh từ Quảng-trị ra phía Bắc được mưa như thế nào? Lại truyền dụ tự phạm đúng vào thời-kỳ canh-tác nông-vụ mùa xuân mùa thu, nếu được mưa, thời lập tức tàu lên vua biết.

[30a] Tháng 3 tại Nghệ-an bị hạn, Tổng-đốc là Tạ-Quang-Cự cầu đảo, được mưa rất lớn, dâng sớ tàu lên. Vua gọi Nội-các phán rằng: Hạt ấy lúa vừa trổ hoa, nghe nói luôn trong nhiều ngày không mưa, trời nóng bức, lòng Trẫm rất lo, nay được trận mưa lớn ấy, có thể hy-vọng được mùa, lòng Trẫm rất đổi vui mừng; nguyên trước Tạ-Quang-Cự bị giáng 4 cấp, nay cho được khôi-phục lại 1 cấp.

Các tỉnh thuộc Bắc-kỳ đều tàu báo thường được mưa luôn, nông-vụ rất thuận-tiện.

Vua xuống dụ Nội-các rừng: Năm ngoài Bắc-kỳ luôn bị bão lụt, dân phần nhiều thiếu ăn, đã từng xuất gạo ra bán, hoặc cho vay, hoặc phát chẩn, cũng tạm được khỏi sắc đến mùa thâu-hoạch dân gian có thể no đủ; duy nghĩ lại trong hương-thôn [30b] có tập-tục (thói quen) nhiều khi gặt trộm gây ra đánh lộn, mạng án, tệt-loan ấy cần được sửa trị, vậy ra lệnh cho Bộ Hình truyền dụ phạm gần đến mùa hạ lúa chín, các tỉnh-thần phải nhờ sức các phủ, huyện phải thân-hành đi đến các nơi có ruộng nhiều-thị cho nhân-dân biết rõ tường-tận ý-kiến của Trẫm.

Tỉnh-giảm Nha-môn Đề-chánh tại Bắc-kỳ.

Các quan Khoa-đạo (thuộc Viện Đò-sát) là Trần-Quang-Tấn cùng với các người khác tâu rằng: Đắp đê mục-dịch trước hết là để bảo-vệ nông-vụ, lâu nay đến mùa thu nước lớn, các quan đại-thần lo việc đề-chánh chỉ chuyên đắp bồi bờ đê kiên-cố là trong chức-vụ của họ mà thôi, còn như những điều lợi hại hoặc đau khổ trong công việc nông-vụ đối với họ không quan-hệ đến; như gặp mưa, nước ứ đọng lại, mà nước sông chưa lớn, [31a] điều lợi là cần phải tháo bớt nước ruộng ra sông; nếu không, thời lúa mùa hạ phải bị ngấm nước (có thể bị thối); nếu gặp hạn lâu ngày không mưa, ruộng bị khô, mà nước sông dâng cao, thì điều lợi là phải mở cửa đê cho nước vào ruộng, nếu không làm như vậy, thời hạt giống mùa thu bị khô cháy vậy. Các quan địa-phương mục-kích tình-hình, mà không thể tự ý thi-hành, lại còn phải xoay sở chuyển báo cho quan Đề-chánh, không khỏi giải-đãi lâu ngày, đó là mới chỉ một việc nắng mưa lâm-thường cũng có thể gây tai họa cho dân, công việc làm ăn khó-khẩn cũng đều do đó mà ra. Nay tại các tỉnh đều đã có các quan đại-thần như Tổng-đốc, Tuần-vũ đều có chuyên-trách vì dân hưng lợi

trừ hại cho thành nề-nếp; công việc các đê công, đê tư, nơi nào cần phải đặt cửa đê tháo hoặc khóa nước, hoặc các sông nhỏ nằm trong bờ đê cần được khai thông như thế nào, đều xin do các quan địa-phương tâu-trình đề thi-hành; còn như Nha-môn Đê-chánh xin nên tỉnh-giảm. Vua giao đình-thần xét lại đề-nghị. Đình-thần xét và đều đề-nghị rằng nên cho bãi bỏ. Vua chuẩn-y lời đề-nghị.

[31b] Tháng bảy, mùa thu trong Kỳ có mưa.

Vua triệu hồi Kinh-doãn (Phủ-doãn Thừa-thiên) là Trần-Tú-Dĩnh rưng : Mùa lúa như thế nào ? Tâu rằng : Hơi được mưa thấm-nhuần. Vua phán rằng nếu trong tháng 8 mà không bị lụt, thì có thể hy-vọng lúa mùa thu tốt; nhưng việc đáng lo là mùa hạ bị hạn đã lâu sợ bị lụt vào mùa thu chẳng.

Vua xuống dụ Nội-các rằng : Đê điều các tỉnh Hưng-yên, Bắc-ninh, Hà-nội, Sơn-tây, nhiều chỗ bị xoi vỡ, mà có nhiều tỉnh khác không có đê như Hải-dương, Nam-dịnh, Ninh-bình lại bị nước tràn từ các tỉnh lân-cận khác lan đến cũng chịu thiệt-hại; Trăm tâm trí hướng về miền Bắc lo-lắng suốt ngày đêm, vậy nên truyền chỉ các Tổng-đốc, Tuần-vũ các hạt ấy phải chiếu mực nước mấy ngày gần đây có rút hay không, về ruộng đất đã được cấy trồng hay chưa, đều phải đem sự thiệt 3 ngày một lần tâu báo, đến ngày thu phân (tức là bắt đầu phân-biệt thời-tiết đêm và ngày dài hằng nhau) mới thôi.

Sau đó lại ra lệnh các tỉnh trong (ở Kinh-đô) và [32a] ngoài (tức là các địa-phương) điều-trần về phương-pháp đề-phòng nước sông (nạn lụt).

Lúc ấy có ý-kiến đề-nghị xin phá các đường đê. Vua

xuống du về việc ấy như sau : Công việc đắp đê ven sông đê cho có lợi, cũng có tổn công lao và chi-phí, nhưng trải qua mấy triệu đều tiếp-tục làm, chưa dám phế bỏ. Bắc-kỳ địa-thế bằng phẳng và rộng lớn, đường thông ra bề quá xa, mà không có thể núi nào có thể dựa vào. Nếu y theo mà phá bỏ đê điều, thời các nơi cao còn có thể nước rút mau chóng, còn như các vùng đất thấp, thì nước tràn lan không phải chỉ trong 1 tuần (10 ngày) mà thôi, dân ta sẽ biết dời đi đâu ? Đến nay chưa thấy cái lợi, đã trông thấy cái hại trước mắt, có khác nào vì bị nghèo mà phải bỏ ăn hay sao ?

Gặp lúc có vừa dó đê tư Duy-tiên bị vỡ, quan Đề-chánh là Nguyễn-Hữu-Gia tâu rằng : Tại 7 huyện Duy-tiên, Kinh-bảng, Chương-đức, Hoài-an, Sơn-minh, Phù-xuyên và Thượng-phúc thế nước đều theo giòng sông Hát mà chảy xuôi, nên dân các [32b] hạt ấy đều nói rằng : Địa-thế hạt ấy thấp và ẩm ướt, vào thời-gian tháng 7 và tháng 8 vừa gặp mưa dầm, dầu không bị nạn vỡ đê, thì nước cũng ứ đọng, mùa-màng cũng thường bị ngập, nên nay họ xin nhân dó đề phá đê, không những đỡ tổn sức dân, mà còn được đất phù-sa bồi đắp thời lúa mùa hạ sẽ thu-hoạch thêm nhiều.

Vua ra lệnh đình-thần xét, thời đều tâu xin thi-hành thử.

Kịp đến mùa thu ấy nước rút, nông-dân đều xưng-tụng là được lợi nhiều, các tỉnh-thần đem việc ấy tâu lên.

Vua xuống du về việc ấy rằng : Các huyện ấy đều thuộc về vùng ruộng mùa hạ, lũng sủ có lợi cho họ tại nơi đó, thời ở các vùng phía trên nguồn sông bị nước chảy nghịch tràn đến thời không khỏi di-hại đến nơi khác hay

sao? Nèn ra lệnh phải đề phòng. Dân các huyện ấy đều lấy chuyện phá bỏ bờ đề là lợi, mới ra lệnh bỏ đề 7 huyện ấy đi.

Còn về các đề thuộc sông Nhị-hà, Tổng-đốc tỉnh Hà-nội tâu rằng: Bờ đề hai huyện Thanh-tri và Thanh-oai, một [33a] bên thì ngăn nước sông Nhị-hà, một bên thì ngăn nước sông Hát, địa-thể hai huyện, này cùng với các huyện phía dưới giòng đều liên-tiếp nhau, đều nguyện xin đình việc xây đắp một lượt luôn, đề đỡ tổn sức dân mà lợi về nông-vụ nữa.

Vua xuống dụ rằng: Đắp đề phòng-ngừa là có những sự lợi hại xa gần liên-quan cùng nhau, từ xưa đến nay hồi đắp tổn kém biết hao công-lao khó-nhọc và tiền của, tổng-kết cũng đều đưa đến kế-hoạch làm lợi cho nghề nông. Nay nếu quốc-gia không phải tổn kém, dưới dân khỏi phải khó-nhọc, mà dân vẫn thâu được lợi, thì có đề làm gì, không bằng không có đề mà hay hơn, thì một việc làm mà được hai điều tiện khá lớn vậy, sao còn phải năm này qua năm khác bỏ phí quá nhiều công-khố mà làm là nghĩa lý gì? Vậy chuẩn-y theo lời tâu.

Vua lại xuống dụ rằng: hướng lại làm và đắp đề đề-phòng chưa từng ngại tốn kém, và lại việc cặm cấy nơi bờ sông do mực nước là đề lấy đó làm chuẩn-dịch lập kế đề-phòng [33b] vậy. Duy quy-thức đắp đề cũng còn phải tùy theo địa-thể cao thấp không giống nhau, như một đoạn đề dài, gặp nước dâng thì phải chảy xuống chỗ thấp, thì có thể nào lấy chỗ cao mà đo lường được hay sao? Vua bèn ra lệnh lấy nơi mà năm nào bị nước tràn lâu nhất làm chuẩn-dịch, và lựa các nơi xung-yếu và ầm-thấp phải tăng thêm bờ cao.

Vua ra lệnh các phủ, huyện các địa-phương từ Quảng-trị ra phía Bắc phải lấy việc khuyến bảo dân-gian lo việc nông-tang để làm thành-tích mà xét người nào chăm-chỉ, người nào biếng nhác để hoặc truất hũi, hoặc để cất nhắc lên.

Vua xuống Du Nội-các rằng: Năm nay dế ở Bắc-kỳ bị vỡ. thiệt hại rất nhiều, thì tại các tỉnh thuộc biên-giới như Tuyên-quang, Lạng-sơn, giá gạo cũng nhân đó vượt cao, còn lo thi-hành chính-sách cứu hoang, không bằng cách trồng nhiều thực-vật; đã từng xuống dụ cho năm tỉnh Bắc-ninh, [34a] Sơn-tây, Hà-nội, Hưng-yên, Hải-dương để sức dạy dân rồi vậy, (nước sông đã rút xuống, những người ở hai bên sông, chỗ cao thì ra lệnh trồng trăm giống lúa, cùng khoai, đậu, khoai mài, lúa mạch (mì), không được để một tấc đất hoang, lại nên khuyến trồng nhiều và lựa giống tốt. Còn các khu-vực thấp, thời sau khi nước rút đều nên khuyến trồng trỉa, như người nào không đủ sức, thời quan sẽ giúp đỡ cấp cho).

Nay nên truyền chỉ đi các tỉnh-Quảng-trị, Quảng-bình, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Thanh-hoa (Thanh-hóa) Nam-định cho đến Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bằng, Quảng-yên, các Tổng-đốc, Tuần-vũ, Bố-chánh, Án-sát đều phải tận tâm lo việc cho dân, phạm ruộng đất có nghiệp-chủ, hoặc tá-diễn quản-nghiep đều nên dùng nhiều phương-pháp khuyến-bảo, khiến cho họ đều hết sức vào việc nông-tang.

Còn dư lại các hạng ruộng đất công nếu có một khoảng bỏ hoang, thời quan địa-phương phải chiêu-tập, hoặc thuê những dân nghèo túng giao cho trồng trỉa các thứ lúa, cùng khoai đậu, khoai mài, lúa mạch, nếu không

đủ sức, thời cho vay mượn tiền gạo rồi đợi đến khi thành thực sẽ trả lại y số, còn dư bao nhiêu đều cho họ tự hưởng lấy phần công.

Các viên phủ, huyện nào mà khuyên - bảo được đến [34b] kết-quả gạo xuống giá, dân được đủ ăn, thời sẽ do quan Thượng-ty xét tâu chuẩn cho đứng vào bậc nhất, sẽ được đề-bạt.

Kể đến là ở hạt nào tuy giá gạo không giảm, nhưng cũng không cao, thời các viên ấy được liệt vào bậc trung, có thể tưởng-thưởng cho gia cấp (kỳ thăng) được tưởng-lục (bằng khen) còn hạng nào bất-lực, thi-hành không được thành-hiệu, hoặc có riêng tư tình-tệ, cũng đều chuẩn cho tham (1) tấu đề-nghị cách bãi chức, nhưng cũng còn chiếu theo nặng nhẹ mà trị tội nữa.

Còn như các tỉnh gần biên-giới, đối với dân Hán (người kinh), thời nên khuyên-bảo và đốc sức, nhưng đối với thổ-dân (người Thượng) thời không nên bó buộc đi đến chỗ làm cho họ sợ bị những-nhiều và kinh-hãi.

Vua triệu Phủ-doãn Thừa-thiên đến hỏi rằng : Gần đây không mưa, lúa ruộng ra sao ? Tâu rằng : Ruộng thấp còn dũ, còn ruộng cao thì bị khô nẻ vậy.

Vua phán rằng : Lúa đang trở bông mà bị hạn, Trẫm rất buồn lo mà nay (tháng 8) cũng gần đến kỳ mưa, lại còn [35a] sợ mưa lụt làm dân bị thiệt-hại.

Định-an Tổng-đốc (Nam-dịnh, Hưng-yên) tâu rằng : Thời-kỳ làm nông dũ qua rồi, ruộng lúa thế khó trồng

(1) Tham : Tâu lên vua chỉ-trích lỗi lầm một viên-chức.

trĩa, dân trong hạt có nguyện xin giữ nước ứ lại để tiện cày cấy lại kỳ sau.

Vua gọi Bộ Hộ phán rằng: Mới rồi Sơn-tây tâu rằng thời-kỳ làm còn sớm, lúa ruộng còn có thể trồng trĩa được; như thế thời vì sao cũng đồng thời-tiết, mà nông-vụ sớm muộn không giống như nhau; mới rồi nhân nước lụt đã rút, Trẫm đã tiết thứ nhiều lần xuống dụ ra lệnh lưu giữ nước lại để tiện trồng trĩa, mà nay theo lời Nam-định tâu, đối với lời của Sơn-tây lại không đúng nhau, thế mới thấy được rằng nhơn-tình không giống nhau, đại-khái là như vậy đó, mà người làm việc chính khó có thể làm cho khỏi sai lòng dân muốn vậy. Đức Khổng-Tử nói «Làm vua rất khó», thật đúng như lời nói ấy vậy.

[35b] Tháng 8, trong Kỳ mưa lụt. Vua triệu Phủ-doãn Thừa-thiên Trần-Tú-Dĩnh hỏi về tình-bình ruộng đất. Tâu rằng: Tuy nước lụt chưa lớn lắm, nhưng lúa ruộng gần chín mà bị gió đàn lướt. Vua bèn ra lệnh cho Tú-Dĩnh đi khám xét về việc ấy. Nhân đó vua ra lệnh phò ngự ra cột cờ (trước cửa Ngọ-môn) để xem nước lụt. Kịp đến khi Tú-Dĩnh trở về, vua hỏi lúa ruộng so với năm ngoái như thế nào? Tâu rằng: Kém hơn độ một vài phần. Lụt này tại giữa tháng 8 này, vì bằng xảy ra vào thời-gian giữa tháng 7 và tháng 8, thời mùa màng sẽ còn bị tổn-thương nhiều hơn nữa.

Vua xuống dụ Bộ Hộ rằng: Tỉnh Gia-định gần đây nhân [36a] nghịch Khôi biến-loạn, lan ra 5 tỉnh khác (thuộc Nam-kỳ), nhân-dân kinh động, phải bỏ chạy không có chỗ, thậm chí bỏ qua việc cày cấy, ruộng nương để lâu thành hoang-phế, tình-bình như thế thật đáng xót thương.

Đến nay quan binh tiến đánh, thành đã bị hạ, nghịch-

tặc có thể nói đã bình xong, ngày thanh-bình đã đến, cần chiêu-an, chiêu-tập võ-về dân-chúng cùng lập lại nền an-ninh là điều quan-yếu hơn cả. Vậy nên truyền dụ các Tổng-đốc, Tuần-vũ, Bố-chánh, Án-sát các tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang và Hà-tiên đều phải gia-tâm chiêu-tập dân-chúng và võ-về chúng nó; nếu chợ búa người mua kẻ bán sợ mà phân-tán, thời nên chiêu-an và triệu-tập họ lại, tại các làng-mạc dân-giam bỏ trốn đi xa, thì nên cho kiếm họ về định-cư trở lại khiến làm sao cho nơi chợ búa được đông người hay hàng buôn bán, người người đều có nhà cửa vách tường, đồ-đạc đề dùng, còn như ruộng-nương nếu có bị bỏ hoang thời nay khuyến-hảo nên lựa ruộng có thể cày cấy nên trồng thêm các thứ như khoai, đậu, rau, lúa mì, bất kỳ thứ gì có thể giúp cho khỏi đói thời cứ trồng, để cho không còn đất hoang, dân được nhờ đó mà làm ăn, thời sau khi bình-định xong [36b] rồi có thể hy-vọng dân-chúng được mau phục-hồi và được đầy-đủ vậy.

Vua xuống dụ các Tướng-quân và Tham-tán các đạo quân cùng các quan địa-phương rằng: Khoảng thời-gian tháng 6 và tháng 7 là đúng nhằm kỳ nông-vụ, nhưng dân Nam-kỳ lại bị giặc quấy-nhiều, đã không được yên-ôn làm ăn, lại còn bị lòng căm-phẫn khích-lệ ra ứng-nghĩa từng-chinh, tuy việc tôn thân ấy là do thiên-lương, nhưng đã gây ra nạn thất-nghiệp, làm hại đến nghề nông, lòng Trẫm thành thật có chỗ bất nhẫn.

Nay nên hiền-thị rộng-rãi cho dân sở tại biết, phạm trước đây đã ứng-nghĩa từng-chinh, tự trung chước lượng ra những người nguyên không có quân-nghiệp, mà vẫn tình-nguyên ở lại binh-ngũ để tiếp tục công tước thời y cho, còn dư nữa nếu là dân vốn sẵn có nghề-nghiệp, hoặc

chỉ vừa mới phụ vào quân-ngũ thì đều cho giải-tán trở về nông-nghiệp, để sống yên lành với ruộng đất trong xóm làng, mà lại cũng thỏa ý [37a] của Trẫm đã hết lòng thương dân và trọng nghề nông.

Tỉnh-thần Hải-dương tâu báo giá gạo đã giảm bớt xuống.

Vua gọi Bộ Hộ phán rằng: Trước đây Bắc-kỳ bị nạn lụt, hạt ấy bị thiệt-hại khá nhiều, vừa rồi nước lụt vừa rút, mà giá gạo lại hạ xuống, còn các hạt khác vì sao chưa có tin mừng? Vậy nên truyền dụ các tỉnh Sơn-tây, Bắc-ninh, Hà-nội, Nam-định, Ninh-bình lập tức chiếu giá gạo trong ngày cùng đem tình-trạng lúa ruộng tâu lên vua biết.

Vua triệu Phủ-doãn Thừa-thiên Trần-Tú-Dĩnh hỏi rằng: Nay trời tạnh nắng, trong dân-gian có ý nghĩ gì không? Tâu rằng: Sau khi mưa tạnh, thời mùa nắng tươi tốt, dân đều vui mừng về việc nghề nông được thuận-tiện.

[37b] Vua lại phán hỏi thêm rằng: Hoa-lợi trong dân-gian thường trồng thứ gì?

Tâu rằng: Khoai và đậu.

Vua phán rằng: Sao không trồng giống lúa hột đỏ (tức lúa ba trắng)? (1)

Tâu rằng: Sợ nay mùa đông thời-tiết lạnh, trồng lúa ấy không hợp thời-nghĩ.

Vua phán rằng: Nay mới bắt đầu mùa đông, chưa

(1) Lúa từ lúc gieo đến lúc gặt chỉ có 3 tháng.

lạnh, lúa gạo đỗ còn có thể trồng được. Trẫm thường ra lệnh trong hậu-cung trồng lúa ấy, bắt đầu trồng tháng 8 thời nay (tháng 10) đã chín, còn trồng vào tháng 9, tháng 10, thời nay đủ tươi tốt, công việc trồng trỉa giản-dị mà cũng có thể đủ đôi được. Vua lại sai đem cơm gạo ấy ra cho đình-thần xem cùng cho ăn, lại ra lệnh Phủ-doãn Thừa-thiên khuyên-bảo dân nên trồng nhiều giống lúa ấy.

[38a] Tỉnh-thần Quảng-yên tâu rằng: Mùa thu này rất được mùa.

Vua xuống dụ Nội-các rằng: Trẫm rất mừng cho dân nơi ấy vì cũng là con đỗ của triều-đình đã được gặp may như thế Vua bèn tự làm ra bài thơ đề ghi nhớ việc ấy.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI LĂM

Lễ tế Nam-giao xong rồi, chiều ấy trời mưa.

Vua vui lòng lắm và phán rằng: Các huyện tại Kinh-đô lúa ruộng đang kỳ trở bông, được ơn trên thương xót ban cho trận mưa xuân, trẫm thử hoa màu đều nảy-nở, tất là năm nay rất được mùa. Càn khôn (trời đất) đã thương tưởng, lòng Trẫm thâm cảm khôn xiết. Vậy ra lệnh cho Bộ Lễ truyền dụ hỏi các địa-phương đã được mưa hay chưa, tình-trạng thế nào tâu lên vua biết. Các tỉnh đều tâu: Đều đã được ơn cao dày ban cho [38b] được mưa luôn, nơi nơi đầy-đủ, hoa màu, lúa má đều được tốt tươi so với năm trước, được hơn mười phần.

Vua ra lệnh đào sông Cửu-an thuộc tỉnh Hưng-yên (trước đó đề Hưng-yên bị vỡ, dân nguyện xin đình việc

sửa đắp, mà cải ra công-tác đào sông. Quan Tổng-đốc Đặng-văn-Thiệm và Tuần-vũ Trịnh-Quang-Khanh tuân lệnh Vua cùng đến hội-khám và tâu rằng: Tại chỗ đê xã Sài-bô bị vỡ, nay thành một đầm nước sâu, nước chảy thông vào các thửa ruộng, đường mương nước lại có một khe nhỏ chảy qua địa-phận các huyện Đông-an, Kim-động, Tiên-lữ, Thiên-trì, Phù-dung (nay là Phù-cù) chảy ra cửa sông rồi luôn đổ ra sông lớn thuộc địa-phận huyện Thanh-yên tỉnh Hải-dương, nay tâu xin phân theo thể nước ấy mà đào vét mở khe ấy rộng thêm ra, thời các đê vùng hạ-lưu cũng sẽ được nước chảy thông bớt, rồi đến kỳ lụt mùa thu có thể thông luôn ra bể).

Vua xuống dụ về việc ấy rằng: Hai bên bờ sông có nhiều ruộng nương của dân, vậy nên nghiêm cấm các dân phu làm công-tác ấy nếu làm nhà tạm đê ở, hoặc mỗi khi chuyển-vận đất cát, thời nên kiểm những chỗ nhàn-khoảng nơi rộng đó, còn ruộng đất trồng lúa màu, khoai đậu một tấc thời phải trọng một tấc, một thước thời phải trọng một thước, không được sơ ý [39a] giảm đắp. Nếu ai trái lệnh thời sẽ trách cứ những người quản-đốc công-trường và các viên phủ huyện mà bắt bồi-thường.

Vua lại gọi thị-thần (các quan hầu-cận) phán rằng: Việc đề-phòng nạn lụt tại Bắc-kỳ, có ý-kiến là nên giữ lại, có ý-kiến là nên phá đi, nhiều ý-kiến khác nhau quá. Trăm thường đêm ngày trừ nghĩ lo-lắng, không giờ phút nào quên. Vả lại sự thế tại Bắc-kỳ so với các miền từ Thanh, Nghệ vào Nam không giống nhau, mà tiền nhân đắp đê, cũng là vạn bất đắc dĩ. Nay nếu luận phá bỏ đi, giả như quả có thể thấy một chút ít lợi trước mắt, cũng còn chưa nên phá đi ngay; huống chi là nay nếu phá bỏ

đê, thời lập tức nước sông dâng lên tràn ngay vào ruộng hại liền theo đó, như thế thời đủ thấy rõ-ràng rằng đê không thể nào phá bỏ đi được vậy.

Nếu khinh-suất nghị-luận phá bỏ đê, không khỏi đê cho đời sau chê cười. Trẫm ra lệnh đào sông Cửu-hà, là có thể san sẻ bớt sức nước sông Nhị-hà, tưởng rằng khi đào xong sông ấy (Cửu-hà) rồi, thì nước sẽ có hơi đê chảy thông bớt ra, muôn đời sau nhân dân sẽ ca ngợi công đức mà không ai có thể xen lời được.

[39b] Khi đào sông xong rồi, tinh-thần Hưng-yên tâu rằng: Lúa mùa hè rất được, so với năm trước, được rất nhiều hơn.

Vua xuống dụ rằng: Tỉnh Hưng-yên trước đây bị nạn lụt, mùa-màng thường thâu-hoạch kém đã ra lệnh đào vét sông ngòi, đắp bờ đê (hai bên bờ sông đều có đắp đê) để bảo-vệ ruộng nương. nay lúa mùa hạ đã chín tốt được gấp đôi hơn thường, tưởng dân ta nay lấy lúc được mùa mà bù đắp vào những năm thiếu hụt, nguyên khi có lẽ cũng sẽ được phục-hồi như trước vậy.

Duy còn ngại một nỗi giữa mùa hè gặp mưa dầm, sợ nước sông dâng cao, mà các bờ đê sông Cửu-hà vừa mới đắp xong, chất đất chưa được kiên-cố cũng có thể là một mối lo vậy.

Vua bèn ra lệnh tinh-thần hết sức khuyên bảo nông-gia phải lo gặt hái cho xong để phòng-ngừa nạn lụt. Đến khi [40a] có lụt, mùa-màng không bị tổn-thương. Lại xét hai bên bờ sông đều có bờ đê, nhưng nước lụt dâng cao, thế khó bảo-vệ đầy-dủ cả hai bên, nên vua chuẩn cho lựa

phía địa-thế hơi cao về tử ngạn mà lo bảo-vệ và khởi công bồi đắp trước, để bảo-vệ ruộng đất mùa-màng có hiệu-quả, còn về hữu ngạn, địa-thế hơi thấp hơn, thời sẽ xét nghĩ về sau.

Một hôm vua lâm triều, sai đem ra một cái chậu đựng kê vàng cho quần-thần xem và phán rằng: Kê là một giống rất dễ mọc, Trẫm đã sai trồng giống ấy tại trong cung, thấy một bông có hai nhánh, nhân đó nhờ lại người xưa xét rằng lúa mì mà một bông nảy ra hai nhánh là một điềm lành. Kê không phải là loài mì, mà thuộc loại giống lúa, tuy vậy, cũng là triệu chứng một năm được mùa. Và lại trong cung có hồ sen cũng thêm nhiều hoa nở hai cành, và nhiều thứ hoa màu khác cũng nở hai quả, quả thiệt là vì khi-hậu điều hòa đầy đủ, nên các vật, các loài đều tươi tốt, bởi vậy nên chi thường [40b] những năm được mùa thời thế nào cũng có hoa lạ cỏ xinh làm triệu chứng báo trước.

Tính-thần Hải-dương tâu xin như sau: Phàm đất ruộng công hay tư bị bỏ quên hay ăn lậu mà đang còn bỏ hoang, thời đều cho phép dân sở-tại cùng các chủ ruộng đất tiếp-tục khẩn trưng và triển-hạn, từ từ mà khai-khẩn, còn như người ngoài mà báo khẩn trưng không, thời đều không cho. Vua giao xuống Bộ Hộ xét. Bộ đề-nghị rằng: Xin từ nay phàm có ruộng đất các xã thôn thuộc về công hay tư đã có cây cấy mà không thọ trưng nạp thuế, không ghi vào bộ sổ, thời đều được do các phủ, huyện sở-tại đầu-thủ, trước vào sổ bộ thọ thuế, kể từ năm bị phát-giác làm đầu; còn nếu không chịu thú khai, thời bắt luận người thuộc xã thôn nào cũng đều được đến quan mà cáo-giác, tức thời đem người chủ ruộng đất ăn lậu đó ra [41a] trị tội và chiếu theo số mẫu

sao trách thâu mỗi mẫu 3 quan để dùng làm tiền thưởng cho người đầu cáo, còn ruộng đất vẫn giao chủ cũ quản nghiệp, chiếu lệ truy-thâu tô thuế một năm; nếu sự cáo-giác toàn là sai, thời sẽ trở lại làm tội người nguyên-cáo. Nếu là bọn vô-lại nhân việc ấy mà bức sách dọa-nạt, và nếu người có số ruộng ần lậu ấy lại đem tiền lo lót riêng để cho khỏi bị tố-giác, phát-giác được thời tiền tang sẽ tịch-thu vào kho, còn bọn chúng đều chiếu luật gia thêm mà trị tội nặng; còn như ruộng đất lậu thuế thời y lệ cho người nguyên khản trước được nhận mà báo trung, đợi đến 3 năm thành-thục về sau sẽ cho trước vào hạng tư-diễn và bắt đầu thọ thuế; nếu ruộng đất của dân đã đi xa, thời sẽ do sở-tại giao những người ở chung-quanh gần đó ra sức cày cấy, lúc nào [41b] chủ đất trở về thời sẽ giao trả lại y số, không được viện vào lệ khản hoang. Các quan Thượng-ty địa-phương (các quan tỉnh) lại nên sức cho các phủ, huyện phạm phải thuộc hạ đi khám xét các án về diễn-thổ, thì phải định-ký hạn rõ-ràng không cho kéo dài công việc để sanh ra tình-tệ, lại sẽ cho phép dân tố-giác, nên xét quả có nhận tiền bạc hối-lộ, thời sẽ chiếu luật trọng trị, còn như có yêu-sách khoản-dãi ăn uống, thì cũng chiếu mục làm sai phép nước, kẻ tang luận tội.

Vua phán rằng: Mỗi tề hách truật vốn xưa nay đã có, mà về việc ần lậu ruộng đất, luật đã có điều-khoản rõ-ràng, cũng không nên đình. Còn việc cáo-giác ra là có quan-hệ đến nguồn lợi về thuế-khoá, và về dân-sinh, trong ấy cũng nên tùy-nghi châm chước thế nào cho được thỏa đáng, bèn giao xuống đình-thần xét lại, và đình-thần đề-nghị rằng: Về ruộng đất còn di lậu có hai trường-hợp:

— [42a] Thứ một là so với nguyên trưng các xứ sở

đều đúng, mà trong ấy có chỗ bị ần lậu, nay mới phát xuất ra :

— Lại có trường hợp một khoảnh rộng ở nơi khác đều hoàn-toàn ần lậu. Vậy xin từ nay phạm ruộng đất di lậu bị người phát-giác, dám nào so với nguyên trưng trong bộ tịch sử sở đều đúng, nếu còn dư ra, thì xin y lời Bộ đề-ng nghị mà thi-hành. Ngoài ra tại các nơi mà toàn bức đều di lậu, thời xin chiếu nguyên lệ, đều cho về người trưng trước được lãnh. Còn như nếu có bọn điều-ngoa giáo-hoạt có lòng tham, bá chiếm chỗ đất nguyên trưng thặng dư, tự ý lập ra tên xứ sở, và bày đặt rằng đó là toàn bức một nơi khác, rồi tự mình khởi ra việc tranh-tung, thời phải án lệ theo luật mà trị tội nặng, ruộng đất đều giao lại cho chủ cũ. Nếu ruộng đất hoang nhàn, có người cày khẩn thời xin chiếu đề-ng nghị năm Minh-mạng thứ 12, đợi sau 6 năm sẽ cho trước bộ nạp thuế. Còn các điều khoản khác đều y theo lời bộ đề-ng nghị.

[42b] Vua chuẩn-y cho như lời đình-thần đề-ng nghị : Duy việc tố-giác ruộng đất di lậu, nếu không chỉ rõ số mẫu sào, xứ sở, mà chỉ nói trong đơn một cách mơ hồ không đích-xác, thời đơn ấy không đơn ấy không được thọ - lý xét xử

Tỉnh Nam-dịnh được mùa lớn.

Vua gọi các quan thị-thần phán rằng : Gần đây tại Nam-dịnh không có đạo-tức, nhân-dân hết sức cày cấy, phong-tục đủ tạm trở lại thuần hậu, nên ghi rằng đó là ơn trời ban cho một năm lành, cho được mùa lớn, và vua bèn tự đặt ra một bài thơ đề ghi điều ấy, lại còn ra lệnh cho khắc chữ son vào biển, ban khắp các tỉnh để đều được biết.

Tỉnh-thần Ninh-bình tâu rằng: Đất huyện Kim-sơn liền với biển, khí đất chua và mặn, có một khe nhỏ từ sông Trinh-nữ thuộc về huyện Yên-mô chảy qua đã lâu bị tắc nghẽn, [43a] nhân-dân sở-tại nguyện xin khai đào để lợi cho công việc nghề nông. Vua y cho (sông ấy lấy tên là Càn - giang).

Đến tháng 11, trong Kinh-kỳ lâu ngày không mưa, vua ra lệnh cầu đảo tại miền Vũ-sơn. Còn vua thời ở trong cung cũng trai-giới và thành-khẩn một cầu đảo, gặp trời mưa lớn. Tại Quảng-bình và Hà-tĩnh cũng đều lâu ngày không mưa, các tỉnh-thần ủy giao các phủ, huyện chia nhau cầu đảo.

Vua nghe được liền xuống dụ rằng: Trăm lâu ngày lo-lắng về việc mưa, cầu cho nghề nông, ngày đêm chưa có phút nào xao lãng, có như thế mới mong được ơn trên ban cho mưa móc. Các viên-chức lớn tại các địa-phương, lẽ ra phải hết sức tinh thành vì dân mà cầu xin, mới không phụ với chức-trách của mình, như thế mà nỗ lòng xem như công việc ngoài phạm-vi địa-phương mình, vậy thử hỏi trách-nhiệm đối với xã dân đặt vào chỗ nào? Nếu sau một vài ngày mà chưa được mưa, thời một trong các quan đầu tỉnh phải thân-hành cầu đảo.

[43b] Vua xuống dụ Bộ Công rằng: Trăm ngự thuyền qua ngoài, thấy dọc sông cây cỏ hoang mọc lên rậm rạp, sợ lâu ngày lấp nghẽn giòng sông, có hại cho nghề nông, sao không thấy sông Lợi-nông làm lợi cho nghề nông như thế nào? Vậy nên ra lệnh cho dân sở-tại tùy theo giòng nước chảy xuôi mà khai vét và trồng cừ để lợi cho nông-nghiệp.



MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỨ 9

TRỌNG NÔNG (tập hợp)

Bản dịch của

LÊ PHỤC-THIỆN

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

[1a] QUYỀN THỨ 9

TRỌNG NÔNG

(TẬP HẠ)

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI SÁU

Hoàng-đế triệu (1) quan Kinh-doãn Vương-Hữu-Quang vào hỏi :

« Gần đây, nhiều ngày liên-tiếp, trời quang-tạnh, trong dân-gian, ruộng cao (2) có tăng lên không? Lúa thóc được mưa thấm-nhuần đủ trở bông chưa? »

Quan Kinh-doãn thưa :

« Ruộng cao khô-ráo trước đã được mưa, nay vẫn còn ẩm-ướt, lúa má tốt tươi, thừ nào cấy sớm, nay đã trở bông ».

(1) Triệu *Th* : Vời, đòi.

(2) Ruộng cao : Ruộng đất cao không có nước.

Hoàng-đế phán :

« Năm nay, khí xuân hòa ấm, mùa đông vừa qua, mưa xuống đã nhiều, đồng ruộng thấm khắp, tưởng chắc hẳn được mùa. Trẫm lại nghe nói trong dân-gian, việc tá-canh (1), xưa giá hạ, nay giá cao, [1b] cũng vì mùa lúa thường được luôn, dân mới siêng-năng làm ruộng cho nên giá đất cao hơn trước. Nhân việc ấy, Trẫm tưởng nhớ Đức Hoàng-khảo (2) ta cho đào sông Lợi-nông (3) để tiện việc dẫn nước vào ruộng. Vì thế, nạn nước lụt, hạn-hán không đáng lo. Những việc ấy đều ghi chép trong sách, thật là điều ích-lợi cho ngàn muôn đời.

Ngày trước, Trẫm (4) ngự thuyền qua cảng-đạo (5) Phú-lương, truyền lệnh phải đào ngách sông ấy, không được để đất cát bồi-lấp. Đó cũng là điều trọng-yếu làm lợi cho việc canh-nông ».

(1) *Tá canh* : Thuê ruộng để cày cấy.

(2) *Hoàng-khảo* 皇考 : Vua cha đã thăng hà (chết), đây nói vua Gia-long (1802 — 1819).

(3) *Sông Lợi-nông* 利農 (tục danh là sông An-cự) : Sông đào từ từ phía nam sông Hương-giang (thuộc địa-phận xã Phú-xuân, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên) chảy ra vịnh biển Hà-trung, dài độ 17 dặm. Năm 1814, vua Gia-long ngự-giá đến xem địa-thế, rồi sai quân dân đào sông ấy. (Xem sách Đại-nam Nhất-thống-chí, Thừa-thiên phủ (tập Thượng) — Nha Văn-hóa dịch và xuất-bản).

(4) *Trẫm* : Ta (lời vua tự xưng).

(5) *Cảng-đạo* : Ngách sông chảy ra cửa biển.

Miền Kỳ-nội (1) gió bắc mưa lạnh.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các (2):

« Tại kinh, mùa đông mưa hơi nhiều, đến mùa xuân, ruộng còn thấm-nhuần. Khoảng tháng giêng, mấy tuần mưa đổ xuống liên-tiếp ngọt-ngào, ruộng nương bốn cõi đều xanh tốt. Gần đây, các tỉnh Ninh-bình, Hà-nội lâu báo mưa ít. Trẫm âm-thăm cầu đảo cho nơi xa, lòng khẩn-thiết hàng ngày. [2a] Nay mưa gió từ phương chính-bắc lại đây, có lẽ Bắc-kỳ cũng được thấm-nhuần ơn mưa móc. Hạ lệnh Lễ Bộ truyền dụ hồi-hạ ».

Về sau, các tỉnh gửi sớ đến đều nói đã được mưa nhiều, lúa má đua nhau nảy nở tươi tốt.

Hoàng-đế cả mừng, nhân bảo quan Thừa-thiên phủ doãn :

« Ngày trước, Trẫm lo vì gió bắc mưa lạnh, đã sai hoàng-tử hỏi thăm trong dân-gian. Có người nói lúa đã trở bông, không tổn-hại gì. Nói chung, dân-chúng cấy trồng lúa thóc sớm muộn không đều, cho nên trời cũng không thể theo đó mà làm mưa hay tạnh, để cho thích-hợp với mọi người. Trẫm cũng không thể làm thế nào được. Chỉ biết cùng trong thời-tiết này, các hạt ở Bắc-kỳ sau khi ít mưa, lại báo đã được mưa, ruộng lúa khá tốt,

(1) *Kỳ-nội* : Trong miền kinh-kỳ (do vua Gia-long đặt ra) gồm 4 doanh là Trực-lệ Quảng-đức-doanh (tức là tỉnh Thừa-thiên), Quảng-trị doanh, Quảng-bình doanh, Quảng-nam doanh.

(2) *Nội-các* : Năm 1829 vua Minh-mệnh đổi Thị-thư-viện làm Nội-các, làm chốn cơ-yếu ở trong điện, để vua hỏi han công việc và phụ-trách soạn-thảo thư-văn, chọn lựa các quan tam từ phẩm sung vào Nội-các.

thật đáng mừng. Nhưng lại lo về ruộng lúa ở Thừa-thiên bị tổn-hại vì mưa lạnh. [2b] Thật là lo mừng lẫn-lộn, Trẫm không biết làm cách nào, khiến dân ta đều được thỏa ý muốn. Chẳng qua suốt ngày đêm, mới lo-lắng nơm-nớp không nguôi trong lòng Trẫm».

Tháng hai, Nghệ-an, Hà-tĩnh lâu không được mưa.

Hoàng-đế ban dụ :

« Công việc đầu của nền chính-trị bậc vương-giả là phải chăm-chú trước hết làm cho dân no đủ. Mùa đông vừa qua, các tỉnh đều báo lúa tốt được mùa. Chỉ có Nghệ-an, Hà-tĩnh mất mùa, khiến Trẫm rất lo-nghĩ. Mùa xuân này, các tỉnh ở Bắc-kỳ thiếu mưa. Nhưng gần đây, căn-cứ vào những lời tâu báo, thì ngoài Bắc cũng đã được mưa thấm-nhuần, thế mà riêng hai hạt Nghệ-an, Hà-tĩnh chưa được mưa. Trước kia, tỉnh-thần Nghệ-an lại tâu : Sương lạnh sa xuống rất nhiều, lúa má vàng héo ; sợ đến khi thu-hoạch, lúa không chín hết. Như thế không thể không dự-trù trước, nên đã hạ lệnh tỉnh-thần (1) phải tìm nhiều cách khuyến-bảo [3a] nhân-dân trong hạt trồng khắp nơi các giống khoai, đậu, củ mài, cốt để cứu nạn đói kém. Năm trước, nhân khi giá gạo cao, Trẫm từng hạ lệnh cho binh-sĩ và nhân-dân ở ngoài thành-quách kinh-đô phải trồng khoai đậu khắp nơi, tiếp đến việc được mùa, giá gạo trở nên rẻ. Đó cũng là chính-sách cứu nạn mất mùa. Còn việc làm thịt trâu bò và nấu rượu, trong năm được mùa, hại còn ít ; chứ năm đói kém, làm hại nghề nông, không phải là nhỏ ; vậy nên nghiêm cấm ».

Nam-kỳ được mùa to, gạo hạ giá.

(1) Tỉnh-thần 省臣 : Bầy tôi ở các tỉnh.

Hoàng-đế nghe việc ấy, rất vui lòng, ban dụ :

« Xưa kia, miền Lục-lĩnh nhân việc biến-loạn, ruộng nương bỏ hoang, giá gạo ngày càng cao, dân thường-dân rất khó làm ăn. Trẫm nghĩ đến dân, từng truyền dụ các địa-phương [3b] phải khuyến bảo dân trồng-tía, nay may-mắn gặp năm được mùa. Đó thật nhờ trời nhìn lại ban ơn, mà cũng vì dân ta cốt chăm việc gốc, gắng sức làm ruộng. Lại nghĩ đến các hạt có đất vốn phì-nhiều, dân ra sức cày bừa gieo giống khá dễ-dàng, từ trước đến nay, không biết tiếc những hạt lúa vãi rơi, nay lại mừng gặp năm được mùa, thóc lúa đề bừa-bãi. Sợ dân ta dần-dà sinh lười-biếng, không chăm cày cấy, sao còn trông mùa thu đủ bảo-đảm sự no ấm hàng ngày. Ồi! Gốc việc dân-sinh là việc làm ruộng, siêng-năng cấy gặt, thu được mùa to. Xét được hiệu-nghiệm như ngày nay, ai cũng trông thấy. Phàm làm dân ta chớ lấy năm được mùa làm tự-túc, ai cũng nên gắng sức chuyên-cần làm ruộng và trồng các loại cây dâu, cây gai, khoai, đậu, rau, cho được đầy đủ, không bỏ sót nguồn lợi nào của ruộng đất. Trẫm giống lúa đều tốt, [4a] không những sinh-lý của dân thường được đầy đủ, mà bọn trộm cướp giặc-giũ cũng vì đó phải nín hơi, để cho mọi người được yên ổn vô sự. Đó là hy-vọng lớn của Trẫm vậy ».

Đặt đồn-diền (1) ở tỉnh Hà-tiên.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Binh :

« Đất tỉnh Hà-tiên có nhiều nguồn lợi, lại gặp khi tỉnh-

(1) Đồn-diền 屯田 : Nơi binh-sĩ khai-khẩn đất hoang để trồng-tía. Nay người ta thường gọi những nơi dân-chúng khai-khẩn đất hoang là đồn-diền.

hạt không có việc gì quan-trọng. Truyền dụ các tỉnh-thần phải bắt chước phép đồn-diễn đời xưa, chọn nơi đất có thể cày được, xét cấp cho binh-sĩ trú-phòng (1), trâu cày và đồ dùng làm ruộng. Khiến quân lính vừa cày vừa tập-luyện, hễ thu-hoạch bao nhiêu lúa gạo haa-lợi, đều cho họ ăn dùng. Đợi một hai năm, sau khi khai-khẩn thành ruộng, đem hoa-lợi sung làm khẩu-lương, các quan chỉ cấp tiền lương, không phải cấp gạo, làm kế lâu dài. Lại chiêu-mộ nhiều dân nghèo [4b] làm việc khai-khẩn cày cấy. Phàm những lúa giống, trâu cày, đồ dùng làm ruộng đều do các quan cấp-phát. Đợi sau khi ruộng đất thành-thuộc, lương-thực tạm được đầy đủ, dân các đồn-diễn đem nạp lại những vật-hạng do quan đã cấp-phát. Cốt mong việc túc thực túc binh (2) cho được thành-hiệu ».

Về sau, các tỉnh-thần đã tìm được địa-hạt thôn Bình-an, xã Mỹ-đức, huyện Hà-châu, có khu đất rộng mông-mênh, có thể cày cấy, đo lường rộng hẹp, chia cho năm mươi cơ-binh (3) tỉnh Hà-tiên giữ bảo (4) Châu-nham đến nơi gần đó làm ruộng, một trăm người lính khác đến lập đồn-diễn ở thôn Bình-an. Khi nào công việc làm ruộng rảnh-rang, binh-sĩ phải diễn-tập quân-sự. Các tỉnh-thần Hà-tiên

(1) *Trú-phòng* : Đồn ở nơi nào để phòng giữ, ngăn-ngừa giặc cướp.

(2) *Túc thực túc binh* : Đủ thực ăn, đủ quân lính. Sách Luận-ngữ có câu : « Túc thực túc binh, dân tín chi hỷ. Đủ lương-thực, đủ binh lực, được dân tín phục. — Khổng-tử ».

(3) *Cơ-binh* : Lính riêng từng tỉnh chia thành cơ-đội.

(4) *Bảo* : Lũy, thành đắp bằng đất để quân-sĩ đóng đồn canh giữ.

lại chiêu-mộ dân nghèo hai huyện Hà-châu, Kiên-giang, cấp cho trâu cày, điền-khí, lúa giống, để khai-khẩn đất hoang.

[5a] Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

« Năm nay, nhân vụ mất mùa lúa thóc, giá gạo trong kinh lên cao, đã dùng nhiều cách để điều-hòa giá-cả, hoặc giảm sưu (1) bớt thuế, hoặc đem gạo trong kho ra bán cho dân với giá rẻ, hoặc mượn dân làm công để thay việc phát chẩn (sửa kho Quảng-thịnh, dân làm công được cấp mỗi tháng hai quan tiền và hai phượng gạo). Về các chính sự tốt để giúp dân, không có việc gì chẳng lần-lượt thi-hành.

Nay dân ta, dù chưa đến nỗi thiếu ăn, nhưng giá gạo vẫn chưa giảm bớt. Trẫm luôn-luôn nghĩ đến lương-thực của dân, không thể không trù-liệu để cho dân được no đủ. Hạ lệnh cho các Quản-viên ở kinh phải thông-sức quân-nhân sở-tại trồng trãm giống lúa, cùng các loại khoai, đậu, củ mài, lúa mạch ở nơi đất trống trong thành, và tùy-tiện trồng các giống ấy ở khoảng đất trống ba mặt tả, hữu cùng phía sau quách ngoài thành. Cho phép viên Kinh-doãn đi khắp nơi khuyên bảo nhân-dân gắng sức cày bừa, lật cỏ, [5b] để đất không bỏ trống, người có của dư. Gần đây, trời mưa tạnh thay đổi điều-hòa, tin chắc vụ thu sẽ được mùa. Thật đáng trông vậy ».

Tổng-đốc Hải-dương tâu :

« Xã Minh-liễn, huyện Nghi-dương, thuộc tỉnh Hải-dương,

(1) Sưu 搜 : Công việc dân phải làm cho nhà nước.

có ngàn khoảnh ruộng hoang, khai-khẩn cũng dễ; xin hạ lệnh cho lĩnh mộ trong các vệ, chia ban khai-khẩn ruộng hoang sẽ được cấp làm ruộng tư, truyền đời này qua đời khác, và theo đúng lệ nộp thuế. Chiếu theo lệ dinh điền, xin được cấp trâu cày, điền-khi cho những người khẩn-hoang».

Hoàng-đế ban dụ :

«Việc ấy cũng là phép tắc đời xưa, có ý ngu việc binh trong việc làm ruộng, đáng được thi-hành. Nhưng làm gì cũng cốt ở hiệu-quả thiết-thực. Tỉnh-thần phải thân đến nơi đo đạc thành từng mẫu, đốc suất làm việc, dè của kho khỏi [6a] phí-tồn vô-ích và binh-sĩ có nơi nhờ cày, là khá vậy».

Truyền bảo các tỉnh từ Quảng-ngãi đến Bình-thuận cấp ruộng đất hoang cho lĩnh tù-phạm :

Hoàng-đế ban dụ :

«Trước đã có chỉ cho tha những lĩnh tù-phạm, chia thanh từng nhóm để thả vào các xã thôn. Nhưng nghĩ họ đã ở nơi giam-cầm lâu ngày, muốn cho cùng sinh cùng dục trong khoảng trời đất, nên tìm cách xử-trí để họ được như cây cỏ sống, mới có thể theo con đường phải và tự do mới. Vả lại, các tỉnh có nhiều ruộng đất bỏ hoang, nên truyền các Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát các tỉnh Quảng-ngãi, Bình-dịnh, Phú-yên, Khánh-hòa, Bình-thuận, phải xét trong hạt có đất bỏ trống đáng canh-tác, mà dân không thể khai-khẩn hết, tỉnh liệu chia cấp ngay cho lĩnh đã bị tù. Khiến họ đem sức ra [6b] cày cấy, và định hạn sau mấy năm phải thu thuế ruộng đất. Tất cả đều y theo lệ cũ mà cung-cấp, trâu cày, điền-khi».

Hoàng-đế ban dụ cho Trấn-tây (1) Tướng-quân Trương-Minh-Giảng và Tham-tán Lê-Đại-Cương :

« Thành Trấn-tây là đất trọng-yếu miền biên-thùy, mới xếp đặt xong, dù việc phủ-ngự (2) đề-phòng chính là quan-yếu. Nhưng đất man lệ-thuộc bản-chương (3) đã lâu, dân man cũng là con đồ ta, phải nên mở-mang, diu-dắt, khiến có ngày nhiễm được phong-hóa nước ta. Những sự nông-tang giáo-dưỡng thật là việc bắt đầu của vương-chính. Gần đây, nghe nói địa-thể xứ ấy rộng-rãi phì-nhiều, lại có nhiều trâu, rất tiện-lợi cho việc canh-tác. Nhưng phong-tục xứ ấy làm ruộng chuyên dùng cái bừa (4) cái mai, không biết dùng trâu kéo cày, gieo lúa giống. Chỉ biết lo đủ bữa sáng bữa chiều, không biết [7a] súc-tích (5) của-cải. Đến như vãi lúa, vãi heo, đều là vật dùng hàng ngày, mà giá rất cao. Tóm lại chỉ vì phong-tục, dân quen tính lười nhác, không biết gắng-sức chăm-chỉ làm ruộng, nuôi súc-vật. Nay thuận cho các tướng-sĩ khi rảnh việc

(1) Năm 1834, sau khi đánh tan quân Xiêm (Thái-lan) xâm-lăng nước Chân-lạp (Cao-miên), tướng-quân Trương-Minh-Giảng và Tham-tán Lê-Đại-Cương lập đồn ở gần Nam-vang để bảo-hộ Chân-lạp, đổi tên nước Chân-lạp ra làm Trấn-tây thành 鎮西城 chia làm 32 phủ và 2 huyện. Vua Minh-mệnh ban đạo dụ này trong năm 1835. Hốn năm 1841, sau khi vua Minh-mệnh thắng-hu, người Chân-lạp khởi-nghĩa, quan quân Việt-nam phải rút về nước.

(2) Phủ-ngự 撫禦 : Vỗ-về dân, ngăn chống giặc.

(3) Bản-chương 版章 : Bản-đồ.

(4) Dịch nghĩa chữ 鋤 : Cái bừa lớn. (Sách Từ-nguyên giải nghĩa : 鋤 : 大犂也. Quốc : Đại sử cũ : Quốc là cái bừa lớn vậy).

(5) Súc-tích 蓄積 : Chứa dành được nhiều.

giảng-võ, phòng giữ nơi biên-giới, phải giáo-hóa, chỉ-bảo dân-chúng biết dùng trâu kéo cày, trồng-tría nhiều giống lúa; khiến đất không sót nguồn-lợi, nhà dân có của thừa. Lại cho trồng nhiều cây dâu, cây gai để dệt vải lụa, nuôi nhiều vịt heo để thêm đồ ăn. Phàm những công việc cần dùng, đều chỉ-dẫn cho họ học-tập, biết cách làm ăn siêng-năng như dân ta. Tin rằng man-mọi cũng có trí-năng, hưởng hồ quân ta đặt đồn-diền ở đó, dân đã có cơ-hội xem xét dễ được giáo-hóa. Cần phải dạy bảo dần-dần, khéo xét tình dân mà làm việc, là khá vậy».

[7b] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BẢY

Sai quan Kinh-doãn thuê dân tiếp-tục đào sông Phò-lợi (1).

Hoàng-dế thân đến xem, thấy dòng sông được thông-suốt, nước chảy cuồn-cuộn. Sắc cho quan Kinh-doãn truyền dân trong hạt ở hai bên bờ sông phải tùy thế mà dẫn nước vào ruộng, lại đào thêm các ngòi, kênh chảy đến nơi nước mặn, để sông khỏi bế-tắc, làm lợi cho việc làm ruộng.

(Lại thuật cho đặt trạm Thuận-lan ở bờ phía nam sông ấy).

(1) Sông Phò-lợi 佛利: ở phía tây huyện Phú-tộc, tỉnh Thừa-thiên, dài năm 1836, dài 330 trương từ sông La-ỹ đến sông Diên-trưởng; lại đào thêm một đoạn 130 trương để nước chảy qua sông Hương, rồi chảy vào cửa bể Thuận-an.

(Xem Đại-Nam Nhất-thống-chí, Thừa-thiên phủ, tập Thượng — Nha Văn hóa dịch và xuất-bản).

Bầy tôi Bộ Binh tâu :

Đảo Côn-lôn, tỉnh Gia-định, có ruộng đất phì-nhiều, thủy-thổ tốt lành, nhiều đất bỏ trống có thể cày cấy. Xin cho binh-sĩ giữ bảo Thanh-hà (có pháo-dài) canh-phòng miền bề, khi nào thông-thả, khai-khẩn đất hoang để trồng-tĩa ; lại cho chiêu-mộ dân nghèo được cùng ăn, cùng ở để gắng sức cày ruộng. Xin cho cấp trâu cày, điền-khi. [8a] Như thế đã có lính đề phòng-thủ, lại có ruộng để cày cấy. Sau vài năm, hẳn thành một nơi vui-vẻ mà việc canh-phòng miền bề cũng vững chắc». Hoàng-đế cho làm theo lời tâu.

Phủ-thần hai tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngũ tâu :

« Mùa xuân này, ruộng lúa trong tỉnh-hạt bị tổn-hại vì gió bắc ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Gần đây, ruộng lúa các hạt dù chưa được tốt lắm, nhưng cũng có thể gọi là trúng mùa. Sao chỉ riêng hạt Nam Ngãi gặp sự mất mùa trong mấy năm liền. Nhân đó, Trẫm nghĩ đến việc làm ruộng sớm muộn cần thích-hợp với thời-tiết. Tức như tỉnh Thừa-thiên, tháng mười gieo hạt giống, tháng mười một cấy lúa. Trải qua mùa đông đến mùa xuân lúa đã dần-dần xanh tốt. Kịp khoảng tháng hai tháng ba, lúa lần-lượt trở bông, gặp tiết cuối mùa xuân ấm-áp; đa-số được mùa. Dù ứng với năm tốt, thật nhờ thiên-hòa, nhưng cũng do sự dân biết cày cấy đúng lúc, [8b] có kinh-nghiệm rõ-ràng về việc làm ruộng theo thời-tiết. Không biết tại sao dân hạt Quảng-nam lại gieo mạ cấy lúa quá sớm, đến cuối mùa đông, đầu mùa xuân, lúa đã trở bông, trong khi khí lạnh chưa tan, sao khỏi gặp nạn gió bắc? Có lẽ tại

người ta không biết mưu-tính khéo-léo. Vậy truyền chỉ hỏi dân trong hạt, có phải vì hoàn cảnh ruộng đất cao-ráo, nên làm ruộng sớm cho kịp thời-tiết chăng? Tinh-thần phải biết rõ đề tài lên ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Ngàn dặm không chung một phong-thổ (1), cũng vì địa-thế gây nên. Việc làm ruộng sớm muộn không thiệt-hại, nếu biết theo đúng sự thích-hợp của địa-phương. Thật không thể cưỡng ép phải làm theo nhất-luật (2) ».

Tông-đốc Hà-nam, Ninh-bình tâu :

« Đề xã Cổ-liêu thuộc huyện Phú-xuyên bị vỡ, vì nước lũ dâng lên quá sớm làm rĩ thân đề. [9a] Nước sông tràn vào các hạt tiếp-cận như ba huyện Thượng-phúc, Sơn-minh, Thanh-uy, ruộng lúa đều bị ngập lụt, nước lan-tràn, nhìn thấy mệnh-mông như biển cả ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Nay xứ ấy, lúa mùa hạ đã bị ngập lụt, khó trông được gặt trong mùa thu. Nên hết lòng khuyên bảo nhân-dân phải gắng cấy lúa thật sớm đề hạ-tuần tháng tư sang năm, sẽ được gặt hái trước, mới tránh khỏi nạn lụt trong mùa hè ; phải sửa chữa boi-dấp đường đê vệ-nông, cốt đề ngăn-ngừa nước lụt, giữ-gìn lúa thóc tốt đề nạp vào kho, mới phải vậy ».

(1) Phong-thổ 風土 : Khí-lậu.

(2) Nhất-luật 一律 : Một loạt.

Hoàng-đế ngự đến cây ruộng Tịch-diễn (1), xem thấy lúa, bảo quan Kinh-doãn rằng:

«Việc làm ruộng là gốc. Trẫm cây ruộng tịch-diễn để khuyến-khích dân trong thiên-hạ. Nay lúa mạ nhanh tốt, có thể trông mong được mùa. Nên sức cho dân cây phải luôn luôn [9b] cắt nhỏ cỏ xấu, đừng để làm hại lúa mạ, là khá vậy».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Hộ:

«Nhân khi tuần-hạnh (2), trẫm đến địa-phương tỉnh Quảng-trị, thấy ruộng lúa đều xanh tốt, nhưng hai bên bờ sông Vĩnh-dịnh, có nhiều đất bỏ trống. Hỏi đến, dân sở-tại đều nói: «Làm ruộng nơi đó rất khó-nhọc, cho nên phải lưu đến mùa hạ mới cấy, để giảm bớt công-lao, phí-tồn». Suy xét lời nói ấy, thì đất này không phải chẳng nên cấy trong mùa thu, chỉ vì dân ngại khó-nhọc hoặc vì không đủ vốn liếng, gây nên cả.

Ồ! việc dân-sinh không có gì cản trước hơn việc cấy gặt. Trẫm đối với việc khuyến nông, từ trước đến nay, thường nói đi nhắc lại nhiều lần, thật muốn dân ta chuyên-cần làm ruộng, để mọi người cùng được cung-cấp, đầy đủ. Nầy dân tỉnh Quảng-trị ở gần kinh-kỳ lại trễ nhác như thế, chưa khai-khẩn hết những đất có thể trồng lúa, thế mà quan địa-phương cũng không đốc lòng [10a] khuyến bảo. Như thế sao hợp với ý Trẫm

(1) Tịch-diễn 籍田 : Ruộng để nhà vua hoặc quan thay mặt vua ra cây cốt làm tiêu-biểu cho dân.

(2) Tuần-hạnh 巡幸 : Vua thiên-tử đi tuần qua các nơi trong nước.

muốn diu-dắt nhân-dân chăm-chú vào việc gốc? Truyền lệnh các tỉnh-thần phải xem xét, nếu biết ai nghèo túng, không đủ sức làm ruộng, thì cho vay hạt giống hay tiền lúa, khiến họ siêng-năng cấy cấy. Mong sao đồng không có đất trống, dân có thừa lương-thực để xứng hợp với ý của Trẫm».

Tỉnh-thần Biên-hòa tâu :

« Tỉnh-hạt có một dải ven rừng, đất rộng phì-nhiều, xin cho binh lính và dân thường, không bắt buộc hạng người nào, hễ ai khai-khẩn được trên năm mươi mẫu ruộng, sẽ khỏi phải làm việc binh-dịch trong một năm ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Việc khẩn trị ruộng hoang vốn là việc đầu tiên dẫn-dao nhân-dân, nhưng khai-khẩn nhiều đến năm mươi mẫu, đâu phải sức lực một người có thể làm nổi. Còn binh lính dùng để giữ-gìn đất nước, đội ngũ không thể không [10b] đầy đủ, đâu có lẽ cho miễn dịch. Nay chỉ nên mộ những dân ngoại-tịch (1), lập thành làng ấp, đem ruộng hoang nơi ấy, lượng sức tung người mà cấp-phát cho khai-khẩn. Sau khi thành ruộng sẽ thu thuế. Như thế mới gây được mối lợi vô-cùng ».

Hoàng-đế lại nhân địa-hạt tỉnh Khánh-hòa có nhiều đất ở ven rừng mà ít người cư-trú, truyền lệnh các tỉnh-thần thuê mộ dân-phu chặt hết cỏ cây ở hai bên đường quan-lộ, cho được bằng-phẳng. Phải thân-hành khuyên bảo dân

(1) Ngoại-tịch 外蕃 : Không có tên trong sổ hộ-tịch.

sở-tại tùy tiện gắng công khai-khẩn trồng-lúa ở trong đầm, bên rừng. Lại thuận cho xét tùy địa-thế, đặt nhiều đồn-diền, đem binh lính, dân-phu đến ở để khai-khẩn đất hoang, được cấp trâu cày, điền-khi, sao cho dân có của dành-dum về sau.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

« Từ trước, sáu tỉnh Nam-kỳ, bờ cõi ruộng đất đều không rõ-ràng. [11a] Truyền lệnh Kinh-lược đại thần phải thân-hành xem xét từng việc, bàn-bạc cẩn-thận cho được thỏa-hợp.

(Sáu tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, đã thu thuế ruộng đất, nhưng mới có ít nơi chia thành mẫu sào, chỉ kê từng giây, chỉ kê từng khoảnh, từng thửa ; phần nhiều không có giới-hạn. Nếu xảy ra việc tranh kiện thì khó bằng-cứ vào đâu để xét-đoán. Ngày tháng hai năm ấy, Hoàng-đế sai Kinh-lược đại-thần đến nơi khám xét, cho đo-đạc từng khoảnh, từng thửa hiện có, thành mẫu, sào bàn bạc chia ruộng đất thành đẳng hạng, giao dân sở-tại lập thành địa-bộ, để dân cư-trú và cày cấy, chiếu lệ nộp thuế)

« Trẫm thuận cho làm như điều đã bàn-định. Nghị đến nhân-chính, bắt đầu từ việc định rõ giới-hạn của ruộng đất. Bờ cõi ruộng đất đã đúng, về sau mới truyền nói lâu dài và ngăn được mối tệ tranh-giành. Hạ lệnh các xã thôn lấy điền-bộ mới đo-đạc làm chuẩn-dịch để lập giới-hạn, hoặc dùng cọc gỗ, hoặc dùng trụ đá mà tiêu-chi rõ-ràng. Khiến mọi người tuân theo, không được thay đổi chút đỉnh. Bờ cõi ruộng đã định rồi, nhưng còn nhiều đất hoang có thể cày cấy, vậy phải chuyên-cần khuyến dân

khai-khẩn càng ngày càng rộng, để dân có đầy đủ lương-thực. Truyền lệnh các tỉnh-thần ở Nam-kỳ sức cho các phủ huyện khuyên dân trong hạt, khai-khẩn cho kỳ hết ruộng đất bỏ hoang. Cuối năm, phải trình báo số ruộng đất cày cấy lãng hay giảm, lập thành sách để tâu lên ».

Định lệ cho Bắc-kỳ tâu báo nước sông lên hay xuống.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Công :

« Ngày đêm, Trẫm thường ghi nhớ việc đề-phòng nước lụt các sông ở Bắc-kỳ, chưa lúc nào quên. Nhân nghĩ đến nước sông Nhị-hà, năm nào cũng từ mùa hạ đến mùa thu, hoặc lên hoặc xuống, tiết-hậu không đều. Nay đã qua tiết Bạch-lộ, hạ lệnh Tổng-đốc Hà-ninh căn-cứ vào tình-hình hiện tại phải tâu báo trước một lần. Tiếp theo cứ mười lăm ngày hoặc hai mươi ngày, lại phải tâu báo một lần khác về việc nước sông lên [12a] hay xuống, cho đến tiết Hàn-lộ thì thôi. Qua năm mới, cũng phải chiếu lệ tâu báo từ tiết Tiều-mãn đến tiết Hàn-lộ ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI TÁM

Đắp đập Vệ-nông ở bên núi Thủy-ba, Linh-thái.

Nhân khi Hoàng-đế tuần-hạnh (1), thấy giữa ruộng lúa giáp hai sườn núi có một dải khe nhỏ, nước mặn tràn ngập; Ngài muốn đắp một các đập để ngăn nước mặn

(1) *Tuần-hạnh* 巡幸 : Vua thiên-tử đi tuần qua các nơi trong nước.

từ lâu. Đến nay, ra lệnh quan Kinh-doãn hỏi ý-kiến dân. Nhân-dân miền ấy đều vui-vẻ muốn đắp. Hoàng-đế liền phái vệ binh đắp một đoạn đập ngang ở nơi cửa khe (1). Từ khi ấy nước mặn không tràn vào. Nông-dân được lợi.

[12b] Bầy tôi ở thành Trấn-tây tâu :

« Ngày trước, các phủ trong thành-hạt chiêu-tập dân lưu-vong, lập thành thôn ấp ở lẫn-lộn với phiên-dân (2), khai-khẩn đất hoang. Nhưng việc làm ăn chưa được đầy đủ, xin đợi sau ba năm, lập thành điền-bộ, liệu định ngạch thu thuế. Chỉ có phủ Ba-xuyên, trước có nhiều dân xin đến cư ngụ, đặt thành bảy thôn, nên cứ ghi sổ ruộng phủ ấy vào điền-bộ đã sửa lại của lĩnh An-giang, qua năm sau, xin bắt đầu thu thuế ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Hộ :

« Từ xưa, các bậc đế-vương trị-quốc, không ai chẳng lấy việc trọng nông làm trước. Hễ nhà nào không trồng cây dâu cây gai cũng phải nộp thuế bằng vải, người nào mở mang được nhiều ruộng đất được thưởng phẩm tước. Thật vì việc của dân không thể trì-hoãn. Trẫm dốc một lòng nghĩ đến dân-sinh, nên trước đã chuẩn-y [13a] lời bàn-bạc nơi triều-đình, lấy việc khuyến-khích dân-chúng khai-khẩn đất hoang làm phép khảo-sát thành-tích của các

(1) *Khe-khâu* 溪口 : Cửa khe, nơi khe chảy ra hồ.

(2) *Phiên-dân* 蕃民 : Phiên là phiên che; Vua phong các thuộc-quốc để làm phiên che cho nước mình. Ở đây phiên-dân là dân Cao-miền.

quan. Tỉnh Biên-hòa có đất rộng, thế mà tâu báo việc khẩn điền rất ít-ôi, vì nhân-dân chơi-bời, trễ nhác lâu ngày thành thói quen, cũng tại lỗi quan thượng-ty không hay khuyên bảo đốc-suất. Vậy truyền dụ cho các chức Bố-án phải sức dân trong hạt tìm kiếm đất hoang, không kẻ ở xã thôn nào, trình với quan mà xin khai-khẩn. Nếu thiếu trâu cày, điền-khi và lúa giống thì các quan phải cấp phát. Đến cuối năm, phải trình báo về sáu Bộ. Sau sáu năm, thành ruộng, phải chiếu lệ bắt đầu thu thuế. Đến như dân man-mọi ở trong hạt, đã liệt làm dân-hộ, cũng nên chia đất cho họ lập ấp, dạy cho cày ruộng, trồng dâu, dệt cang ngày càng nhiễm phong hóa của người Kinh. Đó là việc cốt-yếu biến người mọi rợ thành người văn-minh. Tỉnh-thần Biên-hòa tâu nói ruộng đất mới khai-khẩn ở trong hạt Ấy [13b] chỉ dùng một mồi lửa đốt cỏ có thể cày cấy được. Sau ba năm, thành ruộng, sẽ thu thuế, chứ không nên để lâu đến sáu năm».

Hoàng-đế ban dụ :

« Khai-khẩn ruộng đất để nạp-thuế, đó là do nhân-dân siêng-năng nông-nghiệp làm kế sinh-nhai. Nếu dùng công-phu khai-khẩn trong một năm có thể cày cấy, trồng-trọt được. Nếu tiếp liền hai năm, ruộng đã thành-thuộc, dân thu hoa-lợi dề dề bồi công-lao. Đủ ba năm, bắt đầu thu thuế. Sao lại phải đợi đến sáu năm, truyền-dụ các quan trong ngoài lấy việc thu thuế sau ba năm khai-khẩn làm định-lệ ».

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

« Gần đây các tỉnh Sơn-lầy, Hải-duyng, Hưng-yên gặp nạn nước sông lên cao. Sau khi nước lũ lui rồi, sẽ tâu

báo việc làm ruộng cũng không muộn lắm. Trẫm nghe nói nước lụt tràn đến nơi nào, bèn nổi bồi lên, sau thành đất màu mỡ; đến mùa gặt hái, thu-hoạch càng gấp bội. Truyền dụ các tỉnh-thần [14a] phải luôn-luôn khuyên-bảo dân-chúng, tùy-nghĩ trồng-trỉa trẫm giống lúa, khoai, đậu, dâu, gai, để đem lại cơm no áo ấm. Mong hù vào cái đã mất, chuyển mất mùa thành được mùa, cho thỏa ý Trẫm muốn dân chuyên cần làm ruộng».

Tỉnh-thần Ninh-bình tâu rằng :

« Năm trước, ruộng nương trong tỉnh-hạt bị ngập lụt, nước ngâm lâu ngày. Nghĩ nên đào thêm một con sông mới ở đoạn giữa sông con thuộc tỉnh hạt, qua huyện Kim-sơn, để nước chảy suốt ra biển ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Việc làm ruộng là trời (1) của dân, lòng Trẫm rất lo-lắng. Nếu trù-liệu đào sông ấy, quả có thể tiêu ừ nước lụt, lợi cho việc làm ruộng, dù phải phí-tồn hàng vạn cũng không nên keo-lận. Nhưng hạt ấy tiếp liền với đất Hà-nội, [14b] mỗi khi nước lụt lên cao, nước ở miền thượng-lưu chảy thẳng xuống sông lớn, hoặc có khi nước không tiêu kịp. Nay muốn đào một con sông nhỏ, sao có thể tiêu hết nước lũ. Huống gì huyện Kim-sơn có một con đường để ngăn nước mặn. Nếu đào ngang con đường

(1) *Dân thiên* 民天 : Lương-thực của dân. Quân-lữ nói « Vương dĩ dân vi thiên, dân dĩ thực vi thiên. 王者以民为天, 民以食为天 : Bậc vương-giả lấy dân làm trời, dân lấy lương-thực làm trời ».

ấy, chưa chắc nước miền thượng-lưu có thể tiêu-tiết mà nước mẫn lại theo đó tràn vào. Trở thành làm hại việc canh-nông. Không bằng cứ để như cũ, rồi gặp khi nước lụt, tùy địa-thế mà đào cho nước lưu-thông là hơn cả».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

Đặt đồn-diên ở Tả Hữu Trạch-nguyên (1).

Hoàng-đế ban dụ :

« Nước nhà hưởng thái-bình lâu ngày, hộ-khẩu (2) ngày càng đông, ruộng đất tại các địa-phương [15a] ngày càng mở-mang. Đất ở miền kinh-kỳ, còn nhiều nơi bỏ trống. Tức như ở Tả Hữu Trạch-nguyên, các kinh-thành không xa lắm, bấy lâu vẫn để hoang rậm, sao lại không tiếc. Ngày trước, đã phải viên giám-thành đến đo-đạc vẽ bản đồ

(1) *Tả Hữu Trạch-nguyên* 左右澤源 : Tả-Trạch-nguyên và Hữu-Trạch-nguyên ở huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên. Sách *Đại-nam nhất thống chí* — Thừa-thiên phủ — tập Thượng — Nha Văn-hóa xuất-bản — chép rằng : « Niên-hiệu Minh-mệnh, những chỗ đất trống ở Tả-Trạch-nguyên, đều đặt đồn-diên, nơi ấy ao chằm rộng, thú rừng đến ở cả hầy ».

Sách *Tập-lục* của Lê-Quy-Đôn (1726 — 1784) chép rằng : « Từ Tả-Trạch-nguyên đi ngang qua các sách An-ninh, Kim-ngọc, Phương-hà, Dương-lương có nhiều binh-dân ở, từ sách này đi lên đều là núi rừng cũ, Từ Hữu-Trạch-nguyên đi qua An-phương đến sách Phong-mộc trở lên đều là núi rừng, đi hơn nửa ngày, đến sách Lang-xi ; từ đó đi lên, núi khe xen lộn, không có dân-cư ».

(2) *Hộ-khẩu* 戶口 : Số nhà số người, dùng để nói chung dân số.

dâng lên xem. Có đến hơn mười nơi dân có thể đến cư-trú và canh-tác. Vậy truyền chỉ viên Kinh-doãn liệu-lượng cách thuê người khai-khẩn sao cho ruộng đất có thể cày cấy. Rồi cho dân nhận lãnh đất để cư-trú và canh-tác, tự nuôi sống bằng sức mình, khiến vui điều đáng vui, lợi điều đáng lợi ».

Về sau, khai-khẩn được hơn một trăm bốn mươi mẫu đất. Hoàng-đế truyền lệnh cấp cho mỗi người dân cày nơi đó được lãnh mười quan tiền và miễn những việc sai dịch. Lại đem các lính bị tù trong các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi đến lập đồn-diền, đều do tỉnh-thần Thừa-thiên quản-thức. Khiến mọi người gắng sức khai-khẩn canh-tác.

[15b] Tỉnh-thần Hà-tiên tâu :

« Lính ở đồn-diền khai-khẩn được hơn hai trăm mẫu. Năm nay, trừ số lúa nạp thuế và số lúa để làm giống, đồn-diền còn thu được năm trăm chín mươi hộc (1) lúa. Xin cho đem cất vào kho, để phòng khi cấp-phát ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Chia binh-lính cho làm đồn-diền, thật là việc cốt-yếu để phòng-giữ nơi biên-giới. Vậy nên khuyến-kích, đốc-suất binh-lính tiếp-tục khai-khẩn ; để nguồn-lợi đất-dại không bỏ sót và có đầy-dủ lương-thực cho dân ».

Tỉnh-thần Quảng-ngãi tâu :

(1) Hộc 斛 : Đò để đo lường, bằng 10 đấu.

« Nguyên trước đã chia đội binh Quy-nghĩa ra đóng tại các xã dọc theo biên-giới, cấp cho hơn hai mươi mẫu ruộng hoang để khai-khẩn. Nay được ba năm, mọi người đã ở yên làm ăn. Xin cho trong năm nay, bắt đầu thu thuế. Truyền lệnh những người khẩn-diễn phải chiếu lệ nộp thuế như dân sở-tại ».

[16a] Hoàng-đế ưng cho.

Ngự-sử đạo Định-an là Hoàng-Thu dâng sớ :

« Nay lúa mùa hạ đã chín, xin cho dân hạt Thừa-thiên làm thuê tại các công-sở được tha về, để kịp mùa gặt hái ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Dùng gạch ngói để xây-cất, làm cầu cho người đi, việc gì cũng cần. Triều-dinh trọng dụng sức dân, thuê làm việc với giá cao. Khiến dân nhờ trời, vui lòng làm việc quên khó-nhọc, sao lại có hại đến việc làm ruộng? Nhưng viên Ngự-sử đã tâu bày, không nên coi thường. Truyền lệnh viên Kinh-doãn phải xem xét việc gì có thể hoãn được, liệu mà tha cho dân về. Đợi khi nào lúa đã nộp vào kho, sau lại hiện-liệu ».

[16b] Hoàng-đế ra ngự triều, hỏi quan Kinh-doãn là Vương-Hữu-Quang rằng :

« Việc làm ruộng có muộn không? »

Quan Kinh-doãn thưa rằng :

« Có mưa, cũng chưa muộn ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Lúa là sinh-mệnh của dân. Gần đây, cả tuần nắng gắt, đồng ruộng đang cần được mưa. Ở trong cung, Trẫm ra lệnh trồng một đám lúa. Dù tưới nước hàng ngày, cũng không xanh tốt. Lòng Trẫm càng thêm nóng-nảy, nên bị cảm phong-hàn. Nay mừng được mưa, có thể cứu được lúa khô héo; mà việc Trẫm se mình cũng khỏi được ».

Hoàng-đế lại hỏi Bộ Công rằng :

« Nước sông Bắc-kỳ như thế nào? »

Bộ Công thưa :

« Các tỉnh báo về, nước lên cao hơn mực thường, năm bảy thước, không đều ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Như thế, đến kỳ lụt to, chắc nước lên rất lớn. Chưa hết lo hạn-hán, lại sắp lo nước lụt ».

[17a] Sai các quan ở Trấn-tây khuyên-bảo binh lính, nhân-dân khai-khẩn ruộng-đất.

Hoàng-đế ban dụ :

« Đất thành-Trấn-tây có nhiều nơi bỏ hoang, từng truyền lệnh sức bắt binh-lính, dân-phu khai-khẩn. Từ trước đến nay, Trẫm chưa nghe kết-quả gì. Trước kia, vì bọn thổ phỉ gây sự, chưa yên, tất nhiên việc làm ruộng cũng gặp thế khó-khẩn. Đến nay, việc bình định đã xong, tin chắc dân chúng yên-đón vô sự. Truyền dụ Tướng-quân, nhân khi nhàn-hạ, đốc-suất binh dân khai-khẩn. Trông mong đồng ruộng ngày càng mở mang, có thêm nhiều lúa, thật là việc cốt-yếu nơi biên-phòng.

Chất đất hạt ấy nhẹ xốp, lúa má dễ khô, nhưng thường được mưa thấm-nhuần. Vậy nên nghĩ cách chứa nước để tưới ruộng, hoặc chọn giống lúa sớm, để tháng ba, đem gieo trồng sớm được thành-thuộc. Đến mùa hạ, mùa mùa thu, [17b] nắng hạn, lụt-lội cũng không thể gây tai-họa, như thế là hay lắm ».

Bầy tôi thành Trấn-tây tâu :

« Binh dân thuộc hạt lần-lượt khai-khẩn ruộng đất, đã được hơn ngàn mẫu. Xin cho đắp một con đê ở phía hữu thành-hạt để phòng nước lụt và đặt một cái cống để dẫn nước ».

Hoàng-đế ưng cho.

Tỉnh Bình-thuận giá gạo cao, dân khó làm ăn, dân thổ-trước (1) càng khổ hơn. Hoàng-đế ra lệnh cho vay lúa. Nhân việc ấy, Ngài ban dụ :

« Tích-trữ lương-thực là sinh-mệnh của dân. Người đời xưa làm ruộng trong ba năm, hẳn có thể tích-trữ lương-thực cho một năm, vì biết phòng-bị đầy-đủ từ trước. Nay hạt Bình-thuận, giá gạo cao, dân Kinh biết dành-dụm còn có thể tị-cấp; chứ dân thổ-trước không có tư-sản, gặp khi túng đói, có thể đoán biết được cảnh cùng-cực. Nên khuyên-bảo các thổ-dân phải gắng sức làm ruộng; siêng-năng trồng-trọt [18a] các loại khoai, đậu, củ mài, lúa mạch cho thật nhiều. Nếu ăn dùng còn thừa, thì để

(1) *Thổ-dân* 土民 : Dân thổ trước 土著 ở địa-phương ấy từ lâu, như người Chăm ở tỉnh Bình-thuận.

dành cho ngày khác, chớ có xa-phi, trễ-nhác như trước. Một khi gặp năm mất mùa, liền làm vào cảnh thiếu-thốn. Vậy phải răn bảo cho cẩn-kể».

Bầy tôi tỉnh Khánh-hòa tâu về việc tỉnh-hạt có nhiều đất hoang, xin ban sắc cho các tỉnh lớn ở Bắc-kỳ chiêu-mộ dân nghèo đến ở để khai-khẩn.

Hoàng-đế ban dụ :

« Dù hạt Khánh-hòa có nhiều đất hoang, nhưng cỏ cây hoang rậm. Trước hết, phải tốn một phen cắt cỏ chặt cây, rồi sau mới có thể canh-tác. Nếu đem người xứ khác đến ở, họ chỉ thấy sự khó-nhọc trước mắt, chưa thấy mỗi lợi đảm-bảo cho việc làm ăn, sao không trốn-tránh, Nay chuẩn-y lời bàn trước [18b] cho phái lính lập đồn-diễn. Gần đây, việc khẩn điền đã có kết-quả, thu được thóc lúa. Nay nên đốc lòng khuyến-kích mọi người, mong sao việc khai-khẩn càng ngày càng tăng thêm. Qua năm sau, giữa khoảng mùa đông mùa xuân, việc làm ruộng đã rảnh-rang, lại không có mưa lụt, tập hợp binh lính, sai họ cắt cỏ chặt cây ở các nơi đất hoang gần tỉnh thành, khai phá thành ruộng, rồi trồng các giống hoa màu để lấy lợi. Hoặc mộ dân nghèo mà cấp đất cho họ canh-tác, thì việc tụ-hợp dân, mở-mang ruộng đất ngày càng thêm. Sẽ thấy khu rừng núi hoang rậm biến thành đất an vui, vì lúa đậu được mùa».

Sai đắp đê và đắp hai cái đầm La-bích, Tô-dà thuộc tỉnh Thừa-thiên. Nước hai đầm ấy chảy suốt ra sông Lợi-nông. Quan Kinh-doãn tâu xin đắp ngang một con đê nhỏ để ngăn nước sông. Tương-lai thành ruộng [19a] có thể

được hơn bốn trăm mẫu. Hoàng-đế truyền-lệnh cho thuê dân-phu làm việc ấy.

Hoàng-đế ban dụ cho quan phủ-doãn Phạm-Thế-Trung rằng :

« Nay mưa lụt không đến đúng thời-tiết, nhưng nắng nhiều, chắc hẳn mưa sẽ lâu. Nghĩ đến dân ta thu-hoạch mùa-màng chưa xong, lại đang gieo lúa giống. Nếu gặp một trận lụt, dân phải giữ-gìn làm sao cho khỏi thiệt-hại. Trẫm nghĩ luôn-luôn đến lương-thực của dân, chưa khi nào quên ».

Tỉnh-thần Biên-hòn tâu :

« Huyện Phúc-an, thuộc hạt Biên-hòn, có một giải lạch nước Xích-lam. Trên nguồn liên-tiếp với huyện Long-khánh, có ruộng hoang đất rất tốt, có thể khai-khẩn được nhiều. Trước kia, nước lũ mùa thu dâng lên, đất cát bồi lấp, ruộng đất [19b] khó cày cấy. Xin cho thuê dân-phu tùy thế đất mà đào lạch nước chảy suốt, thì dân có ruộng cày, đất mở-mang càng thêm rộng ».

Hoàng-đế ưng cho.

Sau khi nước đã chảy suốt, dân xin khẩn ruộng và nạp thuế được hơn một trăm bảy mươi mẫu. Tỉnh-thần lại xin : Sau vụ làm ruộng đầu năm, cấp-phát trâu cày, diêm-khí, lúa giống cho lính trong tỉnh hạt đến xứ ấy khai-khẩn, để thu dân-lợi.

Hoàng-đế khen tỉnh-thần Biên-hòa hết lòng chăm lo việc dân, ra lệnh thưởng.

Các tỉnh Nam-kỳ tâu về việc trong hạt tăng thêm số

ruộng đất khai-khẩn. Hoàng-đế giao Bộ Hộ xét số ruộng đất nhiều ít để nghị thưởng. Nhân việc ấy, Ngài ban dụ :

« Trước kia, Nam-kỳ còn nhiều ruộng đất bỏ hoang. đã truyền lệnh các quan địa-phương đốc lòng [20a] khuyến-kích dân chúng chăm việc làm ruộng. Nay căn-cứ những lời tâu, còn thấy nói xin khai-khẩn ruộng đất hoang, chứ không đề-cập đến những ruộng đã chịu thuế mà không bỏ hoang. Và lại, ruộng đất có hạng bỏ hoang, có hạng thành thực-diễn. Phải gắng sức canh-tác thực-diễn và mở-mang thêm đất hoang thì mới nói đến việc thưởng công. Chứ cứ xét ruộng thực-diễn sau lại bỏ hoang cũng không bổ-ích gì. Truyền dụ các tỉnh phải xét rõ trong hạt có bao nhiêu ruộng đất ghi vào sổ chịu thuế, đã canh-tác hết, hay còn có ruộng bỏ hoang. Lại đem số ruộng đất đã chịu thuế trong mỗi huyện chia thành bách-phần, thực-canh được bao nhiêu phần trăm, và còn bỏ hoang bao nhiêu phần trăm. Ước-lính đại-lược tâu lên để Trẫm biết rõ tình-trạng ».

Tổng-dốc Bình-định Phú-yên tâu :

« Hạt Bình-định có ít ruộng công, nhiều ruộng tư. [20b] Các nhà hào-phú gồm thu ruộng tư, dân nghèo không được nhờ gì. Xin cho liệu-tính để hạn-chế. Phàm ruộng tư, hạn cho mỗi điền-chủ chỉ được giữ năm mẫu; còn dư bao nhiêu phải sung vào ruộng công, đem chia cấp cho binh-lính, dân-phu làm khẩu-phần lương-diễn (1), để nhờ đó làm ăn ».

(1) *Lương-diễn* 糧田 : Ruộng công cấp cho những người đi lính để làm ruộng.

Hoàng-đế ban dụ :

« Đời xưa, chia đều ruộng đất để làm việc dân-sinh, khiến người có của thường lại có lòng thương, thật là ý tốt. Nhưng việc đời xưa, đời nay khác nhau. Một khi đã bỏ phép tĩnh-diễn (1), từ đời nhà Tần trải qua các đời Hán, Đường, Tống đến nay, không thể khôi-phục phép ấy, chỉ vì thời-thế thay đổi, công việc cũng khác; nếu làm theo phép cũ, có điều không hợp. Huống gì ruộng đất tư của thế-nghiệp trải qua năm tháng đã lâu, sỗ sách lập thành. Nay không có cơ chính-đáng, cắt lấy huyết mạch của riêng người ta, thật không hợp với nhân-tĩnh. Một phen làm việc thay cũ đổi mới, [21a] ngại chưa thấy điều lợi, mà đã gây nhiều sự phiền-nhiều. Việc ấy e khó làm vậy ».

Hoàng-đế truyền lệnh lục Bộ hội-nghị :

« Bàn xin cho các thôn ấp có ruộng đất công tư, nếu số ruộng công nhiều hơn số ruộng tư, hoặc ruộng công ruộng tư bằng nhau thì không nên chia cắt. Còn nơi nào ruộng tư nhiều hơn ruộng công, thì chia lấy một nửa số ruộng tư nhiều hơn đó làm ruộng công, rồi cấp-phát ruộng công cho dân-dĩnh như lệ cũ. Hễ người dân nào không có ruộng cấy, hay có đất mà không có ruộng, hoặc ở làng có đông dân mà ít ruộng, có thể đến các làng lân-cận

(1) *Tĩnh-diễn* 井田 : Một chế-độ đời xưa ở Trung-quốc, lấy một dặm ruộng đất vuông chia ra 9 khu như hình chữ井, khu ở giữa là công-diễn, còn 8 khu xung-quanh thì chia cho 8 nhà cấy cấy ruộng. Tám nhà làm ruộng riêng phải cấy chung khu ruộng công ở giữa, gặt lúa ruộng công nộp vào kho nhà nước thay cho việc nộp thuế.

đề được cấp-phát ruộng quan-trại (1) hay ruộng công. Như thế, binh-lính và dân-đinh đều được lợi».

Vua sai quan Hiệp-biên Đại-học-sĩ Vũ-Xuân-Cản, chiếu theo những việc đã bàn đề thi-hành phép chia ruộng. Tổng-lý và phú-hộ đều hòa vui và công việc được xong xuôi.

[21b] Hoàng-đế ban dụ :

« Vua đối với dân, phải đem lòng ban ơn cho dân. Sao nỡ để một kẻ dân-phu không được tưởng đoái đến. Theo tập-tục cũ, kẻ hào-cường riêng chiếm mỗi lợi, còn kẻ cùng-dinh hạ-hộ không chỗ làm ăn. Tức như một hạt Bình-dinh, số ruộng tư nhiều gấp mười số ruộng công. Người giàu có ruộng liền bờ-cối, người nghèo không đất cấy dùi, việc không đồng đều, chẳng gì hơn thế. Phen này, chia cắt ruộng tư làm ruộng công, khiến người nghèo người giàu được hưởng đều, binh-lính, nhân-dân cùng được lợi. Đó là triều-dinh khẩn-thiết vì dân, không vì tư-hào tư-lợi. Phàm người thức-giả xét đến đều biết rõ. Vì thế, một phen sửa đổi việc cấp ruộng công rất phiền-phức, chỉ trong vài tháng mà việc đã xong. Nếu lòng người không vui làm việc ích-lợi, sao có thể nhanh-chóng như vậy. Nay sổ sách đã lập thành, nên giao về gấp. [22a] đề dân được chiếu theo số ruộng mà cấy cấy nộp thuế. Đến vụ gặt mùa hạ sang năm, các ruộng mới chia ấy đều khỏi phải nộp tiền lúa thuế».

(1) *Quan-trại điền* 官家田 : Ruộng của nhà nước, do các quan chiêu mộ hay thuê người khai-khẩn đất hoang, lập thành trại công-cộng.

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Hộ :

« Ruộng đất thành Trấn-tây phi-nhiều, nhưng còn nhiều nơi bỏ hoang. Đã truyền dụ lựa chọn lính trú-phòng và phát-vãng lính tù-phạm ở đồn-diễn ra canh-khẩn, mong cho ruộng đất ngày thêm mở-mang, lúa thóc dồi-dào. Nay căn-cứ vào lời tâu, xứ ấy đủ khai-khẩn được hơn ba ngàn mẫu, sự siêng-năng khó-nhọc thật cũng đáng khen. Nhưng nhiều ruộng tổn-thương vì hạn-lụt, đến vụ gặt chỉ thu được bốn năm ngàn học lúa. Dù dùng sức nhiều, nhưng ít kết-quả, chưa đủ để bàn về công-lao. Nay truyền lệnh các bầy tôi thành ấy phải lưu-ý đốc-suất binh-lính gắng sức khai-khẩn. Từ năm nay về sau, mỗi lần gặt hái xong, [22b] phải tra xét xem nơi nào lúa thu được bẩy phần mười số lúa dự-trù trở lên, thì chia làm mười thành. Đem một thành thưởng cho những binh-lính có lãnh lương-bổng, trước đã khai-khẩn ruộng ấy; và đem một thành rưởi thưởng cho những binh-lính khai-khẩn mà không có lương-bổng. Lại chia ra các hạng ruộng đất, biên-tập đầy đủ tâu lên. Sẽ xét công-tặng thưởng để khuyến-khích ».

Bầy tôi Khoa-dạo (1) dâng sớ tâu :

« Thành Trấn-tây và đất Hà-tiên ngăn chặn lũ Tiêm-man (2), đều là công thành trọng-yếu ngoài ven cõi phía tây.

(1) *Khoa-dạo* 科道 : Nha-môn viện Đò-sát, xem xét việc sáu khoa là Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, và việc giám-sát các đạo, nên gọi chung là Khoa-dạo.

(2) *Tiêm man* 邊蠻 : Người ta quen đọc chữ Tiêm là Xiêm, tức là tên nước Thái-lan, man là mường-mán.

Việc tích-trữ lương-thực không thể chẳng dự-phòng. Xin ban sắc cho các tỉnh Nam-kỳ mộ dân quyền lúa (1) để dùng trong việc biên-phòng. Dựng một nhà kho chứa lúa ở tỉnh An-giang để tiện việc chuyển-vận thu- nạp. Làm như thế trong vài năm thì lương-thực tích-trữ hẳn đầy-đủ và các đồn-diền ngày thêm mở-mang. Lại sai Bộ Hộ xét bàn về việc Nam-kỳ, đất giàu dân đông, nếu quyền góp được nhiều, thì [23a] lương-hương của binh-sĩ phòng-thủ miền tây không phải vận-tải khó-nhọc, dân giàu miền đông ruộng lại được nhờ ơn triều-đình khen thưởng. Người này người khác cùng trông nom, hết sức làm ruộng, cũng là một cách khuyến-khích vậy. Xin hạ lệnh các tỉnh-thần ở Nam-kỳ hiệu-thị cho dân trong hạt, hễ có ai tình-nguyện quyền lúa thì xét theo từng hạng mà thưởng. Đợi đủ ba năm, sẽ đình-chỉ việc quyền ấy».

Vua cho làm theo lời tâu ấy.

(Người nào nộp năm trăm học lúa, được miễn thuế thân (2) và việc binh-dao trong năm năm. Nộp một ngàn học lúa được miễn mười năm. Nộp một ngàn năm trăm học lúa được miễn hai mươi năm. Nộp hai ngàn học lúa được miễn thuế thân và binh-dao suốt đời. Nộp hai ngàn năm trăm học lúa được thưởng tòng-cửu-phẩm bá-

(1) *Nhập túc* 入粟 : Quyền lúa cho chính-phủ để được thưởng phẩm-hàm hay để chuộc tội.

(2) Trong thời-đại quân-chủ, người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi phải nộp thuế bản thân, làm những việc binh-dao (việc trong quân-đội và việc công-ích. Những người có phẩm-hàm, hay bần-cùng tàn-lệ được miễn.

hộ (1). Nộp ba ngàn học lúa, được thưởng chánh-cửu-phẩm bá-hộ. Nộp ba ngàn năm trăm học lúa, được thưởng tòng-bát-phẩm bá-hộ. Nộp bốn ngàn học lúa, được thưởng chánh-bát-phẩm bá-hộ. Nộp năm ngàn học lúa trở lên, được thưởng chức quan thất-phẩm. Đến kỳ ban thưởng, Bộ Hộ sẽ tâu lên và chờ vua ban chỉ dụ).

Bầy tâu các tỉnh Khánh-hòa, Vĩnh-long, Hà-liên tâu báo :

« Quân-lính khai-phá ruộng đất và cây cấy, đã thu-hoạch được lúa. [23b] Xin hạ lệnh cho xét theo số lúa nhiều hay ít, để liệu-tính việc khen thưởng ».

Tổng-dốc Hà-ninh tâu rằng :

« Thuộc hạt có hơn ngàn mẫu đất phù sa trong các bãi ven sông. Từ năm Gia-long, đã bắt khai báo để nộp thuế; đến nay dân sở-tại vẫn chưa khai báo đủ đất ấy thành thổ, lại còn nhiều đất bồi thêm mà dân giấu-giếm không nộp thuế. Xin cho khám đạc và trị tội các tổng lý về việc ăn-lậu ruộng đất ».

Về sau các Bộ bàn cho là phải.

Hoàng-dế ban dụ :

« Năm nay, nhân-dân Bắc-kỳ vừa bị loạn-ly, tật-dịch, Triều-đình muốn cứu giúp, nhưng chưa được thông thả.

(1) Vua đặt ra phẩm-hàm để thăng-thưởng các quan, như cửu-phẩm, bát phẩm, thất phẩm, lục phẩm, tứ phẩm, tam phẩm, nhị phẩm, nhất phẩm. Mỗi phẩm có hai bậc : tòng và chánh, tòng kém chánh. Lại chia làm ba hạng là văn-gia (hàng quan văn), võ-gia (hàng quan võ) và bá-hộ (hàng hào-mục).

Nếu vôi-vàng phải khám ruộng đất, không những bọn lại-tý hư-hỏng theo đó làm việc quấy nhiễu, mà người dân có tội ần-lậu cũng không thể nhờ ơn tha-thứ. Nghĩ như thế, Trẫm thật không [24a] nỡ. Nên truyền dụ các địa-phương ở Bắc-kỳ phải khai báo đất bãi, hạn cho năm nay, các tổng lý phải trình báo lên quan để bắt đầu thu thuế những bãi cát nhỏ đã thành đất và những nơi đất mới bồi thêm. Con những bãi cát mới bồi mà chưa thành đất cũng phải khai báo, để ghi vào sổ sách. Các tội ần-lậu từ nay về trước đều được bãi-miễn. Nếu quá hạn mà không trình báo, bị người khác tố-giác, hoặc do quan trên xét ra, các tổng lý sẽ bị tội nặng thêm».

Miền kinh-sur bị mưa lụt, vua sai thị-vệ (1) đi xem ruộng và hỏi thăm. Được biết ruộng lúa tỉnh Thừa-thiên không bị thiệt hại, thị-vệ về tâu trình.

Hoàng-đế bảo thị-thần (2) rằng :

« Lúa thóc đang trong thời-kỳ chín đến, gặp trận mưa lụt này, không khỏi các bông lúa [24b] bị gãy và rụng. Chỉ may không có gió to, lại trợt mưa trợt tạnh. Dù lúa tổn hại cũng không quá hai ba phần mười. Chứ có lẽ nào lại không tổn-hại. Hoặc giả thấy Trẫm lo nghĩ đến lương-thực của dân, mới nói lúa không thiệt-hại để làm vui tai Trẫm. Và lại, các tỉnh ở Bắc-kỳ nhiều ruộng đất thấp, phải nhờ các đường đê vệ-nông, thường bị nước lụt phá vỡ đê gây nhiều thiệt-hại. Năm nay, nước lụt lên muộn, dân đã gặt lúa xong, thật không đáng lo. Chỉ có từ tỉnh Quảng-nam

(1) Thị - vệ 侍衛 : Quân-lính đề hộ-vệ nhà vua.

(2) Thị-thần 侍臣 : Quan hầu vua.

trở về phương - nam, có nhiều đất cao ráo, trông mưa xuống đề hoa màu nảy nở. Nếu vào khoảng tháng bảy, không có mưa, lúa thóc không khỏi bị tổn-hại, đó là điều đáng lo. Trẫm làm cha mẹ dân, thường cầu-đảo trời ban phúc cho dân được mùa. Khiến dân ta cùng hưởng thái-bình, đó là [25a] nguyện-vọng rất lớn của Trẫm vậy».

Hoàng-đế sai thông-dụ cho sáu tỉnh Nam-kỳ :

« Trong hạt có đất hoang rậm, lại đã lập đồn-diền đề lính khai-khẩn trồng-trọt. Phải đem những lính bị tội lưu-đồ cùng các tù-phạm khổ-sai, giao cho quân lính trong các đồn-diền quản-thức, bắt phải chuyên-cần làm ruộng. Các quân lính bị lưu-đồ (1) cũng phải mang xiềng khóa như cũ, nhưng mỗi người được cấp mỗi tháng một phượng gạo, theo lệ cấp cho dân khẩn ruộng ở Trấn-tây».

Huyện Tuy-hóa tỉnh Phú-yên, có nhiều ruộng đất bỏ hoang vì khe, sông ở xa không có nước tưới.

Tổng-đốc tỉnh ấy tâu xin đào kênh dẫn nước vào ruộng, nên dân đã khai-khẩn thành ruộng được hơn một ngàn [25b] mẫu. Hoàng-đế cho khen thưởng.

Hoàng-đế hạ lệnh đem những tù-phạm trong tỉnh từ hạng binh-lính bị lưu-đồ trở xuống, đến ở các đồn-diền đề làm ruộng và chiêu lệ khai-khẩn đất hoang ở Nam-kỳ mà phát lương-thực. Thuận cho Bộ Hộ bàn tính việc trích ruộng đã cấy cấy trong các đồn-diền từ phía Nam tỉnh Khánh-hòa giao cho tù-phạm canh-tác. Mỗi vụ thu-hoạch

(1) Lưu-đồ 流徒 : Người bị tội đi đày.

được bao nhiêu lúa, lấy một nửa bỏ vào kho, còn nửa khác cấp cho người làm ruộng để tự nuôi sống và đình-chỉ việc cấp khẩu-lương. Lại cho đem số ruộng còn lại sung làm ruộng công, cấp phát cho dân ở gần miền ấy cày cấy và nộp thuế.

Bầy tôi Bộ Hộ tâu :

« Từ Bình-thuận trở ra Bắc, các tỉnh còn nhiều ruộng hoang. Nhưng có ruộng đã cày cấy, còn ghi chép vào sổ là bỏ hoang, và có ruộng đã khai-khẩn mà chưa trình báo để đánh thuế. Xin lấy tháng Giêng sang năm mở đầu cho thời-hạn sáu tháng, các điền-hộ và lý [26a] dịch phải khai báo số ruộng thực-canh để chiếu đẳng hạng bắt đầu thu thuế. Ruộng mới khai-khẩn được hạn sau ba năm mới chịu thuế. Dân lại được miễn tội ân-lậu từ trước. Ngoài hạn sáu tháng, điền-hộ và lý dịch không chịu thú giác số ruộng ân-lậu, sẽ bị trị tội nặng thêm. Nơi nào còn có những ruộng bỏ hoang, các quan địa-phương phải khuyến-khích, đốc-suất binh dân khai-khẩn. Mỗi kỳ cuối năm, lập tấu-sách kê đủ số ruộng hoang đã được khai-khẩn để Bộ xét biện. Sẽ thưởng phạt các tỉnh, phủ, huyện và tổng lý, tùy theo số ruộng khai-khẩn được nhiều hay ít, đúng với lệ khai-khẩn đất hoang ở Nam-kỳ ».

Vua cho làm theo lời tâu ấy

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI MỐT

Tĩnh-thần Gia-dịnh tâu :

Trong hạt không có ruộng công, các nhà giàu bao

chiếm ruộng tư đến ngàn [26b] trăm mẫu, dân nghèo không được nhờ cấy. Xin chiếu số ruộng tư tại các xã thôn, chia cắt làm hai. Một nửa cấp cho người chủ ruộng, còn một nửa sung làm ruộng công, để cấp đều cho lính và dân ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Các tỉnh Nam-kỳ có đất tốt và nhiều ruộng. Chỉ lo dân không chăm cấy ruộng, chứ không lo chẳng đủ ruộng cấy. Nếu khéo điều-hòa để người giàu đem ruộng dư cho thêm người nghèo không đủ ruộng cấy, bằng cách khuyến bảo, khiến dân đều được hưởng lợi, há lại không tránh khỏi sự tranh giành ? Chứ chia cắt lấy một nửa ruộng tư, không khỏi gặp một phen sửa đổi sổ sách gây nhiều sự phiền-nhiều. Nay thuận cho xét xem thôn xã nào có nhiều ruộng đất hoang, khiến dân hợp lực khai-khẩn [27a] làm ruộng công, rồi đem cấp đều cho lính và dân. Hoặc làng nào trước có nhiều ruộng đất tư không canh-tác hết, thì quan phải thân-hành hiệu-thị khiến người có ruộng trích ra một nửa, hoặc ba, bốn phần mười giao cho làng sung làm công-diền, để dân cùng chung hưởng lợi. Thử xem việc ấy kết-quả ra sao tâu lên để xét ».

Tỉnh-thần phụng-hành dụ-chỉ, được dân trong hạt, nhiều người muốn đem ruộng tư nhường làm ruộng công, chuân y giao dân sở-tại đem ruộng ấy cấp đều cho lính và dân trong làng.

Hoàng-đế xét thấy bảo (1) Côn-lôn, tỉnh Vĩnh-long, có đất rộng lại phì-nhiều, nhưng dân-cư thừa-thót, ban dụ cho tỉnh-thần :

(1) Bảo 堡 : Thành đắp bằng đất có quân-sĩ trú-phòng.

«Chuyển sức cho quân-lính trú-phòng phải đem sức ra khai-khẩn, đều được lượng xét để cấp trâu cày, điền khí và lúa giống. Tùy theo địa-lợi mà gieo trồng lúa thóc, khoai, đậu, để có của ăn dùng».

[27b] Các kỳ-lão trong kinh-kỳ dâng lúa mới.

Hoàng-đế sai lấy vài hạt ném thử, rồi triệu Hoàng-trưởng-tử là Trường-Khánh-Công (1) cùng các quan đại-thần đến. Ban cho mỗi người một bông lúa, bảo rằng: «Trăm nếp gạo ấy, thùy đầy-dặn, ngon ngọt; Trăm rất vui mừng. Ngày trước, ruộng lúa đang tốt gặp luôn mấy ngày rét lạnh, thật đáng lo. Trăm nghe nói lúa mới trở bông, gặp trời lạnh, không khỏi bị thương-tồn, không ngờ lúa tốt được như thế! Hay là các kỳ-lão chọn thứ lúa chín sớm và tốt để dâng lên chăng?».

Sai lĩnh Thừa-thiên đào vét các thủy-đạo sông ngòi.

[28a] Hoàng-đế ban dụ:

Bốn phía ngoài kinh-thành có các sông lớn, sông con đề thuyền chèo qua lại thông suốt và tiện việc làm ruộng, thật là mối lợi lớn vậy. Gần đây, kẻ tiểu-dân không hiểu biết, thường lợi-dụng nơi không đánh thuế, trồng lúa khoai ở hai bên ven sông, lâu ngày cỏ rác lan-tràn làm ngăn lấp dần-dà dòng nước chảy. Thuyền lênh sức cho dân ở giang-phận phải tùy từng đoạn mà sửa chữa đào vét để cho dòng sông nhất-luật thông suốt, khiến việc

(1) Hoàng-trưởng-tử Trường-Khánh-Công 皇長子長慶公: Tước của vua Thiệu-Trị (1841 — 1847) trước ngày lên ngôi Hoàng-đế.

huôn bán, canh-nông đều hưởng-lợi. Người nào phạm tội sẽ bị đánh một trăm trượng và đóng gông giam một tháng. Tổng lý bị đánh tám mươi trượng. Các quan kinh-doãn, huyện-viên đều giao cho Bộ hàn-bạc, xét xử».

Các xã Phú-hải, Xuân-dương, tỉnh Quảng-trị kêu rằng :

« Xã ấy có cảng-dạo cũ giáp với sông Vĩnh-dịnh. Cửa sông bị lấp, không có nước tưới ruộng, xin cho đào nơi ấy ».

Hoàng-đế truyền lệnh tỉnh-thần khám xét.

[28b] Tỉnh-thần Quảng-trị tâu rằng :

« Cửa sông được lưu-thông, lợi không bao nhiêu; mà nước ở trong sông sẽ cạn, thuyền đi không tiện ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Việc đào sông Vĩnh-dịnh làm lợi vô-cùng cho ngàn muôn đời, há theo ý kiến nhỏ hẹp của dân. Nhưng dân đã nói đến điều hại trong việc canh-nông, thì Triều-dịnh sao nỡ coi thường. Vậy thuận cho các xã ấy đào vét những cảng-dạo cũ có cát bồi lấp, và làm cho nước lưu thông ở nơi sông cạn khô; để ruộng lúa có nước tưới và mưa lụt khô bị úng-dọng, thì việc làm ruộng không có điều gì bất-lợi ».



MINH-MỆNH CHÍNH-YẾU

QUYỀN THỨ 10

SÙNG-KIỆM

Bản dịch của

LÊ PHỤC-THIỆN

[1a] **MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU**

QUYỀN THỨ 10

SÙNG - KIỆM (1)

MINH - MỆNH NĂM ĐẦU

Ban cho Kiến-an công hai ngàn quan tiền lớn.

Hoàng-đế ban dụ :

« Bổng-lộc của người là dầu mỡ của dân. Người nên nghĩ cách kiệm-ước để nổi nghiệp nhà, cần-thận chớ có xa-xỉ mà làm hại đức-tính. Ta vì thiên-hạ giữ-gìn của cải, sao có thể thường dùng của công trong kho để ban ơn huệ riêng ? ».

Về sau, Hoàng-đế cho Kiến-an công một ngàn phương gạo, lại ban dụ rằng :

« Người nên giảm bớt những khoản tiêu-phí quá mực thường. Đức kiệm-ước rất tốt. Người phải suy-nghĩ kỹ ».
[1b] Hoàng-đế sắp đi tuần-hạnh (2) Bắc-kỳ, ban dụ cho các địa-phương :

(1) *Sùng-kiệm* 崇儉 : Quý chuộng việc kiệm-ước (mục thứ mười).

(2) *Tuần-hạnh* 巡幸 : Vua đi tuần các nơi trong nước.

« Đặt hành-cung (1) đủ làm nơi tạm nghỉ. Chỉ làm bằng cỏ tranh, gỗ tạp, cốt sao được tỉnh-giảm, tiết-kiệm. Những cầu đường hư-hỏng, cần sửa chữa, nhưng bất tất phải làm cao rộng quá ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI

Bầy tôi Bắc-thành tâu :

« Nay gần có việc Bắc-tuần, xin cho quét nước sơn đỏ tại hành-cung trong thành, để xem được lòng lầy ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Nhà Tông-miếu (2) tốt đẹp thì phải, còn nơi vua ở nên sạch-sẽ, mộc-mạc, để tỏ sự kiệm-ước. Huống gì việc tuần-hành chỉ là nhất-thời, [2a] sao phải dùng đến văn-sức (3) ».

Ngài lại truyền dụ :

« Từ doanh Quảng-trị trở ra Bắc, việc sửa chữa những nơi hành-cung, không nên xa-hoa, tráng-lệ ».

Kịp khi tuần-hành ra Bắc, xa giá đến tỉnh Nghệ-an, gặp mưa gió, nhà hành-cung bị hư-hại, quan tỉnh-trấn tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ (4) :

(1) *Hành-cung* 行宮 : Cung-điện xây ở các tỉnh ngoài kinh-thành, để vua ở lại khi đi tuần-hành.

(2) *Tông-miếu* 宗廟 : Nhà thờ tổ-tiên của vua.

(3) *Văn-sức* 文飾 : Trau-chuốt lòe-loẹt.

(4) *Dụ* 諭 : Lời dạy bảo của vua.

«Hành-cung là nơi tạm-trú, phải theo cũ mà sửa chữa, bất tất phải phẩn-sức thêm, đề phí-tồn vô-ích».

Đến Thanh-ba (1) thấy hành-cung không chạm-trở, trang-sức thái-quá; Hoàng-đế ngoảnh lại, bảo thị-thần rằng:

«Trăm nhân có việc đi tuần-hạnh, không muốn dân phí-tồn nhiều. Nay đến nơi đây, những điều trông thấy thật an-ủi lòng trăm».

MINH - MỆNH NĂM THỨ BA

[2b] Bầy tôi quản Vũ-khố tâu:

«Điện Trung-hòa có nơi bị dột, xin cho tu-bổ lại».

Hoàng-đế phán:

«Ngày xưa, Đức Tiên-đế ta dựng điện này, ý muốn truyền đến lâu đời. Nếu thay một cái rui, sửa một viên ngói đập xéo lay động, hẳn có tổn-hại. Trẫm tức vì chưa bao lâu, sao có thể dùng sức người làm việc ấy. Chỉ nên sửa chữa lại mà thôi».

MINH - MỆNH NĂM THỨ SÁU

Gặp kỳ Thu-hưởng (2), nhiều nơi tiến dâng quả-phẩm (3). [3a] Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ:

«Dâng phẩm-vật đầu mùa để làm lễ tế mới. Nay

(1) Thanh-ba 清苑: Tỉnh Thanh-hóa ngày nay.

(2) Thu-hưởng 秋畋: Lễ tế hợp-đồng trong tiết đầu mùa thu.

(3) Quả-phẩm 果品: Đồ trái cây.

các địa-phương dâng cống-phẩm, bày trong các biên, đậu (1), nhìn thấy đã thừa đủ. Nếu còn dâng nữa, há chẳng thêm lao phí chăng? Nên cho miễn».

MINH - MỆNH NĂM THỨ BẢY

Trần-thần Nghệ-an tâu :

« Năm nay, xin y lệ đã định ngạch thuế gỗ lim và cho truy thu người còn thiếu thuế. Chỉ thu nạp gỗ dài từ 15 thước trở lên ».

Hoàng-đế ban dụ :

« Lời xin ấy là trọng việc thuế-khoá của quốc-gia. Nhưng dầu tre mặt gỗ còn có thể dùng. Huống gì thứ gỗ ấy, cần dùng rất nhiều, sao lại định hạn dài quá như thế? Từ nay, dân có gỗ nạp thuế, không kể thuế chính hay thuế cũ còn thiếu, hễ nạp gỗ rằng được sáu tấc, dài mười thước trở lên, đều phải thu nạp, [3b] để tiện việc cho dân ».

Nhân việc ấy, Hoàng-đế bảo Bộ Công rằng :

« Từ ngày Trùng-túc vị đến nay, dùng gỗ rất dè-dặt. Như làm dây hành-lang và nhà bếp, phần nhiều đều dùng cách tiếp nối gỗ, dù không ích-lợi bao nhiêu, nhưng cũng dành được gỗ để dùng về sau, không nên coi thường. Phạm đoạn gỗ nào đã dùng rồi lại bỏ đi, phải chọn cái gì còn có thể dùng được thì giữ lại, chớ không coi đó như vật bỏ ».

(1) *Biên: 邊 堆* : Hai đờ dùng bằng gỗ hoặc tre để chứa các quả-phẩm đem tế lễ.

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Công :

« Lẽ đánh thuế gỗ lim trong hai tỉnh Thanh-ba, Nghệ-an, từ trước đến nay, không nhận những cây gỗ có dác. Trẫm nghĩ nước nhà rất cần dùng gỗ lim, không thể bỏ phí một tấc. Nay dân chặt được cây gỗ rất khó-khăn, đã không thể đem nộp thuế, lại không dám đem bán riêng, làm cho cây gỗ thành vật vô-dùng. [4] Truyền lệnh các trấn-thần thông-cáo cho dân có gỗ được phép đem nộp thuế cho quan bằng những đoạn cành gỗ lim dài bốn năm thước, rộng ba bốn tấc trở lên, dù có tỳ dác mà còn dùng được. Khiến dân được tiện-lợi ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ :

« Từ trước đến nay, trong ba tiết lớn Vạn-thọ (1), Nguyên-đán (2) Đoan-dương (3) các bầy tôi ở ngoài kinh đều kính dâng lễ bằng bạc. Năm Minh-mệnh thứ ba, đã sửa đổi lệ chúc mừng ở trong kinh. Còn các trấn (4) ngoài, được tùy-tiện ủy người đem dâng các phẩm-vật của địa-phương ghi rõ trong tờ biểu khỏi phải đem lễ bằng bạc. Nay Trẫm nghĩ ở trong kinh đã có tiền bạc

(1) Vạn-thọ 萬壽 : Lễ chúc mừng tuổi thọ của vua.

(2) Nguyên-đán 元旦 : Tết mừng một tháng giêng âm-lịch.

(3) Đoan-dương 端陽 : Tết mừng năm tháng năm âm-lịch.

(4) Vua Gia-long chia nước ra làm 23 trấn và 4 doanh. Năm Minh-mệnh thứ 12 (1831), vua Minh-mệnh đổi trấn và doanh làm tỉnh và đặt thêm 4 tỉnh Hưng-yên, Ninh-binh, Hà-tĩnh, An-giang. Thời ấy, nước Việt-nam có 31 tỉnh.

dùng làm công-phí, không tổn-hại riêng mây-may. Đến như các thành, các trấn lớn, nhiều quan lắm lộc, nhưng tiền liêm-bổng (1) không có. Ở các trấn nhỏ, quan ít lộc kém, dù [4b] tiền dâng không nhiều, cũng không tránh khỏi lệ hàng năm phải quyên góp của dân. Bọn quan-lại hư-hỏng đề-cao giá-trị việc ấy, mượn việc công làm lợi riêng, thật có sự ngang trái. Từ nay về sau, trong ba tiết lớn, bãi bỏ lệ các quan trong kinh ngoài trấn cống-hiến phẩm-vật. Nhưng được theo lệ cũ, dâng biểu chúc mừng. Như gặp kỳ Quốc-gia đại-khánh, có thể đem lễ vật đến dâng cũng không hại gì. Bãi bỏ lệ sở Thuế-thương-bạc (2) dâng lễ mừng. Đem số tiền lệ mua sắm các lễ mừng, hoàn lại cho ngạch thuế.

Hoàng-đế sai quan coi việc trong cung góp nhặt những chiến viên xung-quanh bằng đoạn có màu sắc dâng lên xem. Đề ghi việc ấy, Ngài làm hai câu thơ sau đây :

可觀衆辟綠綠序

Khả quan tai toái thái duyên-tịch

似勝乎書囊作幃

Tự thắng hồ thư nang tác duy

Xin tạm dịch :

Chiến rạch viền màu thật khả-quan,

Đẹp hơn túi sách xé làm màn.

(1) Liêm-bổng 廉俸 : Tiền cấp thêm để khuyến-thưởng các quan thanh-liêm.

(2) Thương-bạc-thuế 商船稅 : Đánh thuế các tàu thuyền chuyên chở buôn-bán.

[5a] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI MỘT

Bầy tôi phủ Thừa-thiên tâu :

« Đến ngày khánh-tiết, ký-mục các huyện thuộc phủ-hạt đều muốn xin hội-hợp ở phía nam kinh-thành, bày hương-án ở ngoài đường phố, trần-thiết từng nơi, để cầu chúc Thánh-thượng hưởng phúc thọ.

Hoàng-đế khen dân thuần-hậu, thành-kính, sai dựng hai cái rạp kết gấm hoa ở trước sân Thái-lâu, đề đến ngày Khánh-tiết, cho mọi người chiêm-bái. Còn ngoài đường phố, y theo lệ cũ, cho phép dân treo đèn, bắt tất phải đặt hương-án. Lại hạ sắc cho dân-gian, muốn dựng rạp kết gấm hoa cũng được tùy tiện, nhưng bắt tất phải hạn-định các rạp đều kết gấm hoa, để xứng hợp với ý chuộng kiệm-ước, ngăn xa-xỉ.

[5b] Khi Hoàng-đế lên lầu Thái-lâu, thấy rất tráng-lệ, bảo quần-thần rằng :

« Các viên coi sóc công việc ở đây, thật không thể theo ý Trẫm, trang hoàng quá đẹp, không khỏi tổn-phí nhiều. Năm trước, Lễ Bộ tâu: Năm nay gặp ngày Trẫm hưởng thọ tứ-tuần, khẩn-khoản xin cử-hành lễ mừng. Trẫm không nỡ bỏ qua nguyện-vọng của thần dân, bèn thuận cho làm, nhưng đã răn không nên xa-phí ».

Hoàng-đế lại ban dụ cho Bộ Lễ :

« Hàng năm, đến tiết Vạn-thọ, thần dân có lệ treo đèn ở trước cửa. Năm nay, gặp ngày Trẫm mới đủ tứ-dật (1).

(1) Tứ-dật 四莖 : Bốn mươi tuổi, cũng như tứ tuần.

Hỏi thăm, biết dân-gian trong kinh-thành, không kẻ giàu nghèo, ganh đua bắt chước nhau, treo đèn đuốc sáng rực. Mặc dù mỗi nhà chỉ tốn một hai chén dầu trong vài đêm, nhưng tổn-phí cũng đến hàng trăm chục đồng tiền. Người có của-cải không đủ [6a] lấy đó làm điều, nhưng người nghèo túng, cơm ăn áo mặc chưa đủ, không khỏi hối-rối, lòng Trẫm rất ái ngại. Vậy phải thông-dụ cho các người nghèo túng, nên tiết-kiệm, chớ có miễn-cưỡng bắt chước người khác».

Hoàng-đế nghĩ đến ba huyện trong kinh-kỳ dựng rạp kết gấm hoa, không khỏi làm dân chúng tổn-phí; truyền lệnh Bộ Lễ, Bộ Hộ hỏi dân tổn-phí hết bao nhiêu thì quan phải cấp số tiền ấy. Những thân hào trong các làng đều xin miễn cấp.

Hoàng-đế ban dụ :

« Bấy kinh-kỳ là nơi tốt lành, dân đã tiêm-nhiễm giáo-hóa lâu ngày, lời xin miễn cấp phí-tồn thật do lòng thành kính. Ngày trước, Trẫm thấy dân-gian treo đèn, còn ái- ngại về sự phí-tồn, hạ lệnh phải tiết-giảm. Huống gì việc trần-thiết như thế, lại không tổn-phí chăng? Vậy cấp cho một [6b] ngàn quan tiền ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ :

« Tỉnh Quảng-nam dâng những quả-phẩm quý báu ở miền nam, đã đủ làm các lễ hưởng-ky (1) tiến-tân (2)

(1) *Hưởng-ky* 饗忌 : Lễ đúng ngày tồ-tiên đã chết.

(2) *Tiến-tân* 薦新 : Lễ dâng những quả-phẩm, lúa gạo mới gặt hái xong.

tại nhà tông-miếu. Dù có lễ-vật để tỏ lòng kính-cần, nhưng không cần nhiều. Nay tỉnh ấy theo lệ đem dâng đến mười ba, mười bốn sọt trái cây, việc chuyên chở làm phiền-nhiều dân. Truyền lệnh từ nay, mỗi kỳ cung-tiến, chỉ đem dâng sáu sọt quả-phẩm làm hạn. Phải giữ lệ ấy».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI HAI

Bộ Công xin đem nhiều gỗ mục ở trong kho chứa gỗ ra làm củi nấu. Hoàng-đế truyền lệnh kiểm-soát lại, xem có cái nào còn dùng được.

[7a] Hoàng-đế bảo các bầy tôi trong Nội-các rằng :

« Không nên bỏ một tấc gỗ, dầu tre. Bộ Công không hay kiểm-soát cẩn-thận, muốn đem tiêu-hủy tất cả số gỗ ấy, thật không có ý tiếc của. Truyền chỉ phải nghiêm sức giữ lại trong kho những gỗ còn có thể dùng được, để tùy việc đem dùng. Giao những gỗ mục cho Thủy-quân phủ Thừa-thiên dùng làm củi nung gạch ngói, để bời uổng-phí».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BỐN

Hoàng-đế đi đến nơi thợ làm việc trong điện Thái-hòa, bảo viên đồng-lý Lê-văn-Đức rằng :

« Dùng gạch nát làm móng tường cửa Ngọ-môn, nên giữ lại những viên gạch lành để xây thêm. Đó cũng là việc kiệm-ước. Dù nay làm việc kinh-dinh lớn-lao, nhưng

chỉ làm thêm một cửa cung lớn để các quan ra vào [7b] triều-yết; ngoài ra đều nhân cái cũ mà sửa-chữa lại. Sao nỡ hao-phí của-cải trong khi làm việc thờ-mộc».

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

Trong giữa cửa đại-cung có khắc câu thơ :

一人受命治天下

Nhất nhân thụ mệnh trị thiên-hạ.

天下原非奉一人

Thiên-hạ nguyên phi phụng nhất nhân.

Xin tạm dịch

Một người chịu mệnh trời trị thiên-hạ,

Thiên-hạ vốn không phải cung-phụng một người.

Câu ấy rất hay, đại-ý nói vua chịu mệnh trời để trị thiên-hạ, phải lo-lắng siêng-năng, để vạn-vật đều được ở nơi xứng-đáng; chứ không phải thiên-hạ đóng góp để cung-phụng một người. Phen này xây-cất, chỉ cốt làm cho cung-diện được dễ xem, đó là việc bất-đức-dĩ, không phải tự-phụng bằng cách xa-xỉ. Vua đời xưa có nhà thêm đất mái tranh, được khen có kiem-đức. Song việc ấy làm ở đời xưa thì [8a] phải, chứ làm trong đời này thì không hợp. Đời gần đây, có người mặc áo mới giặt xong, có quan khanh đại-phu ngồi xe trâu, đó cũng là những tiêu-tiết của đức kiem-ước. Người ta ở đời, cốt phải làm việc ích-lợi cho dân-sinh. Như vua Đạo-quang nhà Thanh không ngự xe sơn đỏ dát vàng, lại dùng vải bao phủ, càng thêm phiền-phí. Trẫm không làm như thế».

Hoàng-đế ngự lên điện Văn-minh, bảo Thị-thần rằng:

«Bắc-kỳ gặp tai-nạn nước lụt, dân đang bị đắm-duối. Trẫm là cha mẹ dân, sao nỡ vui nơi yến tiệc. Bắt đầu từ ngày hôm nay, dâng cơm ngự-thiện (1) phải giảm một nửa, bãi bỏ tất cả các việc ca-nhạc. Phải cất những đồ trang-sức bằng châu-ngọc để ở trong cung. Thả hết những giống cầm thú trong vườn Thượng-nguyên (2)».

Vua lại ban sắc cho các bà ở trong cung [8b] chiếu theo phẩm-phục, ăn mặc cho đúng phép, không được xa-hoa. Các tỳ-nữ không được lạm-dụng gấm vóc, ăn uống phải có tiết-độ, không được vượt quá mực thường.

Nhân việc ấy. Hoàng-đế phán rằng:

«Trước hết, trẫm tôn-trọng lương-thực của dân, nên đã tự ra cây ruộng để khuyến-khích thiên-hạ, các người đã biết việc ấy, sao lại có thể tiêu-phí vô-lích? Phải ghi nhớ cẩn-thận những điều ta răn dạy. Sách truyện có câu: «Gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên-hạ bình. 家齊而後國治, 國治而後天下平: Nhà có được xếp đặt rồi sau nước mới được sửa trị, nước có được sửa trị, rồi sau thiên-hạ mới được bình-định». Sao có thể những quên câu ấy».

Bộ Công cứ y theo trấn-thần Hà-nội trừ nghĩ việc làm xe đại bác, cần dùng gỗ lim dài rộng bao nhiêu thước tấc, tự ra tỉnh Thanh-ba để mua sắm.

(1) Ngự-thiện 御膳: Cơm vua dùng.

(2) Thượng-nguyên 上苑: Vườn của nhà vua.

Hoàng-đế nghe việc ấy, bảo Nội-các rằng :

« Gỗ làm xe đại-bác dài ngắn bao nhiêu đều có thể chằm-chước dùng được. [9a] Sao lại phải cầu-nệ từng thước tắc dài rộng, để làm cho giá gỗ cao vọt lên. Vậy truyền chỉ nghiêm sức và thông-dụ cho các bộ, viện, nha, hễ gặp việc như thế, phải hết lòng trù-liệu cho chín-chắn. Nếu coi thường không phân-biệt nên chăng, làm uổng-phí sức dân, sẽ giao các quan nghiêm xét ».

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI LĂM

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ :

« Việc cống-hiến những phẩm-vật thổ-nghi (1) cũng là lễ của người dưới dâng lên trên, nhưng đường đi khá xa, Trẫm không nỡ bắt dân phải vận-tải khó-nhọc. Chuẩn-định từ nay về sau, hễ gặp kỳ lễ tế đầu mùa xuân tại các nhà tôn-miếu cùng lễ Thánh-thọ trong tháng mười một, trấn Hải-dương y lệ cung tiến cam đường.

Tháng mười hai, [9b] ngày lễ kỵ Tiên-diện, chiếu lệ, trấn Hải dương cung-tiến cam đường, trấn Nam-dịnh cung-tiến mấm rươi (2). Ngoài ra, việc cung-tiến trong các lễ khác đều được đình-chỉ.

(1) *Thổ-nghi* 土宜 : Sự trồng-trọt hợp với chất đất một nơi nào.

(2) *Đại-hỏa-hàm* 大大鹹 : Mấm rươi. Rươi là một giống còn-trùng, có nhiều chân, sinh từng mùa ở những nơi có nước mặn, nước ngọt ra vào. Người ta thường bắt rươi để nấu ăn hay làm mấm.

Hàng năm, trong các lễ tế Giao, tế đàn Xã-tắc, tế hai kỳ Xuân Thu, lễ chánh-đán ở các nhà tôn-miếu đều có đốt đèn lồng lớn, từ nay về sau được tỉnh-giảm.

Trong các lễ Vạn-thọ, Thánh-thọ, Chánh-đán, Đoan-dương, cũng đình-chỉ việc treo đèn lồng ở trước sân các cung-diện và cửa Ngọ-môn. Phải ghi những việc trên đây làm lệnh ».

Hoàng-đế đi đến kho chứa gỗ, hỏi mới biết dân-gian đem bán nhiều thứ gỗ. Viên đốc-công cùng thợ dùng uồng-phí [10a] rất nhiều. Ngài hỏi đến, Bộ Công tâu đã dùng hơn ba ngàn bảy trăm cây gỗ.

Hoàng-đế ban dụ :

« Trẫm làm bậc nhân quân, gặp mỗi việc đều miễn tiếc tài-vật và nhân-lực, nên nghĩ cách tỉnh-giảm, tiết-kiệm. Bọn người kia không thể theo ý Trẫm, xem của trong kho như đất bụi, sao nỡ lòng như thế ? Truyền lệnh cho Bộ Hộ cùng Viện Đô-sát phải tra xét rõ-ràng, nếu thấy việc chi-phí phù-lạm hay việc mưu tính gian-dối, đều phải tâu lên đợi chỉ để trừng-trị ».

Các Bộ Viện tìm ra những việc nhận-lãnh, giao-phát không rõ-ràng. Về sau, các viên đốc-công, cai-quản kho gỗ, tuần-tra, khoa đạo, đều bị buộc tội riêng biệt.

« Hoàng-đế đi cày ruộng tịch-diễn (1). Trước đó một ngày, [10b] Ngài đến cung Khánh-minh, thấy treo đèn kết

(1) Tịch-diễn 籍田 : Ruộng của vua tự mình ra cày.

hoa rất trắng-lệ. Ngài bảo rằng : « Mùa thu năm trước, Bắc-kỳ gặp nạn lụt, Trẫm lĩnh-giảm việc tự cung-phụng và giảm nhiều các châu ngọc, đồ chơi bày ở trong cung. Huống gì cái cung này chỉ đề tạm-trú một đêm, sao lại phải làm như thế ? Từ nay về sau, phải bỏ việc trang-hoàng ». Đến khi Ngài ra xem các đồ dùng đề cày ruộng, thấy có nhiều thứ được nạm vàng thật. Hoàng- đế ban dụ :

« Hàng năm, Trẫm ra cày ruộng tịch-diễn, vì muốn chuộng điều căn-bản, trọng việc canh-nông, đem mình ra đề suất-lãnh người dưới, cho nên không ngại việc siêng-năng khó-nhọc. Đã dùng sức đề cầu cho ruộng tốt, thì dùng vàng đề làm gì ? Huống hồ cái cày, cái bừa trang-sức bằng vàng, không có ý nghĩa gì cả, lại tỏ ra xa-xỉ. Cái gì đã có rồi thì thôi, như loại cán cày. Chớ trang-sức thêm các cái khác như loại roi đánh trâu, phải đem [11a] đồng thiếc làm thay cho vàng, đề xứng-đáng với cái danh thật cần-kiệm ».

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI SÁU

Hoàng- đế nghe việc tỉnh Bình-định đánh đuổi giặc Mọi, tìm thấy ở trong các sách (1) của giặc có hơn mười nơi chứa lúa gạo, đều đem đốt hết.

Hoàng- đế ban dụ :

« Lúa gạo là trời của dân. Giặc mọi làm việc ác-nghiệt,

(1) Sách 籍 : Làng cũ người miền Thượng, trồng tre làm hàng rào xung quanh.

lấy lúa gạo của bọn ấy đã tích-trữ, không hại gì. Đang khi giá gạo lên cao, lại đem một mớ lúa đốt hết nhiều lúa gạo, thật đáng tiếc! Từ nay về sau, hễ tìm bắt được các vật ấy, nên đặt phép-tắc và tùy-tiện vận-tải để đem lúa gạo cấp-phát cho dân bị tai-nạn. Chứ không nên đem đốt hết các vật dùng để ăn như thế».

[11b] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BẢY

Hoàng-đế đi tuần-hạnh tỉnh Quảng-nam, ban dụ :

«Chuyến đi này chuyên vì việc dân và chinh-đốn các địa-phương Nhà hành-cung phải lợp cỏ tranh và đắp thêm bằng đất. Việc cung-ứng đều phải tiết-kiệm. Chuẩn cho Bộ Binh, Bộ Công trừ nghĩ, tâu lên».

Trong khi tuần-hạnh, Hoàng-đế thấy các hành-cung ở dọc đường đều làm theo quy-chế giản-dị. Ngài rất khen-ngợi và thưởng cho tinh-thần cùng những người giúp việc theo thứ bậc.

Hoàng-đế đi tuần-hạnh cửa bể Thuận-an, [12a] ban dụ :

«Nhiều lần, Trẫm đi tuần-hạnh ở trong kinh-ký, thấy hai bên dọc đường, dân các xã thôn đốt đuốc thắp hương, quỳ lạy trong khi đón đưa. Đốt đuốc giữa ban ngày thật vô-ích lại phí-tồn. Từ nay về sau, nên bỏ lệ ấy».

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

«Kho Vũ-khố là nơi trao-đổi tất cả vật-liệu. Trước kia, các người giám-thủ theo lệ lối cũ để chi-phát hay chế-tạo các vật-hạng, phải dùng vật thô-sơ mà chi-phát vật tinh-xảo,

dùng ít mà chi-phát nhiều. Nay những người ấy không biết cân-nhắc nặng nhẹ, làm cho kho nhà nước thiếu hụt. Đã sức rõ nhiều lần, mà mỗi tề vẫn chưa trừ hết. Như việc treo đình-liệu (1), tạm-thời dùng dây tre, dây dừa, sao lại không được? Từ trước đến nay, đều dùng dây gai, đến nỗi phải nhuộm màu sắc các dây gai. Xem một việc ấy, đủ biết các việc khác. Vậy truyền chỉ các viên thanh-tra phải hết lòng xem xét cẩn-thận. [12b] Hễ có việc chi-phát không hợp, không kê là việc tiêu dùng hay việc chi-phát ra ngoài không dùng, đều phải kê rõ từng khoản để xét. Các nha nhận lãnh các vật-liệu cũng được xét đến. Tham-khảo rồi tâu lên đề răn những việc về sau».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI TÁM

Viên giám-lâm coi kho Vũ-khố tâu xin đem những nồi đất, chậu sành trong kho, phát cho hai tượng-cục (2) chế-tạo đồ pha-lè, đồ sứ, đem giã nhỏ để nặn làm khuôn các đồ vật nung trong lò.

Hoàng-dế ban dụ :

« Dù các vật rất nhỏ như dầu tre mặt gỗ cũng không được bỏ đi. Huống gì các vật ấy đều là đồ cần dùng của người ta, nay muốn làm cho tốt, lại đem giã nhỏ, sao nỡ phá hại của trời như thế? Lũ kia yêu-cầu việc ấy để mưu tính ngày khác đem đòi-chác. [13a] Truyền lệnh khiển-trách năng-nề».

(1) *Đình-liệu* 庭燎 : Đèn được treo ở trong sân chầu vua, để soi đường cho các quan vào triều, trước khi trời chưa sáng tỏ.

(2) *Tượng-cục* 象局 : Xưởng thợ.

Hoàng-đế ban dụ cho Hoàng-trưởng-tử Trường-Khánh-Công:

« Người ta ai cũng có lòng ham muốn, riêng việc ăn uống khởi cư, nếu biết theo đúng phép-tắc, thì có thể cầu trời cho sống lâu, Trẫm thường nghĩ đến việc tự hạn-chế, để khuyên dạy các bầy tôi và các con. Nay con phải thận-trọng việc ấy ».

Hoàng-đế ban dụ cho thị-thần.

« Đời xưa, vua Thuấn (1) làm đồ đem sơn, có hơn mười người bầy tôi can-ngăn. Bậc thánh không ai hơn vua Thuấn, sơn đồ dùng cũng không phải là việc xa-xỉ, còn có người can, vì bầy tôi yêu [13b] vua, cần đề-phòng những việc dở tăng thêm dần. Không những đồ sơn, bầy tôi đời xưa còn sợ vua ham dùng đồ vàng ngọc tốt đẹp, vì thế mới khuyên can ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Công:

« Từ trước đến nay, mỗi lần đến tiết Đại-khánh, dựng một tòa rạp trang-hoàng màu sắc ở trước điện Cần-chánh, để thết yến. Trẫm nghĩ cái rạp ấy chỉ dùng để thết yến trong một ngày, rồi lại phải dỡ đi, không khỏi gây phiền-phí, khó-nhọc. Phải đình-chỉ việc làm rạp ».

(1) **Thuấn** 舜 : Vua Thuấn nhà Ngu 虞, họ Diêu 姚 tên là Trùng-Hoa 重華 được vua Nghiêu 尧 nhà Đường 唐 truyền ngôi; làm vua nước Trung-hoa trong 48 năm (2255—2208 trước Tây-lịch kỷ-nguyên), sau nhường ngôi cho vua Vũ 禹 nhà Hạ 夏. Các vua Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Hạ Vũ đều là những bậc Thánh-quân.

Gặp ngày Đại-khánh tiết, vua thết yến và ban thưởng các quan ở trong điện Cần-chánh và hai dãy nhà tả hữu-vũ (1). Chỉ cho phép các nhạc-công đứng ở trước sân tấu nhạc. Nhìn cũng khá đẹp.

Hoàng-đế bảo Bộ Hộ rằng :

« Tài-chánh là việc chính-trị lớn ở trong nước. Từ đời xưa, lương tính số thu vào mà chi ra. Không việc gì là không phải cần-thận ở sự dùng của-cải. Từ ngày Trẫm thân giữ việc chính đến nay, cốt dè-dặt sự tiêu dùng, mong cho nước nhà ngày càng giàu thịnh. [14a] Các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh thu thuế vào không đủ cung-ứng cho số chi ra. Có lẽ không hay tỉnh giảm những khoản chi-tiêu, hoặc lợi-dụng để làm việc tư. Xem như việc giữ binh-lính tại ngũ quá nhiều, không khỏi làm tổn-hại kho nhà nước. Cứ một việc ấy, cũng có thể xét thấy mọi việc khác. Thật các quan địa-phương không biết làm việc nước, không có kế-hoạch xa rộng, gây ra tình-trạng ấy. Người đời xưa cày ruộng trong chín năm, có thể để dành lương-thực cho ba năm. Ngày nay nước nhà thanh-bình, các tỉnh đều được vô sự, thế mà đã thấy tiền lúa không đủ cung-ứng cho các việc chi-tiêu thông-thường. Vậy còn gì dễ dè-phòng khi có việc biến-cổ (2). Nay thông-dụ cho các viên Tổng-dốc, Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát phải hết lòng trù-hoạch cách thế nào để có thể tỉnh-giảm các khoản chi-tiêu, lập thành điều-lệ tâu lên. Bộ-thần phải xem xét bàn-bạc các bản tấu ấy, để quyết-dịnh cho thi-hành ».

(1) Vũ 舞 : Dãy nhà ở hai bên nhà chính.

(2) Biến-cổ 變故 : Việc tai-nạn xảy ra.

[14b] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

Sửa đổi lệ tỉnh Gia-định nạp lúa ngự-túc (1).

(Bảy xã thôn huyện Phúc-lộc trồng giống lúa ấy, bông lúa thừa hạt, mùa gặt hái trễ).

Hoàng-đế cho rằng tỉnh Gia-định theo lệ cũ, mỗi năm nạp một trăm học lúa ngự-túc, thật quá nhiều; nếu để lâu ngày, không khỏi lúa trở thành xấu. Truyền lệnh cho hạt ấy, từ nay về sau, mỗi năm chỉ phải nạp năm mươi học lúa ngự-túc. Số lúa còn lại đem nạp vào lúa thuế, để được giản-tiện. Lại ra lệnh cho các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-trị, Hà-nội, Nam-định, mỗi năm mua một ngàn một trăm học lúa nếp.

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI

Chuẩn-định từ nay về sau, các địa-phương đem nạp vàng bạc tại kinh-đô. Nạp bạc cho phủ Nội-vu [15a] kiểm-thu như cũ, và nạp vàng tại Duyệt-thị-đường.

Hoàng-đế bảo Bộ Hộ rằng:

« Từ trước đến nay, thợ may ở trong phủ Nội-vu lãnh các hàng đồ cắt may, nhiều phen dụng ý phung-phí. Ngày trước, Trẫm ra lệnh chọn lấy hai ba mảnh gấm, đoạn mà thợ may bỏ đi, hoặc đã cắt thành tà vạt áo, rồi lại cho là thừa-thãi. Chúng làm như thế không phải làm hư-phí của

(1) Ngự-túc 御粟 : Lúa để vua dùng.

nhà nước hay sao? Và lại, thợ may cùng các người chủ-thủ toa-rập trong ngoài, giống như bọn hỏi toán và đồng cốt. Người giám-lâm đã dung-tùng, các viên nha-thuộc kiểm-soát cũng không xét ra. Như vậy, đặt các chuyên-viên kiểm-hạch chẳng qua là vô-ích chẳng? Từ nay về sau, thợ trong Nội-vụ lãnh những hàng trong kho dè cất may, các viên giám-lâm phải xem xét, trù-tính [15b] cốt đề dài ngắn, nhiều ít cho được vừa đúng. Hội-dồng kiểm-tra cũng phải hết lòng xem xét. Nếu làm việc trái phép dễ gây sự tổn-hại, phải chỉ-trích nghiêm-minh. Hễ xét thấy thợ may ăn cắp thì phải tính theo tang-vật mà trị tội. Các người giám-lâm, chủ-thủ cùng các nha-thuộc làm trái phép cũng bị xét xử riêng biệt ».

Hoàng-đế hỏi các viên trong Vũ-khố (1) về chất Ô-yên (2) giá bao nhiêu?

Các viên đốc-công đều thưa thật. (Một cân ô-yên trị giá liền gần một quan).

Hoàng-đế phán rằng: « Các thứ khói tốt không có gì vượt qua được khói cây thông. Từ trước đến nay, người ta cứ quen thói cũ, dùng nhựa trám mà xông thành khói, làm phí-tồn vô-ích. Truyền lệnh cho lính thủ-hộ-vệ cùng các phái-binh tỉnh Thừa-thiên đi chặt những cành cây thông và lá khô, cây khô, nhiều đến trên dưới một vạn cân, đem vào kho; theo đúng phương-pháp đốt cháy

(1) Vũ-khố 武庫: Kho chứa các khí-cụ và vật-phẩm dùng về quân-sự.

(2) Ô-yên 烏煙: Khói đen. Người ta dùng Ô-yên để chế ra mực viết chữ Hán.

cho xong lên thành khói đen, cất giữ đồ dùng. [16a] Nếu còn dùng nhựa trám như trước, làm thiệt-hại quốc-thăng (1), sẽ trị tội».

Tỉnh-thần Hà-nội tâu xin dựng lại nhà Chánh-diện trong hành-cung.

Hoàng-đế ban dụ :

«Hành-cung ở tỉnh ngoài chỉ cần đủ nơi để các quan trong tỉnh vọng-bái (2). Ngày trước, Trăm tuần-hạnh ra Bắc, thấy Hà-nội đã có nhà tiền-diện, chánh-diện, đủ cả cột trước, cột cái, phí-tồn quá nhiều. Nay đã lâu năm, nhà bị dột nát, thuận cho phá vỡ xuống. Phải theo quy-thức của Bộ đã đưa ra trong năm Minh-mệnh thứ mười ba, chỉ dựng một tòa hành-cung ba gian hai trái, cho hợp thể-thức».

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các :

«Sang năm mới đây, gặp tiết «Vạn-thọ đại-khánh», Trăm hưởng thọ ngũ tuần, các bầy tòi trong kinh ngoài tỉnh đều thành-khân xin dựng rạp lâu để làm nơi chúc hồ (3). Ôi! một người có việc mừng, [16b] khắp nơi đều vui-vẻ, không ai chẳng xem như người thân-thuộc. Nhưng bầy tòi thờ vua cốt ở lòng thành-kính, chứ không ở việc xa-hoa. Gần đây nghe nói các tỉnh muốn ganh đua nhau làm những cái đẹp cái lạ để rộng đường mỹ-quan, trái với ý của Trăm chuộg kiêng-ước, ghét xa-xỉ. Các vật-

(1) *Quốc-thăng* 國喪: Kho của nhà nước.

(2) *Vọng-bái* 望拜: Ở xa trông về kính mà bái lạy vua.

(3) *Chúc hồ* 祝嘏: Cầu chúc vua hưởng phúc thọ.

liệu dựng rạp lâu đã có binh lính làm rồi, còn việc trần-thiết các đồ vật cũng cho mượn nơi quan-nha, thật không phí-tồn nhiều lắm. Chỉ có việc tiến dâng các phẩm vật cho tùy các tỉnh-hạt lớn hay nhỏ, quan dân nhiều hay ít, châm-chước (1) liệu-biện, cốt bày tỏ được tấm lòng thành-kính là đủ. Nếu bày biện những việc xa-hoa tráng, lệ, không những chẳng làm cho Trẫm xem được đẹp mắt, mà cũng không làm cho Trẫm nghe được vui tai. Và lại chi của Trẫm là muốn người trên chịu tổn để làm ích-lợi cho người dưới. Huống gì gặp kỳ khánh-tiết, phải làm việc phúc đức, ban ân-huệ cho thần dân, chứ sao nỡ nhìn thấy thần dân bị hao tài tổn [17a] sức chẳng? Hạ lệnh Bộ Lễ truyền dụ cho trong kinh ngoài tỉnh biết việc ấy».

Phái-viên tỉnh Bình-thuận mua được một bức bình-phong (2) trị giá hơn một ngàn bảy trăm quan tiền. Hoàng-đế truyền lệnh phải trả tiền ngay cho người có bức bình-phong và lấy của trong kho làm tiền phí-tồn.

Thời ấy có hơn bốn mươi người phủ-hộ ở tỉnh Hải-dương xin đem của riêng (tám trăm lạng vàng và một trăm quan tiền) ra chi-phí về khánh-tiết, phái trước vài người đến kinh để làm rạp lâu. Gặp kỳ khánh-chức, tỉnh-thần tư Bộ biết việc ấy đề tâu lên.

Hoàng-đế phán rằng:

(1) *Châm-chước* 斟酌: Làm việc phải tính-toán thêm đi bớt lại cho đúng, như sun-sẻ hai chén rượu cho bằng nhau.

(2) *Bình-phong* 屏風: Cái bức làm bằng gỗ hay bằng vải dề chắn gió trước cửa lớn.

« Vài mươi người dân trong hạt ấy chịu tổn-phí đến ngàn lạng vàng, chưa hẳn không có ý tranh giành khéo lạ để mở rộng về mỹ-quan. Truyền dụ cho các địa-phương chuyển sức dân trong hạt: nếu ai tình-nguyện đến kinh chúc mừng, cung-tiến phẩm-vật thổ-nghi hay làm việc trần-thiết [17b] phải tính liệu cho được tỉnh-giảm, tiết-kiệm, không được xa-hoa, tráng-lệ thái-quá. Còn như các vật-liệu dùng để xây cất rạp lầu đều do quan nha biện-cấp, không làm thiệt-hại nhiều đến của dân và sức dân. Nếu lũ người gian-xảo mượn việc ấy để thu góp tiền bạc của dân, xét ra được, sẽ trừng-trị nặng ».

Hoàng-đế nghe nói phủ Tôn-nhân (1) dựng một cái rạp lầu để chúc hồ, vật hạng rất xa-phí. Ngài triệu các quan coi phủ ấy đến, phán rằng :

« Các ngươi là những người rất thân, phải biết theo ý Trẫm, việc gì cũng đều phải chất-phác, chớ có ham-chuộng tráng-lệ, làm uổng-phí tài-lực ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI MỐT

Hoàng-đế xét thấy việc bày biện trong các rạp lầu rất phiền-phức, nhân việc ấy, phán rằng :

« Phàm các vật-liệu dùng để trần-thiết đều được lãnh [18a] tại phủ Nội-vu, phải ghi chép rõ-ràng, đủ để kiểm-soát. Không cho bọn gian-lại lợi-dụng việc ấy để thay đổi

(1) *Tôn-nhân phủ* 尊人府 : Một quan-thự đặt ra để xem các việc riêng thuộc về Hoàng-tộc (họ nhà vua).

những đồ vật. Trẫm đình-ninh dặn bảo như thế, vì của-cải nước nhà đều do thuế-má của dân góp vào. Phàm có việc ban thưởng, nên cho thần dân cùng hưởng. Nếu đem dầu mỡ của dân bỏ vào túi đầy của họ gian-những, có đúng với ý-nghĩa giữ-gìn của-cải vì thiên-hạ chăng?».

Hoàng-đế duyệt xem các rạp lâu dựng trong ngày khánh-tiết thấy trong rạp của tỉnh Nghệ-an có bày hai con thú bằng gỗ; bảo dâng lên xem, Ngài khen hình-thẻ giống vật thiên-nhiên, không lộ dấu chạm khắc, đặc-biệt ban thưởng cho một đồng tiền vàng lớn.

Khi Hoàng-đế đi đến rạp của tỉnh Nam-định, thấy trần-thiết rất xa-hoa, Ngài bảo viên Bố-chánh Trần-Quang-Tiến rằng:

«Nay gặp ngày Khánh-tiết, thần dân chúc hỷ, bày-biện các đồ văn-vật (1), Trẫm [18b] không ngăn cấm. Song cùng-cực xa-hoa, tráng-lệ, cũng không phải là điều Trẫm ưa thích. Khi về, khanh nói với các bạn đồng-liêu (2): nếu biết kính-cần giữ chức quan, thương võ-về an-ủi dân ta, khiến không bỏ hờn-phận, mới xứng-hợp với lòng Trẫm. Chứ làm những cái này cho thật đẹp, hỏi có ích-lợi gì?».

Hoàng-đế lại đi xem khắp những lâu rạp của các tỉnh, nơi nào trần-thiết thanh-nhũ, Ngài đều an-ủi.

Nhân đó, Hoàng-đế bảo quan đồng-lý Hà-Duy-Phiên rằng:

(1) Văn-vật 文物: Những sản-vật của văn-hóa.

(2) Đồng-liêu 同僚: Bạn làm quan với nhau một nơi.

« Các tỉnh ganh đua làm lâu rạp cho thật kỳ xảo, Trẫm xem, ước lượng mỗi nơi tổn phí kè vạn, nếu các quan ở tỉnh ngoài cũng như các quan ở trong kinh, đem góp tiền lương ba tháng cũng không đủ, chỉ ngại họ lại bắt dân và lính đóng góp, không khỏi có lỗi. Huống gì giá gấm đoạn rất đắt, nay đem cắt ra để thêu rồng phượng. Sau lễ Khánh-tiết, những đồ thêu ấy trở thành vô-dụng, há không [19a] hư-phí chăng? Nên đem ý ấy bảo rõ cho mọi người biết ».

Hoàng-đế ngự-giá đi khắp trong kinh-thành để xem các nhà dân, các cửa hàng, các rạp. Thấy những rạp của phủ Thừa-thiên bày đặt thanh-nhã, Ngài rất vui lòng. Lại đi đến các rạp của Bắc-kỳ, thấy trần-thiết rất tráng-lệ (1), Ngài ban dụ rằng:

« Các người từ xa đến đây để chúc hỷ, có tấm lòng thành tôn quân thân thượng, Trẫm đã xét biết. Nhưng không nên quá xa-xỉ. Vì phỏng người nào có thể đem tài-lực ra khai đào các sông Thiên-đức, Nguyệt-đức, làm cho nước sông Nhị-hà chảy thông suốt, không làm hại dân, há không phải là việc tốt đẹp hơn chăng? Các người về báo-cáo với dân-chúng rằng: Trẫm muốn dân cày sâu cuốc bẫm, an-cư lạc-nghiệp, đừng có tranh giành kiện cáo lẫn nhau, chớ ham làm loạn, để cùng hưởng phúc thái-bình. Chứ còn tranh khéo đua tài trong việc trần-thiết này, thật Trẫm không dùng đến ».



(1) Tráng-lệ 壯麗: Lớn-lao đẹp-đẽ.

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỨ II

LÊ NHẠC (tập thượng)

Bản dịch của

LÊ PHỤC - THIÊN

[1a] **MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU**

QUYỀN THỨ 11

LỄ NHẠC

(TẬP THƯỢNG)

MINH - MỆNH NĂM ĐẦU

Ngày mồng một Mậu-Ngọ, tháng giêng mùa xuân, Hoàng-thượng lên ngôi Hoàng-đế ở điện Thái-hòa, đổi hiệu là Minh-mệnh (1), đại-xá các tội-nhân, ban ân-chiếu cho thiên-hạ :

«Trước vì đức Tiên-đế lên bậc thượng-tân, (2), các văn võ đại-thần lại thiết-thu nài xin, Trẫm kính-cần tuân di-chiếu (3), sớm chính tôn-hiệu, để kết chặt lòng người».

[1b] Trước ngày ghi trên, Hoàng-đế không ưng-thuận lên ngôi báu, quần thần hai ba lần tâu khuyên, đều nói Ngài đã được phó-thác công việc trọng-dại, không thể dè

(1) Chữ 命, chính âm là mệnh, ta quen đọc là mạng.

(2) *Thượng-tân* 上賓 : Lên làm bậc thượng-khách trên thiên-đình, có nghĩa là vua chết. Đây nói vua Gia-long thăng-hà.

(3) *Di-chiếu* 遺詔 : Tờ chiếu của vua Gia-long.

lâu ngày mà không nhận. Hoàng-đế từ chối nhiều lần, đến nay miễn-cưỡng phải theo lời. Mỗi khi Hoàng-đế kể lại công-đức của Tiên-đế với quần thần, Ngài luôn luôn than khóc. Các quan Thượng-thư Phạm-Đặng-Hưng, Nguyễn-Hữu-Thận đều xin Ngài bớt mối thương-tâm, cho thuận lẽ biến-dịch. Hoàng-đế phản rằng :

« Trẫm vẫn biết thương xót thái-quá khiến thân-thể hao mòn là vượt quá lễ-nghi, không thấu tiết tang-sự để mang tội bất-hiếu; song thương nhớ là mối tình sâu, không thể nguôi được ».

Quần-thần ai cũng khuyên can.

Hoàng-đế mới giữ việc triều-chính, nhưng ngày nào đến nơi tế lễ, cũng đều thương khóc.

Ở trong cung Lượng-âm (1) ba năm, Ngài chưa khi nào giảm sự thương nhớ.

Hoàng-đế tới [2a] điện Hoàng-nhân (2) để tế lễ Ân-diện (3). Từ ngày ấy, Ngài đặt ba kỳ lễ lớn tức là lễ ngày mồng một, lễ ngày rằm và lễ ân-diện.

Hoàng-đế tế Trời Đất ở đàn Nam-giao, Trước kỳ tế, Ngài sai quan bói về lễ tế Giao. Ba ngày trước hôm lễ, Ngài hội-hợp các quan, bảo phải ăn chay trong hai ngày.

Hoàng-đế tế-cáo Thái-miếu (4) và điện Hoàng-nhân.

(1) *Lượng-âm* 豫陰 : Nhà vua ở trong khi chịu tang cha mẹ.

(2) *Hoàng-nhân-diện* 黃仁殿 : Điện thờ vua Gia-long.

(3) *Ân-diện* 殷其 : Lễ tế lớn.

(4) *Thái-miếu* 太廟 : Nhà thờ tổ tiên của vua.

Trước một ngày, ngự giá đến Trai cung (1). Trong khi hành lễ, Ngài theo đúng lễ tế Giao đời xưa.

Hoàng-đế sai Trấn-thần tỉnh Thanh-ba tế-cáo nhà Nguyên-miếu (2), [2b] Ngài ban chiếu rằng :

« Báo đáp tại nơi nguồn gốc đề tôn-sùng đạo-hiểu, sắp đặt từ việc bắt đầu đề sáng tỏ điều lễ. Nguyên-miếu là nền tảng mở đầu công-nghiệp đế-vương, phúc-trạch rủ khắp muôn đời. Trẫm truyền lệnh cho Trấn-thần đem đủ lễ-vật đến yết-cáo đề tỏ nghĩa tưởng nhớ Tồ-tiên ».

Hoàng-đế còn quyết-định tăng thêm những lệ tế lễ tại nhà Nguyên-miếu.

Ngài đặt tôn-thụy (3) đức Đại-hành Hoàng-đế (4) là : Khai thiên hoảng đạo, lập kỷ thủy thống, thần văn thánh võ, tuần đức long công, chí nhân đại hiếu, Cao Hoàng-đế, miếu-hiệu Thế-tổ. 開天弘道立紀垂統神文聖武峻德隆功至仁大帝高皇帝廟號世祖.

Hoàng-đế phán rằng :

(1) *Trai-cung* 齊宮 : Cung vua ở đều ăn chay trước ngày ra tế lễ.

(2) *Nguyên-miếu* 原廟 : Nhà thờ Tồ-liên của họ Nguyễn-Phúc ở làng Gia-miếu (sau đổi là làng Triệu-tường, chánh-quán của các vua chúa nhà Nguyễn), thuộc huyện Tống-sơn, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa.

(3) *Thụy* 諡 : Tên đặt cho người đã chết, theo hành-vi lúc còn sống mà đặt. *Tôn-thụy* : Tên Thụy được kính-trọng.

(4) *Đại-hành Hoàng-đế* 大行皇帝 : Vua thăng-hà (chết) gọi là Đại-hành Hoàng-Đế. Đại-hành có nghĩa là đi không trở lại.

[3a] « Đức Hoàng-khảo ta xây dựng việc trung-hưng (1) kiêm cả việc sáng-nghiệp (2), công-đức tốt thịnh, các vua Cao-tô, Quang-vũ đời Hán cũng không thể hơn, tôn-thụy ấy có xứng hợp không? »

Ngài dâng kim-sách (3) của Cao Hoàng-đế lên điện Hoàng-nhân (4).

Khi mới xem xét kinh-sách, Hoàng-đế muốn mặc dù đồ thôi-diệt (5). Thượng-thư Bộ Lễ xin Ngài mặc quần áo trắng. Ngài không ưng. Quần thần cũng hết lời khuyên-can, Ngài mới miễn-cưỡng theo lời.

Nhân việc ấy, Hoàng-đế phán rằng :

« Vua phải xem Tôn-miếu, xũ-tắc làm trọng; chế-độ lễ-nghi làm giới-hạn, khiến tình không thể tỏ hết. Cung-diện không phải là nơi cư-tang. Ngày trước [3b] Hoàng-khảo ta bảo sau việc ngàn thu muôn năm, rước tử-cung (6) đến điện Hoàng-nhân. Lời dạy ấy còn đề trong tai, Trẫm đâu dám quên, song mỗi tình thương tiếc không có gì an-ùi nổi ».

(1) *Trung-hưng* 中興 : Đã suy mà trở lại, vì nhà Nguyễn Tây-sơn đã đánh bại chúa Nguyễn, về sau vua Gia-long mới dựng nghiệp trung-hưng.

(2) *Sáng-nghiệp* 創業 : Dựng nên công-nghiệp mới, tức như vua Gia-long dựng đế-nghiệp.

(3) *Kim-sách* 金冊 : Sách bằng vàng khắc tên thụy của vua.

(4) *Hoàng-nhân điện* 皇仁殿 : Nhà thờ vua Gia-long.

(5) *Thôi-diệt* 褫絰 : Quần áo, mũ, dây lưng của người con mặc trong khi cư-tang.

(6) *Tử-cung* 梓宮 : Cái hòm đựng di-hài của vua Thiên-tử.

Nói xong, Ngài tra nước mắt khóc, quần thần đều khóc theo. Đến ngày lễ phát tang, Hoàng-đế sai quan tể cáo tại Giao-miếu (1) và nền Xã-tắc (2). Lại ban sắc cho các quan dân trong ngoài: Trước hai ngày làm lễ Khải-diện (3) đến ngày làm lễ Tốt-khốc (4), cấm dùng những sắc-phục màu đỏ, màu tía, âm-nhạc, hát-xương.

Từ ngày lễ Khải-diện đến ngày lễ Sơ-ngu (5) cấm họp chợ và mổ thịt súc-vật.

Ngày Tân-Sửu tháng tư mùa Hạ, [4a] Hoàng-đế rước Linh-giá đến rằm Thiên-thọ (6). Ba ngày trước là ngày Mậu-Tuất, Linh-giá tiến-phát, Hoàng-đế đi chân theo đến Lô-diện (7) ở bến sông Hương-giang, rồi rước Linh-giá lên thuyền. Ngày Tân-Sửu, Linh-giá tiến đến Lô-diện trước hoàng-đường. Giờ Dậu, Hoàng-đế làm lễ an-táng; giờ Nhâm-Dần, Ngài đề thần-chủ ở điện Minh-thành, rồi rước thần chủ về điện Hoàng-nhân an-vị. Lễ xong, Ngài tể Giao-miếu, Xã-tắc và bố-cáo khắp nước. Ngài thưởng các quan quân theo hầu tang-lễ có sai-đẳng (8).

(1) *Giao-miếu* 郊廟: Miếu tế Trời Đất.

(2) *Xã-tắc* 社稷: Thuở xưa dựng nước tất quý trọng nhân-dân. Dân cần có đất ở, nên lập nền Xã để tế-thần Hậu-thổ, dân cần có lúa ăn, nên lập nền Tắc để tế Thần-nông. Mất nước thì mất Xã-tắc, nên Xã-tắc cũng có nghĩa là quốc-gia.

(3) *Khải-diện* 啟殯: Lễ tang đầu tiên, như lễ thành-phục để những người thân-thuộc mặc đồ tang.

(4) *Tốt-khốc* 卒哭: Lễ sau thời-kỳ đã khóc trong một trăm ngày.

(5) *Ngu-lễ* 虞祭: Một kỳ tế trong tang lễ, sau khi an-táng. Tế-ngu có 3 lần: Sơ-ngu, Tái-ngu và Tam-ngu.

(6) *Thiên-thọ lăng* 天授陵: Lăng có mộ vua Gia-long.

(7) *Lô-diện* 麓殿: Cung-diện làm tạm để đợi linh-giá mà tế-lễ.

(8) *Sai-đẳng* 差等: Chia bậc khác nhau.

Từ lễ Sơ-ngu đến lễ Tốt-khốc, mỗi ngày ba lần, Ngài truyền lệnh làm lễ tiến-thiện (dâng cơm) tại điện Hoàng-nhân và điện Minh-thành.

[4b] Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ:

«Các diên-lễ tại nhà Tôn-miếu rất long-trọng. Theo việc tế-tự đời xưa, Trẫm phải thân ra tế. Nhưng Trẫm mới cư-tang, không thể ra tế tại nhà Tôn-miếu. Vậy gặp các kỳ tế ấy, khanh phải chọn người trong phủ Tôn-nhân (1) có quan-chức, tính-nết cẩn-thận, thay Trẫm ra tế».

Ngài quyết-định cho các quan-viên họ Tôn-thất phải mặc triều-phục đến hành lễ tại các Liệt-miếu trong ngày mồng một, ngày rằm và các lễ tế khác.

[5a] Ngài sai đúc kim-sách đề khắc tôn-thụy của Cao Hoàng-hậu.

Ngài quyết-định từ nay về sau, gặp những ngày kỵ trong Liệt-miếu, các Hoàng-tử đều phải đến tế.

Hoàng-đế đến điện Hoàng-nhân rước thánh-vị Cao Hoàng-hậu đến điện Minh-thành.

[5b] Hoàng-đế lại đến yết lăng Thiên-thọ và thưởng tiền cho các quan quân theo hầu, chia bạc khác nhau.

Ngài đặt thêm tôn-thụy của Hoàng-tỷ (2), nguyên trước

(1) *Tôn-nhân phủ* 真人府: Một cơ-quan đặt ra để xem các việc riêng thuộc về Hoàng-tộc.

(2) *Hoàng-tỷ* 皇妣: Mẹ vua đã chết, tức là Thuận-nguyên Cao Hoàng hậu vợ chính của vua Gia-long, đích mẫu của vua Minh-mệnh,

là Giản-cung tề hiếu, Dực chính Thuận-nguyên Hoàng-hậu 國恭齊孝其正順元皇后 nay thêm là Thừa thiên tá thánh, hậu đức từ nhân, giản cung tề hiếu, Dực chính Thuận-nguyên Cao Hoàng-hậu. 承天佑聖厚德慈仁國恭齊孝其正順元高皇后. Hoàng đế dẫn quần thần đến điện Hoàng-nhân, rước thần-chủ Thuận-nguyên Cao Hoàng-hậu lên thờ chung với thần-chủ Thế-lô Cao Hoàng-đế. (Trước thờ thần-chủ Thuận-nguyên Cao Hoàng-hậu ở gian bên hữu trong điện, nay rước thờ chung ở gian chính giữa).

[6a] Hoàng-đế ban cho các quan (ở các trấn ngoài từ tứ phẩm trở lên, ở trong kinh từ tam phẩm trở lên) mỗi người một số bạc thay cho việc thiết yến.

Hoàng-đế ban tờ chiếu:

«Vua mới lên ngôi, hân hoan rộng ân-trạch, đãi yến quần-thần, lễ mừng hội vua sáng tôi hiền và tin cậy nơi nhân-dân hòa-mục.

Trẫm nhờ Trời nhìn lại, trên thừa Hoàng-khảo phó-thác trọng-trách, dưới được quần-thần thành-khân suy-tôn. Trẫm mới lâm-chính, đang suy-nghĩ để báo đền ơn đức sinh thành, ngậm-ngùi thương tiếc; tang-lễ bề-bộn chưa xong, đã cử-hành lễ Ninh-lăng. Nay đã tôn thờ Hoàng-khảo, Hoàng-tỷ ở nhà Ni-miếu (1) Trẫm phụng-thừa di-chiếu, mọi việc đều được lần-lượt cử-hành. Song việc nước còn nhiều, cung-kiếm [6b] chưa thôi. Lòng Trẫm thương-xót lo-lắng, đâu phải là ngày vua tôi vui-vẻ yến tiệc. Nhưng không thể vượt khỏi lễ-nghi mà công việc lại không được

(1) Ni-miếu 禰廟 : Nhà thờ cha.

rành-rang; nên Trẫm dùng bạc ban thưởng quần thần, chia bậc khác nhau, để thay cho yến tiệc».

Hoàng-đế biết Thái-dương phu-nhân linh-ứng, từ trước đến nay, thờ chung ở miếu Hội-dồng. Nay truyền lệnh lập đền thờ riêng ở xã Thai-dương, để tế hai kỳ xuân thu trong mỗi năm.

Thần Nguyễn-văn-Nhân xin lập miếu thờ các vị khai-quốc công-thần.

Hoàng-đế phán rằng :

« Các bầy tôi trung-nghĩa tiết-liệt cũng nên có nơi thờ ». Ngài liền sai Bộ Công dựng hai tòa miếu là Khai-quốc công-thần và Trung.tiết công-thần. (Miếu khai-quốc công-thần ở bên tả miếu Trung-hung công-thần; miếu Trung-tiết công-thần ở về phía sau bên hữu. Mỗi năm tế hai kỳ xuân thu vào ngày thuộc can giáp 7).

[7a] Hoàng-đế bảo Bộ Lễ rằng :

« Nay các công-thần khai-quốc, trung-hung, đều được tế tự. Trẫm nghĩ đến khi nước nhà được khai-sáng, các bậc vương-thần cùng sĩ-tốt chết vì việc vua không phải là ít mà họ tên bị mai-một, không ai thăm viếng, tế-lễ, rất đáng thương xót ».

Ngài liền chuẩn-định mỗi năm, tế hai kỳ xuân thu ở miếu Công-thần, thì lập đàn tế riêng những người đã bỏ mình vì vương-sự. Đàn tế ấy được đặt tên là Ân-tự đàn 恩祀壇.

Hoàng-đế bảo Thượng-thư Bộ Lễ Phạm-Đặng-Hưng rằng :

« Cỗ-lễ có nói: « Cự-tang không tế », lại nói: « Người quân-tử chịu tang trọn đời », đó là nói về lễ kỵ. Đủ biết lễ kỵ không phải là cát-lễ. Nếu gặp ngày kỵ tại các liệt-miếu, thì nên mặc áo gi? ».

Thượng-thư Phạm-Đăng-Hung xin Hoàng-đế mặc lễ-phục để hành lễ. Ngải theo lời.

[7b] Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ:

« Bậc vương-giả kính thờ các nhà Tôn-miếu, không thể không đủ các viên từ-quan. Nên đặt các viên miếu-lang, miếu thừa, để coi việc phụng-thờ liệt-miếu. Lại đổi hai đội Ty phụng nhất nhị, làm hai ty Tả Hữu Từ-tế. Viên phó-sứ được cai-quản ty Từ-tế. Mỗi ty lại đặt thêm một người điền-sự ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI

Ngày mồng một, quý-sử, tháng giêng, mùa xuân, Hoàng-đế mới đội mũ chín rồng, mặc áo vàng, thắt đai ngọc, đến tế nhà Thái-miếu (1). Từ ngày ấy về sau, [8a] Ngải đều ra tế tại Liệt-miếu.

Sửa xong nhà Nguyên-miếu (2), Hoàng-đế muốn truy-tôn huy-hiệu Trưng-quốc-công, giao cho đình-thần bàn-bạc, đều tâu: « Bàn về lễ, không đâu đầy đủ bằng đời nhà

(1) *Thái-miếu* 太廟: Nhà thờ Tồ-tiên của các vua triều Nguyên ở trong hoàng-thành Huế.

(2) *Nguyên-miếu* 原廟: Nhà thờ Tồ-tiên của các vua triều Nguyên ở trong tỉnh Thanh-hóa.

Chu. Đời xưa, vua Vũ-vương lên ngôi, Chu-công có đức văn vũ, truy phong vương cho Thái-vương, Vương-quý (1), phụng thờ theo lễ thiên-tử. Chu-công là bậc đạt-hiệu, thuận theo ý của vua Văn, vua Vũ, truy phong vương chỉ đến hai ba đời, còn từ đời Tồ-Cám đến Hậu-Tắc, chỉ xưng là Tiên-công, chưa phong tôn-thụy. Nay [8b] đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế thống-nhất nước Nam, truy-tôn đế-hiệu lên đức Triệu-tổ (2), đức Thái-tổ (3), lại dựng nhà Nguyên-miếu tại nền cũ của nhà Chính-miếu để thờ đức Triệu-tổ, đức Thái-tổ. Miếu bên tả thờ riêng đức Trưng-quốc-công mà không truy-tôn huy-hiệu. Như thế là theo lễ của nhà Chu, cùng chung một phép tắc, thờ các tiên-công. Vậy xin phụng-thờ theo phép cũ ».

-
- (1) Thái-vương sinh ra Vương-Quý, Vương-Quý sinh ra Văn-vương, Văn-vương sinh ra Vũ-vương, Chu-công đời nhà Chu (1122—247 trước Tây-lịch kỷ-nguyên).
 - (2) *Triệu-tổ Tĩnh Hoàng-đế* : Miếu hiệu của ông Nguyễn-Kim (còn gọi là Nguyễn-Hoàng-Kim) con ông Trưng-quốc-công Nguyễn-Hoàng-Dụ, cháu ông Nguyễn-văn-Lang đều làm tướng nhà Lê, người làng Triệu-tường, huyện Tống-sơn, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Trong đời Lê Chiêu-tông (1516 — 1527) ông Nguyễn-Kim làm chức Hữu-vệ Điện-liền tướng-quân An-thanh hầu. Sau khi Mạc-Đàng-Dung cướp ngôi nhà Lê, ông Nguyễn-Kim đến xứ Sầm-châu (thuộc Trấn-man phủ, đất Thanh-hóa), chiêu-tập binh mã, tôn hoàng-tử Lê-Duy-Ninh lên làm vua tức là Lê Trung-tôn. Năm 1543, ông khôi-phục được Tây-dò (Thanh-hóa). Năm 1545, ông bị hàng tướng nhà Mạc là Dương-Chấp-Nhất đánh thuốc độc chết tại huyện Yên-mô, tỉnh Ninh-bình.
 - (3) *Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế* : Miếu hiệu của chúa Tiên Nguyễn-Hoàng (1525 — 1613), con thứ ông Nguyễn-Kim, được vua Lê phong làm chức Thái-úy Hoan quận-công vì có công đánh họ Mạc. Năm 1558, Trịnh-Kiểm tàu lên vua Lê Anh-tôn cho ông vào trấn-thủ đất Thuận-hóa, qua năm 1566, ông kiêm chức trấn-thủ đất Quảng-nam, lập nên nghiệp chúa ở miền Nam. Năm 1611, ông sai tướng đem quân đánh Chiêm-thành, lấy đất lập ra phủ Phú-yên.

[9a] Hoàng-đế cho là phải.

Khoảng niên-hiệu Gia-long, mới dựng nhà Thái-miếu ở bên tả trong Hoàng-thành. Thờ Thái-tổ Gia-du Hoàng-đế ở nhà chính giữa, thờ Liệt-thánh (1) trong các miếu

(1) Liệt-thánh là tám vị chúa Nguyễn :

1—Thụy quận-công Nguyễn-Phúc-Nguyên (1613 — 1635); truy-tôn là Hi-tôn Hiến-văn Hoàng-đế, đương-thời gọi là chúa Sãi. Ngài là con thứ sáu chúa Nguyễn-Hoàng, đổi họ là Nguyễn-Phúc.

2—Nhân-quận-công Nguyễn-Phúc-Lan (1635 — 1648), truy-tôn là Thần-tôn Hiếu-chiêu Hoàng-đế, đương-thời gọi là chúa Thượng. Ngài là con thứ hai của chúa Sãi, đánh nhau với chúa Trịnh ở Quảng-bình.

3—Dũng-quận-công Nguyễn-Phúc-Tân (1648 — 1687), truy-tôn là Thái-tôn Hiếu-triết Hoàng-đế, đương thời gọi là chúa Hiền. Ngài đánh nhau với chúa Trịnh ở đất Nghệ-an. Lấy đất Chiêm-thành, lập ra phủ Ninh-hòa và phủ Diên-khánh (thuộc tỉnh Khánh-hòa ngày nay).

4—Hoàng-quốc-công Nguyễn-Phúc-Trần (1687 — 1691), truy-tôn là Anh-tôn Hiếu-nghĩa Hoàng-đế, đương-thời gọi là chúa Nghĩa, lập phủ chúa ở Phú-xuân (cố-đô Huế).

5—Tộ-quốc-công Nguyễn-Phúc-Chu (1691 — 1725) truy-tôn là Hiến-minh Hoàng-đế, đương-thời gọi là Quốc-chúa. Ngài lấy hết nước Chiêm-thành (đất Bình-thuận ngày nay), và lấy đất Gia-định, Hà-tiên của nước Chân-lạp.

6—Định-quốc-công Nguyễn-Phúc-Trú (1725 — 1738), truy-tôn là Túc-tôn Hiếu-ninh Hoàng-đế mở-mang đất Gia-định và bảo-hộ nước Chân-lạp.

7—Vũ-vương Nguyễn-Phúc-Khoát (1738 — 1765), truy-tôn là Thế-tôn Hiếu-vũ Hoàng-đế. Ngài đánh nước Chân-lạp và mở rộng thêm đất miền Nam.

8—Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần (1765 — 1777), truy-tôn là Duệ-tôn Hiếu-định Hoàng-đế. Khi Ngài làm chúa, bị Trương-Phúc-Loan chuyển quyền. Anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ, Nguyễn-Huệ khởi-nghĩa đánh phía Nam, quân họ Trịnh đánh phía Bắc. Sau quân họ Trịnh chiếm đất Phú-xuân, Định-vương chạy vào Gia-định bị Nguyễn-Huệ giết.

ở hai bên tả hữu, hợp thành chín miếu. Về phía Bắc, dựng riêng miếu thờ Triệu-tổ Tĩnh Hoàng-đế. Lại dựng miếu ở bên phía hữu Hoàng-thành để thờ Hiếu-khang Hoàng-đế (1). Đến khi Hoàng-thượng (2) định dựng nhà Thế-miếu (3) mới dời [9b] hữu-miếu (4) về phía Bắc.

Ngài theo thê-chế lập Triệu-miếu, sai quần thần hợp bàn đề tón miếu-hiệu của Hiếu-khang Hoàng-đế. Quần thần tâu :

« Hoàng-tổ sinh ra con thánh, ứng-hợp lẽ trời, thuận với lòng người, thật là nền móng hưng đế-nghiệp, vậy xin dùng chữ HUNG để đặt miếu-hiệu. Chữ hưng có nghĩa là khởi (dấy lên, dựng lên), lại có nghĩa là thịnh (tốt, nhiều, lớn, thịnh-vượng).

Kinh Thi có câu : « Thiên bảo định nhĩ, dĩ mạc bất hưng. 天保定爾，以莫不興 : Trời đã yên định cho ngài, cho nên không có gì là không hưng-khởi, thịnh-vượng ».

(1) *Hiếu-khang Hoàng-đế* : Hoàng-khảo của vua Gia-long, Ngài là con thứ hai của Vũ-vương Nguyễn-Phúc-Khoát, được Vũ-vương đề di-chiếu lập lên nối ngôi chúa. Nhưng sau ngày Vũ-vương mất, Trương-Phúc-Loan lại đổi từ di-chiếu mà lập em ngài là Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần mới có 12 tuổi, lên ngôi chúa. Về sau vua Gia-long truy-tôn Hoàng-khảo là Hưng-tổ Hiếu-khang Hoàng-đế.

(2) *Hoàng-thượng* : Vua Minh-mệnh. Người đương-thời tôn-xưng vua là Hoàng-thượng 皇上.

(3) *Thế-miếu* 世廟 : Miếu thờ vua Gia-long và các vua triều Nguyễn đời sau.

(4) *Hữu-miếu* 右廟 : Miếu ở phía hữu Thái-miếu thờ Hoàng-khảo vua Gia-long là Hưng-tổ Hiếu-khang Hoàng-đế.

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy.

Ngài lại truy-niệm [10a] công-nghiệp của Tiên-đế, ban dụ cho quần thần :

« Hoàng-khảo ta, công thần đức thánh, cao hơn ngàn xưa, nên thờ ở chính giữa phương nam để hưởng tể, khiến đời đời tôn-sùng mới hợp với sự trông mong của thần dân trong thiên-hạ. Nếu tể Phụ (1) ở nhà Thái-miếu, thì đối với hàng Chiếu Mục (2) của Duệ-tôn (3), sợ không đúng nghi-thức. Lại theo thứ tự mà thờ trong miếu có các thần-chủ đã lâu đời, không hợp với ý của Trẫm phụng-sự theo đạo-hiểu. Vậy phải xây dựng riêng nhà Thế-miếu theo đúng thể-thức của [10b] nhà Thái-miếu, ở phía trước hữu-miếu, để trăm đời không thay đổi và hợp với tình, đúng với lễ ».

(1) *Phụ* 附 : Tổ Phụ, hết tang cha mẹ ba năm, rước thần chủ vào thờ trong nhà thờ tiên-tổ.

(2) *Chiếu Mục* 昭穆 : Tại nhà Thái-miếu, chính giữa thờ Thủy-tổ, những miếu bên phía tả thờ các vua hàng cha gọi là Chiếu, những miếu bên phía hữu thờ các vua hàng con gọi là Mục. Thí dụ : Tại Thái-miếu nhà Nguyễn, miếu chính giữa thờ Triệu-tổ Tĩnh Hoàng-đế (Nguyễn-Kim), miếu thứ nhất bên phía tả thờ Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế (Nguyễn-Hoàng là hàng cha), miếu thứ hai bên phía hữu thờ Hi-tôn Hiếu-văn Hoàng-đế (Nguyễn-Phúc-Nguyễn là hàng con chúa Nguyễn-Hoàng). Miếu thứ hai bên phía tả thờ Thần-tôn Hiếu-chiêu Hoàng-đế (Nguyễn-Phúc-Lan là hàng cha). Miếu thứ hai bên phía hữu thờ Thái-tôn Hiếu-triết Hoàng-đế (Nguyễn-Phúc-Tân là hàng con chúa Nguyễn-Phúc-Lan) v.v...

(3) *Duệ-tôn* : Định-vương Nguyễn-Phúc-Thuần là chú của vua Gia-long.

Hoàng-dế lại làm tờ dụ đề trong Sử-quán, đại-lược như sau :

Hết người thân thì làm lễ Diêu (1), song đạo thần tử đối với việc quân thân, trong tâm có yên chăng? Huống gì các lễ nghi đều do đạo-nghĩa dựng lên, thà rằng sai-lầm vì làm việc trọng-hậu; thánh-nhân chẳng nói như thế hay sao?

Nước nhà ta nhờ mây thiêng của Trời Đất, Tôn Xã, các đấng-vị được nối-tiếp dự vào chín nhà Thế-miếu. Khi nào đầy đủ thì chọn nơi đất khác mà dựng tân-miếu. Phải noi theo lâu dài nối-tiếp không thôi. [11a] Còn gì đẹp bằng? Còn gì tốt bằng? Nếu nghe lời các hủ-nho câu-nệ về phong-tục xưa, bèn nhắm đến việc làm lễ Diêu, dời thần-chủ đi nơi khác. Đoán chắc những kẻ ấy không phải thần tử của bản-triều. Việc này có quan-hệ đến đại-kế của tôn-miếu, không thể không chỉ bảo rõ-ràng, chính-dáng. Con cháu, thần dân của ta phải biết rõ lòng Trẫm mà giữ-gìn làm thành-pháp, mong được che-chở đến muôn năm».

Hoàng-dế ban dụ cho Bộ Lễ:

« Nước nhà bắt đầu xây dựng nghiệp cả, giữ-gìn lâu dài mệnh trời, thật nhờ Tờ-tôn đáp bởi phúc-ấm, khí thiêng họp tại nền nhân.

Nay phong:

(1) *Diêu* 旒 (chính âm là thiêu, nhưng chúng ta quen đọc là diêu): Nhà thờ để thần-chủ đã lâu đời, như Tờ-tên đã xa đời. Người ta làm lễ Diêu để dời thần-chủ đi nơi khác.

Núi Trường-nguyên lăng, Thiên-tôn, làm thần Triệu-tường-sơn.

[11b] Núi Trường cơ lăng làm thần Khải-vận-sơn.

Núi Cơ-thánh lăng làm thần Hưng-nghiệp-sơn.

Lại phong núi Thiên-thọ lăng làm thần Thiên-thọ-sơn.

Các vị thần ấy đều được lập đền thờ để tế-lự hai kỳ xuân thu.

Quần-thần dâng tờ biểu xin tôn hiệu Hoàng Thái-hậu

Hoàng-đế đem biểu dâng lên Hoàng-mẫu (1) làm Hoàng Thái-hậu.

Hoàng-mẫu ban dụ rằng:

«Ta xem tờ biểu, đã biết Hoàng-đế cùng các bầy tôi đều có lòng thành. Nhưng nghĩ đến [12a] Tiên-đế ninh-lăng chưa được bao lâu, ta ăn ngủ không yên, nay binh dân lại gặp nhiều lệ-khí tật-bệnh, ta thấy Hoàng-đế lo-lắng siêng-năng, ta thương-xót khôn xiết. Mặc dù tai-lệ ấy chưa hẳn đã vì đức bạc của bậc nhân-quân, nhưng đủ

(1) Bà sinh-mẫu vua Minh-mệnh là vợ thứ của vua Gia-long, sinh ra vua Minh-mệnh vào giờ Kỷ-Dậu, ngày 23 tháng 4 năm Tân-Hợi (25-5-1791) tại làng Tân-lộc, tỉnh Gia-định, nay thuộc đô-thành Sài-gòn, khoảng đường Lê-Quý-Đôn, ở giữa hai con đường Phan-Đình-Phùng và Trần-Quý-Cáp. Vua Minh-mệnh lên ngôi Hoàng-đế, có lập chùa Khai tường tại nơi ấy để kỷ-niệm nơi sinh của Ngài, chùa này đã bị người Pháp phá, còn lại một pho tượng Phật đang ngồi tại Viện Bảo-tàng Sài-gòn. (Xem J. Bouchot, Documents pour servir à l'histoire de Saigon (1859 — 1865), Saigon, 1927, trang 96 và 116).

nhận việc cung-phụng của thiên-hạ thì phải lo việc trong thiên-hạ, như thế là phải. Ta muốn các vị lão tiên-sinh chung đức một lòng, cố-gắng giúp-dỡ Hoàng-đế, đề văn hồi ý Trời, và khiến dân-sinh được vui-vẻ, thì ta rất mừng vậy. Còn việc xin tôn-sùng, bắt tất phải cử-hành».

Quần-thần nài xin hai ba lần, Hoàng-mẫu mới nhận lời.

Hoàng-đế hướng-dẫn quần-thần đến dâng [12b] tôn-hiệu lên Hoàng Thái-bậu và ban Ân-chiếu, đại-lược như sau :

« Từ xưa, các bậc đế vương làm chủ thiên-hạ, không ai chẳng bày tỏ đức lớn đề gieo ân-trạch cho nhân-dân. Nhà Chu có thiên Tư tề (1) ghi chép trong kinh Thi, nhà Hán có bài Trường-lạc (2) lưu nơi sử sách. Thật là điểm lớn về luân-thường, việc phải của đời thịnh-trị.

Nghĩ đến Hoàng-mẫu ta giúp Hoàng-khảo Cao Hoàng-đế, đã lừng danh hiển-thực. Con cháu đều được nhờ lòng từ-ái, nước nhà cũng hưởng phúc dồi-dào. Trẫm nhờ ơn sinh thành dưỡng dục, mới có đại-nghiệp. Dù việc cai-trị nước, nhờ [13a] khuôn-phép của Hoàng-khảo; nhưng lời phải nết hay, thật nhờ sự dạy bảo của Từ-mẫu. Đối với ân-đức cao dày ấy, không biết xưng-tụng cách thế nào cho xiết được.

Trẫm khảo xét các điển-lễ, kính dâng Tôn-hiệu. Nay mừng đại lễ đã xong, ban ơn cho khắp thần dân trong ngoài ».

(1) *Tư tề* 思齊: Tên thiên Đại-nhũ trong kinh Thi nói về vua Văn-vương trở nên bậc thánh, vì thấy người hiền thì nghĩ làm sao cho bằng người ấy.

(2) *Trường-lạc* 長樂: Bài ca-dao tán-tụng một bà Hoàng Thái-hậu nhân-đức ở trong cung Trường-lạc đời nhà Hán.

Hoàng-đế cùng quần thần bàn về việc thờ-phụng Tồn-miếu.

Quần thần tâu: «Khoảng niên-hiệu Hồng-vũ (1) đời nhà Minh, người đời xưa thấy việc thờ-phụng tại nhà Thái-miếu, chưa đủ bày tỏ đạo hiếu; nên dựng riêng nhà Tiên-diện để sớm chiều đốt hương thờ cúng, chiêm-bái trong thời-tiết mồng một, ngày rằm và tế các lễ sinh-nhật, kỵ-nhật. Đời nhà Thanh (2) cũng theo điển-lễ ấy. [13b] Khi đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta mới dựng điện Hoàng-nhân, cũng có ý định như thế. Nay đã xây dựng xong Thế-miếu thì việc phụng-thờ tại điện Hoàng-nhân cũng giống như việc nhà Minh, nhà Thanh phụng-thờ ở Tiên-diện. Đợi sau khi làm lễ thăng-miếu, xin đề yên Thánh-vị ở điện Hoàng-nhân. Còn việc dâng các lễ tế, sẽ do bộ Lễ hợp bàn tâu lên».

Hoàng-đế cho là phải. Về sau, Ngài đổi tên Hoàng-nhân điện làm Phụng-tiên điện.

[14a] Hoàng-đế phong tểng bà Nguyên-phi họ Hồ làm Chiêu-nghi, đặt tên thụy là Thuận-đức (tức là Nhân Hoàng-hậu).

Ngài sai dựng đền Quan-công ở phía bắc sông Ngự tại kinh-thành, mỗi năm tế hai kỳ xuân thu.

Hoàng-đế định thế-lệ phong sắc các thần-kỳ trong toàn quốc. Các vị thần được tôn lên hàng thượng-liệt, phong ba mỹ-tự; hàng trung-liệt, phong hai mỹ-tự; hàng hạ-liệt, phong một mỹ-tự. Lại cho thay đổi thần-hiệu nào có chữ thô-bỉ.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ :

(1) *Hồng vũ 弘武* : Niên-hiệu của vua Thái-tổ đời nhà Minh (1368 — 1643).

(2) *Thanh triều* (1644 — 1911) : Triều vua sau cùng tại Trung-quốc.

« Các bách-thần trước phong rất nhiều mỹ-tự. Mỗi lần phong tặng thêm, lại phiên phải viết thêm chữ mới ở dưới, có khi không viết hết. Nay cho viết những chữ mới phong vào sắc, và bỏ bớt những chữ cũ ».

[14b] Về sau, đình-thần bàn về các đạo thần-sắc ở Bắc-thành, phần nhiều mới ban từ cuối đời Lê, không đủ chứng-cớ để làm tin, xin bỏ những đạo sắc ấy.

Hoàng-đế phán rằng :

« Trẫm làm chủ bách-thần, theo lễ thăng trật, giao cho đình-thần xét bàn, thì đình-thần là tai mắt của Trẫm, phải xét theo lễ ấy. Và lại, triều ta đang trong thời kỳ trung-hưng, dù được mưu người giúp đỡ, những cũng do thiên-mệnh đem về, hẳn có thần-minh phù-hộ; như việc con trâu đưa qua sông (1), nước bở trở thành nước ngọt (2), không phải

(1) Sách *Nguyễn-triều long-hưng sự-lịch* của Trần-văn-Tuân do Trung-Tâm Học-Liệu (Bộ Giáo-dục) dịch và xuất-bản trong năm 1968, chép rằng : « Con Ngải (vua Gia-long) trong khi xuất-bôn, bị nguy-binh Tây-sơn đuổi rất gấp. Chạy tới bờ sông Lạch-chanh thì trên sông tuyệt không có đò sang ngang, Ngải bỗng thấy một con trâu nằm ngay bờ sông bên tả, Ngải bèn cuời lên lưng nó để bơi qua sông. Nhưng khi tới giữa dòng bị nước rút ra quá mạnh, trâu không bơi được, may gặp một con cá voi há miệng ngậm lấy Ngải, đưa qua dòng nước sang bờ bên kia ».

(2) Sách *Nguyễn-triều long-hưng sự-lịch* lại chép rằng : « Trong khi bị nguy-binh Tây-sơn đánh đuổi, Ngải (vua Gia-long) phải lên thuyền đi ra bể. Trên thuyền nước ngọt gần hết, những người tòng-vong đều chịu nhịn đói, nhịn khát cực khổ, bỗng dưng Ngải thấy giữa bể xuất-hiện một luồng nước thủy-triều dâng-đục. Ngải sai múc lên uống thử, thấy nước có vị ngọt, Ngải liền thôi-thúc mọi người đổ đầy thùng chứa nước ngọt trong thuyền, rồi thuận buồm vượt biển ra đảo Côn-sơn ».

thần-linh giúp đỡ hay sao ? Khoảng niên-hiệu Gia-long, đã bàn đến việc phong-tặng, nhưng có sự sai lầm, nên tạm đình-chỉ.

Nay Trẫm noi theo [15a] chỉ Tiên-đế, cử-hành thịnh-diễn, không giống như họ Trịnh đã làm việc tiếm-lạm, lại mị-duyet quý-thần, để áp-phục lòng người. Nếu thần-linh có biết thì xét đến lòng Trẫm».

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

«Xin lập miếu thờ các đế-vương những triều-đại trước ở nơi phát-tích hay gần những nơi các vị ấy đã đi qua, và sai quan tế lễ. Còn những núi cao sông lớn có danh tiếng thì giao cho quan địa-phương hợp tế trong mỗi trấn một đàn».

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu.

Hoàng-đế đến nhà Thái-miếu để tế-cáo việc đi tuần-hạnh ra Bắc.

Hoàng-đế cùng quần-thần bàn về lễ bang-giao, Ngài hỏi :

«Ngày dụ-tế (1) nên mặc sắc-phục gì?».

Lễ bộ [15b] Thượng-thư Phạm-Đăng-Hưng thưa :

«Theo việc cũ triều Lê thì dùng áo bào đen, đai sừng».

Hoàng-đế phán rằng :

«Trong ngày kỵ Liệt-thánh, Hoàng-khảo ta đội mũ Xuân-thu, mặc áo Giao-lĩnh, chắc là có điển. Trẫm nên theo lễ của Hoàng-khảo thờ Liệt-thánh, để Trẫm thờ Hoàng-khảo. Sao lại phải theo điển nhà Lê».

(1) Dụ-tế 遣祭 : Tế-dụ-chỉ của vua nhà Thanh.

Ngài quyết-định mặc sắc-phục trong ngày du-tế cũng như trong ngày kỵ-nhật.

Ngự-giá Bắc-tuần [16a] đi đến hành-cung doanh Quảng-bình, Hoàng-đế trèo lên thành, nhìn xem lũy xưa (1), nói chuyện với quần thần (2) về việc ngày xưa, nước nhà gặp nạn Nam Bắc phân-tranh. Nhân việc ấy, Ngài cho làm lễ tế các tướng-sĩ miền Nam và các tướng-sĩ miền Bắc đã tử trận.

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Khi Liệt-thánh mới khai-sáng, nơi đây là chiến-địa. Các tướng-sĩ vì nước bỏ mình, vùi thân trong hải chiến-trường. Người miền Bắc chống quân ta, tiến lên không thể không thêm khí-thế dữ-dội. Nhưng khi ấy, ai cũng vì chủ của mình mới quyết hy-sinh.

Nay truyền lệnh cho Doanh-thần (3) bày ra hai đàn Nam Bắc, nhưng dứt lễ-phẩm tại đàn Nam hậu hơn, để tỏ ý long-trọng ».

Hoàng-đế khiến các quan khâm-mệnh tế hai đàn ấy.

(1) Đào-Duy-Từ, người làng Hôn-trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa, vào giúp chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyên (1613 — 1635), chống quân họ Trịnh, lập đồn Trường-dục ở huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình, và xây cái lũy dài ở cửa Nhật-lệ (cửa Đồng-hới), tức là cái trường-thành ở tỉnh Quảng-bình. Người ta thường gọi lũy ấy là lũy Thầy, nghĩa là lũy của Đào-Duy-Từ xây đắp.

(2) Quần-thần 羣臣 : Các người bày tôi.

(3) Doanh-thần 營臣 : Bầy tôi giữ việc cai-trị doanh Quảng-bình. Trong đời Gia-long, Minh-mệnh, đất kinh-kỳ gồm bốn doanh là Trực-lệ Quảng-đức doanh (Thừa-thiên ngày nay), Quảng-trị doanh, Quảng-bình doanh, Quảng-nam doanh.

[16b] Xa-giá đến trấn Thanh-ba (1), Hoàng-đế thân yết Nguyên-miếu, và vọng-bái Trường-nguyên lăng. Ngài bảo các bầy tôi theo hầu rằng:

« Trẫm nhìn thấy Kiều-sơn (2), nghĩ đến Tở-đức. Sau ngày hồi-loan, Trẫm sẽ soạn văn dựng bia đề làm sáng tỏ nghiệp cả được trung-hưng vì đâu, chỉ bảo cho mọi người ở ức muôn năm về sau đều biết ».

Hoàng-đế tự làm bài biểu, kính dâng Từ-thọ cung (3). đại lược như sau:

« Thần từ ngày lên xe ra Bắc đến nay, đi qua địa-phương nào cũng ban ân-trạch; thưởng cho các quan-lại, binh-dân ở trong kinh và ở ngoài, tồn-phí ngân-tệ tiền lương [17a] có đến hơn vài mươi vạn. Ý muốn hợp tập sự vui mừng của thiên-hạ làm việc thừa hoan (4), thu góp phúc của thiên-hạ làm hạnh-phúc, đề cầu chúc Thánh-mẫu ta hưởng « Thánh thọ vô cương » (5); ngõ hầu biểu-lộ chút ít bản-tâm của thần rất mong muốn vậy ».

(1) *Thanh-ba 清巴*: Tỉnh Thanh-hóa ngày nay. Trước đặt làm trấn, nên vua gọi quan đầu tỉnh là trấn thần.

(2) *Kiều-sơn 嵎山*: Núi ở tỉnh Thiểm-tây (Trung-hoa) có mộ vua Hoàng-đế, được coi như là Thủy-tổ của Hán-tộc. Vua Minh-mệnh nói Kiều-sơn đề ví với núi có mộ tổ họ Nguyễn, tức là mộ ông Nguyễn-Kim đặt tại Trường-nguyên lăng.

(3) *Từ-thọ cung 慈壽宮*: Cung của Hoàng Thái-hậu (sinh mẫu vua Minh-mệnh).

(4) *Thừa-hoan 承歡*: Thuận theo ý vui của cha mẹ.

(5) *Thánh-thọ vô-cương 聖壽無疆*: Lời chúc Hoàng Thái-hậu sống lâu mãi mãi, không giới-hạn.

Gặp tiết Thánh-thọ của Hoàng Thái-hậu, Hoàng-đế lại tự làm bài biếu, đại-lược như sau :

« Thần vì việc bang-giao, phải lưu lại ở ngoài lâu ngày ; không được thân đến dâng chén rượu để chúc thọ Hoàng-mẫu. Trong lòng kính sợ, thức ngủ không yên ; thần muốn nhật nguyệt thường lên, chuyển thời-gian hưởng phúc lâu dài không giới-hạn ; non sông vững-chãi, cùng thần dân hoan-hỉ chúc thọ mãi về sau. Kính xin Hoàng-mẫu ban thêm phúc-trạch, quang-ba (1) đẳng-dặc ức muôn năm ; truyền rộng bảo-lục (2), tám ngàn xuân cửu-trù (3) chông-chất ».

Từ tiết Thánh-thọ ấy trở về sau, mỗi lần gặp tết Nguyên-đán, Đoan-dương, cùng [17b] các lễ Thánh-thọ, Khánh-tiết, Hoàng-đế đều thân dẫn các Hoàng-tử, bá quan văn võ, đến cung Từ-thọ, lễ triều hạ.

Hoàng-đế nghỉ lại ở Bắc-thành, ban dụ cho Hoàng trưởng-tử ở kinh-sur (4) :

« Ngày hôm qua, nhân khi sứ nhà Thanh đến trễ, ta muốn trở về kinh để kịp ngày làm lễ đại-tường (5). Mọi

(1) *Quang-ba* 光祿 : Rực-rỡ vẻ-vang.

(2) *Bảo-lục* 寶錄 : Bùa phép của đạo-giáo, một huy-hiệu của vua Ngụy Hiển Văn-đế khi lên ngôi.

(3) *Cửu-trù* 九疇 : Chín phương-pháp để trị thiên-hạ. Vua Chu Vũ-vương hỏi ông Cơ-tử, ông dịch thuật chín đạo-lý để trị thiên-hạ, gốc tự vua Hạ Vũ truyền lại gọi là Cửu-trù.

(4) *Kinh-sur* 京師 : Kinh-đô nước quân-chủ.

(5) *Đại-tường* 大祥 : Ngày tốt lành lớn. Lễ lớn khi mãn tang cha mẹ.

người đều can ngăn, xin ta ở nán lại ít hôm. Nay ngày đến của Bắc-sứ đã định. Con phải kính-cần tế thay, như ta thân làm lễ khốu (1) bái ».

Ngày mười chín tháng mười hai (2), Hoàng-đế làm lễ Du-tế (3)

[18a] Hoàng-đế ban dụ cho các bầy tôi tùy-tùng rằng:

« Ngày mười chín, chính là ngày lễ đại-tướng của Hoàng-khảo ta, sứ nhà Thanh đến đây, vừa đúng đại-lễ. Từ các triều Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay, chưa có phen nào sứ đến gặp ngày như thế. Có phải Tiên-đế ta linh-thiên ở trên trời, xui nên chăng? Ngày ấy, Trẫm phải bái cáo Tiên-đế trước ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ BA

Xa-giá trở về kinh-sư, Hoàng-đế đến bái-yết điện Hoàng-nhân, rồi đến cung Từ-thọ, chúc mừng và vấn an Hoàng Thái-hậu.

Ngài lại làm lễ tế cáo [18b] tại các Liệt-miếu về việc bang-giao đã xong.

Hoàng-đế đến điện Hoàng-nhân làm lễ tế đạm (4); đến

(1) Khốu 叩: Cúi rạp đầu.

(2) Ngày 19 tháng 12 năm Minh-mệnh thứ hai (1821).

(3) Du-tế 遊幸: Tế-dụ-chỉ của vua nhà Thanh.

(4) Đạm 酹: Tế trừ-phục, sau lễ đại-tướng ba tháng, làm lễ tế đạm để bỏ tang phục.

nhà Thế-miếu rước thần-chủ Thế-tổ Cao Hoàng-đế và thần-chủ Cao Hoàng-hậu lên miếu để tế.

Tiếp đến việc Hoàng-đế cho bốn vị công-thần, trong có Thân-huân Thái-phó Nghi-công Tôn-Thất-Mân, và mười hai vị công-thần khác, trong có Thái-uy Quốc-công Võ-Tánh được thờ tại nhà vũ (1) ở hai bên tả hữu chính-đường Thế-miếu. Về sau, Ngài lại cho Thái-phó Quận-công Nguyễn-Đức-Xuyên được thờ chung với các vị công-thần.

[19a] Hoàng-đế chuẩn-định từ nay về sau, tế Giao (2) có tám đàn phụ, các hoàng-tử, hoàng-thần chia nhau dâng lễ bốn đàn, các văn võ đại-thần chia nhau dâng lễ bốn đàn khác.

Trong năm kỳ tế hưởng (3) tại nhà Thái-miếu, Bộ Lễ đặt tám án (4) ở hai bên tả hữu, các hoàng-tử, hoàng-thần chia nhau dâng lễ bốn án, các văn võ đại-thần chia nhau dâng lễ bốn án khác.

Trước kỳ tế, Bộ Lễ phải xin dụ-chỉ để phân phái những người hành-lễ. Nếu có người không đến dự thì phải xét từng ban mà cử người khác giúp việc. Nếu ai bỏ trống, phải hạch hỏi rồi tâu lên.

Hoàng-đế ngự đến điện Trung-hòa, ban dụ cho quần thần rằng:

(1) Vũ 廡: Hai dãy nhà làm ở hai bên nhà chính giữa.

(2) Giao 郊: Tế trời vào tiết Đông-chi ở cõi phía nam ngoài thành gọi là tế Nam-giao hay tế Giao-thiên.

(3) Hưởng 饗: Tế hợp-đồng.

(4) Án 案: Bàn thờ.

«Từ trước đến nay, Trẫm nghỉ tại nhà Quang-minh, gần hiên phía đông chính-diện, sáng chiều ở đó, thăm-thoát đã được ba năm, xem như một ngày. Nay đại-lễ thăng-miếu đã cáo thành, [19b] truyền lệnh chọn ngày tốt để Trẫm ngự lên chính-diện, cho đúng với nghĩa ở nơi thích-hợp để lo-liệu việc lớn».

Thần Bộ Lễ tâu:

«Theo lệ, quần-thần làm lễ đại-triều và thường-triều, mỗi tháng thiết đại-triều tại điện Thái-hòa trong ngày mồng một và ngày rằm; thiết thường-triều tại điện Cần-chánh trong các ngày mồng năm, mồng mười, ngày hai mươi lăm. Bách quan đến triều-bái đúng theo nghi-lễ».

Hoàng-đế chuẩn tấu và lấy ngày mười lăm tháng hai năm ấy làm ngày lễ đại-triều đầu tiên.

Ngài lại ban sắc: «Phàm gặp tháng nhuận, đều miễn cả đại-triều và thường-triều».

Rước Thế-tổ Cao Hoàng-đế lên phối hưởng (1) tại Giao-dàn.

Trong niên -hiệu Gia-long, Tiên-đế mới xây dựng đàn Nam-giao, mỗi năm lấy tiết Trọng-xuân làm [20a] lễ hợp-tự, phụng-thờ Thái-tổ Gia-du Hoàng-đế ở phía bên tả nơi thờ Trời Đất.

Đến nay, Bộ Lễ tâu:

(1) *Phối-hưởng 配享*: Cùng hưởng lễ-vật trong kỳ hợp tế với trời, đất, Tổ-tiên.

« Lễ tế tự không có gì lớn bằng lễ Giao-thiên; đạo hiếu của các đế vương không có gì lớn bằng thờ Tôn-tổ.

Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta, đánh dẹp họa loạn, đem lại thái-bình, công lao đức hậu, chót-vót ngang trời, nên rước Thánh-vị lên phối tế gần Trời cao, cùng hưởng lễ với Liệt-tổ.

Vậy xin rước Thế-tổ Cao Hoàng-đế đến Giao-đàn để hợp-tế, làm sáng tỏ [20b] đạo hiếu của Thánh-thượng (1).

Hoàng-đế khen lời ấy là phải, liền ban dụ, đại-lược như sau:

« Việc dâng lễ nhạc lên Thượng-đế còn chép trong kinh Dịch, bài ca tế Tổ-tiên còn ghi trong kinh Thi. Kính-trọng Tôn-tổ, gần-gũi người thân, vương-đạo phải có đủ vậy.

Hoàng-khảo Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta, thông-minh thần-vũ, ứng-hợp lễ trời, thuận với lòng người; có nhiều tài kinh-luân gây dựng sự-nghiệp, quét bụi mù trong khoảng vũ-tru; rửa thù hận cho muôn người, an-ủi thanh-linh của chín miếu; được trời giúp đỡ thống-nhất phương Nam, sáng-nghiệp, trung-hưng, công-đức rất thịnh, đặt lễ nhạc đề rạng-rỡ nghiệp xưa, lập kỷ-cương để lưu-truyền hậu-thế, bốn mươi năm siêng-năng khó-nhọc gây thành cơ-nghiệp dầy-dặc ức muôn năm; đáng được phối-tự cùng [21a] Thượng-đế, lại ban phúc không ngần cho muôn đời.

Từ ngày nối-nghiệp đến nay, Trẫm nghĩ-ngợi triền-miền

(1) Thánh-thượng 聖上: Tiếng tôn-xưng vua Minh-mệnh.

đến Tiên-liệt; nhìn lên thấy chiếu sáng ở trên cao, tưởng như Tiên-liệt lên xuống trong lúc giáng lâm.

Trẫm nghĩ sâu đến việc tế lễ cao-cả đề được bày tỏ sự hiếu-kính, nay chuẩn y điều thỉnh cầu Bộ Lễ, cho thi hành».

Ngài sai quan bói Dịch, được quẻ rất tốt; mời rước Thánh-vị Thế-tổ Cao Hoàng-đế lên phối-tự ở bên hữu nơi thờ Trời. Về nghi-chương, Bộ Lễ đặt giống như nơi thờ Thái-tổ Gia-du Hoàng-đế ở bên tả.

Lễ tế Giao xong, Hoàng-đế ban chiếu cho thiên-hạ, [21b] Ngài ngự lên điện Cần-chánh, ban yến cho quần thần.

Các Hoàng-tử, hoàng-thân cùng các quan đại-thần làm lễ mừng Hoàng-đế thượng-thọ (1), sai múa Bát dật (2) và tấu năm nhạc-chương. Khi rước Hoàng-đế lên ngôi (3), bân nhạc tấu chương Bảo-thành, các vũ-sinh (4) múa bài Thiên-thích thượng-thọ. Đến lần thứ nhứt, tấu chương bình-thành, các vũ-sinh múa bài Thanh-ba-chi. Lần thứ hai, tấu chương Doãn-thành, các vũ-sinh múa bài Hồng-ba-chi. Lần thứ ba, tấu chương Gia-thành, các vũ sinh múa bài Hoàng-ba-chi. Khi lễ xong, tấu chương Khánh-thành, các vũ-sinh múa bài Vũ-thước.

(1) *Thượng-thọ* 上壽 : Thọ tới bậc trên.

(2) *Bát dật* 八佾 : Lối múa ở nơi miếu-đường, có tám hàng, mỗi hàng tám người.

(3) *Ngôi* : Chỗ ngồi của vua, hay của người có chức vị.

(4) *Vũ-sinh* 舞生 : Người múa.

Hoàng-đế ban thưởng, có sai-đẳng (1).

Về sau, gặp các tiết Thánh-thọ lục-tuần, thất tuần đại-khánh, hoàng-đế ngự lên điện ban yến quần-thần, sai mùa bát dật và tấu nhạc chương cũng đều phỏng theo vũ, nhạc ghi trên.

Hoàng-đế bảo Bộ Lễ rằng :

« Theo lệ cũ, ngày tế các miếu và lễ đêm trước tết Nguyên-đán, Đoan-dương, sai các thiếu-nữ mùa hát. Nhưng việc mùa [22a] hát ấy gần như khinh-lờn nhảm-nhĩ; đã ra lệnh đình-chỉ. Nay nước nhà nhàn-hạ, phải sửa-sang lại văn-vật (2), tùy theo thời mà đặt ra các nhạc chương. Phải sai nhạc-công lên hát để khôi phục cô-lễ. Giao cho Bộ Lễ bàn định ».

Phàm gặp các lễ tế tại Liệt-miếu, các nhạc-công tấu nhạc Hâm-hòa, Thọ-hòa, Dự-hòa, Ninh-hòa, An-hòa, Ung-hòa. Về sau đổi chương Thọ-hòa làm chương Tường-hòa.

Hoàng-đế lại ban sắc :

« Từ nay về sau, phàm có lễ tế tại Giao-miếu cùng các lễ Đại-triều, Thường-triều ; các hoàng-tử, hoàng-thân, bách quan văn võ phải triều-bái đúng lễ. Nếu ai bỏ việc ấy không vì có gì, thì Bộ Lễ phải tâu lên ».

[22b] Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

« Thanh-âm (3) thông suốt đến chính-trị. Chuông là đồ

(1) Sai-đẳng 差等 : Chia bậc khác nhau.

(2) Văn vật 文物 : Những sản-vật của văn-hóa, như lễ nhạc, chế-độ.

(3) Thanh-âm 聲音 : Nói chung về tiếng nói hay tiếng ca-nhạc.

nhạc-khí, được dùng trong lễ tế Giao hay tại nơi triều-đình; vì thế rắn không được dùng âm-nhạc làm náo-động, lại bảo âm-nhạc phải hòa-hợp với nhau. Nay thần xét đến điển lễ nhà Thanh, được biết khi nào có những việc tế lễ, khánh-hạ, hay xa-giá đi đâu, đều sai nhạc-công đánh chuông trống. Vậy xin tâu lên để xét cho làm điển-lệ».

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy.

MINH-MỆNH NĂM THỨ TƯ

Quyết-định đặt lệ đi thăm viếng lăng trong mỗi năm vào tiết Thanh-minh. Bỏ lệ thăm viếng lăng vào tháng chạp.

Trong tháng chạp vừa qua, Hoàng-đế rước [23a] Hoàng Thái-hậu đi yết lăng Thiên-thọ. Khi thuyền Hoàng Thái-hậu đã tiến-phát, gió mưa chợt đến. Hoàng-đế vội suất-lãnh quần thần theo hầu. Khi lễ xong trở về, Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ:

«Các đời trước, lễ yết lăng, nhiều lần cử-hành vào tiết Thanh-minh. Nay đang mùa đông, không những các quan đi hồ giá (1) bị rét lạnh, đến như các sĩ-tốt đứng trong cơn mưa gió, càng đáng thương-hại. Huống gì không phải thời-tiết hòa ấm, tạnh ráo, Trẫm lại rước Hoàng Thái-hậu đi yết lăng, thật không có ý thận-trọng. Từ nay về sau, định lệ yết [23b] lăng vào tiết Thanh-minh».

Hoàng-đế lại sai Bộ Lễ bàn về những lễ-vật để tế yết-lăng.

(1) Hồ-giá 扈駕: Đi theo hầu xe vua hay xe Hoàng Thái-hậu.

Bộ Lễ tâu xin dùng sinh-soạn (1) để dâng lễ. Mỗi năm, đến ngày Hoàng-thượng thân yết lăng Thiên-thọ, xin sai các Hoàng-tử chia lượt, đến làm lễ tại các lăng khác.

Hoàng-đế y theo lời tâu.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ :

«Từ đời xưa, các đế-vương đều có miếu thờ. Kể từ nhà Lê trở về trước, các miếu ấy đều do dân-gian phụng-thờ, chưa xây dựng các đền miếu để làm lễ quốc-tế. Nghĩ đến các đế-vương đời trước có công-đức với nhân-dân, Trẫm rất ngưỡng-mộ, giao cho đình-ngự để dựng miếu thờ».

Bộ Lễ tâu xin xem xét đền-lễ nhà Minh, [24a] dựng một nơi năm tòa nhà để thờ chung các vua Trung-hoa như Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-đế, vua Nghiêu nhà Đường, vua Thuấn nhà Ngu, vua Văn-vương, vua Vũ-vương nhà Chu để làm sáng tỏ việc truyền đạo-thống (2). Về nước ta, xin thờ các vua Kinh-Dương vương, Lạc-Long quân, Hùng-vương, Ngô-vương, Đinh Tiên-hoàng, Lê Đại-hành, Lý Thái-tổ, Trần Thái-tôn, Trần Nhân-tôn, Lê Thái-tổ, Lê Thánh-tôn, đều có công-nghiệp, phép tắc hiên-hách trong các thời-dại, tiếng tăm vẫn còn lẫy-lừng, đáng được liệt vào đền nhập-tự (3).

Hoàng-đế giao đình-thần phúc-ngự. Sau khi bàn-bạc, đình-thần xin thờ thêm Sĩ-vương, các vua Lý Thánh-tôn,

(1) *Sinh-soạn* 牲饌 : Đồ có thịt con vật, như thịt heo, bò, dê.

(2) *Đạo-thống* 道統 : Cái mối chính để truyền đạo Nho.

(3) *Nhập-tự* 入祀 : Dụ vào chính-vị để được lễ-tự.

Lý Nhân-tôn, Trần Anh-tôn, Lê Anh-tôn. Lại xin thờ ở hai dãy nhà tả hữu vũ, các vị công-thần đời xưa đã đặt phép giúp dân, có công với nước; như tại Trung-hoa có Phong-Hậu, Lực-Mục (1), Cao-Dao, Quý Long, Bá-Di, Bá-ích, Y-Doãn, Phó-Duyệt, Chu-công Đán, Thái-công Vọng, Triệu-công Thích, Triệu Mục-công Hồ, Phương-Thúc; cùng các công-thần những triều Đinh Lý Trần Lê, như Nguyễn-Bặc, Hồng-Hiến, Lê-Phụng-Hiệu, Lý-Thường-Kiệt, Tô-Hiến-Thành, Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Nhật-Duyệt, Phạm-Ngũ-Lũ, Trương-Hán-Siêu, Đinh-Liệt, Lê-Xí, Lê-Khôi, Lê-Niệm, Trịnh-Duy-Thuân, Hoành-Đinh-Ái, đều đáng được liệt vào đền tòng-tự (2).

Hoàng-đế sai dựng miếu thờ ở kinh-thành về phía nam sông Hương-giang, mỗi năm vào tháng giữa mùa xuân và tháng giữa mùa thu, sai quan tế lễ.

Về sau, Bộ Lễ tâu rằng: « Sĩ-Nhiếp [24b] làm thừa-sứ Giao-châu đời Đông-Hán, chưa phải chính-vị ở ngôi tôn; Lê Anh-tôn bị Trịnh-Tùng bức-hại thì thống-kỷ đã đối-loạn, sao có thể được thờ chung với các vua chính-thống, xin bớt các vị ấy ».

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

Hoàng-đế làm ra Đế-hệ kim-sách và Phiên-hệ ngân-

(1) Phong-hậu 風后, Lực-Mục 力牧 đều làm tướng triều vua Hoàng-đế (2698 — 2597 trước Tây-lịch), có công trị nước lụt và đánh dẹp giặc,

(2) Tòng-tự 從祀: Thờ phụ vào miếu quốc-tế.

sách (1). Ngài định đem việc ấy cáo với Giao-miếu, ban sắc cho Bộ Lễ bàn về nghi-thức.

Bộ Lễ tâu xin cáo trước với [25a] Liệt-miếu, rồi sau mới cáo với Trời Đất để cho hợp lễ.

Hoàng-đế y theo lời tâu.

Lễ tế mùa thu tại đàn Xã-tắc

Hoàng-đế thân đến hành-lễ, và ban dụ cho Bộ Lễ :

« Trẫm cử-hành lễ tôn-kính này là muốn vì dân đề cầu phúc, các người giữ việc lễ đều phải rất kính-cần ».

Đặt thêm lễ Hợp-hưởng (2) vào tháng cuối mùa đông.

(Trước gọi là lễ tế chạp khác với bốn lễ tế trong các tháng đầu bốn mùa).

- (1) Vua Gia-long (1802 — 1819) có 13 người con trai và 18 người con gái. Người con đầu là Hoàng-tử Cảnh có vợ con, Hoàng-tử thứ nhì và Hoàng-tử thứ ba không có vợ con, đều mất sớm. Vua Minh-mệnh là con thứ tư của vua Gia-long, được lập làm Thái-tử năm 1816. Ngài lên ngôi Hoàng-đế năm 1820. Đến năm 1823, vua Minh-mệnh ngự chế 11 bài thơ ngũ ngôn từ tuyệt. Một bài Đế-hệ khắc vào kim-sách (sách bằng vàng), đề các con cháu Ngài, mỗi đời dùng một chữ đặt lên trên chữ tên. Còn mười bài Phiên-hệ, đề cho con cháu của mười Hoàng-tử (con vua Gia-long) anh em với Ngài, mỗi đời dùng một chữ đặt lên trên chữ tên. Mười bài Phiên-hệ được khắc vào mười ngân-sách (sách bằng bạc). Bài thơ Đế-hệ như sau :
Miền hồng ung bửu vĩnh, Bảo quý định long trường. Hiền năng kham kế thuật, Thố thụy quốc gia xương. 綿洪膺寶永, 保貴定隆長. 賢能堪繼述, 世瑞國嘉昌.

- (2) Hợp-hưởng 合饗 : Lễ tế hợp-đồng các Tò-tiên.

Hoàng-đế bảo Bộ Lễ rằng :

« Mỗi năm [25b] Trăm thân đến hành-lễ tại các miếu, đã có định-ký. Nay chuẩn y lời Bộ tâu, đặt thêm lễ Hợp-hưởng trong tháng chạp cùng với bốn lễ các tháng đầu mùa, thành ra năm lễ Hưởng đều quan-hệ. Bắt đầu từ năm nay, Trăm thân đến lễ nhà Thái-miếu, sang năm đến lễ nhà Thê-miếu, và sai các quan đến hành-lễ tại các miếu khác trong kỳ lễ Hợp-hưởng ».

Ngài lại chuẩn y lời tâu của Bộ Lễ :

Hoàng-đế sai các hoàng-tử, hoàng-thân đến tế thay Ngài tại các miếu trong các tiết Thượng-tiều (1), Nguyên-đán, Đoan-dương.

MINH-MỆNH NĂM THỨ NĂM

[26a] Thượng-thư Bộ Lễ tâu :

« Từ trước đến nay, mỗi lần gặp ngày khánh-tiết, quần thần được hưởng đàm-ân (2). Tờ bảo-chiều niêm-yết trên lều Phu-văn, quan quân sắp hàng ở trước lều để giữ-gìn, các phụ-lão miền kinh-ký đứng đợi chờ để chiêm-bái, nhân dân rất vui mừng cảm-kích. Thần cứ tình thật tâu bày các nghi-tiết, dù còn sơ-lược. Xin cho bàn định để thi-hành ».

(1) *Thượng-tiều* 上樛 : Ngày cuối tháng chạp âm-lịch, người đời xưa làm lễ dựng cây nêu bằng cây tre trong sân trước nhà, buộc những bùa phép, vàng giấy trên cây nêu để đuổi ma quỷ năm cũ và cấm ma quỷ năm mới vào nhà.

(2) *Đàm-ân* 覃恩 :Ơn của vua phong-tặng cho lễ-tiền các quan, nhân khi nhà vua có việc vui mừng.

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu.

Sửa chữa xong điện Thụy-thánh tâm.

Hoàng-đế ngự mũ Cửu-long, áo hoàng-bào, đai ngọc, làm lễ phụng an Thánh-vị, rồi mặc lễ-phục yết [26b] lăng Thiên-thọ.

Trước khi hành-lễ, Thượng-thư Bộ Lễ tâu: « Từ trước đến nay, Hoàng-thượng yết sơn-lăng, đều dùng lễ-phục trong ngày kỵ, khi gặp lễ mừng mới dùng triều-phục, nhưng chưa có nghi-thức nhất-dịnh. Thần kính xét điển-lễ nhà Thanh được biết: Phạm có việc sửa chữa các lăng tẩm, trong ngày hoàn-thành, Hoàng-đế mặc triều-phục thân đến hành-lễ. Sau khi lễ xong, Hoàng-đế sẽ mặc lễ-phục trắng, đến trước Minh-lâu rót rượu, và đến yết lăng. Gặp kỵ lễ hợp-đồng ở các miếu, Hoàng-đế cũng mặc triều-phục đến tế.

Nay Hoàng-thượng phụng an Thánh-vị ở lăng Thụy-thánh, xin mặc triều-phục để hợp lễ-nghi ».

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

[27a] Hoàng-đế đưa ra một cái hồ-sanh (1), bảo Hiệp-biện đại-học-sĩ Trịnh-Hoài-Đức rằng: « Đây là cái nhạc-âm của Trung-quốc. Tại sao miền Cam-lộ lại có ? ».

Trịnh-Hoài-Đức thưa: « Đời xưa, nhà Doanh-Tần (2)

(1) *Hồ-sanh* 胡笙: Cái sênh làm bằng quả bầu, khoét làm 13 lỗ, trong có màng đồng, thổi ra thành tiếng.

(2) *Doanh-Tần* 殷、秦: Vua nước Tần họ Doanh thống-nhất Trung-quốc, lập triều-đại từ 246 đến 207 trước Tây-lịch kỷ-nguyên.

bạo-ngược, các linh-quan (1) li-tán đi bốn phương, đó cũng là một chứng-nghiệm (2)».

Hoàng-đế nói : « Nhạc đề nuôi tính tình, nay Trẫm muốn định lại các âm-luật, nhưng chưa có người nào giúp ».

Dựng miếu tế Hỏa-thần.

Thượng-thư Bộ Lễ tâu :

« Nay nước nhà nhân-hạ, nên làm sáng tỏ việc lễ nhạc. Từ đại-tự (3), trung-tự đến quần-tự, không có lễ nào không được cử-hành. Các quý thần sông núi đều yên-vị, chỉ có thần Hỏa chưa được tế. Vậy xin lập miếu đề thờ thần Hỏa ».

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu, sai dựng miếu ở phía bắc sông Ngự, tế thần Hỏa vào ngày hai mươi ba tháng sáu mỗi năm.

[27b] Đức người bằng đồng tay cầm cái bài trai giới.

Khi nào gặp kỳ tế mà Hoàng-đế cần dùng đồ ăn chay, lễ-thần nội-giám phải dâng người đồng; như dâng trước ba ngày đến lễ tế Giao, dâng trước hai ngày đến lễ tế Miếu-hưởng, dâng trước một ngày đến lễ tế đàn Xã-tắc, tế miếu Lịch-dại Đế-vương hay tế Văn-miếu (thờ Khổng-thánh).

Chuẩn-định việc tế lễ tại đàn Xã-tắc, miếu Lịch-dại Đế-vương hay tại Văn-miếu, Hoàng-đế thân đến hành-lễ trong các kỳ khánh-diễn, và sai các quan thay mặt hành-lễ trong hai kỳ tế xuân thu mỗi năm.

(1) *Linh-quan* 仲官 : Các quan coi về nhạc đời xưa.

(2) *Chứng-nghiệm* 證驗 : Nghiệm xem có thực không.

(3) *Đại-tự* 大祀 : Tế lớn.

[28a] Lập xong Ngọc-diệp (1), Hoàng-đế sai Bộ Lễ bàn định những nghi-thức đề dâng lên.

Hoàng-đế ngự tại điện Trung-hòa, các hoàng-thân cùng bách quan mặc triều-phục đến đọi ở điện Cần-chánh. Quan Tổng-tài Trịnh-Hoài-Đức bưng Ngọc-diệp đựng trong hộp bằng vàng, đặt lên kiệu Long-đỉnh, hoàng-tử bưng bản phó đựng trong hộp bạc, đặt lên kiệu Thái-đỉnh; các người cầm đồ ghi-trương (2), nhã-nhạc (3) dẫn đường đi trước kiệu.

Khi đám rước Hoàng-đế và Ngọc-diệp tiến đến điện Cần-chánh, các hoàng-tử, hoàng-thân cùng các quan đều quý xuống nghênh-tiếp. Nội-thần dâng Ngọc-diệp lên Hoàng-đế duyệt xong, cho cất Ngọc-diệp vào chính-điện, và cất bản phó vào Quốc-sử quán.

Hoàng-đế ban thưởng từ quan Tổng-tài đến quan Đàng-lục, có sai đẳng.

[28b] Tiết Thánh-thọ.

Hoàng-đế suất-lãnh quần thần đến cung Từ-thọ, làm lễ khánh-hạ; từ năm ấy về sau, năm nào cũng làm như thế. Trước kỳ hành-lễ, Hoàng-đế sai Bộ Lễ soạn mười nhạc-khúc mừng tiết Thánh-thọ, truyền lệnh cho các nhạc-sinh diễn-tập.

(1) *Ngọc-diệp* 玉牒: Sách biên chép thế-hệ của nhà vua.

(2) *Nghi-trương* 儀仗: Đồ trăn-thiết trang-nghiêm trong chỗ vua quan ngồi hay khi đi đường.

(3) *Nhũ-nhạc* 雅樂: Các đồ nhạc-khi dùng ở nơi triều miếu.

Ngày hành-lễ, Hoàng Thái-hậu truyền chỉ cho đình-miễn việc ca-vũ. Bộ Lễ lại tâu rằng: «Việc ca-tụng trong kỳ khánh-tiết là do thành tâm của thần-tử; xin từ nay về sau, cứ chiếu lệ mà dâng ca-vũ».

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

Định lệ tế-lễ trong các tiết Nguyên-đán, Đoan-dương, Thượng-tiêu.

Năm nay, trong các tiết Trừ-tịch (1), Thượng-tiêu (2), [29a] Hoàng-đế đến hành-lễ tại nhà Thê-miếu. Tiết Nguyên-đán (3) sang năm, Hoàng-đế đến nhà Thái-miếu. Tiết Đoan-dương (4), Hoàng-đế đến nhà Thê-miếu. Tiết Thượng-tiêu, Hoàng-đế đến nhà Thái-miếu. Qua năm sau, tiết Nguyên-đán, Hoàng-đế đến nhà Thê-miếu. Tiết Đoan-dương, Hoàng-đế đến nhà Thái-miếu. Tiết Thượng-tiêu, Hoàng-đế đến nhà Thê-miếu. Cứ lần-lượt như thế, hết năm này qua năm khác, khắp lược rồi lại bắt đầu trở lại.

Hoàng-đế sai các hoàng-tử, hoàng-thần tế thay Ngài tại các miếu khác.

MINH-MỆNH NĂM THỨ SÁU

Đặt đàn Ân-tự.

Năm đầu đời Gia-long, trong khi kiến-thiết đô-thành,

(1) *Trừ-Tịch* 除夕: Tiết tối hôm ba mươi tháng chạp âm-lịch, hết năm cũ bắt đầu sang năm mới.

(2) *Đã chú-thích ở trên.*

(3) *Nguyên-đán* 元旦: Ngày mồng một đầu năm âm-lịch.

(4) *Đoan-dương* 端陽: Tết mồng năm tháng năm âm-lịch.

các mộ phần không người thừa nhận ở trong thành, đều được di-táng nơi khác, nhưng lâu ngày đất bị lở sụt, [29b] Nay Hoàng-đế sai quan Kinh-doãn thuê người đắp lại, và dựng các giới-tiêu bằng gỗ, cấm người trà đạp lên mộ-phần.

Đầu mùa xuân mỗi năm, Hoàng-đế sai làm lễ tế các vong-hồn tại đàn Ân-tự.

Tế các tướng-sĩ trận-vong

Hoàng-đế ban dụ:

« Ngày xưa, Hoàng-khảo Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta đánh dẹp vì đạo nhân nghĩa, thường hạ lệnh tế các tướng-sĩ trận-vong. Nay Trẫm mới đặt Ân-tự đàn, sai quan tế lễ hàng năm. Nhân việc ấy, Trẫm nghĩ đến các chiến-sĩ ở nơi biên-cảnh, có kẻ đánh giặc bỏ mình, cũng đáng thương xót. Vậy truyền lệnh cho viên Kinh-doãn chọn lựa đất để đặt đàn tế các tướng-sĩ trận-vong ».

Nghị lại truyền lệnh cho các quan Doanh, Trấn lập đàn tế tướng-sĩ trận-vong tại mỗi địa-phương.

[30a] Dựng đền thờ thần Tư-dung Hải-khâu.

Ngày trước, vị-thần này được phụ-tế trong miếu thờ Nam-hải Long-vương, nay Hoàng-đế sai lập đền riêng để tế hai kỳ xuân thu trong mỗi năm.

MINH-MỆNH NĂM THỨ BẢY

Dựng miếu thờ Phong-bá (thần làm gió), Vũ-sur (thần làm mưa).

Dựng miếu thờ Phong-bá ở bên tả miếu thờ Nam-hải Long-vương, dựng miếu thờ Vũ-sư ở xã Dương-xuân.

Hoàng-đế bảo Bộ Lễ rằng:

«Gió làm cho vạn vật chuyển-động, mưa tưới vạn vật được thấm-nhuần, đều có công lớn với nước. Từ trước đến nay, chỉ đặt đàn tế lễ, nay truyền lệnh dựng miếu thờ. Còn thần mây, thần sấm đều giúp vào việc ấy, cũng được hợp tế tại miếu Vũ-sư».

Dựng miếu thờ thần Hỏa-bác (1) tại xã Phú-xuân.

[30b] Hoàng-đế nghĩ rằng: làm thành súng hỏa-bác là nhờ có thần giúp, vị thần ấy đáng được liệt vào điển tế lễ. Truyền lệnh dựng miếu thờ thần Hỏa-bác và dựng lại miếu trung-tiết công-thần. Trước năm ấy, Hoàng-đế sai dựng hai miếu Khai-quốc công-thần và Trung-tiết công-thần ở hai bên tả hữu của chính-miếu Trung-hưng công-thần. Quan hữu-ty tâu: Vì có thủy-đạo của xưởng làm thuyền ở bên hữu, nên xin lập miếu Trung-tiết công-thần theo hướng tây ở phía sau bên tả miếu Trung-hưng công-thần. Đến nay, Hoàng-đế chuẩn cho Bộ Lễ lấp thủy-đạo nói trên để dựng miếu Trung-tiết công-thần. Còn cái miếu cũ thờ Trung-tiết công-thần đổi làm miếu thờ thần Hỏa-bác, làm nơi ăn-tế trong hai kỳ xuân thu.

MINH-MỆNH NĂM THỨ TÁM

Bầy tôi Bộ Lễ tâu:

(1) *Hỏa-bác* 大礮: Súng đại-bác. (Chính âm là pháo, ta quen đọc là bác).

« Mỗi năm, gặp [31a] tiết Thánh-thọ tại cung Từ-thọ cùng các lễ tiết khác, Hoàng-thượng thân suất-lãnh quần-thần đến hành-lễ. Khi nào vạn-cơ (1) rảnh-rang, Hoàng-thượng lại thân đến cung Từ-thọ đề vấn an, hay xem việc dâng cơm nước; thật đã đủ bày tỏ đạo hiếu.

Nhưng trong tiết đầu mùa xuân, Hoàng-thượng cung tiến tiền-văn lên Hoàng Thái-hậu (năm thường, cung-tiến một vạn quan; năm có lễ đại-khánh, cung-tiến năm vạn quan), chưa có nghi-thức. Vậy xin nghĩ soạn trước việc dâng lễ-phẩm ấy. Từ nay, trong tiết xuân-sơ, do Bộ Hộ tâu xin, Hoàng-thượng sẽ sai các hoàng-tử, hoàng-thần và một Bộ-thần, đều mặc lễ-phục, tiến dâng lễ-phẩm lên Hoàng Thái-hậu đúng như nghi-thức ».

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu.

Ngày hai mươi bảy tháng mười một, gặp [31b] tiết Đại-khánh lục tuần của Hoàng Thái-hậu, Hoàng-đế đã sai các viên hữu-ty dựng trước cái lầu và cái rạp đều kết gấm hoa ở cửa Tiên-thọ. Người ta bày đủ các ban âm nhạc ở trong lầu và trong rạp.

Hoàng-đế rước Hoàng Thái-hậu đến xem, các nhạc-công múa bài Trinh-tường và tấu chương-nhạc Bát-man.

Nhân việc ấy, Hoàng-đế ban dụ cho quần thần rằng :

« Hoàng-khảo tu khai-thác non sông, thống nhất bờ-cõi, công cao đức dày, ta không thể kể hết được một phần muôn. Thời ấy, Thánh-thọ đã gần lục tuần, chưa kịp cử-

(1) Vạn-cơ 萬幾 : Vua phải trị-lý muôn việc trong nước.

hành lễ khánh-diễn; khiến Trẫm cùng quần-thần chưa được [32a] một phen dâng chén chúc thọ, ta rất phàn-nàn. Dù đạo hiếu của bậc đế-vương cốt ở nơi nối chí nguyện của cha mẹ, noi theo công việc mà làm, lập thành kỷ-cương, lưu-truyền lâu dài, chứ không câu-nệ ở những điều tiểu-tiết văn-vẻ. Song đạo làm con thờ cha mẹ, tất phải có đủ lễ-nghi trọng-hậu, mới khỏi ăn-năn về sau. Nay làm lễ khánh-diễn mừng Hoàng Thái-hậu hưởng thọ lục tuần, dù dâng rượu chúc hồ, ca vũ giúp vui, cũng chưa đủ báo đáp công ơn, nhưng lòng kẻ làm con cũng được an-ủi chút ít».

Đến ngày khánh-tiết, Hoàng-đế thân suất-lãnh các hoàng-tử, hoàng-thần, văn-võ bách quan đến cung Từ-thọ, kính dâng lễ chúc mừng như vàng diệp cùng lễ-phẩm, các ban nhạc tấu năm chương và múa bát dật.

[32b] Trong khi Hoàng-đế rước Hoàng Thái-hậu lên ngai, nhạc-công tấu chương Sùng-khánh, các vũ-sinh múa theo chương ấy. Ban nhạc đánh các trống lớn, trống con, sênh đồng, gảy đủ thứ đàn tranh, đàn nguyệt, đàn cầm, đàn sắt, đàn tỳ-bà, thổi ống địch, ống sáo, kéo nhị hai dây, ba dây, để chúc thọ. Lần thứ nhất, tấu chương Tập-khánh, múa bài Thanh-ba-chi; lần thứ-hai, tấu chương Chương-khánh, múa bài Hồng-ba-chi; lần thứ ba, tấu chương Bảo-khánh, múa bài Hoàng-ba-chi; khi lễ xong, tấu chương Thành-khánh, múa bài Tiên-đào quả.

Hoàng-đế ban ân-chiếu cho thiên-hạ.

MINH - MỆNH NĂM THỨ CHÍN

Bầy tôi Bộ Lễ tâu :

« Đầu mùa xuân, Hoàng-thượng sai quan bói Giao, sai tướng xuất binh, cũng đều là việc ban-bố mệnh-lệnh. Từ trước đến nay, mỗi lần đầu năm, thiết đại-triều ở điện Thái-hòa, có vẻ phiền-phức. Nay xin đến ngày mười một tháng giêng, thiết thường-triều ở điện Cần-chánh, Hoàng-thượng sẽ truyền lệnh cho quan bói Giao và quan đem quân ra ngoài đến bái yết ».

[33a] Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy.

Hoàng-đế lại định rõ phép thiết đại-triều, thường-triều, và dùng nghi-vệ (1) trong thời thái-bình như các lễ-bộ (2) khi Ngài ngự kiệu hay cưỡi ngựa.

Hoàng-đế cưỡi ngựa khi đi hành lễ đề cày ruộng tịch-diễn (3).

Bây tôi Bội Lễ tâu :

« Theo lệ cũ, trước kỳ tế Giao, Hoàng-thượng thiết (4) triều, đề tuyên-thệ thụ-trai (5). Nói đến trai-giới (6) là phải giữ cho đủ cả, như ngày đêm giữ-gìn sạch-sẽ để tỏ lòng

(1) *Nghi-vệ* 儀衛 : Đờ trồn-thiết đề hộ-vệ vua quan.

(2) *Lễ-bộ* 禮部 : Nghi-vệ của thiên-tử, nói về các binh-khi của quân lính.

(3) *Tịch-diễn* 籍田 : Ruộng đề nhà vua hay quan thay mặt vua ra cày, làm tiêu-biểu cho dân chăm việc làm ruộng.

(4) *Thiết* : Đặt, bày (do chữ thiết 設 nói trạnh ra).

(5) *Thụ-trai* 受齋 : Chụ theo lệ ăn chay và giữ mình cho tinh-khiết.

(6) *Trai-giới* 齋戒 : Ăn chay và giữ giới, như phải kiêng rượu, thịt, và phải ngủ ở nhà riêng.

kính-trọng. Nếu bày nghi-vệ để Hoàng-thượng tuyên-thệ trai-giới, thật phiền-phức lắm. Và lại, thần khảo xét diên lễ nhà Thanh (1), không có việc vua tuyên-thệ thụ-trai. Nay xin bãi bỏ lệ ấy. Nhưng gặp lễ tế Giao, bách quan đều phải trai-giới như luật cũ».

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy.

Dựng miếu thờ thần sông Bắc-thành ở làng Bạch-hạc, thuộc huyện Bạch-hạc, tỉnh Sơn-tây.

Hoàng-đế phong tặng thần sông Bắc-thành là Hiệu-linh hiệp-thuận [33b] hà-thần, đề tế hai kỳ xuân thu trong mỗi năm. Sau khi thần làm yên được sông cả, lại có một lần làm lễ tạ ơn.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI

Trước khi dâng lễ để làm lễ Nghênh xuân, Bộ Lễ tâu :

«Kính xét sách Lễ-ký, thiên Nguyệt lệnh, thần được biết theo lễ-nghi ghi chép, tháng cuối mùa đông, vua sai quan hữu-ty (2) đem con trâu đất ra lễ để đuổi khí lạnh. Đến năm ngày trước tiết Lập-xuân, đặt con trâu đất, tượng người cày ruộng và cái cày ở phía ngoài cửa đông-môn. Rạng sáng ngày hôm ấy, quan lại cầm cái roi ngũ sắc ra đánh con trâu ba roi, để tỏ ý khuyến bảo cày ruộng. Thần lại xét diên-lễ

(1) *Thanh* 清 : Một triều vua (1644 — 1911) nước Trung-hoa.

(2) *Hữu-ty* 右司 : Quan lại coi việc chuyên-môn, cũng như các chuyên-viên ngày nay.

nhà Thanh, được biết trong ngày Lập-xuân, người ta dâng lên vua tượng Mang-thần (1), con trâu đất và tượng núi mùa xuân đều được bày ở trên án, để làm lễ đón xuân cùng khi hòa ấm, cũng là một cách [34a] giúp dập nhà vua. Người ta đánh con trâu để khuyên cày ruộng và ngụ ý trọng nông. Thần được biết Hoàng-thượng rất chú ý đến việc làm ruộng của nhân-dân, hễ thấy việc gì có ích-lợi đều cho phỏng theo phép xưa mà thi-hành, nên kính xin Hoàng-thượng sai quan hữu-ty chế ra ba tượng Mang-thần, ba tượng trâu đất, hai tượng núi xuân và hai bảo-tòa (2). Một ngày trước tiết Lập-xuân, quan phủ Thừa-thiên đem những tượng đến cõi phía đông ngoài thành, đặt đàn hành lễ, gọi là lễ nghênh xuân. Tế xong, rước mang-thần, thổ-ngư, xuân-sơn, bảo-tòn, mỗi thứ hai tượng, đem đặt tại chính-đường Bộ Lễ. Đến ngày lập xuân, hãy tới Bộ Lễ, cùng các quan Kinh-doãn, Khâm-thiên-giám đều mặc triều-phục rước các tượng ấy đến [34b] cửa Tiên-thọ và cửa Hưng-khánh. Quan Thái-giám tiếp nhận và dâng lên Hoàng-thượng, được gọi là lễ Tiến-xuân. Còn lại một tượng Mang-thần và một thổ-ngư, đem đặt tại phủ-thự Thừa-thiên, quan Kinh-doãn cầm roi đánh con trâu đất ba lần để tỏ ý khuyên việc cày ruộng.

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy, sau lại truyền lệnh cho các địa-phương phải làm nhất-luật như thế.

(1) *Mang-thần* 芒神 : Thần cỏ mang. Cỏ mang giống như cây lúa, nhưng lá nhỏ lại cứng, đầu lá nhọn, có giống nở hoa đỏ, có giống nở hoa trắng. Người ta tế thần cỏ mang, tượng-trung cho mùa xuân mới đến, vì hoa cỏ mang nở sớm hơn các thứ hoa khác trong mùa xuân.

(2) *Bảo-tòa* 寶座 : Chỗ ngồi tôn-quý.

Hoàng-đế định lệ dâng lễ tế miếu Tiên-y (1).

Mỗi năm tế hai kỳ xuân thu, cấp tiền tám mươi quan để mua sắm lễ-phẩm.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Ngày trước, Trẫm sai nhạc công tấu một tiết dâng-ca, thấy còn nhiều sơ-lược. Nhân thấy đàn sáo hòa-hợp với nhau, tiếng rõ-ràng có thể nghe được. Hỏi đến thì bọn ấy nói không biết nguồn gốc của nhạc, chỉ được thầy chỉ bảo về cách sử-dụng nhạc-khí. Nay Trẫm mới bắt đầu sửa-sang việc lễ-nhạc, đang còn thiếu sót ; muốn làm nhưng không biết những cốt-yếu. Bộ Lễ có [35a] nhớ nhã-nhạc (2) của triều Lê không ? ».

Tham-tri Phan-Huy-Thực thưa : « Nhạc triều Lê chỉ có việc cầm lệnh (3) mà thôi ».

Hoàng-đế phán : « Triều Lê vốn rất thịnh-vượng, tại sao lễ nhạc chỉ có một việc thô-bi như thế ? Nay dù nhạc xưa đã sót mất, những nhạc-khí về bát âm còn có thể khảo xét được. Vậy nên tìm hiểu về âm-nhạc, Trẫm cùng các khanh phải xét định việc ấy ».

Bắt đầu quyết-định điển-lễ tế Giao.

(1) *Tiên-y* 先王 ; Những người làm thuốc đời xưa.

(2) *Nhã-nhạc* 雅樂 ; Âm-nhạc chính-dáng.

(3) *Bả-lệnh* 把令 ; Cầm lệnh. Lệnh là cái thanh la bằng đồng dùng để đánh thành tiếng to làm hiệu lệnh. Thiết tưởng lời tâu này sai sự thực.

Năm thứ năm, niên-hiệu Gia-long, mới dựng đàn Nam-giao để hợp-tế [35b] Trời Đất.

(Thờ Trời trên cái gò hình tròn thứ nhất, đất trên cái đàn hình vuông thứ hai. Các vị thần được thờ phụ là tám ngôi. Đàn thờ sao Đại-minh hướng về phương tây. Sao Chu-thiên-tinh ở bậc thứ. Các thần mây, mưa, gió, sấm ở bậc thứ nữa. Sao Thái-tuế lại ở bậc thứ. Đàn thờ sao Đại-minh (mặt trăng) hướng về phương đông. Các thần núi, hồ, sông, đầm cùng sơn-thần bốn lăng ở bậc thứ nữa. Các thần gò, lăng (1), phần (2), diển (3), lại ở bậc thứ. Các thần-ký trong thiên-hạ ở bậc thứ nữa).

Sai quan chọn ngày tốt tháng trọng-xuân năm ấy, cử hành lễ tế Giao.

Hoàng-đế sai Bộ Lễ tham-khảo những điển xưa mà định rõ các nghi-chương, lễ nhạc.

Sau khi bàn định, Bộ Lễ tâu:

« Một là các đồ tự-khi, dùng ngọc-bích xanh để tế Trời, ngọc tôn vàng để tế Đất. Dùng chén lớn bằng đồ gốm, chén nhỏ bằng đồ sứ; những chén nhỏ đựng rượu màu đen; [36a] dùng cái liễn để đựng canh, cái bát để đựng xôi, cái biễn, cái đậu để đựng quả-phẩm (cái liễn, cái bát, cái đậu đều làm bằng sứ, cái biễn đan bằng tre). Các đồ thờ Trời đều dùng sắc xanh, thờ Đất đều dùng sắc vàng.

(1) *Lăng 陵* : Đống đất to, mộ vua.

(2) *Phần 墳* : Cái mộ cao.

(3) *Diển 衍* : Sườn núi.

Các phối-vị, tòng-vị thờ theo Trời cũng dùng sắc xanh; các tòng-vị thờ theo Đất đều dùng sắc vàng.

Có tám tòng-vị ở đàn vuông: Ngôi tả nhất là sao Đại-minh, ngôi tả nhị là sao Chu-thiên-tinh, ngôi tả ba là mây, gió, mưa, sấm, ngôi tả bốn là sao Thái-tuế, ngôi hữu nhất là Dạ-minh (mặt trăng), ngôi hữu nhị là núi, hồ, sông, đầm và sơn-thần bốn lăng; ngôi hữu ba là gò, lăng, phần, diển, ngôi hữu bốn là các thần-ký trong thiên-hạ. Các vị ở ngôi tả nhất, hữu nhất, hữu nhị, tả ba, tả bốn được thờ theo Trời. Các vị ở ngôi hữu nhị, hữu ba, hữu bốn được thờ theo Đất).

Hai là các lễ-phẩm bằng lụa có ba hạng: Lụa thờ ở Chính-vị gọi là Giao-tự chế-bạch (1). (Có mười hai tấm lụa sắc xanh, một tấm lụa sắc vàng, đều dùng lụa hạng nhất).

[36b] Lụa thờ Phối-vị gọi là Phụng-tiên chế-bạch 奉先制帛. (Các ngôi bên tả, bên hữu đều có một tấm lụa sắc trắng, hạng nhất). Lụa thờ ở Tòng-vị gọi là Tự-thần chế-bạch 祀神制帛 (Ngôi tả nhất có một tấm lụa sắc đỏ. Ngôi hữu nhất có một tấm lụa sắc trắng, đều dùng thứ lụa hạng nhì. Ngôi tả nhị có lụa sắc xanh, đỏ, vàng, đen, mỗi thứ một tấm, và bảy tấm lụa sắc trắng, cộng thành mười một tấm lụa. Ngôi tả ba có lụa sắc xanh, trắng, đen, vàng, mỗi thứ một tấm. Ngôi tả bốn có mười ba tấm lụa sắc trắng. Ngôi hữu nhị có tám tấm lụa sắc trắng. Ngôi hữu ba có bốn tấm lụa sắc trắng. Ngôi hữu

(1) *Giao-tự chế-bạch* 郊祀制帛: Lụa chế ra để thờ Trời.

bốn có một tấm lụa sắc trắng; những tấm lụa ấy đều dùng lụa hạng ba).

Viết chữ vào các tấm lụa rồi đặt ngay-ngắn vào các thùng tròn có nắp.

Về các giống sinh-tuyền (1), dùng nghé đen, dê, heo, đều phải tắm rửa luôn trong ba tháng và cho ăn sạch-sẽ. Xôi làm bằng gạo nếp thơm.

Ba là Âm-nhạc, ca, dùng chín chương (Hiển-thành, Cảnh-thành, Anh-thành, Gia-thành, Mỹ-thành, Thuy-thành, Vĩnh-thành, Tuy-thành, Hựu-thành).

Về vũ thì dùng Bát đặt.

(Có hai người vũ-sư bên văn, bên võ, và sáu mươi bốn vũ-sinh, chia thành hai hàng tả hữu. Lần sơ hiến, bên võ múa những cái can (mộc), cái thích (búa); đến lần á-hiến và chung-hiến, bên văn múa những lông chim trĩ và các ống thước (2).

Về nhạc-khi thì dùng chuông lớn, khánh lớn, chuông nhỏ, khánh nhỏ.

(Chuông làm bằng đồng, khánh làm bằng đá. Có một cái chuông lớn, một cái khánh lớn, [37a] mười hai cái chuông nhỏ, mười hai cái khánh nhỏ. Mỗi lần tấu một chương nhạc,

(1) Sinh-tuyền 牲牲: Các con vật mổ thịt dâng để tế lễ.

(2) Thước 箏: Nhạc-khi đời xưa, giống hình ống sáo có 6 lỗ, để các vũ-sinh vừa thổi làm nhịp, vừa múa.

khi mới bắt đầu, đánh ba tiếng chuông lớn; khi đã cử nhạc, đánh các chuông nhỏ, khánh nhỏ để hòa với các tiếng tơ (đàn), tiếng trúc (sáo); khi tấu xong một chương nhạc, đánh ba tiếng khánh lớn. Mỗi lần người hành-lễ tiến lên, lui xuống, đều dùng đại-nhạc).

Bốn là nghi-thức, phải bói trước ngày tế Giao. Khi thăng đàn, dùng lễ tam hiến (ba lần dâng lễ-phẩm).

Hoàng-đế truyền lệnh cho đình-thần phúc-nghị. Quần-thần xin đổi rượu màu đen, dùng rượu lễ thượng-hạng. Các đồ hiến đậu thực-dụng, xin dâng thêm bánh bột lọc, bánh ngọt, dưa, mấm. Ngoài ra, xin chuẩn y lời Bộ Lễ đã tâu.

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy.

Về sau, Hoàng-đế lại cho dâng thêm lên đàn tế một con trâu thui, giữa hai tiết tiến trở, triệt soạn 進俎嚴饌. (Đề dâng lễ bằng trâu thui, người ta cạo lông và mổ một con trâu non, rửa thật sạch, đốt hương thơm và lá quế để thui trâu. Sau khi dâng ngọc lụa lên đàn Giao, người ta dâng cổ để tế. Đến khi Hoàng-đế (làm chủ tế) ẩm phúc thụ tộ (1) xong rồi, người ta đem cổ bày ở trên đàn tế xuống, tức là giữa hai tiết tiến trở, triệt soạn: Từ khi dâng cổ lên đến khi đem cổ xuống). Các nhạc-công khỏi phải tấu nhạc trong khi làm lễ đốt củi thui trâu, nhưng tấu thêm hai chương Hiến-thành, Cảnh-thành, giữa hai tiết tiến trở, triệt soạn; sau lại tấu thêm hai chương Đăng-thành, Doãn-thành nữa.

[37b] Bày tời Bộ Lễ tâu:

(1) Ẩm phúc thụ tộ 飲福受祚: Uống rượu và nhận phần thịt sau khi tế thần để hưởng phúc.

« Binh là việc lớn trong nước. Các Liệt-thánh ta đã mở-mang cơ-nghiệp, đánh bắc dẹp nam, việc binh-nhung rất thịnh. Kịp đến Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta dùng thánh-đức dựng nghiệp trung-hưng, đem vũ-công làm việc binh-định. Vì thế, từ trước đến nay, mỗi năm đầu mùa xuân, triều-đình ban cờ mao, phù-tiết (1), sai tướng đem quân ra ngoài. Nhưng tùy thời mà sửa đổi cho thích-đáng, đó là hợp với lẽ vậy. Nay nước nhà nhàn-hạ, chính là lúc không phải xem đến việc võ. Vậy mà đầu mùa xuân, lại cho tướng đem quân ra ngoài, không có việc gì cũng ban cờ mao, phù-tiết; sợ không phải là việc nên làm trong thời thái-bình, mặc dù không khi nào nhãng quên việc vũ-bị. Thần kính xét điển nhà Minh, được biết mỗi năm, vào tháng trọng-thu, vua sai quan tế miếu cờ đạo (2), hoặc khi sai tướng đem quân ra trận, phải tế cờ đạo rồi mới ra đi. Thần lại xét đến [38a] điển nhà Thanh, được biết cờ đạo không có miếu thờ riêng, mỗi năm cũng không có lệ tế ấy. Chỉ khi nào vua sai tướng đi đánh giặc, hay vua thân-chinh, lúc sắp khởi-hành, mới tế cờ đạo ở phía ngoài cửa chánh-đường. Đủ biết việc tế cờ đạo đến nay vẫn còn. Từ nay về sau, mỗi lần đầu mùa xuân, xin Hoàng-thượng sai quan lập đàn tế cờ đạo ở ngoài quách phía nam kinh-thành, và xin bỏ lệ ban cờ mao cùng phù-tiết ».

Hoàng-đế sai đình-thần phúc-nghi, đều cho là phải; mới chuẩn y cho thi-hành làm thường-lệ kể từ năm ấy.

(1) Cờ mao 旄: Có cầm lông con bò tót vào cán.

Phù-tiết 符節: cái ấn của vua giao cho các quan giữ làm lệnh khi đi sứ hay đem quân ra ngoài.

(2) Đạo 帑 (cũng đọc là âm độc): Cái cờ lớn nhất, hay là cái cờ tiết-mao của vua.

Chuẩn-định điều-lệ giới-cấm trong khi làm các lễ tiết tại điện Phụng-tiên.

1.— Mỗi năm gặp [38b] ngày dân-sinh hay ngày kỵ của Thế-tổ Cao Hoàng-đế, quần thần rước Hoàng-thượng đến miếu Phụng-tiên để Ngài hành-lễ; các hoàng-tử, văn võ chức quan bồi-tự (1) cùng những người chấp-sự (2) đều phải đứng ở ngoài hàng lan-can bằng gỗ ở bên tả, bên hữu, đội mũ mặc áo. đề lần-lượt đi vào. Mỗi Hoàng-tử chỉ được đem theo một người trưởng-sứ của phủ mình. Những người theo hầu khác không được đi vào lộn-xộn.

2.— Trong khi lễ kỵ, các chức quan làm bồi-tự hay chấp-sự, có mũ áo tể được đứng chờ theo thứ tự trong ban. Ngoài ra, những người được phép vào bái mà chưa đủ lễ-phục, phải đứng chờ ở phía ngoài ban bên tả, bên hữu, không được nói chuyện rầm-ri, đợi đến lượt sẽ đi vào. Bái lạy xong, phải đi ra ngay.

3.— Những binh-lính khiêng gánh cỗ-bàn lễ-phẩm đi vào, đều phải im-lặng, cung-kính; chờ quan hữu-ty đặt lễ xong, phải đi ra ngay, đứng đợi, không được dừng lại ở hai dãy vũ. Khi lễ xong, triệt-soạn, binh lính lại phải im-lặng, cung-kính đi vào, đem những cỗ-bàn, lễ-phẩm ra ngoài.

4.— Mỗi tháng, ngày mồng một và ngày rằm, làm lễ phần hương, các hoàng-tử phải theo thứ-tự, mặc triều-phục kính-cần đến chiêm-bái; cũng chỉ được đem theo một viên trưởng-sứ.

(1) *Bồi-tự* 陪祀: Phụ-tế. Lễ tế có người chủ tế và các người bồi-tự.

(2) *Chấp-sự* 執事: Giữ việc.

5.— Mỗi binh lính ứng-trực tại ban được cấp một cái thẻ sừng. Binh lính không được để các vật-kiện tạp-nhập trong hai dãy vũ tả hữu, lại phải thường thường rửa nước, quét nhà.

6.— Hai bên tả hữu đường lát gạch ở ngoài cửa, đã có lan-can bằng gỗ làm giới-hạn, cấm nhất-thiết các chức quan, lại dịch, quân nhân, trong ngày thường, không được đi vào phía trong lan-can. Người nào trái lệnh, sẽ xét theo luật đề trừng-trị.



MINH-MỆNH CHÍNH-YẾU

QUYỀN THỨ 12

LÊ NHẠC (tập hợp)

Bản dịch của

LÊ PHỤC-THIỆN

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỨ 12

LỄ NHẠC

(TẬP HẠ)

[1a] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI MỘT (1830)

Chuẩn-dịnh cho các mệnh-phụ (1) các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, đều chiếu theo phẩm-hàm mà may sắm triều-phục. Lễ gặp ba tiết lớn như Thánh-thọ Từ-thọ-cung (2), Chánh-dân (3), Đoan-dương (4) các mệnh-phụ đều vào sân trong, theo từng ban mà chiêm-bái, đúng với lễ độ. Nay nêu rõ để làm lệ.

-
- (1) *Mệnh-phụ* 命婦 : Đán bà được phong phẩm-hàm. Nội mệnh-phụ như những phi-tần trong cung nhà vua. Ngoại mệnh-phụ như vợ các quan có phẩm-trật cao.
 - (2) *Thánh-thọ Từ-thọ-cung* 聖壽慈壽宮 : Lễ mừng tuổi thọ Hoàng Thái-hậu.
 - (3) *Chánh-dân* 正旦 : Tết nguyên-đán đầu năm âm-lịch.
 - (4) *Đoan-dương* 端陽 : Tết mồng 5 tháng 5 âm-lịch.

[1b] Tấn (1) An-dụ, Bình-định, có đền Tứ-dương, rất linh-ứng. Khi thuyền công vận-tải đi đến cửa bể thì bị cát bồi lấp lối ra vào. Về sau, thuyền vận-tải lại đi thông-suốt được. Tỉnh-thần cho là nhờ sức thần-linh giúp-đỡ cho nên xin đem đồ tam sinh (2) để lễ tạ.

Hoàng-đế ưng cho, và ra lệnh các năm về sau, hễ quan-thuyền vận-tải đi qua nơi ấy được thần giúp cho hoàn-toàn thông-suốt, thì Tỉnh-thần chiếu lệ ấy mà lễ tạ.

Tháng tư (ngày 23) kính gặp tiết Vạn-thọ tứ tuần đại-khánh (3), bách quan văn võ khân-thiết xin cử-hành lễ mừng đề chúc hồ (4), với đầy-đủ nghi-lễ. Liền sai dựng lầu căng gấm ngũ sắc ở dưới cửa khuyết (5) diện Càn-nguyên. Dựng cửa nghi-môn ở hai bên tả [2a] hữu phía ngoài cửa Đoan-môn. Lại dựng rạp căng gấm ngũ sắc ở trong sân diện Càn-chánh cùng hai dãy nhà tả hữu vũ để chuẩn-bị trang-hoàng trần-thiết.

Bộ Lễ bàn định những nghi-lễ như sau:

Xin lấy 10 ngày trước lễ Đại-khánh làm ngày bắt đầu lễ khánh-tiết. Từ ngày ấy đến ngày lễ chính, bày tôi văn

(1) Tấn 汛: Nơi có đền quan binh trấn-thủ.

(2) Tam-sinh 三牲: Ba vật hy-sinh để cùng quỹ thần: bò, heo, dê.

(3) Vạn thọ tứ tuần đại-khánh 萬壽四旬大慶: Lễ mừng Vua hưởng thọ 40 tuổi.

(4) Chúc-hồ 祝嘏: Cầu chúc Vua hưởng phúc thọ.

(5) Khuyết 闕: Cái cổng hai tầng, giữa tầng dưới để trống làm lối đi, nên gọi khuyết (đề trống). Ngày xưa thường ban-bố pháp-lệnh ở ngoài cửa cung, nên gọi cửa cung nhà vua là cửa khuyết.

vô đều phải mặc triều-phục vào hầu từng ngày lễ. Rạng sáng mỗi ngày, các hoàng-tử mặc triều-phục, chia thành ban lần-lượt đến dãy nhà vu bên tả điện Cần-chánh đợi chờ, khi được tuyên-triệu sẽ vào thỉnh-an và hầu cơm nhà vua.

Bộ Binh bàn xin bắn đại-bác để mừng.

(Xin khi xong lễ khánh-hạ, trước đài phía Nam, bắn mừng 5 lần 9 là 45 tiếng đại-bác. Xin lấy số 5 là ở ngôi tôn, còn số 9 là số dương, có nghĩa là không thay đổi. Từ đó, cứ mười năm làm một tiết. Lễ đại-khánh mừng thọ năm mươi, dùng 6 lần 9 là 54 tiếng. Lễ đại-khánh mừng thọ 60, dùng 7 lần 9 là 63 tiếng. Lễ đại-khánh mừng thọ 70, dùng 8 lần 9 là 72 tiếng. Lễ đại-khánh mừng thọ 80, dùng 9 lần 9 là 81 tiếng. Lễ đại-khánh mừng thọ 90, cùng với mừng thọ trăm tuổi cho đến mừng thọ muôn tuổi không giới-hạn, đều dùng 100 tiếng đại-bác).

Hoàng-đế đều cho theo lễ ấy, sai quan hữu-ty (1) trai giới sạch-sũ, chọn ngày tốt lành để kính cần tế-cáo [2b] Giao, Miếu, Xã-tắc (2).

Đến ngày tế lễ, Hoàng-đế ngự tại điện Thái-hòa để nhận lễ mừng, xem mùa Bát-dật (3) nghe tấu nhạc bảy chương (Nguyên-thọ, Trinh-thọ, Vĩnh-thọ, Gia-thọ, Hy-thọ, Hiền-thọ, Tuy-thọ), và ban ân-chiếu 20 điều.

(1) *Hữu-ty* 有司 : Quan lại coi việc chuyên-môn, cũng như các chuyên-viên ngày nay.

(2) *Giao* 郊 : Đàn tế Trời Đái. *Miếu* 廟 : Miếu thờ tổ-tiên của nhà vua. *Xã-tắc* 社稷 : Nền thờ thần đất và thần lúa.

(3) *Bát-dật* 八日 : Lối mùa ở nơi miếu đường, có 8 hàng, mỗi hàng 8 người.

Hoàng-đế lại ngự tại điện Cần-chánh, cho các hoàng-tử cùng các quan văn võ tứ tam phẩm trở lên được dự yến, nhạc tấu 5 chương (Cảnh-phúc, Hoảng-phúc, Thuần-phúc, Sùng-phúc, Diển-phúc).

Các quan đại-thần theo thứ tự dâng rượu chúc thọ.

Hoàng-đế thân tự rót rượu ban cho, và thưởng gấm lụa.

Ngày hôm sau, ban yến cho các quan văn võ tứ ngũ phẩm cùng các thuộc-viên trong Nội-các (1). Các quan thồ-ty ở các thành trấn cùng các viên đầu mục các nước phiên-thuộc dự yến tại hai bên tả hữu xướng đại-tướng [3a] quân, đều được thưởng bạc và lụa. Hoàng-đế lại cho các vị kỳ-lão phủ Thừa-thiên hội họp uống rượu trong ba ngày.

Hoàng-đế ngự tại thái-lâu (2) nhìn thấy hơn hai trăm người kỳ-lão chiêm-bái (3) ở trước lầu, ban cho vàng bạc tiền lụa vải tùy theo thứ bậc.

Bộ Lễ bàn về việc An-khánh-công tên là Quang 光 đề chế-phục (4) cho bà sinh-mẫu, theo như năm Gia-long đã chuẩn-dịnh : Hoàng-tử, công-chúa đề tang cho mẹ sinh

(1) *Nội-các* 內閣 : Năm 1829, vua Minh-mệnh dời Thị-thư-viện làm Nội-các, làm chốn cơ-yếu ở trong điện, để vua hỏi-han công việc và phụ-trách soạn-thảo thư văn. Chọn lựa các quan tam tứ phẩm sung vào Nội-các.

(2) *Thái-lâu* 綏樓 : Lầu càng gấm ngũ-sắc.

(3) *Chiêm-bái* 瞻拜 : Nhìn lên mà bái lạy.

(4) *Chế-phục* 制服 : Quần áo mặc nhất-luật trong khi đề tang.

trong một năm bằng phục tư-thời (1). Ngày nay làm theo phép đời xưa đã thích-dáng với lễ trời và tình người. Nay An-khánh-công đề tang cho sinh-mẫu, xin dùng tang-phục tư-thời chống gậy. Lần sau làm lễ giống như thế trong ngày kỵ. Trong hai lần làm lễ, xin cho giữ tâm-tang, khỏi phải theo ban mà châu mừng. [3b] Hoàng-đế cho làm theo như thế.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI HAI

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng : « Người làm bầy tôi cảm hốt (2) tâu công việc, đó là phép-tắc của đời xưa, có thể châm-chước mà làm, để có đủ nghi-lễ khi vào châu ». Liền hạ lệnh chiếu theo phẩm hàm mà làm những cái hốt bằng ngà hay bằng gỗ, cấp cho các quan dùng trong khi mặc triều-phục.

Mới chế mũ miện, y-phục đề tế Giao. (Trước ngày ấy, Hoàng-đế đội mũ chín con rồng, mặc áo vàng, đai ngọc, giống như khi làm lễ tế hưởng (3) tại nhà Tông-miếu).

Hoàng-đế hạ lệnh cho Bộ Lễ khảo xét cách chế áo lễ, mũ miện đời xưa đề dâng lên. Hoàng-đế tự-y châm-chước và định cách-thức cho làm.

(1) *Tư-thời* 齊衰 : Áo tang vén gấu.

(2) *Hốt* 笏 : Cái hốt, ngày xưa vua quan ra châu đều cầm cái hốt bằng ngọc, ngà, hay bằng gỗ. Có khi ghi những điều gì định nói để phòng cho khỏi quên. Về đời sau, chỉ có các quan mặc triều-phục mới cầm cái hốt.

(3) *Hưởng* 饗 : Tế hợp-dòng.

Năm ấy, tế [4a] Trời Đất ở đàn Nam-Giao.

Hoàng-đế mặc áo cồng, đội mũ miện, cầm ngọc Chấn-khuê, lễ xong, thiết triều, nhận lễ mừng.

Ban dụ cho quần-thần rằng: «Bắt đầu chế ra áo cồng mũ miện từ đời Hiên-viên (1). Đến ba đời (Hạ, Thương, Chu) trở xuống, ít làm như thế. Nay Trẫm lấy phép xưa, mà thêm bớt để chế ra mũ miện, có tua rủ xuống trang-nghiêm, tiếng ngọc chạm nhau leng-keng. Đội mũ miện vào, càng thấy kính-cần, ung-dung, thêm sáng tỏ lễ-độ. Mới biết người xưa chế ra mũ miện, thật có ý sâu-xa. Trẫm từng xem sách sử, không riêng gì nước ta không có mũ miện, đến như Bắc-triều, từ đời nhà Thanh đến nay, cũng bỏ mũ ấy. Nay ta đem ra làm, người nhà Thanh đã bỏ điển-lễ ấy, cũng sẽ theo ta để sửa lại. Xem đó Bắc-triều lại được vẻ-vang. Song lòng Trẫm chưa dám cho là tận-thiện, vì thờ Trời cốt ở thực-tế, chứ không cần [4b] văn-vẻ; đâu phải trang sức xa-xỉ cái văn-cu ấy để làm cho đẹp mắt».

Hoàng-đế lại nói: «Vua Minh Thế-tông không thân tự tế Giao, bỏ mất ý nghĩa thờ Trời. Triều nhà Thanh lại tế Trời hai lần trong một năm, cũng là tế nhầm. Những việc ấy đều không đáng làm phép-tắc. Chỉ có Đức Hoàng-khảo ta, Thế-tổ Cao Hoàng-đế, định một kỳ tế trong mỗi năm, rất hợp lễ-diễn truyền đến muôn đời, nên theo đúng để làm phép-tắc».

Về sau, Bộ Lễ lại bàn và tâu lên về cách chế ra áo xiêm,

(1) *Hiên viên* 軒轅: Nơi sinh Vua Hoàng-đế (2697 — 2597), một vị thánh-quân Trung-quốc.

theo nghĩa càn khôn (1), màu sắc rực-rỡ, văn-vẽ sáng tỏ. Vậy nên đời xưa, trên từ thiên-tử, dưới đến các chư-hầu và các quan khanh sĩ, dùng áo mũ phục-sức đều có đẳng cấp.

Nay [5a] Hoàng-thượng xét đến điển xưa, mới chế ra ngự-phục áo cồn mũ miện, đề thờ Thượng-đế, thật là thịnh-diên. Còn những người bầy tôi coi việc khắp bên tả bên hữu, cũng nên được chế-định áo mũ, để lễ-nghi thêm kính-cần.

Hoàng-đế chuẩn y lời tâu ấy, liền sai chế áo mũ cấp cho những người coi việc ở Viên-đàn (2) cùng những người giúp việc tế-lễ.

Bộ Lễ bàn định về lễ nhạc đề tế Hưởng (hợp-dồng) ở nhà Tông-miếu, xin dùng năm cái chén lớn đề đựng rượu đen (tế Hưởng về mùa Xuân dùng chén Hy-tôn 犧尊, tế Hưởng về mùa Hạ dùng chén Tượng-tôn 象尊, tế Hưởng về mùa Thu dùng chén Trước-tôn 著尊, tế Hưởng về mùa Đông dùng chén Hồ-tôn 壺尊, tế Hưởng hợp chung dùng chén Sơn-tôn 山尊. Dùng cái tô bằng đá đề đựng Thái-canh 太羹, Hòa-canh 和羹, những cái thùng đề đựng [5b] cơm tẻ và xôi nếp, mâm đề đựng quả, cái bát đề đựng gói mấm, và dùng 3 hạng lụa :

Lụa đặt tại bàn thờ chính giữa, đề Phụng-tiên chế-bạch 奉先制幣 ;

— Lụa đặt tại bàn thờ các vị thân-huân được tưng-tự, đề Triển-thân chế-bạch 展親制幣 ;

(1) *Càn khôn* 乾坤 : Tên hai quả trong bát quái, kinh Dịch, tượng cho trời và đất.

(2) *Viên-đàn* 圓壇 : Đàn tròn thờ Trời tại Nam-giao.

— Lua đặt tại bàn thờ các vị công-thần, đề Báo-công chế-bạch 報功制節.

Dùng nhạc tấu chín khúc (Hàm-hòa, Gia-hòa, Tường-hòa, Dự-hòa, Ninh-hòa, Mỹ-hòa, Túc-hòa, An-hòa, Ung-hòa).

Dùng chuông khánh làm nhạc khí trong khi múa Bát-dật, chiếu đúng theo phép-tắc tế Giao.

Hoàng-đế sai đình-thần bàn lại, đều nhận thấy lời bàn của Bộ Lễ là châm-chước những việc đời xưa đời nay, có thể đem ra thi-hành. Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Hoàng-đế nhân [6a] lễ tế Hưởng, ban dụ cho Nội-các rằng: «Việc tế-lễ vốn chủ ở thành-kinh, có một phen đặt ra đầy-đủ, tình ý và văn-sức càng được hoàn-toàn, đề tỏ rõ cách-thức, thật an-ủi lòng Trẫm».

Quần-thần dâng biểu chúc mừng, vì lễ nhạc đã được tu-chỉnh rõ-ràng.

(Về sau bớt những tấm lụa đề tại các bàn thờ từng-tự. Đồi lễ phẩm dâng lên chính-vị tại nhà Thái-miếu và nhà Thế-miếu, bằng một con trâu non trong mỗi kỳ lễ tế, từ trước đến nay dùng trâu lớn mập).

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BA

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

Nay những nghi-chương về việc tế lễ ở đàn Giao và ở nhà Tông-miếu [6b] đã được lần-lượt khảo-xét, ấn-định, thật đủ đề tỏ rõ phép-tắc và truyền về đời sau. Đến như

lễ nhạc ở nơi triều-đình, nên theo thứ tự mà sửa sang để làm sáng tỏ văn vật, thanh-danh cho được tốt đẹp. Trong các lễ Triều-hội, xin dùng nhã-nhạc (1): Chuông lớn, khánh lớn đều một cái; bộ chuông nhỏ, bộ khánh nhỏ đều 12 cái; cái chúc, cái ngữ (2) đều một cái; trống để trên trụ, trống vỗ hai mặt đều hai cái; đàn cầm, đàn sắt đều bốn cái; ống sáo, ống tiêu, cái sênh, cái huân bằng sành, cái phách tre, mỗi thứ đều hai cái. Mỗi khi tấu một chương nhạc, trước phải đánh ba tiếng chuông lớn, rồi đánh ba tiếng chúc bằng gỗ. Nhã-nhạc hợp với tiếng tấu-ca. Khi hết chương-khúc ca nhạc, đánh ba tiếng ngữ bằng gỗ, rồi đánh ba tiếng khánh lớn, thì nhạc ngừng.

Khi cử đại-nhạc, đánh hai mươi tiếng trống, thỗi tám cái kèn, bốn cái còi sừng, hai cái ốc bễ, đánh bốn cái thanh-la và bốn cái cồng lớn.

Khi đức vua ngự đến cửa Bắc-cảnh điện Thái-hòa, thì cử nhạc. Khi đức vua ngự trên bệ, thì nhạc dứt. Sau khi lễ xong, thì cử nhạc, khi đức vua ngự vào điện Cần-chánh, thì nhạc dứt.

Mỗi bộ nhã-nhạc, có mười một nhạc-chương: Lý-bình, Túc-bình, Khánh-bình, Di-bình, Nguyên-bình, Hàm-bình, Doãn-bình, Siễn-bình, Long-bình, Thuận-bình, Hòa-bình.

(1) *Nhã-nhạc* 雅樂: Âm-nhạc chính-dáng dùng nơi triều miếu.

(2) *Chúc* 祝 ngữ 祝: Hai thứ nhạc-khi làm bằng gỗ, cái chúc hình vuông, giống cái thùng không có đáy, cái ngữ giống bình con kỳ-lân nằm. Khi mới cử nhạc, người ta cầm cái dùi đánh cái chúc, khi nhạc sắp hết, người ta cầm cái dùi đánh cái ngữ.

Mỗi năm, trong ba kỳ đại-tiết (1) cùng tiết đại-khánh (2) đều ban sóc (3) truyền ló (4). Ngày sóc (ngày mồng một), ngày vọng (ngày rằm) hàng tháng, các nơi phiên-trấn dâng các lễ về triều, đều được tấu nhạc [7a].

Khi Hoàng-đế ngự trên bệ, thì tấu chương Lý-bình. Khi có các lễ-tiết, bách quan đều làm lễ, thì tấu chương Túc-bình. Mỗi năm, trong ba đại-tiết cùng tiết đại-khánh, bách quan làm lễ mừng, thì tấu chương Khánh-bình. Mỗi năm trong tết chính-đán, được tuyên chỉ ban yến, cùng tiết đại-khánh, được ban-bố ân-chiếu xong, bách quan làm lễ tạ ân, tấu chương Di-bình. Mỗi năm, ban sóc, quan Khâm-thiên-giám (5) làm lễ, tấu chương nguyên-bình. Mỗi năm, ban sóc, bách quan tạ ân, tấu chương Hàm-bình. Phàm khi Điện-thị (6), gọi loa xong, quan khâm-mạng vào tâu mọi việc, tấu chương Doãn-bình. Các tân tiến-sĩ vào hành-lễ, tấu chương Siển-bình. Khi gặp lễ đại-khánh-tiết, các ngoại-phiên (7) đến hành-lễ và dâng những phẩm-vật mới, được vào triều bái, tấu chương Long-bình. Khi các ngoại-phiên vào dâng phẩm-vật mới để tạ ân, tấu chương

-
- (1) *Đại-tiết* 大節 : Lễ chúc thọ Hoàng Thái-hậu, lễ tết Nguyên-đán và lễ tết Đoan-dương (ngày mồng 5 tháng 5 Âm-lịch).
 - (2) *Đại-khánh* 大慶 : Lễ chúc thọ vua trong ngày sinh-nhật.
 - (3) *Ban sóc* 頒朔 : Triều-đình ban cáo cho quần-thần biết để tế-cáo tại các nhà thờ miếu trong ngày mồng 1 tháng giêng.
 - (4) *Truyền ló* 傳臚 : Gọi loa cho dân-chúng biết.
 - (5) *Khâm-thiên-giám* 欽天監 : Quan coi thiên-văn và lịch-pháp.
 - (6) *Điện-thị* 殿試 : Thi Đình, vua ra trước điện để khảo-sát các chiến-sĩ mới đậu Hội-thi.
 - (7) *Ngoại-phiên* 外藩 : Vua chúa các nước nhỏ nhận phong tước và triều-cống vua nước lớn.

Thuận-bình. Trong các lễ tết, triều hội đã xong, rước Hoàng-thượng về cung, tấu chương Hòa-bình. Về lời nhạc, đều dùng những câu trong Thi-kinh.

Hoàng-đế cho làm theo lời tâu ấy, và chuẩn-định : « Hễ gặp lễ tế lớn ở đàn Giao cùng nhà Tông-miếu [7b] các quan văn từ ngũ phẩm, các quan võ từ tứ phẩm trở lên, theo từng ban làm bồi-tế. Các quan văn từ lục-phẩm, các võ từ ngũ-phẩm trở xuống, không dự vào hàng giữ việc, đều phải quý ở bên tả bên hữu đường ở trong cung, đề nghênh đón hoặc tiễn đưa, cho hợp nghi lễ ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Từ xưa, phép tắc tại nhà Tông-miếu cùng-ưng các lễ tế Hưởng cùng các lễ mừng, về việc truy-niệm tổ-tiên xa xưa, cảm-thông nhật-nguyệt, thì phải lập nơi thờ riêng đề bày tỏ sự kính-cần, mới biếu-lộ được lòng tinh-thành, trọng hậu và hợp với ý-nghĩa của lễ ».

Hoàng-đế ra lệnh xây dựng [8a] điện Long-đức ở phía tả nhà Thái-miếu, đề thờ cúng bà Hậu của vua Thái-tổ (1) trong ngày kỵ. Ở phía trước bên tả, dựng điện tiên Chiêu-kính, đề thờ cúng trong ngày kỵ các bà Hậu của các Tiên-đế thờ trên bốn cái bàn bên tả trong nhà Thái-miếu. Ở phía trước bên hữu, dựng điện Mục-tu, đề thờ cúng trong ngày kỵ các bà Hậu của các Tiên-đế thờ trên bốn cái bàn bên hữu trong nhà Thái-miếu.

(1) Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế tức là chúa Tiên Nguyễn-Hoàng (1525 — 1613).

Hoàng-đế lại lấy việc phụng-thờ nhà Tông-miếu, mọi lễ đều thống-thuộc về bậc tôn-trưởng. Theo lệ cũ, trong các ngày kỵ ở Hưng-miếu (1) hay ở [8b] điện Phụng-tiên (2), các hoàng-tử cùng các văn võ bách quan thuộc Tôn-nhân-phủ (3) dâng cúng lễ sanh (4), nay đều đình chỉ.

Hoàng-đế ra lệnh cho các địa-phương xây dựng đàn Xã-tắc, chuẩn cho Bộ Lễ bàn định quy-thức cùng cách tế lễ. Lấy việc cử-hành tế trong mùa xuân năm Minh-mệnh thứ mười bốn làm lễ đầu tiên.

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng:

« Mỗi năm, trong ba đại-tiết, đều được ban chiếu. Ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng, các địa-phương đều tập họp ca-công ở Hành-cung để múa hát. Hành-cung là nơi tôn-nghiêm, nhiều ca-công đến làm ồn-ào, không phải là nơi bày tỏ sự trang-nghiêm và cho thấy sự kính-cần. Vạy xin đình việc múa hát. Từ nay về sau, trong các tiết lễ triều-bái, chỉ dùng các nhạc khí nhỏ, như tiếng tơ tiếng trúc ».

[9a] Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng:

« Từ trước, đã định kỳ-hạn những ngày thiết-triều. Mỗi

(1) *Hưng-miếu* 興廟 : Miếu thờ Hiếu-khang hoàng-đế, sinh ra vua Gia-long.

(2) *Phụng-tiên-diện* 奉先殿 : Điện thờ vua Gia-long trong ngày kỵ.

(3) *Tôn-nhân-phủ* 尊人府 : Một quan-thự xem các việc riêng thuộc về họ nhà vua.

(4) *Sanh* 牲 : Súc vật làm thịt dâng tế thần.

tháng, thiết hai lần đại-triều và bốn lần thường-triều. Gần đến ngày ấy, bầy tôi Bộ Lễ đều dự trước những lời tâu xin. Nhân nghĩ đến việc ngự triều trong các lễ khánh-tiết, đã có đủ điền-lệ. Nếu gặp việc mừng mà thiết-triều, phải soạn riêng những lễ vật trình lên. Huống gì trong các ngày lễ, Trẫm hấn ngự tại điện để nghe việc chánh, bầy tôi vẫn võ theo từng ban mà tập-hợp, đó là những phép-tắc trong việc châu hầu, sao còn đợi tâu xin nữa. Chuẩn cho từ nay về sau, trong những ngày đại-triều và thường-triều, nếu không phải vì việc nên thiết triều-nghỉ thì không cần hư-ứng bày đặt việc cũ, tâu xin thêm nhàm».

[9b] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BỐN

Gần đến lễ tế Giao, Bộ Lễ theo lệ tiến dâng người bằng đồng (1).

Nhân việc ấy, Hoàng-đế ban dụ rằng:

«Từ trước đến nay, phàm gặp ngày trai-giới, Trẫm thường không uống rượu, không ăn đồ mặn, cũng không ăn thịt. Nhưng biết rượu hay tán khí, ăn năm vị cay đắng thường hôn thần, kiêng như thế là phải. Đến như việc ăn thịt, để nuôi thân-thể, vị lại cam-bình, không nên so-sánh với các vị khác. Nếu nhất-khái cấm hẳn, không gần như

(1) Khi nào gặp kỳ tế mà vua cần dùng đồ ăn chay, lễ thần nội-giám phải dâng tượng người bằng đồng, như dâng trước ba ngày đến lễ tế Giao, dâng trước hai ngày đến lễ tế miếu, dâng trước một ngày đến lễ tế đàn Xã-tác, hay tế Văn-miếu thờ Khổng-thánh.

cách giữ giới ở nhà chùa chẳng? Bộ người nên tham-khảo điển-lệ, tâu lên đề chuẩn-hành ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

[10a] « Nhà Tông-miếu là nơi tôn-kính, từ trước đến nay, việc tiến dâng các lễ phẩm, chỉ do các viên-chức coi việc tế lễ bái dâng, chưa đủ bày tỏ ý kính-cần. Từ nay về sau, hễ gặp dịp tiến dâng lễ phẩm tại các Liệt-miếu cùng điện Phụng-tiên, chuẩn cho thị-vệ chuyển báo các hoàng-tử. Các hoàng-tử đều mặc đủ phẩm-phục chia nhau đến hành-lễ ».

Theo lệ cũ, các công-chúa đi lấy chồng, sau khi Hoàng-đế giáng chỉ, lại khiến quan truyền mệnh định ngày thành hôn, quan Khâm-thiên-giám chọn ngày giờ tốt, quan khâm-mạng chủ việc hôn-lễ, đem việc cáo tế nhà Tông-miếu. Đến ngày thân-nghinh, nữ-quan dẫn công-chúa đến [10b] nhà Tông-miếu để bái-từ.

Khi công-chúa thứ hai, thành hôn cùng con quan Tả-quân Nguyễn-văn-Hiếu Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Việc gả công-chúa đã có minh-dụ, lại còn sai quan truyền mệnh, như thế văn-thư quá thừa. Và lại, nhà Tông-miếu là nơi tôn-nghiêm, có việc quan-trọng mới đến tế-cáo. Con gái đi lấy chồng là lễ thường, sao nên phiền-nhiều. Từ nay về sau, nên tỉnh-giảm ».

Hoàng-đế lại truyền dụ : « Lễ cưới hỏi tùy theo vật sở-hữu của nhà trai, chớ xa-xỉ quá ».

Đến khi Tả-quân Nguyễn-văn-Hiếu tạ-thế, bầy tôi Bộ Lễ tâu xin công-chúa đề tang-phục.

Hoàng-đế ban dụ rằng: « Công-chúa đã xuất-giá, nên vợ nên chồng, phải đem đạo hiếu thờ cha mẹ chồng, mới hợp với lễ. Trẫm làm chủ thiên-hạ, nghĩ sâu xa đến nguồn gốc phong-hóa, dạy điều hiếu làm điều trung, đề lĩnh-đạo thiên-hạ ».

[11a] Hoàng-đế chuẩn cho công-chúa dùng lễ cơ-niên (1), khi vào nội-dinh triều-yết thì dùng thường-phục, khỏi dự các yến-tiệc và ca-nhạc.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng:

« Đàn Giao cùng nhà Tông-miếu là nơi tôn-nghiêm, dù có người chuyên-ty coi giữ, nhưng lâu ngày sinh trở-nổi, hẳn nên tra xét nghiêm-ngã, mới tỏ rõ được sự nghiêm-chỉnh ».

Hoàng-đế sai quan khoa-đạo đi tuần tra mỗi tháng một lần. Thấy điều gì không hợp, phải tham-hạch ngay.

Năm Minh-mệnh thứ mười sáu, lại định lệ mỗi tháng, quan khoa-đạo, quan [11b] Thái-thường Bộ Lễ cùng quan suất-đội thị-vệ cấm-bính, chia nhau đến các nơi lăng tẩm đề tuần-tra. Chế ra những thẻ bài tuần-tra đề luân-phiên cấp cho người đi tuần-tra.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI LĂM

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

(1) Cơ-niên 祭年: Đề tang-phục trong một năm.

« Năm nào, đến ngày kỵ tại liệt-miếu, trước ngày chính-kỵ một ngày, có lệ cấm việc hành hình các phạm nhân, mổ thịt súc-vật, cùng việc yến nhạc ca xướng, mặc áo hồng, áo tía. Nhưng xét đến các sách không thấy ghi chép điều cấm ngăn những việc ấy trước một ngày chính kỵ. Vậy sửa đổi từ nay về sau, chỉ cấm ngăn những việc ấy trong ngày chính kỵ ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI SÁU

[12a] Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Quan đọc chi-dụ là để thay lời của vua. Ngày Tết Nguyên-đán, quan truyền-chỉ đứng bên cạnh tại một gian phía tả, lại đứng ở phía dưới các hoàng-tử. Từ nay về sau, quan truyền-chỉ phải đứng ở gian chính giữa trên điện mà đọc, để trọng sự thề. Lại còn các chúc-văn chép hiệu các vị thần, từ trước đến nay, người đọc chúc thường quỳ ở sau Trẫm mà cầm chúc văn để đọc, cũng nên quỳ ở phía trước Trẫm, dịch chút ít về bên tả mà đọc. Các quan hương-đạo dẫn Trẫm đến hành-lễ, đã gọi là hương-đạo, sao lại đi phía sau. Từ nay quan hương-đạo phải đi trước, không hại gì. Nếu cho như thế là không nhẽ, nên đi ở bên cạnh mà cung-kính dẫn đường, như thế mới hợp-lễ ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Hàng năm, ban yến trong ngày Tết Chính-đán, lệ định các quan văn võ từ chánh ngũ-phẩm trở [12b] lên, đều được dự yến. Trong ngày Tết Vạn-thọ, các quan văn võ từ tòng ngũ-phẩm trở lên được dự yến. Trong các ngày Tết Đoan-

dương, lễ Canh-tịch (1), quan văn từ chức lang-trung, quan võ từ chức phó-vệ-dự trở lên được dự yến. Đến như các thuộc-viên trong Nội-các cũng đều nhất luật đến dự. Nghi đến các lễ mừng, yến tiệc, nghi-diễn có quan-hệ đến việc triều-đình, phải định theo phẩm-hàm. Nếu người nào chưa đáng được dự mà đến dự thì có phải chăng? Nay sửa đổi lệ định phẩm gặp các lễ tiết, các quan phải theo lệ xét đúng phẩm-hàm mà đến dự, ngoài ra như các thuộc-viên trong Nội-các, viện Cơ-mật, cùng các viên-ngoại-lang thuộc các bộ, các chức khoa-đạo thuộc viện Đô-sát, chưa đủ phẩm-hàm để dự yến trong các kỳ lễ-tiết, đều không được dự, theo đúng nghi-lễ của triều-đình ».

Lệ đầu tiên trong triều Gia-long định việc thờ miếu nhà Lê, mỗi năm cấp ba ngàn quan tiền cho làng [13a] Bỗ-vệ (2) làm tiền phí-tồn cho phu coi miếu.

Khi Hoàng-đế mới tức-vị, sai người hậu-duệ nhà Lê tên là Lê-Duy-Khảo làm cai-cơ để xem xét gìn-giữ việc thờ tự. Về sau (trong năm Minh-mệnh thứ mười lăm), tên Lê-Duy-Lương làm phản bị giết. Bầy tôi Bộ Lễ tâu xin bãi-bỏ điển-lễ thờ các vua nhà Lê, để rõ phép nước.

Đến năm ấy, Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng :

« Đời vua, vua Lê Thái-tổ đánh đuổi người nhà Minh, khôi-phục đất nước. Văn-đức võ-công của vua Lê Thánh-tôn

(1) Canh-tịch 耕籍 : Ngày lễ tế Thần-Nông và vua đi cày ruộng tịch-diễn cầu cho dân được mùa.

(2) Bỗ-vệ : Tên một làng thuộc huyện Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa, có lăng và miếu thờ các vua đời Lê Trung-hưng.

thấm khắp nước Nam. Bản-triều tưởng nhờ công-đức đời xưa, suy tìm ân-nghĩa để được nước. Các đời Hùng-vương, Sĩ-vương, An Dương-vương cùng Lê, Lý, Trần, đều được cấp ruộng thờ và phụ coi mộ, hưởng hồ các vua nhà Lê. Những con cháu hư-hỏng của nhà Lê bị giết là phải. Đến như đời trước có công-đức [13b] với dân, cũng đáng được chôn-chức theo trong lễ phép, khiến hương-hỏa còn lại lâu dài».

Hoàng-đế ra lệnh cấp một trăm mẫu ruộng, sáu mươi người phụ coi mộ, giao cho linh-thần Thanh-ba (1) đến nơi đốc-suất dân sở-tại tế-tự hàng năm.

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng:

«Đạo dựng nước, việc văn việc võ đều phải làm. Nay trong kinh ngoài tỉnh đều dựng nhà văn-miếu, chuyên trọng về văn, còn việc vũ-giáo chưa làm đến. Ôi, đặt vũ-giáo khiến các quan võ biết xem đó mà bắt chước, cũng là việc lễ có thể hưng-khởi việc nghĩa vậy. Khoảng niên-hiệu Khai-nguyên đời vua Huyền-tông nhà Đường, hai kinh (2) đều đặt miếu thờ Thái-công (3). Đến triều vua Đường Túc-tông lại tôn xưng Thái-công Vũ Thành-vương, đều có đền cũ làm chứng-cứ. Nay xin dựng Vũ-miếu, chọn lựa [14a] các danh tướng đời xưa cùng các công-thần của bản-triều đáng làm gương mẫu cho người đời sau, được thờ phối hưởng, để khuyến-khích».

(1) Thanh-ba 清祀: Tên cũ tỉnh Thanh-hóa.

(2) Hai kinh: Bắc-kinh và Nam-kinh của nước Trung-hoa.

(3) Thái-công: Họ Khương, tên là Thượng, tôn xưng là Thái Công-vọng, viết sách Binh-thư Lục thao, giúp vua Vũ-vương nhà Chu diệt nhà Ân.

Hoàng-đế cho làm theo như thế. Lại hạ lệnh dựng miếu thờ Thượng-phụ Khương Thái-công ở phía tây ngoài kinh-thành. Miếu ấy thờ phụ thêm các danh-tướng Bắc-triều như Quán-Trọng, Như-ng-Tư, Tôn-Vũ-Tử, Trương-Lương, Hàn-Tin, Chư-Cát-Lượng, Lý-Tĩnh, Quách-Tử-Nghi, Lý-Thịnh, Nhạc-Phi, Từ-Đạt; các danh-tướng nước ta như Trần-Quốc-Tuấn, Lê-Khôi, bản-triều có Nguyễn-Hữu-Tiến, Nguyễn-Hữu-Dật, Tôn-Thất-Hội, Nguyễn-văn-Trương. Mỗi năm, sai quan đến tế hai kỳ trong tháng giữa mùa Xuân, và tháng giữa mùa Thu. (Lễ tế có lua tốt nhất dâng lên ngôi chánh, còn các ngôi khác đều dùng lua hạng nhì).

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng :

« Nước nhà làm sáng điển-lễ. [14b] Mỗi năm, nhà Tông-miếu có năm kỳ tế hội-đồng. Đến các Tết Chánh-đán, Thanh-minh, Đoan-dương, Trừ-tịch đều có tiến dâng lễ-phẩm, để tỏ việc kính-trọng. Nhân thế, nghĩ đến những tiết Thượng-nguyên, Trung-nguyên, Hạ-nguyên, Thất-tịch, Trung-thu, Trùng-dương, Đông-chí, người xưa cũng dâng tiến-lễ. Nhưng quốc-tục triều ta còn chưa cử hành. Vậy ra lệnh cho Bộ Lễ châm-chước bàn định ».

Thần Bộ Lễ tâu rằng : « Tiết Đông-chí, khí dương sinh, kinh Lễ gọi là « báo việc gốc, nhớ lại khi bắt đầu », cùng với lễ Tam-nguyên, Thanh-minh, đều thuộc về điển-lễ, xin dâng tiến phẩm-nghi cũng như tiết Đoan-dương (cúng cỗ mặn). Đến như các tiết Thất-tịch, Trung-thu, Trùng-dương, đều nên giảm bớt sự sát sanh, (dùng trà quả, chân-phẩm) để tế ».

Hoàng-đế cho làm theo như thế, lại hạ lệnh trong các

tiết Thượng-nguyên, Trung-thu, đều phải đốt đèn suốt đêm, để bày tỏ giai-tiết. Tiếp đến việc chuẩn-định:

« Mỗi [15a] năm, trong những ngày kỵ các Liệt-miếu cùng Liệt-thánh Đế-Hậu, đường-quan Bộ Lễ coi việc bày đặt các đồ tế-khi. Quản-quan Thái-thường-tự coi việc chúc-văn và nghi-tiết. Quản-quan Quan-lộc-tự coi việc các lễ-phẩm như xôi, heo, bò, dê. Phải tự mình đến kiểm-biện trước, các đường-quan Bộ Lễ, quản quan Thái-thường, đều cung-kính chờ đợi để làm lễ. Trong các lễ-tiết Chính-dán, Đoan-dương, ngày mồng một, ngày rằm, các lang-trung, viên-ngoại-lang thuộc bộ và tự nói trên phải đến kiểm-biện ».

Năm thứ mười bảy, niên-hiệu Gia-long, xây dựng đàn Xã-tắc ở phía tây trong kinh-thành. Cứ đến hai ngày mậu trong mùa xuân và mùa thu, sai quan tế lễ. Đến nay, Bộ Lễ tâu xin định rõ điển-lệ: ngọc thì [15b] dùng ngọc khuê vàng, ngọc khuê xanh, lụa thì dùng sắc đen. (Hai lễ Chính-vị, hai lễ Phối-vị. Mỗi đàn đều bày một lễ, cùng dùng một hạng lụa).

Về nhạc-chương, dùng bảy tấu-khúc (Diên-phong, Hưng-phong, Tư-phong, Mậu-phong, Hòa-phong, Du-phong, Khánh-phong). Đến như các chén lớn, đĩa to, liễn đựng canh, bình đựng thức ăn, mâm, bát, đều phải chế đúng theo thức.

Hoàng-đế giao đình-thần xét bàn, đều nhận là phải, liền chuẩn-y lời bàn ấy để cho làm theo.

(Điển-lệ tế-tự tại đàn Xã-tắc ở các địa-phương cũng giống như việc tế-tự chung, khác với việc tế tại kinh-đô).

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BẢY

Bộ Lễ bàn xin: Từ nay về sau, mỗi năm, trong các ngày mùng một, ngày rằm từng tháng, nếu không gặp kỳ tế Hội-đồng cùng những lễ tiết Khánh-hạ. Đến ngày ấy, xin đặt nghi-lễ thường-triều ở điện Cần-chánh, các hoàng-tử [16a] cùng các văn-quan từ chức thụ (1) viên-ngoại-lang, khoa-đạo trở lên, võ-quan từ chức thụ phó vệ-úy trở lên, đều phải mặc bờ-phục (2) đến triều bái. Làm lễ xong, các nha sẽ theo thứ tự mà tâu công việc.

Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Chuẩn-định điển-lệ về việc tế các miếu đế-vương đời trước, được liệt vào lễ tế chính. Mỗi năm, hai kỳ tế Xuân thu, dùng đồ lễ bằng lụa (đều đặt một tấm lụa tại chín ngai trong bàn thờ chính giữa, cùng bốn bàn thờ bên tả bên hữu, dùng chung một thứ lụa), cùng các đồ vật khác như chén lớn, thùng tròn có nắp, liễn đựng canh, bình đựng thức ăn, mâm, bát. Về nhạc, dùng sáu tấu khúc (Cảnh-huy, Diên-huy, Sùng-huy, An-huy, Minh-huy, Thọ-huy).

Trong tiết chính-đán, làm một lễ dâng tiến. Tiếp đến việc chuẩn-định dùng lụa trong các lễ tế thần. Chỉ có tế tại Giao-miếu [16b], đàn Xã-tắc, Văn-miếu, mới dùng lụa để tế, còn các nơi khác đều đình-chỉ việc dùng lụa.

Thần Bộ Binh tâu rằng:

(1) *Thụ* 署: Tạm lãnh một chức-vụ, chưa phải thực-thụ.

(2) *Bờ-phục* 褙服: lễ-phục có thêu hình vẽ ở phía trước, phía sau để phân-biệt chức-tước, phẩm-hàm, như áo quan văn thêu giống chim, áo quan võ thêu giống thú.

« Trong các lễ tế Giao-miếu, tế Hội-đồng cùng các đại lễ Triều-hạ, phải dùng mùa Dật và ca-nhạc, không thể bỏ thiếu. Nhưng số người mùa Dật, chỉ cần đủ, để được thành lễ mà thôi. Ngày trước, Bộ Lễ bàn nên mộ thêm người cho đủ mười đội trong thự Thanh-bình. Và lại, số người mùa Dật, chỉ nên dùng hai trăm sáu mươi tám người, tại sao phải đặt thêm nữa. Nguyên trước, thự Thanh-bình đặt ba đội 1, 2, 3, nay xin giữ đúng như thế. Nếu đội nào thiếu người, thì kẻ cai-quản được phép mộ thêm cho đủ số, để thường-xuyên ứng-trực [17a] diễn-tập đầy đủ, đợi ngày tế lễ. Từ nay, gần đến kỳ đại-lễ, sẽ do Bộ Lễ chiếu theo số người thiếu mà chọn lấy binh-lính biết ca-khúc, trong các dinh vệ ở kinh-dô, giao cho thự Thanh-bình diễn-tập, để sung vào các đội mùa Dật. Hết xong việc, lại cho binh-lính trở về quân-ngũ ».

Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Hoàng-đế lại phán bảo Bộ Lễ rằng :

« Từ trước đến nay, trong những ngày mừng một, ngày rằm, đặt lễ thường-triều. Khi lễ thành, lên điện, bách quan văn võ đều chia ban đứng châu. Thế mà các hoàng-tử ngồi tự-nhiên, thật chưa hợp lễ. Từ nay về sau, khi nào cho gọi đến để ban trà, các hoàng-tử mới được ngồi hầu bên tả bên hữu, để triều-nghi được nghiêm-chính ».

NĂM MINH-MỆNH THỨ MƯỜI TÁM

[17b] Khi trước, Hoàng-đế sai đức chín cái đỉnh, gọi là Cao-đỉnh, Nhân-đỉnh, Chương-đỉnh, Anh-đỉnh, Nghi-

đỉnh, Thần-đỉnh, Tuyên-đỉnh, Du-đỉnh, Huyền-đỉnh. Đỉnh có khắc đủ những hình tượng các đồ như thuyền, xe, binh-khí trong nước, các động-vật biết bay, biết lặn, cây cỏ, cùng các hình thuộc thiên-văn, địa-lý. Khi đỉnh đúc xong, được đem đặt ở trước sân nhà Thế-miếu.

Hoàng-đế thân ngự đến tế-cáo và duyệt xem chín cái đỉnh. Khi thấy hình-thể của đỉnh cao lớn, trong sạch, không có vết, Ngài nhìn lại, bảo bầy tôi Nội-các rằng :

« Trăm rộng tìm hiểu hình tượng, vật-thể các đỉnh đời thượng-cổ, nhưng chỉ còn ít. Đời sau, truyền thuật lại mất sự thực. Phần nhiều sách vở chỉ ghi chép các đỉnh dựng thức ăn. Đến như những cái đỉnh nặng, cao lớn, không những đời gần đây [18a] không có, dù đời Tam đại cũng ít nghe nói đến. Nay ra lệnh cho theo phép đời xưa mà châm-chước đúc thành đỉnh này, để làm khí vật quý báu lưu-truyền quốc-gia. Vậy ra lệnh dụ cho khắp các địa-phương biết việc này ».

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Ở ngoài bức tường phía bắc nhà Thế-miếu, có khoảng đất rộng-rãi, Trăm định xây dựng lại điện Phụng-tiên (1) ở nơi đó, phỏng theo quy-thức nhà Thế-miếu mà làm. (Điện Phụng-tiên, trước ở phía bắc nhà Thế-miếu. Dựng lên ba gian, sau đổi làm chín gian). Phía trước là miếu, phía sau là điện, thích-hợp với tình và lễ. Bèn hạ lệnh cho Bộ Công chọn ngày tốt để xây dựng lại điện Phụng-tiên ».

(1) Điện Phụng-tiên thờ vua Gia-long, Hoàng-khảo của vua Minh-mộnh.

[18b] Năm ấy, kinh gặp đại-khánh-tiết Thánh-thọ thất tuần của bà Hoàng Thái-hậu.

Hoàng-đế sai chọn ngày tốt, thân đem các hoàng-tử, thân-công, bách quan văn võ, dâng kim sách, kim bảo, tôn lên huy-hiệu: Nhân-Tuyên Từ-Khương Hoàng Thái-hậu.

Lại sai dựng các lầu ngũ sắc, rạp ngũ sắc, ở trước cung Từ-thọ và phía ngoài Hoàng-thành. Các sĩ dân ở kỳ-nội đặt án đề chúc hồ (1).

Một ngày kia rước kiệu Hoàng Thái-hậu đến lầu ngũ sắc trước cửa Ngọ-môn, [19a]. Hoàng-đế đeo túi đựng cung tên, ngự trên ngựa, đi trước dẫn đường. Các hoàng tử đều cầm đồ nghi-trượng theo sau. Rước kiệu Từ-cung lên lầu.

Hoàng-đế suất-lãnh bách quan, làm lễ lạy mừng, rồi đứng chầu ở trước lầu, bày ra múa hát trăm trò chơi làm vui.

Đến ngày chúc hồ, Hoàng-đế suất-lãnh bách quan, dâng kim-tiên (2) làm lễ mừng thọ (tấu nhạc và múa thượng thọ, giống với lễ đại-khánh-tiết từ 8 năm trước).

Hoàng-đế ban ân-chiếu cho thần dân gồm 18 điều.

Khi trước, Hoàng-đế cho rằng điền-lệ tế lễ tại nhà Văn-miếu cùng đền Khải-thánh ở phía ngoài kinh-thành, chưa

(1) *Chúc hồ*: Cầu chúc bà Hoàng Thái-hậu sống lâu.

(2) *Kim-tiên* 金箋: Giấy hồng vàng tốt.

được đầy đủ, hạ lệnh cho Bộ Lễ phải [19b] khảo-xét điển-cổ đời xưa, phân-biệt rành mạch đề bàn rồi tâu lên.

Đến nay, Bộ Lễ bàn tâu:

1.— Lễ-khi có chén lớn rót rượu (ngôi chính tại Văn-miếu, đặt thêm chén rót đầy rượu đen), cái liễn đựng canh, bát đựng xôi, mâm và khay (ngoài ra, tại đầu ở dưới thì bớt cái liễn đựng canh).

2.— Lễ-phẩm có lua (ngôi chính tại Văn-miếu, cúng lua hạng nhất, ngôi phụ cúng lua hạng nhì, ngôi Tiên-triết, cúng lua hạng ba, đều dùng lua sắc trắng. Các bàn thờ tông-tự cùng đền Khải-thánh đều bớt việc cúng lua), thú-vật sả thịt, mâm xôi, quả-phẩm.

3.— Âm-nhạc có tấu nhạc-chương (tấu sáu khúc: Cảnh-văn, Chiêu-văn, Ý-văn, Hiền-văn, Bính-văn, Huy-văn, gọi là nhạc Đại-thành).

Nhạc khí, dùng chuông lớn, khánh lớn, mỗi thứ một cái, chuông nhỏ, khánh nhỏ, mỗi thứ mười hai cái.

Múa nhạc, dùng hàng múa Văn. (Ngoài ra, tại đền Khải-thánh chỉ dùng nhạc-khí nhỏ, như trống kèn).

Về việc tông-tự các ngôi phụ, bậc Tiên-triết có mười vị, bậc Tiên-hiền có sáu mươi hai vị, bậc Tiên-nho có ba mươi ba vị.

Khi mới phục-quốc, Hoàng-triều theo lễ của triều Vạn-lich nhà Minh [20a]. Trong số các vị được tông-tự, còn có những người có con là bậc cao đệ của cửa Thánh, sách Luận-ngữ đã ghi chép nhiều lời nói hay. Chu-tử đã phát-minh được đạo-học của Thánh-nhân, có công với muôn

đời, đức-nghiệp cũng được so-sánh với mười vị Tiên-triết. Tả Khuru-Minh chú-giải kinh Xuân-thu của Thánh-nhân, cũng đáng được liệt vào hàng đệ-tử của cửa Thánh. Các thầy Chu, Trình, Trương, Thiệu, đã giúp đạo Thánh, làm nổi bật các bậc tiên-biêu của chư-nho. Nay xin thăng Hữu-tử Nhược, và Chu-tử Hy lên bậc Tiên-triết. Tả-tử Khuru-Minh, Chu-tử Đôn-Di, Trình-tử Hạo, Trình-tử Di, Trương-tử Tái, Thiệu-tử Ung, lên bậc Tiên-hiền. Các vị Hán-nho Trịnh-Huyền, Tống-nho La-Tòng-Ngạn, Lý-Đổng, Doãn-Nguơn, Hoàng-Cán, Trần-An-Khanh, Ngụy-Liêu-Ông, Hà-Cơ, Vương-Bách; Nguyên-nho Kim-Lý-Tường, [20b] Hứa-Khiêm, Trần-Hạo, Ngô-Trưng. Minh-nho Thái-Thánh. Thanh-nho Lục-Lũng. Những sự biên-tập soạn-thuật sách vở của các vị Tiên-nho ấy đều có thể mở-mang chính-nghĩa của Kinh Truyện. Văn-giáo của Quốc-triều ta mở đầu từ Sĩ-vương, đến triều Trần, có Chu-An mở đường chợ khoa Lý-học, được người đời xưng là Đại-nho, đều có bổ-ích cho nền danh-giáo. Xin đề thêm các vị ấy vào vị thờ tông-tự. Đến như việc tế lễ tại đền Khải-thánh, bắt đầu lập ra từ triều Minh, cốt đề khảo-sét và tôn-sùng việc Thánh-nhân ra đời suy kịp các bậc Tiên-hiền, Tiên-nho. Xét đến việc truyền-thu của đạo-thống, trước là Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư, Mạnh-tử, sau là Chu-tử (周子), Trình-tử, Trương-tử, Chu-tử (朱子), đều nối tiếp chính-đạo của Ni-sơn (1), đáng được tôn sùng đức-hạnh, báo đáp công-lao, đối với lễ là việc chính. Xin tham-khảo điển-lễ triều Thanh đề thờ thêm: thân-phụ [21a] của Trương-tử là Trương-Địch,

(1) Ni-sơn 尼山: Núi Ni, cũng gọi là Ni-khuru, ở phía đông-nam huyện Khúc-phụ, tỉnh Sơn-đông (Trung-hoa) là nơi mà ông Thúc-Lương-Hột và bà Nhan-thị Trương-Tại sinh ra đức Không-tử.

ở hai bên giải-vũ của Khải-thánh thờ chung với các Tiên-nho như Chu Phụ-Thành, Trình-Hương, Chu-Tùng, để tỏ rõ việc các thầy Chu, Trình, Trương, Chu, ra đời. Còn như Thái-Nguyên-Định, cũng con tên là Trầm, đều là học-trò của Chu-tử, có nguồn gốc rõ-ràng. Xin thờ Nguyên-Định ở nhà Tả-vũ Văn-miếu, để tỏ rõ việc học của họ Thái.

Hoàng-đế sai đình-thần bàn lại, đều lấy làm phải, lại xin thờ tông-tự các vị Tiên-nho, như Nhạc-Chính-Khắc, Công-Đô tử, Vạn-Chương, Công-tôn Sứ, Phạm-Trọng-Yêm, Phạm-Ninh, Triệu-Phục, La-Khâm-Thuận, để làm sáng tỏ điển-lễ. Các vị Tiên-nho ấy đều được tiem-nhiệm đạo-lý thánh-hiền, giảng luận bàn bạc, có nhiều điều phát minh, hoặc có sự-nghiệp văn-chương, nổi tiếng đến đời sau [21b].

Hoàng-đế chuẩn-y lời bàn và cho thi-hành (về sau giảm bớt việc tế lua trong bàn thờ các vị Tiên-triết).

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

« Gần hết năm, tế Hợp (1) là lễ tế lớn của quốc-gia, triều ta theo dùng lệ cũ, lấy ngày mười lăm (rằm) tháng mười hai (chạp) làm lễ. Bắc-triều nhà Minh, nhà Thanh làm lễ trước một ngày lễ Trừ-tịch (2) Xét các kinh điển, lễ Hợp là có nghĩa hợp lại mà tế, đến như làm lễ Hợp vào ngày nào, thì không có những chứng-cứ. Vả lại, nước ta có tục: ngày cuối năm có lệ Thượng-tiết (3), nên dùng

(1) Hợp 祫 : Lễ tế tổ-tiên lâu đời, trước thủy-tử, được tế chung tại miếu Thủy-tử.

(2) Trừ-tịch 除夕 : Đêm cuối năm âm-lịch.

(3) Thượng-tiết 上巳 : Dựng cây nêu bằng tre trước sân nhà, trong ngày Tết âm-lịch.

luôn đề tỏ rõ ý của lễ. Vậy dời ngày cuối năm là ngày lễ Hợp-hương. Hoàng-đế ngự đến làm lễ.

Lại ban sắc : « Từ nay về sau, có việc Hoàng-đế đi đến tế lễ, như gặp [22a] ngày kỵ trong các nhà Tông-miếu, nên cấm người theo hầu mặc áo sắc đỏ, sắc tía. Những linh cảm-y hộ-vệ cấm tàn cầm lọng đi theo hầu, cũng không được mặc áo màu hồng ».

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

Hoàng-đế đến nhà Thái-miếu, làm lễ tế Hợp-đồng, các đại-thần làm bồi-tự (phụ giúp việc tế) đều chiếu theo bên tả bên hữu tám bàn thờ mà đứng. Các quan tứ ngũ phẩm, hoặc chiếu theo ngôi thứ, hoặc sánh vai nhau mà đứng, có nhiều vẻ hấp-tấp.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Bên tả bên hữu các bàn thờ đã có các quan thừa tế coi việc, những người bồi-tự chỉ nên coi bàn thờ chính làm trọng, mới hợp với nghĩa của lễ đều thuộc về sự tôn-kính. Hạ lệnh từ nay về sau, các quan văn ngũ phẩm, các quan võ tứ phẩm trở lên, dự vào [22b] việc bồi-tự, đều phải ở bên tả bên hữu lối giữa, chiếu theo phẩm-trật, đứng thành hàng.

Hoàng-đế chuẩn y : « Mỗi năm, gặp kỳ tế Hợp-đồng tại nhà Tôn-miếu, các hoàng-tử phải bưng lư-hương, hộp hương, tiếp nhận phúc-tộ (1). Các hoàng-tử lần-lượt theo

(1) Phúc-tộ 福祿 : Thiệt phần được hưởng sau khi dự lễ tế.

từng ban lễ tế lễ các bàn thờ tông-tự ở hai dãy vũ (1).
Phái các nhân-viên được tập tước (2) chia nhau dâng lễ.

Hoàng-đế lại chuẩn-định : « Phái các hoàng-tử tế Thái-miếu. Các thân-công tế Triệu-miếu, [23a] Hưng-miếu.

Nếu Hoàng-đế đến Thái-miếu hành lễ, các hoàng-tử thừa-tế các bàn thờ. Các hoàng-tử, thân-công (3) đều được phái đến giúp việc. Nếu có hoàng-tử nào được đặc-mệnh đến tế thay Hoàng-đế, các hoàng-tử khác sẽ được phái đến giúp việc tế lễ, chứ không nên phái các thân-công, đề hợp tình, hợp lễ ».

Nhân đầu tiết xuân, Hoàng-đế duyệt binh, phán bảo Bộ Binh rằng :

« Khi diễn binh, có âm nhạc và trống. Từ đời Tiên-đế ta, mới dùng phép của Tây-dương. Dù lâm trận đối địch, nhanh bước tiến lui, nên tùy cơ ứng biến. Không cần phải nhất-luật y theo, tiếng âm-nhạc để huấn-luyện quân-sĩ. Nhưng nghe âm-nhạc cho có tiết-tấu (4), cũng không thê không có vậy ».

[23b] Sau khi Hoàng-đế đã thu trai giới, vừa gặp tiết trời mưa lạnh. Bộ Lễ xin cho bói đề đổi ngày khác.

Hoàng-đế phán rằng :

(1) Vũ 虞 : Hai dãy nhà làm ở hai bên nhà chính giữa.

(2) Tập tước 集爵 : Con cháu kế thừa tước phong của cha ông.

(3) Thân-công 親公 : Những người thân-thích với nhà vua, như anh em, chú bác, v.v...

(4) Tiết-tấu 節奏 : Nhịp điệu của âm-nhạc.

« Bản triều tế đàn Giao, nguyên là tế lộ-thiên, nếu làm lễ trong khi trời mưa, sợ có khi sai với phép-tắc, không thể không kêu xin khất đến ngày khác. Vậy phải khẩn cấp đổi ngày để được tế chính. Như thế thật là xuất ư bất-dắc-dĩ ».

Liên sai đổi đến ngày tốt. Nhân khi ấy, bầy tôi Bộ Lễ tâu xin hàng năm, đặt thêm cái màn tròn xanh tại thành thứ nhứt trong đàn tế Giao. (Màn xanh có năm gian, gian chính hiến. Bên tả đề hai bàn thờ. Bên hữu đề hai bàn thờ. Hai gian khác đặt hai bàn thờ phối-vị. Tại chính giữa gần phía nam, đặt nơi để Hoàng-đế làm lễ).

Phía trước bực thềm Ngọ-giai tại thành thứ hai, đặt màn vàng vuông. (Gần phương bắc, đặt bàn thờ xanh, gần phương nam, đặt nơi ngự-bái)

Cách trần-thiết trên đây bắt đầu từ năm sau, đổi thành diên-lệ.

[24a] Nhân lễ tiết Vạn-thọ, chuẩn cho các quan văn từ ngũ-phẩm, các quan võ từ tứ-phẩm trở lên, được dự yến ban trước một ngày. Các quan văn chánh-lục-phẩm, các quan võ chánh-ngũ-phẩm, đều được dự yến một lần, đúng ngày chánh-nhật. Từ nay về sau, việc ban yến như thế được lấy làm lệ.

Giờ thân ngày hôm ấy, sai mùa Bát đặt ở lầu Phú-văn, để cho các bầy tôi và thứ dân cùng xem.

Hoàng-đế cho rằng nhà thờ cũ của bà Nguyên-phối (1)

(1) Nguyên-phối 元配: Vợ đầu tiên.

Trần-phi, họ Hồ, tức là Nhân Hoàng-hậu, tại phía đông sông Hộ-thành, thờ chung với bà Gia-phi, họ Phạm, chưa hợp thờ-chế. Liền sai xây dựng nhà thờ riêng ở phía tây sông ấy cho được sùng-kính. Ban sắc cho Bộ Lễ bàn cách sửa đổi và [24b] định phép tế-tự, để được thêm phần long-trọng.

Sai Bộ Lễ bàn việc các địa-phương chế-tạo những đồ lễ-bộ (1) tại Hành-cung (2). Mỗi năm, gặp ba tiết lớn như lễ Vạn-thọ, Chính-đán, Đoan-dương, cùng với những lễ không định trước như làm lễ tạ ân về việc phụng ân-du, cùng việc các địa-phương dâng lễ triều cống của các thuộc quốc đem đến. Những đồ lễ-bộ đều được trần-thiết trước, rồi mới đến các đồ nhã-nhạc, thương kiểm và binh lính tiếp theo sau.

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI

Hoàng-đế thường hỏi quan Thượng-thư Bộ Lễ là Phan-Huy-Thực rằng: «Phép-tắc lập miếu đời nhà Lê như thế nào?». Thượng-thư Bộ Lễ tâu rằng: «Miếu đời Lê dựng theo kiểu chữ công 工. Gian chính giữa miếu, thờ vua Thái-tổ, hai bên thờ các [25a] vua khác. Mỗi khi đến ngày húy-nhật (3), chỉ làm lễ tại bàn thờ chính, không rước thần-vị qua nơi khác để tế».

(1) *Lễ-bộ* 禮部 : Các đồ nghi-vệ của vua, như tàn quạt, gương báu, đều được ghi vào sổ-sách.

(2) *Hành-cung* 行宮 : Cung-thất xây dựng tại địa-phương, để vua tạm nghỉ trong khi đi tuần-hành.

(3) *Húy-nhật* 諱日 : Ngày kỵ, ngày giỗ.

Hoàng-đế phán rằng: «Tế-cáo các thần-vị bên tả bên hữu miếu tại bàn thờ chính giữa, có phải chưa hợp lễ chăng? Nước nhà tôn-xưng đế-hiệu, bắt đầu từ Hoàng-khảo (1) ta. Trẫm, vì muôn đời, sáng lập ra lễ điền, dựng riêng nhà Thê-miếu. Về sau, thờ phụng theo thứ-tự các đời, cùng trong miếu ấy. May nhờ ơn trời phúc nước lâu dài, sau chín đời lại dựng thêm một miếu. Nếu người đời sau có điều gì dị-nghị, thì việc lễ thà sai ở trọng-hậu, sao lại không nên làm?».

Hoàng-đế xét thấy núi Hải-vân là danh-sơn ở miền kỳ (2) diện (3), sai dựng đền thờ thần trên núi ấy, thuộc ranh-giới tỉnh Thừa-thiên [25b]. Mỗi năm, tế lễ vào tháng giữa mùa xuân. Gặp khi Hoàng-đế đi tuần-hạnh (4), khi đi cũng như khi về, sai quan tế lễ một lần.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Các tôn-lăng Liệt-thánh Đế Hậu triều ta, phần nhiều ở gần ven sông. Từ trước đến nay, các thuyền công tư đi qua, quen thói làm ồn-ào, thật không phải nghĩa tôn-kính. Nay ban dụ chiếu các tôn-lăng ở bên sông, phải xây dựng hai cột tiêu ở bờ sông, để cho các người qua lại ghi nhận. Từ nay, các quan binh theo hầu hoặc thuyền bè của nhân-dân đi qua, đều phải im lặng mà đi, không được làm ồn-ào, huyên-náo. Người nào trái lệnh sẽ bị tội ».

(1) Hoàng-khảo 皇考: Vua cha đã băng, tức vua Gia-long.

(2) Kỳ 畿: Kinh-đô của vua thiên-tử.

(3) Diện 甸: Miền xung quanh kinh-đô, không xa quá 500 dặm.

(4) Tuần-hạnh 巡幸: Vua đi tuần đến các tỉnh.

[26a] Sai quan tế miếu nhà Lê.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng :

« Triều ta được thiên-hạ, nguyên lấy từ trong tay Nguy-Tân, không phải lấy từ nơi con cháu nhà Lê. Sau khi đã được nước rồi, triều ta đối-đãi với họ Lê, cho những người nối dõi được phong tước công, lại đặt lệ thường tế-tự các miếu của nhà Lê còn để lại. Dù trung-hậu như nhà Chu, có lẽ cũng không hơn thế. Không cần nói đến bọn nghiệt-tặc họ Lê tên tên Duy-Lương quên ơn, cần lại, tự dẫm xéo lên tội chết. Nhưng người trong họ không từng liên can, được đưa đến cư-ngụ tại các địa-phương miền Nam-trực (1). Các miếu nhà Lê lại có ruộng thờ và phu coi miếu, thật là rất nhân và hết nghĩa vậy. Tưởng nhớ nhà Lê có những vua hiền lần lượt xuất-hiện, ơn đức còn lưu ở nhân-dân, thật hơn cả mọi triều-đại Việt-nam. Không nỡ vì [26b] con cháu bất tiến, vội quên lãng. Nay gặp tiết Thanh-minh, Trẫm nghĩ liên-miên đến dấu tích đời xưa, không khỏi thắc-mắc trong lòng. Nèn ra lệnh cho Bộ Lễ nghĩ soạn bài văn tế-cáo, phái một viên khoa-đạo đến tế lễ trước miếu vua nhà Lê. Lại nghĩ đến các lăng tẩm đế vương các đời trước có nhiều nơi hư-hỏng, ra lệnh cho các địa-phương sắm đủ lễ-nghi, yết-cáo và xây đắp lại ».

Hoàng-đế ban dụ cho thị-thần (2) rằng :

« Các quan-viên ở ngoài gặp khi có người từ trong kinh

(1) Nam-trực 南直 : Miền phía nam tỉnh Thừa-thiên, từ tỉnh Quảng-nam đến tỉnh Bình-thuận.

(2) Thị-thần 侍臣 : Bầy tôi hầu vua.

đến, chưa từng không hỏi thăm các bầu-bạn có bình-an hay không? đó là theo tình và lễ vậy. Huống gì giữa nghĩa vua tôi, gần như cha con, trông ngóng quyến-luyến, ai không có tâm ấy? Có lẽ nào gặp người từ kinh-đô phải đến, không có một lời hỏi thăm vua hay cha có an-hảo chăng?».

Hoàng-đế ra lệnh cho Bộ Lễ bàn định về việc các quan ở ngoài các tỉnh tiếp-kiến [27a] quan Khâm-sai, phải làm lễ kính xin Thánh-thê khang-an.

Văn-miếu tỉnh Ninh-bình có thần tượng đức Tiên-sư Khổng-tử cùng Tứ phối (1), đội mũ miện, mặc áo cồng để thờ. Tỉnh-thần tâu xin chọn đất để chôn cất.

Hoàng-đế sai Bộ Lễ bàn về việc ấy. Được biết đạo của Khổng-tử, như nguyên-khí thái-hòa đầy đầy tràn khắp, không thể nào hình-dung được. Vì thế đặt thần-lai để thờ phụng thì nên. Còn như vẽ hình đắp tượng, không khỏi làm việc nhảm. Và lại đem mũ miện áo cồng của bậc vương-giả mặc thêm vào tượng, lại càng thất lễ hơn nữa. Dem cất các tượng ấy [27b] là phải.

Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Hoàng-đế hạ lệnh cho Bộ Lễ:

« Phàm gặp ngày thường, xem triều tại điện Cần-chánh, phải xếp đặt thứ bậc quan-viên, để các quan văn võ xét theo phẩm trật mà đến lạy, không nên vẫn đứng thành một hàng».

(1) *Tứ-phối*: 四配 Bốn vị Tiên-hiện là Nhan-tử, Tử-Tư, Tăng-tử, Mạnh-tử, được thờ phụ tại Văn-miếu.

Nhân việc ấy, bầy tôi Bộ Lễ tâu xin cho các quan-viên theo thứ bậc ngồi chờ đợi ở hai dãy vũ bên tả bên hữu điện Cần-chánh, trước khi vào chầu. Nhưng cũng phân biệt phẩm-trật cao thấp, để sự xem thấy được nghiêm-chỉnh.

Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Ngày nay, nước nhà nhàn-hạ, áo mũ lễ-nhạc, lại được lần-lượt trang-hoàng. Tại kinh-đô, các quan văn từ phẩm, các quan võ tam phẩm trở lên, đã được cấp triều-phục. Nay nên xét lại cho rõ [28a] về các quan văn ngũ lục phẩm, các quan võ từ ngũ phẩm, chiếu theo số người nhiều ít, bàn việc cấp triều-phục, để khi triều-hội, xem thấy tốt đẹp, tỏ rõ thể-chế thái-bình ».

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

« Khi mới khôi-phục nước nhà, đã dựng miếu thờ Thành-hoàng (1), lại dựng thêm hai nhà tông-tự. Nhà bên tả thờ các vị thần Thành-hoàng các tỉnh từ Quảng-bình trở vào Nam. Nhà bên hữu thờ các vị thần Thành-hoàng từ Hà-tĩnh trở ra Bắc. Các lính có riêng miếu Hội-đồng, phụng thờ các vị thần kỳ, mà không đặt riêng miếu thờ thần Thành-hoàng bản hạt. Ôi ! Thần Thành-hoàng trừ tai ngăn họa, thật có công-đức với dân. Các nơi sở tại đặt nhà thờ riêng là lẽ vậy. Xin hạ lệnh cho các địa-phương lập thêm thần-vị Bản-cảnh (2) Thành-hoàng ở trong miếu Hội-

(1) *Thành-hoàng* 城隍 : Vị thần coi một khu-vực nào.

(2) *Bản-cảnh* 本境 : Cõi đất nơi mình thờ.

đồng. [28b] Bàn thờ các vị thần kỳ đem đặt ở hai gian bên tả bên hữu. Khắc lại cái biển treo trong miếu làm miếu Thành-hoàng. Các bài-vị tòng-tự trong miếu thờ Thành-hoàng ở kinh-đô đều đem rước ra đốt cháy».

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

Hoàng-đế sắp đến nhà Thế-miếu để làm lễ tế Hội-đồng về mùa đông, gặp khi trời mưa dầm (1) nhiều ngày chưa dứt, Bộ Lễ tâu xin sai quan tế thay.

Hoàng-đế cho làm theo như thế, nhưng trong lòng chưa yên. Đến ngày trời tạnh, Hoàng-đế đi từ trong cung ra cửa Gia-tường [29a] đến điện Phụng-tiên, đề dâng hương, tỏ lòng hiếu-kính.

Ngài lại chuẩn-định từ nay, hễ gặp ngày kỵ hay năm lễ tế hợp-đồng. Bộ Lễ và viện Đô-sát phải sai các thuộc-quan kiểm-soát cổ-bản, cốt được đầy-đủ sạch-sẽ. Nếu có điều gì cầu-thả sơ-suất, phải xét tâu ngay.

Bầy tâu Bộ Lễ tâu rằng :

«Tiết Đông-chí, tế Trời ở các gò tròn, tiết Hạ-chí, tế Đất ở cái gò vuông, đó là thuận lẽ một hào Âm, một hào Dương sinh ra. Hai đời nhà Đường, nhà Tống, hợp tế Trời Đất ở đàn Nam-giao, cũng vào những tháng giêng, tháng hai, tháng ba. Theo Cốc-Lương truyện (2), từ tháng

(1) *Mưa-dầm* : Mưa lâu từ ngày này qua ngày khác.

(2) *Cốc-Lương-Xích* : Người nước Tần trong đời Chiến-quốc (478 — 221 trước Tây-lịch kỷ-nguyên) biên-khoá thêm một truyện để bình-giải kinh Xuân-thu của Khổng-tử, gọi là *Cốc-Lương truyện*.

giêng đến tháng ba [29b] là thời-kỳ tế Nam-giao, tháng tư và tháng năm, tế Giao không hợp thời. Đầu đời nhà Minh, hợp tế Trời Đất vào ngày Tân đầu tháng giêng. Từ niên-hiệu Gia-tĩnh về sau, đến tiết Đông-chi, tế Trời; tiết Hạ-chi, tế Đất. Ngày Tân đầu tháng Mạnh-xuân, làm lễ cầu cho lúa tốt.

Quốc-triều ta, mỗi năm vào tháng Trọng-xuân, bói được ngày tốt, tế hợp-đồng ở đàn Nam-giao, đó là châm-chước thời-tiết mà làm. Thông-thường vào tháng hai mỗi năm, khi trời phần nhiều chưa được tạnh-ráo. Nếu kỳ tế lại gặp trời mưa rét, sợ có khi trái với lễ nghi. Vậy xin đến tháng ba, cử-hành lễ tế Giao, để được thích-hợp.

Đã định lễ tế Giao vào tháng ba, xin định lễ tế Xã-tắc vào ngày Mậu trong tháng hai, lễ tế các đế-vương đời trước [30a] vào ngày Quý, lễ tế Văn-miếu vào ngày Đinh giữa tháng, lễ tế Vũ-miếu vào ngày Tỵ. Ngoài ra, các lễ khác sẽ lần-lượt cúng tế, để thích-hợp với ý lễ ».

Hoàng-đề cho làm theo như thế.

Về sau, quan khoa-đạo tâu rằng :

« Trời là chủ của Bách-thần, nếu chưa tế lễ Trời, lại cúng tế các nơi khác trước, sợ chưa thích-nghi, xin y theo lệ cũ, mỗi năm tế Giao vào tháng Trọng-xuân (tháng hai). Sau ngày tế Giao, sẽ lần-lượt cử-hành các lễ tế khác, ngõ-hầu thuận với thứ-tự trước sau ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Tiết Hạ-chi tế Đất, tiết Đông-chi tế Trời, không phải là

tế Đất trước Trời hay sao ? Huống gì các lễ tế khác. Và lại, triều ta [30b] tế Giao, thường dùng việc bói để chọn ngày tốt. Không phải như nhà Thanh chỉ định ngày tế cầu mưa vào ngày tiết Đông-chí. Sao lại tranh-luận về tháng hai hay tháng ba. Huống gì việc tế Trời là lễ tế lớn, sao có thể thay đổi luôn. Đừng bàn đến nữa ».

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

« Ngày đầu năm, kinh gặp tiết Ngũ-tuần Vạn-tho đại-khánh, phụng ban ân-chiếu, xin tuyên đọc ở trên lầu Ngọ-môn. (Theo lệ ngày trước, tuyên đọc ở điện Thái-hòa). Lại khảo-xét về các điển-lệ nhà Minh, khi bách quan vào chầu mừng, làm lễ Sơn-hồ vạn-tuế (1), cũng nên châm-chước thi-hành. (Trong tiết nguyên-đán đầu năm, bách quan làm lễ khánh-hạ, sau khi chia ban, đều tung-hồ (1). Bách quan chấp tay giơ lên trán, hô vạn-tuế. Lại tung-hồ lần thứ hai. [31a]. Bách quan chấp tay giơ trên trán, hô vạn-tuế. Các quan tung-hồ ba lần, hình-lính và những người ca-nhạc đồng-thanh ứng theo). Đến tiết Nguyên-đán các năm sau, vẫn giữ nghi-lễ cũ ấy. Từ nay, có lễ lớn phụng ban ân-chiếu, đều tuyên đọc ở cửa Ngọ-môn, tung-hồ một lần. Phàm gặp tiết đại-khánh, cũng chiếu theo lệ ấy ».

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

(1) Sơn-hồ 山呼 (cùng một nghĩa với tung-hồ 萬呼) : Các quan hô ba lần vạn-tuế (muôn tuổi), khi vào chầu mừng vua. *Điền-cổ* : Vua Vũ-đế nhà Hán lên chơi núi Tung-sơn 嵩山, các quan và lính theo hầu, đều nghe tiếng vang xưng-hô « Vạn-tuế » đến ba lần.

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI MỐT

Hoàng-đế ban dụ cho thị-thần rằng:

« Năm nay gặp tiết đại-khánh ngũ-tuần (1) của Trẫm. Ngày nguyên-dán là ngày tuyên-bố ân-chiếu, để thi ân-huệ cho khắp thần-dân. Tình-cờ gặp mưa gió, sợ chưa đủ làm cho người nghe thấy tin cậy. [31b] Nhưng ban đêm rạng ngày nguyên-dán (2), mây đen bao khắp, chuyển lại thành quang tạnh, có thể thấy một sự trung-nghiệm về việc trời giúp đỡ, khi tốt sinh ra. Vả lại, Trẫm tức vị năm ba mươi tuổi, gặp năm Canh-Thìn. Hai tiết đại-khánh tứ tuần, ngũ tuần đều gặp các năm Canh-Dần, Canh-Tý. Chữ Canh 庚 còn ngụ nghĩa canh-tân (3). Chịu mệnh trời mà làm lễ khánh-hạ đều gặp năm ấy. Há không phải là việc người cùng khí-hóa phù-hợp chăng? ».

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng:

« Đầu mùa xuân năm nay có ân-diễn: Các danh-sơn đại-xuyên (4) đều được tế một đàn. Từ trước đến nay, các địa-phương tế chung một đàn, bài-vị cũng đề chung các vị thần sông núi ở trong bản-hạt, không đề rõ tên hiệu. Xét trong [32a] điển nhà Thanh, có đền thờ riêng đề tế các vị thần danh-sơn đại-xuyên, người ta phải đến đền làm lễ. Nơi nào chưa có đền thờ riêng, phải đặt đàn mà tế. Điển nhà Minh

(1) Ngũ-tuần 五旬: Năm mươi tuổi.

(2) Nguyên-dán 元旦: Ngày mồng một tháng giêng Âm-lịch.

(3) Canh-tân 更新: Sửa đổi thành mới.

(4) Danh-sơn đại-xuyên 名山大川: Núi cao đẹp nổi tiếng, sông lớn.

chép rằng: Khi thiêng sông núi, gốc ở lưu-thông (1), không có gì ngăn cách, nên thờ chung một đàn. Nay xin tham-chước (2) các điểm ấy để bàn định. Phạm điền-lệ thờ cúng các vị sơn-thần như Hải-vân, Thủy-ba, Phụ-đô, Thiên-thọ đã mở vận dấy nghiệp; các vị thần sông hợp dòng Lô Thao, đều có đền thờ riêng, theo đúng lệ cũ tế lễ. Ngoài ra, nên tế các vị thần danh-sơn đại-xuyên khác. Xin hạ lệnh cho các địa-phương đặt chung một đàn ở ngoài tỉnh-thành để tế, có đủ bài-vị các thần, để rõ danh-hiệu thần núi nào, thần sông nào. Những phạm-vật tế lễ cũng nên phân-biệt, để được long-trọng».

Hoàng-đế cho làm như thế.

[32b] Nhân lễ tế Giao, Hoàng-đế chuẩn y lời bàn của Hộ Lể. Hễ khi Hoàng-đế ngự-giá đến Trai-cung (3) và khi trở về cung, cũng như khi đi tuần-hành các nơi, có trưng-hày các đồ lễ bộ (4). Nhân-dân đứng xem và nghe ngóng ở khoảng đất trống, bên tả bên hữu đường xe đi qua, hoặc đứng ở vệ đường, bờ sông. Khi ngự-giá đến thì phải quỳ xuống. Khi ngự-giá đi qua thì phải cúi đầu đứng vậy. Không được làm ồn-ào trái lễ. Hễ ai trái lệnh, sẽ bị tội mỗn-trượng (5).

(1) *Lưu-thông* 流通: Chảy suốt nơi này đến nơi khác.

(2) *Tham-chước* 參酌: Xem xét và san-sẻ cho đều.

(3) *Trai-cung* 齊宮: Nhà vua tạm ở để dùng cơm chay và kiêng-khem, trước ngày lễ tế lớn.

(4) *Lễ-bộ* 禮部: Ngự-vệ của vua, nói về các binh-khi của quân-linh.

(5) *Mỗn-trượng* 滿杖: Mỗn: đầy, trượng: Gậy. Hình-phạt thời quân-chủ, có tội đánh bằng roi (suy), có tội đánh bằng gậy (trượng). Tội trượng nặng nhất là đánh một trăm gậy. Tội mỗn-trượng là tội đánh một trăm gậy.

Tháng tư là tiết Vạn-thọ ngũ-tuần đại-khánh, trước kỳ lễ, quan quân dựng lầu ngũ sắc và rạp ngũ sắc ở trước cửa Ngọ-môn cùng [33a] hai góc hoàng-thành. Các bầy tôi, các người thợ cùng dân các làng, các phố ở trong và ngoài thành cũng xin dựng lầu và rạp ở trong và ở ngoài kinh-thành để làm lễ chúc-hổ (1).

Hoàng-đế đều cho làm như lời xin.

Một ngày khác, Hoàng-đế rước xa-giá đức Từ-cung (bà Thái-hậu) ngự đến lầu chính, bày âm-nhạc, đốt đèn đuốc. Thái-hậu vui-vẻ khen-ngợi khá lâu.

Hoàng-đế ban dụ cho các bầy tôi theo hầu rằng:

«Bày đặt xa hoa, lòng Trẫm không cho như thế là có hay không có, lại làm tăng thêm niên ấp-ủ ân-hận. Chỉ được đức Thánh-từ đang cõi thọ, tuổi mỗi ngày một cao, tỏ ý vui mừng, tức là an-ủi lòng Trẫm trong một ngày làm con [33b] vậy thôi».

Hoàng-đế lại ngự lên lầu để nhận lời bách quan chúc-hổ. Đến nơi nào, các bầy tôi cũng dâng trà làm lễ chúc-thọ, tình lễ hòa-hợp, ân-thưởng trọng-hậu.

Đến ngày đại-lễ, Hoàng-đế ngự ra điện Thái-hòa, các hoàng-tử, thân-công, bách quan văn võ, cùng các thuộc-quốc, các rợ nạp cống-phẩm, đều dâng biểu chúc mừng. Múa Bát dật (2) và tấu nhạc bốn chương (Lý-bình, Túc-

(1) *Chúc-hổ* 祝嘏: Chúc vua được sống lâu.

(2) *Bát dật* 八佾: Lối múa ở nơi miếu đường, có tám hàng, mỗi hàng tám người.

binh, Khánh-binh, Hòa-binh). Ở dưới điện, mọi người đều hô « Vạn-tuế » Hoàng-đế ban Ân-chiếu gồm hai mươi sáu điều.

Ngày hôm sau, Hoàng-đế ngự ra điện Cần-chánh, đặt đại-yến. Các thân-công, đại-thần lần-lượt theo thứ-tự, đứng dậy dâng lời chúc-thọ. Ban nhạc tấu bốn chương (Hy-khánh, Hoảng-khánh, Thuần-khánh, Sùng-khánh).

Yến-tiệc xong, Hoàng-đế ban thưởng gấm lụa cho các quan tùy theo thứ bậc. Lại ban cho các kỳ-lão bốn hạt trong tỉnh Thừa-thiên được dự tiệc rượu lớn trong ba ngày. Dân chúng các làng các phố được ban thức ăn ở trước lầu Phú-văn. [34a] Hoàng-đế đi khắp các nơi để xem xét.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Thần giúp cơ trời, làm thiện, giáng điềm tốt. Nước nhà kính-trọng tôn-thờ các vị chính-thần, dùng lễ cầu-đạo để được linh ứng. Đời xưa việc cầu-đạo các vị thần-kỳ, trông mong nơi thần núi thần sông, đều ghi chép vào kinh sách. Từ khi trăm lên ngôi đến nay, kính cần tôn-sùng đạo trời, tưởng-niệm đến các vị bách thân, chỉ cầu thần giúp nước và che-chở nhân-dân, để tiến đến thuận-lợi. Năm nay, gặp tiết chính-thọ ngũ tuần của Trăm, lễ mừng và các ân-trạch đã thi-hành, thần cùng người đều chịu ơn khắp. Nhân nghĩ đến các vị linh-thần ở các hạt từ hữu-kỳ trở ra Bắc. Trong số các vị thần ấy, có những vị linh thiêng, như Thục An-Dương-vương ở Nghệ-an, Tôn-thần Trấn-Võ ở Hà-nội, thần Đồng-vương ở Bắc-ninh, Tôn-thần núi Tản-viên ở Sơn-tây, Phật chùa Tích-sơn, vốn được khen là linh-ứng. Vậy phái các quan ở Kinh-dô, [34b] chia nhau đem đủ lễ-phẩm ra cúng tế ».

Bầy tôi Bộ Lễ tâu rằng :

« Ân-chiều đầu mùa xuân ra lệnh : Hễ các lăng-tâm đế-vương các đời trước, có nơi nào hư-hỏng, phải thuê dân sửa-chữa, lại dựng bia-chỉ, cấm việc hái củi. Nay cứ theo tờ tư của tỉnh Bắc-ninh, nói làng Đình-bảng thuộc hạt tỉnh ấy, có lăng-tâm các vua triều Lý, thật không biết ở tại nơi nào, hiệu vua là gì ? Còn như các lăng của vua Kinh-Dương, Sĩ-vương không biết có nên xây đắp và dựng bia hay không ? ».

Hoàng-đế phán rằng :

« Lăng hiệu của vua triều Lý, không có thể khảo xét, vậy ở trong địa-giới bị cấm, phải xây đắp nơi có lăng cho được chỉnh-đốn xong-xuôi. Dựng chung bia đá, khắc những chữ « Lý-triều chur đế lăng. 李朝皇帝陵 » Sự-tích vua Kinh-Dương [35a] thuộc về sử Ngoại-kỷ ghi chép, lại thiếu sự khai-thác (1). Nhưng vua Kinh-Dương thật là vua đầu tiên của các triều-đại An-nam. Vậy phải tuân theo ân-chiều mà sửa-chữa lăng-tâm. Đến như Sĩ-Nhiếp (2), nguyên là chức Thái-thú, thời ấy người trong nước kinh-mộ, xưng-hô là vương. Nhưng Sĩ-Nhiếp chưa từng lên ngôi vua. Năm trước, Trẫm đã chuẩn y cho thờ phụ Sĩ-Nhiếp trong văn-miếu, dựng vào hàng các Tiên-nho. Sao có thể chiếu theo hàng đế-vương các đời trước, mà gọi nơi có mộ Sĩ-Nhiếp là lăng-tâm, làm một cách nhất-khái (3) như thế được ».

(1) Khai-thác 開拓 : Mở mang cho rộng ra, tìm hiểu để biết rõ-ràng.

(2) Sĩ-Nhiếp (187 — 226) làm Thái-thú đất Giao-chỉ, sau đổi là Giao-châu, trong thời Bắc thuộc nhà Đông-Hán, có công mở-mang việc giáo-dục và thi-hành nhân-chính tại Việt-nam thuở xưa.

(3) Nhất-khái 一舉 : Nhất-thiết, một mực.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Năm nay, gặp lễ chính-thọ ngũ tuần của Trẫm, mừng được đi đứng vững mạnh, thức ngủ tốt lành, bốn cõi yên-tĩnh, muôn họ bình-an, đều nhờ phúc-ấm, sao có thể tu-dưỡng mà được như thế. Trẫm tưởng nhớ triền-miên đến [35b] Tồ-đức, không có gì để tỏ tình con cháu. Nay khi-hậu mới sang mùa thu, mưa phùn mát-mẻ, Trẫm chưa bày tỏ được lòng tưởng nhớ bấy lâu, thức ngủ khó yên. Nếu không thể tế yết khắp các lăng, cũng nên đến tế yết lăng đức Thái-tổ (1) mới an-ủi được tấm lòng chân-thành ».

Hoàng-đế liền ngự-gia đến lăng Trường-cơ làm lễ. Khi trở về, nhân nghĩ đến các bảo-thành ở trong và ở ngoài các Tôn-lăng, làm theo cách-thức cũ, còn hơi thấp, nên hạ lệnh cho sửa lại và xây cao lên. Ngài lại thân đến tế đàn Xã-tắc (2), nhận thấy những cây-cối trong đàn tốt đẹp, Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Sau khi trời nóng nực trong mùa hạ, cây-cối tươi tốt rậm-rạp, đó là vì [36a], khí đất gây nên. Người đời xưa trồng cây ở đàn Xã-tắc, như nhà Hạ trồng cây tùng, người nhà Ân trồng cây bách, người nhà Chu trồng cây lạt, cũng chẳng qua là trồng cây hợp với thổ-nghi đó thôi. Đối với lòng ta rất lo sợ, sao có thể làm như thế. Trẫm xem điển-

(1) Đoan-quận-công Nguyễn-Hoàng, đương-thời gọi là chúa Tiên (1600 — 1613) về sau vua Gia-long truy-tôn Ngài là Thái-tổ Gia-dụ Hoàng-đế.

(2) Xã-tắc : Thuở xưa, dựng nước, tất quý-trọng nhân-dân. Dân cần có đất ở, nên lập nền Xã để tế thần Hậu-thổ, dân cần có lúa ăn, nên lập nền Tắc để tế Thần-nông. Mất nước thì mất Xã-tắc, nên Xã-tắc có nghĩa là quốc-gia.

lệ nhà Thanh, trước đàn Xã-tắc có cửa Linh-tinh (1), cốt theo nghĩa cho được thông-suốt. Có thể khảo xét thể-chế cho rõ-ràng, giao Bộ Công làm cửa Linh-tinh trước đàn Xã-tắc ».

Hoàng-đế lại đến Văn-miếu làm lễ Thích-diện; thấy quy-mô tòa miếu-vũ chắt-phác, ra lệnh cho hai Bộ Lễ và Bộ Công tru-nghĩ cách sơn son lại, cũng xây dựng thêm cửa Linh-tinh ở trước văn-miếu. Các đồ tự-khi như phủ-quỹ (2), biên đầu (3), cần sửa-chữa, sơn vẽ lại. Được phép tâu lên để cho thi-hành.

Theo lệ cũ, ngày mồng một tháng mười hai mỗi năm, đặt nghi-lễ đại-triều ở điện Thái-hòa, đề ban [36b] lịch Hiệp-kỷ (4) năm sau. Đến nay, chuẩn y lời Bộ Lễ bàn xin đổi lệ, cho tuyên đọc chỉ ở lầu Ngọ-môn, rồi ban lịch.



-
- (1) *Linh-tinh môn* 靈聖門 : Cửa xây phía trước đàn Xã-tắc hay Văn-miếu, có chạm khắc và phía trên có những cái chấn song.
 - (2) *Phủ-quỹ* 匱 : Cái bình đựng xôi cúng, tục cũng gọi là cái bát đựng ăn đồ.
 - (3) *Biên đầu* 筵頭 : Cái màn dùng để bày hoa quả và cái bát bưng đồ để đựng các thức gia-vị.
 - (4) *Hiệp-kỷ-lịch* 協紀曆 : Lịch xem ngày tốt xấu.

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỪ 13

GIÁO - HÓA

Bản dịch của

LÊ PHỤC - THIỆN

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

QUYỀN THỨ 13

GIÁO - HÓA (1)

[1a] MINH-MỆNH NĂM ĐẦU (1820)

Hoàng-đế mời tức-vị, răn bảo thần-dân trong triều ngoài quận, đại-lược rằng:

«Ngôi Hoàng-cực (2) dựng đạo trung-chính, xét thời-cơ để dưỡng-dục vạn-vật. Dùng lời nói của bậc vương-giả làm phép-tắc, đem mệnh-lệnh để truyền bảo bốn phương. Thề theo cơ giao-thái (3) của Kiền Khôn, sắp đặt ngày mà trên dưới cùng mong đợi. Lời châm khuyên răn đề bên tả bên hữu không bỏ thiếu, cùng được kính lại hợp với cung. Những người chăn dân giữ nước ở nơi

(1) *Giáo-hóa* 教化: Giáo-dục và văn-hóa. Lấy giáo-dục mà cảm-hóa người. Dạy bảo, khai-hóa.

(2) *Hoàng-cực* 皇極: Vua thiên-tử lập phép-tắc để cho thần dân noi theo.

(3) *Giao-thái* 交泰: Hoà-hợp, thông-suốt, tốt lành. Kinh Dịch có câu: «Thiên địa giao-thái».

triều quận, cùng bắt chước lẫn nhau, theo thứ-tự cho dùng phép, được xét về thành-tín. Kịp đến kẻ sĩ làm móng vuốt, từng-trải khó-nhọc ở nơi trần-mạc, một thời giũng-tập mà bu thời găng-gỏi, đều phục-tòng mệnh-lệnh trong khi dẹp giặc yên dân. Tướng-sĩ được nuôi trong ngàn ngày, [1b] chỉ dùng trong một ngày, không quên lòng trung của người quả-ngệ (1). Dân chúng tụ họp đông-dúc, đều được che-chở khắp nơi, hãy giữ nghề-nghiệp cày ruộng dệt cửi, đừng bỏ dở-dang. Người có trí-thức, tài-năng, hãy giữ lòng thành-thực của mình. Nay nhân buổi triều, ban điều tốt lành, Trẫm dùng lời huấn-dụ để truyền bá khắp nơi. Mọi người đều phải nghĩ đến lời khuyên-báo để cố gắng, cùng mừng cảnh thanh-bình».

Nghị-định về qui-trình trường Quốc-tử-giám (2).

Hoàng-đế ban dụ cho quan Thượng-thư Bộ Hộ Nguyễn-Hữu-Thận rằng :

«Trường học là nơi các hiền-sĩ ganh đua, nước nhà dùng người phần nhiều lấy nhân-tài ở nơi ấy. Ngày xưa, đức Tiên-đế ta lập trường Quốc-tử-giám, đặt các học-quan, định ra phép tắc, muốn gây nên nhân-tài, để nước nhà dùng. Trẫm noi theo-trí của Tiên-đế, muốn ra lệnh dựng thêm nhà học, tăng thêm học-viên, cấp nhiều học-bổng, mở rộng chương-trình [2a] khiến học-trò đều được thành tài, để

(1) Quả-ngệ 果毅: Giỏi được giặc là quả, giỏi được nhiều giặc là nghị.

(2) Vua Gia-long lập trường Quốc-tử-giám ở Huế để dạy con các quan và các học-trò giỏi Vua Minh-mệnh cho các giám-siakh trường Quốc-tử-giám được hưởng lương-bổng để ăn học.

đợi khi lục-dụng (1). Các khanh nên bàn với bầy tôi Họ Lễ, rồi tâu lên».

Hoàng-đế ban dụ cho Quảng-đức kỳ-lục Ngô-Bá-Nhan rằng :

« Kinh-sur là đất văn-vật nổi tiếng, phong-hóa mở-mang trước hết. Xưa kia, từ khi có loạn Tây-sơn binh-sĩ và dân-chúng tập-nhiễm phong-hóa xấu, không biết khiêm-tốn, nhường-nhịn. Nay nên dẫn-đạo dân-chúng bằng điều lễ. Hồ thấy xa-giá đi qua, dân-chúng phải nghiêm-chỉnh, im-lặng, tránh xa, không được xung đột (2). Khi thấy xe lọng của bậc quan-trưởng, người ngồi phải đứng dậy người đi đường phải né tránh, để tỏ rõ lễ-phép biết tôn vua và kính người trên, làm phép-tắc trước cho thiên-hạ ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI

[2b] Hoàng-đế ban chiếu-dụ cho thần dân trong triều ngoài quận, đại-lược rằng :

« Theo lễ, tháng giêng rất tốt, ban-bố pháp-lệnh trong năm mới hòa-bình, bài văn trọng-hậu nêu rõ mệnh-lệnh để thần dân làm việc. Vậy nên thiên Đế-mô thuật lại lời răn của vua Nghiêu phải đề-phòng từ việc nhỏ-nhất, mới được yên-ôn ; phép Cơ-trù (3) cũng bày tỏ những lời dạy sửa-trị việc đời, đó là đạo thường, đó là lời dạy.

(1) *Lục-dụng* 錄用 : Ghi tên đề hồ-dụng.

(2) *Xung-đột* 衝突 : Hai bên chống-cự nhau.

(3) *Cơ-trù* 其時 : Chín phương-pháp để sửa-trị thiên-hạ của Cơ-tử. Vua Chu Vũ-vương hỏi đạo cai-trị nơi Cơ-tử, ông dịch-thuật chín đạo-lý để trị thiên-hạ, gốc tự vua Hạ Vũ truyền lại, còn gọi là Cửu-trù.

Hoàng-khảo Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta, gây dựng nghiệp cả, để lại qui-mô rộng lớn cho con cháu nhờ cậy. Trẫm nhận cơ-nghiệp to lớn ấy, xem xét những phép-tắc đã thành, nối chí, noi theo việc làm, được gọi là hiếu, thận-trọng hàng ngày để mưu tính công việc. Ban bố ân-đức cùng mệnh-lệnh trong mùa xuân, bày tỏ ngôn-từ để dạy bảo. Các đại-thần phải kết-hợp sửa-trị chung một đức, cùng hưởng tôn-vinh. Các nước chư-hầu đều cần-thận cai-quản nơi xa-xôi, được vui-hòa trong nhiều công-trạng. Quân-sĩ được huấn-luyện đã quen, kỹ-thuật hẳn rất tinh, sức lực hẳn rất dũng, cõ-võ uy-thanh như sấm sét tại miền Giang Hán. [3a] Nhiều kĩ sĩ được đào-tạo thành-đạt sâu xa, việc làm nên cố-gắng thêm, việc học nên chuyên cần thêm, để có đủ người ra thực-dụng như rui xà rường cột của nước nhà. Những người cày ruộng, trồng dâu, chăn nuôi, muốn được sống thỏa-thích, phải học cho biết điều tín, nghĩa thân, muốn được theo đạo-lý, đều nên khuyến-khích nhau cố gắng. Hãy đón nhận những việc tốt lành to lớn».

Hoàng-đế thường bảo quan Thượng-thư Nguyễn-Hữu-Thận rằng:

«Người tỉnh Gia-định, tính vốn trung nghĩa, nhưng ít học, cho nên nhiều người ham-chuộng khi-khái, nếu được các vị thạc-nho (1) túc-học (2) làm sư-phạm (3), dạy điều lễ nhượng, dễ trở nên tốt lành, và sẽ có nhiều người thành tài».

(1) Thạc-nho 碩儒: Người rất giỏi về đạo Nho.

(2) Túc-học 宿學: Người học giỏi, có căn-bản và kinh-nghiệm.

(3) Sư-phạm 師範: Khuôn phép của thầy dạy học.

Hoàng-đế sai quan Hàn-lâm tu-soạn Nguyễn-Đặng-Sở làm chức đốc-học tỉnh Gia-định, người học giỏi ở tỉnh Nghệ-an là Nguyễn-Trọng-Vũ làm chức phó-dốc-học, theo sự tiến-cử của đình-thần.

[3b] Hoàng-đế tôn-trọng, khen ngợi những người có tiết-nghĩa và hạnh-kiêm tốt. Khi mới tức-vị, Ngài đã ban chiếu đến các địa-phương, phải tìm hỏi những người nổi tiếng về con hiếu, cháu thuận, chồng nghĩa, vợ tiết-trinh, đề tâu lên. Đến ngày ấy, Ngài lại ban dụ cho thị-thần rằng:

« Thiên-hạ được thịnh-trị hay bị loạn-lạc, đều vì phong-tục tốt hay xấu. Người làm chủ nhân-dân biết sùng-thượng tiết-nghĩa, sửa-sang phong-tục, có thể hồi-bổ được mệnh-mạch của quốc-gia, làm nền-móng cho việc trị-an lâu dài, đều ở việc ấy. Khi trước, Trẫm đã ban chiếu cho các bầy tôi ở trong kinh ngoài tỉnh, phải xét xem có người nào hiếu-thuận tiết-nghĩa thì tâu xin khen thưởng, để cổ-lệ phong-hóa. Đến nay, chưa có người nào được ửng-cử, sao có thể xứng-đáng với ý của Trẫm muốn hóa dân, dựng nên phong-tục tốt ».

Hoàng-đế lại ra lệnh các địa-phương tìm hỏi đề tâu lên.

Về sau, tỉnh-thần Bình-định tâu có người phụ-nữ tên là Nguyễn-thị-Phiêu, tỉnh-thần Kinh-bắc tâu có người phụ-nữ tên Hà-thị-Biên, đều không đề cho kẻ cường-bạo làm dơ-nhớp.

[4a] Hoàng-đế ban cho mỗi người một cái biển vàng (biển khắc bốn chữ: Mỗi thị trinh nữ 某氏貞女: Người trinh-nữ họ Mỗ) để làm tỉnh-biêu (1).

(1) Tỉnh-biêu 旌表: Nói những người có tiết-nghĩa, công-trạng, đạo-đức, được nhà vua khen tặng.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Binh rằng :

« Đốt Kinh-sư làm khuôn-phép cho bốn-phương. Gần đây, nghe nói có bọn con em vô-lại (1), tụm năm tụm ba, chuyên việc chơi-bời, cần phải cấm-chỉ. Vậy truyền dụ phải dạy bảo, nếu kẻ nào không tuân theo, Bộ Hình bắt mà trừng-trị. Những người phò-vong-trưởng, quân-quan dung-túng không đưa bắt kẻ vô-lại, cũng bị tội ».

Khi mới đặt chức Tế-tửu, tư-nghiệp trường Quốc-tử-giám, Hoàng-đế ban dụ cho quan Tế-tửu Vũ-Xuân-Tiêu rằng :

« Phàm người ta phải gồm đủ tài-năng, đức-hạnh, mới có thể dùng được. Người nên [4b] cố-gắng dạy bảo hàng ngày trong trường Quốc-học. Mỗi tháng, tâu báo một lần. Hễ người nào có tài-năng đức-hạnh đầy đủ, sẽ cấp tiền lương, để thành học-nghiệp. Kẻ nào xấu thì phải cách đuổi. Như thế mọi người đều nghĩ đến việc gắng công mài-dũa để được thành tài, đạt đức, hẳn có nhiều vậy ».

Bầy tôi thành Gia-định đem việc sĩ-tử hạt ấy, có nhiều người bị trọng-tang, sau nạn đại-dịch (2); nếu nhất-khái theo đúng trường-quy, không cho ứng-thí, số học-trò dự-thí không được bao nhiêu, xin báo với bộ đề tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Dời việc hiếu làm thành việc trung, đó là bản-

(1) Vô-lại 無賴 : Hoang-toàng liều-linh, du-thủ, du-thực (không nghề-nghiệp, ăn chơi lêu-lộng).

(2) Đại-dịch 大疫 : Bệnh truyền-nhiễm lan rất mau, làm nhiều người chết.

lãnh (1) của người sĩ quân-tử cần lập thân. Nếu quên tang cha mẹ, vội-vàng tiến bước lên đường vinh-hiến, không phải là hiếu. Ôi ! cầu người tôi trung hẳn tìm ở trong cửa người con hiếu. Vì dù không phải là hiếu, sao có thể là trung. Phép thi đã ngăn cấm người có tang cha mẹ dự thi, thật hợp với lễ, không thể sửa đổi».

[5a] Trường Quốc-tử-giám thành-lập, Bộ Lễ tâu rằng :

«Đặt trường học để làm việc lễ-nhạc dùng đạo-đức cảm-hóa người, đem văn-vật ra giảng dạy, ăn-diễn rất to lớn.

Đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta, sau ngày đại-định, thân đến tế yết đức Khổng-tử, dựng lại nhà Văn-miếu, xây Học-cung phía tây. Nền móng đã thành, nhưng việc kinh-dinh chưa dứt.

Đức Hoàng-thượng ta, nối theo chí cả, nhân nền cũ, dựng lên quy-mô trường Quốc-học, việc phải ấy rục-rủ vậy. Nay đã làm xong, xin đặt ngôi tế vọng đức Tiên-thánh ở nhà Di-luân, các bầy tôi và sinh-viên trường Giám tập họp để kính-cần tế yết, hàng ngày ngồi ở nhà Giảng-đường để hàn luận [5b] nghĩa-lý khó-khẩn, mở-mang thịnh-đức tôn-sùng văn-học của muôn đời».

Hoàng-đế cho làm theo như thế.

Về sau, Bộ Lễ lại tâu rằng :

«Văn-miếu ở phía tả trường Quốc-tử-giám, đã có nơi thờ cúng, đến đó bái yết, mới được hợp lễ. Xin từ nay,

(1) Bản-lĩnh 本領 : Cái nền gốc của nhân-cách.

các học-sinh mới vào trường Giám, các bầy tôi dạy trường Giám phải mặc đủ phẩm-phục dẫn học-sinh đến tế tại Văn-miếu. Tế cáo-yết xong, lui về nhà Giảng-đường để làm khai-giảng. Trong ngày học-tập, không phải tế cáo. Xin thôi đặt ngôi tế vọng tại nhà Di-luân».

Hoàng-đế cho như thế là phải.

MINH-MỆNH NĂM THỨ BA

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

« Sách vở dùng để mở rộng kiến-văn. Nay việc học của học-trò còn cạn hẹp, vì ít sách vở. Hạ lệnh cho viên Tế-tửn tư-nghiệp xét xem các sách vở để tại trường Giám, nếu chưa đủ, phải tâu xin ban cấp [6a] để giúp việc giảng dạy học tập».

Hoàng-đế lại sai Bộ Lễ truyền dụ cho những viên hương-cống các khoa dự kỳ Hội-thi không trúng cách: Có người nào tình-nguyên vào học tập tại trường Giám, được bổ làm Giám-sinh, cấp cho lương bổng.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

« Trường Quốc-tử-giám là nơi mở-mang thiện-bệnh trước nhất, có quan-hệ đến phong-hóa. Nếu không đem dạy hiểu để trung tín, sao có thể làm khuôn-phép cho nhiều học-trò. Truyền dụ cho các Giám-thần giảng-tập, nên lấy những điều ấy ra mở lối dẫn đường, khiến hạnh-kiểm của học-trò được đôn hậu (1).

(1) Đôn hậu 敦厚: Cần-thận dày-dặn.

Hoàng-đế hạ lệnh cho các địa-phương phải lựa chọn, tìm hỏi những người dân sống lâu đến trăm tuổi cùng những người con hiếu, chớng nghĩa để tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Từ đời xưa, người ta tru-đãi người già, tiến-cử người hiếu, hưng-phấn (1) người liêm, đều để nung-đúc phong-hóa của dân, đưa người đời lên cõi nhân và thọ vậy. Nay các thành, dinh, trấn nên tìm hỏi những người dân sống lâu từ trăm tuổi trở lên, cùng [6b] những người con hiếu phụng-dưỡng cha mẹ, rõ-ràng có việc thực, người chớng có nghĩa, thấy lợi không động tâm, kẻ rõ thực-trạng, tâu lên, chớ cho ân-thưởng để làm tinh-biêu».

MINH-MỆNH NĂM THỨ TƯ

Lạ mới định việc tinh-thưởng các quan hoặc dân sống lâu.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

« Người đời xưa đều lấy số trăm tuổi làm kỳ-hạn. Nhưng từ xưa đến nay, người nào thọ đến bảy mươi tuổi đã xưng là ít có. Huống chi lên đến ngoài trăm tuổi, như thế là kỳ-gi (2) thật là điềm tốt lành của người trong thời thái-bình, đều được cấp bạc lụa, biễn-ngạch (3) để làm tinh-biêu».

(1) *Hưng-phấn* 興奮 : Làm cho cố-gắng nổi lên.

(2) *Kỳ-gi* 期頤 : Người sống lâu trăm tuổi.

(3) *Biễn-ngạch* 匾額 : Biễn treo trước cửa.

(Như các quan nhất, nhị, tam phẩm, sống lâu một trăm tuổi, được thưởng bạc một trăm lạng, lụa mười tấm; các quan tứ, ngũ phẩm giảm hai phần mười; các quan thất, bát, cửu phẩm giảm bốn phần mười; các bà mệnh-phu (1), chiếu theo phẩm hàm, giảm một phần ba; đều được cấp [7a] biên-ngạch, dựng phượng (2) ở cổng trong làng. Các quan được một trăm mười tuổi, thêm bạc năm mươi lạng, lụa năm tấm; thêm mười tuổi nữa được số bạc và số lụa thêm gấp đôi. Những người về hạng học-trò hoặc kẻ cả trong làng, sống lâu trăm tuổi, được thưởng bạc ba mươi lạng, vải lụa đều năm tấm, cũng cho cấp biên, dựng phượng. Người dân đàn-ông sống lâu một trăm tuổi, thưởng bạc ba mươi lạng, vải lụa đều ba tấm. Người dân đàn bà sống lâu một trăm tuổi, được thưởng bạc hai mươi lạng, vải lụa đều hai tấm; mỗi người đều được cấp biên treo ở nơi đang ở. Những người dân trên đây tăng mười tuổi, được thêm bạc mười lạng. Mỗi dịp đầu năm, các quan thượng-ty cùng các quan phủ huyện sở-tại phải sai người đến nhà, biếu rượu thịt cho những người sống lâu trăm tuổi trở lên).

Về sau, các địa-phương lập danh-sách những người sống lâu từ trăm tuổi trở lên, được hơn một trăm người.

Hoàng-đế sai chiếu lệ mà tinh-thưởng. Khi ấy các hạt Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-bình, lập danh-sách tâu lên chậm-trễ, có tám người thọ-dân bị bệnh chết trước khi được tinh-thưởng.

(1) *Mệnh-phu* 命婦: Đàn-bà có phẩm-hàm, vì chồng làm quan.

(2) *Phượng* 鳳: Một vật xây đắp để tiêu-biểu trong làng có người hiền.

Hoàng-đế nghe việc ấy ban dụ khiến-trách rằng :

«Thiên-hạ quý tuổi thọ đã lâu, nên chính-sách của bậc vương-giả lấy việc nuôi người già làm trước. Đời nhà Hán, tuyên-bố chiếu-chỉ ở Sơn-đông, khiến người già muốn sống thêm chốc lát cho khỏi chết, để được xem đức-hóa. [7b] Nay miền ngoài kinh-thần có những bậc cao-niên ấy, thế mà khiến họ không kịp hưởng ân-trạch mừng thời thái-bình, đó là tội của quan địa-phương. Hạ lệnh giáng một cấp».

Nguyễn-văn-Tự, người xã Diên-diên, tỉnh Phú-yên, có hiếu-hạnh, ăn ở trong lều tranh gần mộ để chịu tang cha mẹ trong ba năm, được làng xóm khen ngợi. Bầy tôi trấn Phú-yên tìm hỏi được, lập hành-trạng tâu lên.

Hoàng-đế phán rằng:

«Người hiếu-tử thật đáng được tinh-biêu, để tưởng-lệ phong-hóa. Chuẩn cho Bộ Lễ ban cấp biền-ngạch (biền khắc bốn chữ: Hiếu thuận khả phong 孝順可風), ban cho bạc ba mươi lạng, đoạn hai tấm».

MINH - MỆNH NĂM THỨ SÁU

Giám-sinh trưởng Quốc-tử-giám Hồ-Sĩ-Huỳnh thiện-tiện đem bán gạo lương của các giám-sinh. Nghe việc ấy, [8a] Hoàng-đế phán rằng:

«Trường Quốc-tử-giám có quan-hệ đến việc thành-tự nhân-tài, các giám-thần phải ngày đêm răn dạy, cố nung-đúc cho thành-đạt. Các sinh-viên cũng phải cố-gắng

đèn sách dài dài, đề nhờ ân-đức. Kể kia có hạnh-kiểm thiếu sót như thế, còn có điều vô-sĩ nào quá đáng hơn nữa, thật phụ cái ý giáo-dục của Trẫm».

Ngài liền hạ-lệnh cho Bộ Hình tra-cứ Sĩ-Huỳnh phải chịu tội đồ (1).

Nhân việc ấy, Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

«Từ ngày Trẫm thân-chính đến nay, mở rộng nhà học, tuyển nhiều sinh-viên, muốn có được chân-tài để dùng sau này. Thường nghe các sinh-viên học tại trường Giám, nhiều lần gây ra tiếng xấu. Lỗi ấy đều vì địa-phương quan cử người không đúng, và đạo làm thầy của các giám-thần không nghiêm. Bộ người truyền dụ cho các quan địa-phương phải dốc lòng tuyển tỉnh-tế các giám-sinh, và bộ phải bàn định chương-trình dạy học tại trường Giám, xem xét các điều khoản, đề tâu lên».

[8b] Lệ định khóa thi học-trò.

Từ trước đến nay, các bầy tôi coi việc học tại các tỉnh thi học-trò, mỗi năm thi hai khóa hay bốn khóa, không giống nhau. Bộ Lễ bàn xin mỗi năm thi hai khóa vào ngày rằm hai tháng vào đầu mùa Hạ và đầu mùa Đông. Người nào đậu hạng ưu được miễn việc binh đao (2) trong một năm, hạng thứ nhì được miễn nửa năm.

(1) 鄧 徒 : Tội đem di đày ở nơi xứ khác và bắt làm việc khổ-sai.

(2) 刀 戍 : Ngày xưa có lệ bắt dân đi làm công-ích, không được trả tiền công, như xây thành, đắp đường, v.v... gọi là đao. Binh là việc đi lính, hoặc giúp việc quân-đội.

Hoàng-đế cho làm theo lời bàn ấy.

Truyền mệnh cho các địa-phương xét các giáo-chức các huyện.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Đặt giáo-chức để làm mô-phạm (1) cho nhiều học trò, không phải là những bị-viên (2). Ngày trước, đặt ra các giáo-chức tại các huyện, hoặc do địa-phương tiến-cử, hoặc là các sinh-viên trường Giám, phần nhiều không xứng đáng với chức-vụ làm thầy, sao có thể phiếm-lạm (3) như thế. Hạ lệnh cho các tỉnh-thần phải xét kỹ học-hạnh của các giáo-chức được học-trò tin theo ; [9a] hoặc người nào học-thức cạn-hẹp không kham nổi chức-vụ, phải soi-xét phân-biệt mà tâu lên, đợi Trẫm cách bãi hoặc thăng chức. Nếu có nơi nào thiếu, cần phải tuyển-bổ, nên chọn những người lớn tuổi và học giỏi sung vào ».

Tháng bảy mùa Thu, trường Thừa-thiên thi Hương (khoa Ất-Dậu), có người học-trò tỉnh Quảng-trị tên là Nguyễn-Thiên-Điều, vào thi trường thứ nhất, thấy đề-mục bài thi khó, thủ-xướng (4) những người học-trò ở vi (5) bên tả, kéo bè nổi dậy làm ồn-ào, muốn phá vi mà ra.

(1) *Mô-phạm* 模範 : Khuôn-phép. Thường dùng để chỉ người làm thầy hay người làm khuôn phép cho người ta theo.

(2) *Bị-viên* 備員 : Viên-chức vô-ích làm cho đủ số người.

(3) *Phiếm-lạm* 泛濫 : Phiếm là lông-bóng, lạm là quá giới-hạn. Phiếm-lạm là viển-vông không thiết-thực.

(4) *Thủ-xướng* 首唱 : Đầu tiên xướng lên làm việc gì.

(5) *Vi* 圍 : Khu đất có tường vách bao-bọc xung-quanh. Một trường thi đời xưa chia làm bốn vi : tả-vi, hữu-vi, tiền-vi, hậu-vi.

Nghê việc ấy, Hoàng-đế cả giận, ban dụ rằng :

«Nước nhà đối-đãi với kẻ sĩ đã có phép sẵn. Nay gặp thịnh-diễn kén chọn người tài, lũ kia phải tự ganh đua dùi mài, để tỏ rõ tài học sâu kín của mình. Thế mà có kẻ ác mù-quáng, lạm xen vào nơi ấy, làm loạn sửa cần. Nếu không cứu xét trừng trị, sao có thể trừ bỏ được phong-tục xấu. Hạ lệnh sáu bộ-đường (1) thúc giục tập-hợp [9b] các học-trò thi ngồi tại vi bên tả để xét hỏi. Nhưng truyền dụ bảo chúng : Việc làm náo-động trường-vi, tội ở kẻ thủ-xương. Trẫm quyết không vì một hai kẻ ngu-ngoon mà giận lây đến người khác, lạm-dụng luật-pháp trừng-trị người không có tội. Lũ ấy nên chỉ dùng kẻ thủ-xương, tội-danh sẽ quyết-định sớm, để khoa thi khỏi lăm. Nếu nhất-khái từ chối hoặc khai báo không rõ-ràng, khiến việc không kết-liệu, kịp khi tra-cứu đến cùng, loài yêu-quái không thể nấu mình, thân danh của lũ người cũng không thể đòi lại, sau này hối sao kịp. Phải xét lòng mình mà chọn lựa, không nên nói Trẫm không thương-xót, nghĩ đến các người».

Về sau, người thủ-xương là Thiên-Điều bị tra hỏi và bị tội giảo-hậu (2). Còn các thí-sinh khác đều được tha. Các quan trưởng tàu háo chậm-trễ bị phạt. Các quan đốc-học, giáo-huấn cùng quan tế-tửu tư-nghiệp, vì ngày thường dạy học không nghiêm, [10a] đều bị giáng hoặc cách, nhưng khác nhau tùy theo thứ bậc.

(1) *Bộ-đường* 部堂 : Tổng gọi các quan thượng-thư cùng những người giúp việc trong các bộ. Triều Minh-mệnh có sáu bộ : Lại-bộ, Lễ-bộ, Binh-bộ, Hình-bộ, Công-bộ, Hộ-bộ.

(2) *Giảo-hậu* 絞候 : Tội thất cớ, nhưng còn giam lại để đợi ngày hành-hình. Cùng nghĩa với tội giảo-giam-hậu.

Hoàng-đế cho rằng phần nhiều các học-thần không được người xứng-đáng, khiến học-trò ít tiến ích. Khi đến trường dự các khoa-thí, không khỏi hỗn tạp vô ích. Truyền mệnh cho các đình-thần phải hết lòng bàn định cẩn-thận phép học-tập, khảo-thí, cùng việc phân-biệt rành-mạch các học-thần tốt hay xấu, đề tâu lên, bàn định.

Phép học tập

- 1.— Ngày giảng sách.
- 2.— Tháng thi-hạch trong trường học.
- 3.— Kỳ hội-khảo (1).
- 4.— Tiếp-tục chuẩn-định việc hội-khảo.

Phép khảo thí

- 1.— Tinh-minh việc khảo-hạch (2).
- 2.— Xét cẩn-thận danh-sách các thí-sinh.
- 3.— Đặt quan lại trong trường thi.
- 4.— Đặt các sảnh phòng đề thi.
- 5.— Yết biên ở cửa trường thi.
- 6.— Xét suốt hết số quyền thi.
- 7.— Chấm cho đều theo thứ bậc thật xứng-đáng.
- 8.— Sắp đặt cho đúng các danh-sắc (3).
- 9.— Nghiêm-mật phòng-thủ trường thi.
- 10.— Cấm-chỉ mọi việc yêu-sách (4).

(1) *Hội-khảo* 會考 : Hội-hợp các học-trò nhiều trường trong một một tỉnh đến thi, để xét sự hơn kém.

(2) *Khảo-hạch* 考覈 : Thi để xét sức học của học-trò.

(3) *Danh-sắc* 名色 : Tên gọi và sắc-phục của những người thi đậu, như kỳ thi Đình triều Nguyễn có bằng-nhẫn, thám-hoa, hoàng-giáp, tiến-sĩ, phó-bằng, kỳ thi Hương có cử-nhân, tú-tài.

(4) *Yêu-sách* 要求 : Đòi cho kỳ được, như yêu sách tiền bạc.

Đến như việc phân-biệt rành-mạch các học-thần tốt hay xấu, thì sau khi việc thi-hạch đã xong, Bộ Lễ xét nghiêm số-số thi đậu nhiều hay ít, để phân-biệt các học-thần tốt hay xấu.

Hoàng-đế cho làm theo như thế, lại truyền mệnh cho Bắc-thành cùng các tỉnh Thanh Nghệ tiến-cử những người thi đậu Hương-cống triều cổ Lê trong hạt, ai có thể đảm-nhận được giáo- [10b] chức thì tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Đặt ra giáo-chức để đào-tạo nhân-tài, dành cho nước nhà tuyển dụng, rất quan-hệ đến việc chọn lựa những bậc mô-phạm. Nghĩ đến các viên Hương-cống triều cổ Lê đang còn nhiều, đó là những người lão-thành văn-học, giảng dạy tại các trường tư, quen việc dạy học. Vậy hạ lệnh cho các quan địa-phương tại Bắc-thành cùng các tỉnh Thanh Nghệ, kê tên tiến-cử. Tâu lên, đợi chỉ tuyển-dụng ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ BẢY

Hoàng-đế truyền mệnh cho Bộ Lễ tư cho các địa-phương, xét hỏi trong dân-gian, có người nào được năm đời ở chung một nhà thì tâu lên.

Bắc-thành cùng tỉnh Nghệ-an tâu lên có sáu người. [11a] Hoàng-đế lấy làm điềm tốt, mừng đời thặng-bình (1), hậu thưởng bạc, đoạn, vải, lụa, và ban cho mỗi nhà một cái

(1) *Thặng-bình* 昇平 : Lên cõi bình-trị, thái-bình.

biên khắc bốn chữ « Dịch diệp diễn tường 夷葉衍祥 : Nối đời nảy-nở diễm tốt ». Quan địa-phương dựng phông đề tinh-biên. Sai bộ-thần vẽ làm bức đồ « nhân thủy 人瑞 : diễm tốt của người ta » đề dâng lên.

Thấy nhà ông Trần-Công-Yến đoàn-tu đến hơn sáu mươi người, Hoàng-đế đặc-biệt cho một người con ông ấy trở về hầu-hạ, nuôi-nấng cha già.

(Ông Trần-Công-Yến, 98 tuổi, người làng Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, Bắc-thành, có mười một người con, ba mươi lăm người cháu, mười lăm người chắt (cháu bốn đời), một người chít (cháu năm đời). Ông Nguyễn-Trọng-Bính, 88 tuổi, người làng Sơn-minh, tỉnh Sơn-nam; ông Đoàn-Phú-Thứ, 99 tuổi, người làng Tiên-lữ, có con cháu chắt chít đều một người. Ông Nguyễn-Ngọc-Huy, 70 tuổi, người làng Sưu-loại, tỉnh Bắc-ninh, có hai người con, hai người cháu, ba người chắt, một người chít. Bà góa giữ trinh-tiết là bà Nguyễn-thị-Quân, 95 tuổi, người hạt Hoài-đức, có con cháu chắt chít đều hai người. Ông Nguyễn-Duy-Phiên, 100 tuổi, người huyện Thạch-hà, tỉnh Nghệ-an, có hai người con, một người cháu, ba người chắt, một người chít.

Hoàng-đế ban thưởng cho ông Phiên mười lạng bạc, một tấm đoạn, mười tấm lụa màu, hai mươi tấm vải màu; [11b] ban thưởng cho bốn người khác là ông Công-Yến, Trọng-Bính, Phú-Thứ, Ngọc-Huy đều được mười lạng bạc, một tấm đoạn, năm tấm lụa, mười tấm vải; bà Nguyễn-thị-Quân được năm lạng bạc, một tấm đoạn, ba tấm lụa, năm tấm vải).

Truyền mệnh cho dân châu Bố-chánh, dinh Quảng-binh, đổi y-phục.

Hoàng-đế phán bảo Bộ Lễ rằng:

«Dư đồ (1) của nước nhà hỗn-hợp làm một, văn-hóa phép-tắc cùng giống nhau, sao nên có sự khác biệt. Châu Bắc-chánh là đất phụ-thuộc về kinh-ký, nhưng y-phục của dân-gian vẫn còn khác biệt, không hợp với nghĩa cùng chung què-quán, cùng chung phong-hóa. Hạ lệnh cho đình-thần Quảng-bình truyền bảo khắp dân-gian trong châu, phải mặc quần áo theo đúng cách-thức với dân ở sông Linh-giang trở vào miền trong, khiến cùng chung phong-tục».

Về sau, các sĩ dân từ hai tỉnh Nghệ-thanh trở ra Bắc, đều muốn đổi y-phục cùng một loại. Các lĩnh-thần tâu lên. Hoàng-đế giao xuống cho đình-thần bàn bạc rằng: Vương-giả giáo-hóa nhân-dân, [12a] hẳn đều chung phong-tục, thánh-nhân trị nước, nên thuận nhân-tình. Nay Nam Bắc cùng chung phong-hóa, các sĩ dân muốn theo phép như điều dạy bảo. Vậy nên cho theo điều thỉnh-nguyện ấy.

Hoàng-đế hứa cho, nhân việc ấy, ban dụ Bộ Lễ rằng:

«Yên thói thường, quen nếp cũ, đó là tình người ta. Đất Bắc-hà đồn chứa tập-quán đã sáu bảy trăm năm, trong một ngày trở nên thay đổi, thật là ý nghĩ có quan-hệ đến khí-vận của đất nước, không phải sức người có thể tính liệu kịp được».

Đảng giặc ở Bắc-thành, nhiều lần vào dân-gian đề sách-nhiều (2), dân hai xã Tống-xá, Nậu-phủ, thuộc huyện

(1) *Dư đồ* 輿圖: Bức vẽ hình-thế đất. Cùng nghĩa với địa-đồ.

(2) *Sách-nhiều* 索賄: Quấy nhiễu đòi tiền, đòi ăn.

Hạp-sơn, không chịu theo, bắt người trong đảng giặc đem nộp. Bầy tôi Bắc-thành tâu việc ấy.

Hoàng-đế rất khen-ngợi, thưởng tiền hai trăm quan, ban dụ cho bầy tôi Bắc-thành rằng:

« Gần đây, bọn ngu-dân trong thành-hạt lên [12b] đem bọn trộm đến cướp lương, có kẻ giấu bọn trộm không trình báo, có kẻ làm tai mắt cho bọn trộm để dò xét quan binh. Dù bị bọn trộm bức-hiếp, nhưng cũng chung một tội với bọn trộm. Đến khi việc phát ra, sao có thể may được thoát khỏi. Nên bảo lũ kia phải bắt chước dân hai xã, chung sức cùng lòng, có sợ gì bọn trộm cướp. Trước vì hương-đăng giữ khỏi họa-hoạn, lại được triều-đình khen thưởng. Như thế còn kiêng-sợ gì mà không làm. Thành-thần phải đem lời dụ này bảo cho dân biết ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ TÁM

Hoàng-đế ban chiếu cho trong triều ngoài quận :

« Quân và dân, người nào thọ từ tám mươi tuổi trở lên, được cấp vải lụa gạo, nhưng có sai-biệt tùy theo tuổi-tác.

(Tám mươi tuổi trở lên được vải một tấm, gạo một phượng. Chín mươi tuổi trở lên, được lụa một tấm, gạo hai phượng. Trăm tuổi trở lên được lụa hai tấm, vải một tấm, gạo ba phượng).

[13a] Hoàng-đế lại ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Từ trước đến nay, ra ân-chiếu để ban thưởng cho

những người nhiều tuổi, chuyên nói về những người đàn ông sống lâu. Nay kính gặp tiết đại-khánh lục-tuần của Hoàng Thái-hậu, đầu mùa xuân ban ân-chiếu, thường cấp cho quân và dân, từ tám mươi tuổi trở lên, số vải lụa gạo có sai-biệt. Những người đàn bà sống lâu cũng được chiếu hạng cấp cho. Từ nay về sau, kể theo các kỳ khánh-tiết, có lệ đàm-ân (1), đều cho phụ-nữ được dự ».

Tinh-thưởng cho bốn người kỳ-dân (2) ở các tỉnh Nghệ-an, Sơn-tây, được năm đời ở chung một nhà.

(Hoàng-Khắc-Huỳnh, Thái-Doãn-Hiệp, người tỉnh Nghệ-an, đều thọ một trăm tuổi. Vũ-thị-Ngũ, người tỉnh Sơn-tây, thọ một trăm tuổi. Kiều-thị-Tường, người tỉnh Sơn-tây, thọ tám mươi bảy tuổi).

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

« Dân sống lâu là trưng-triệu nước sống lâu. Từ khi Trăm thân-chính đến nay, ban ân-huệ [13b] rất hậu, hên cùng tiến đến cõi phúc. Nay có bốn người ấy, tin là điềm tốt của thời thăng-bình, nên thưởng hậu để cho làm tinh-biểu. Truyền mệnh cấp cho mỗi người một cái biển khắc bốn chữ « Dịch diệp diễn tường 美葉衍祥: Nối đời này nở điềm tốt », quan địa-phương dựng phướng (3), thưởng cho bạc lụa, có sai-biệt tùy theo tuổi-tác.

(1) *Đàm-ân* 覃恩: Phép đời xưa, khi nhà vua có việc gì mừng thì phong-tặng cho tể-tiên các quan và ban thưởng cho dân.

(2) *Kỳ-dân* 耆民: Người già 60 tuổi gọi là kỳ. Người nào tuổi cao lịch-duyet nhiều cũng gọi là kỳ.

(3) *Phướng* 榜: Một vật xây đắp đề làm tiêu-biểu trong làng có người hiền.

(Các ông Huýnh, Hiệp đều được thưởng bạc mười lạng, đoạn một tấm, lụa và vải màu hai mươi tấm. Các bà Thị-Ngũ, Thị-Tường đều được bạc năm lạng, đoạn một tấm, lụa ba tấm, vải năm tấm).

Tinh-thưởng nghĩa-dân xã Tống-sá (thuộc huyện Phù-cư, tỉnh Sơn-nam).

Ngày trước, bọn thổ-phỉ quấy-nhiều, cướp-bóc, quan địa-phương sai cai-tổng Lê-Như-Uy đem dân trong xã ra cự-chiến, nên chết tại trận, có nhiều người dân bị tử-thương. Đến nay quan kinh-lược-sứ Nguyễn-văn-Hiếu tâu xin tinh-biêu để khuyến-khích nghĩa-dân. [14a] Hoàng-đế xem tấu-chương, phán rằng: «Dù bị tử-thương, dân cũng không thể bị ngọn lửa tàn-ác làm khuất-phục. Về nghĩa tôn quân thân thượng, không đáng làm như thế hay sao? Truy tặng Lê-Như-Uy làm thực-thụ cai-tổng, ban tuất bạc ba mươi lạng; cấp cho những dân tử-thương tiền hai trăm quan, dân trong xã trốn tránh vì thiếu thuế đều được miễn tội».

Truyền mệnh cho Bộ Lễ thông-tur đến đốc-học, giáo-huấn các địa-phương: Từ nay nên học-tập lối văn bát cổ (1) chế nghĩa, học-trò cần phải phát-huy kinh sách, lời văn phong-phú, tươi đẹp, không nên dùng cách thức học-quy. Trong các kỳ thi-hạch, văn-chương cũng như thế. Hai khóa hạch về mùa hạ và mùa đông, lấy học-trò trúng cách, đợi đến sau khóa mùa đông sẽ lập danh-sách gửi về Bộ Lễ, không được tâu lên như trước.

(1) *Bát cổ* 八股: Lối văn có tám vế đối nhau, dùng trong đời khoa-cử, cốt phụ-diễn kinh-nghĩa.

[14b] Trấn-thần tỉnh Quảng-nam là Đặng-Chương vào tâu, Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Gần đây, địa-phương yên-định, nhân-dân lần-lượt yên-ôn, hơn nữa thời-tiết ôn-hòa nên năm được mùa, số hộ-khẩu thêm đông-đức. Các người có trách-nhiệm chấn dân, nên nghĩ đến việc tuyên-dương giáo-hóa, dạy trước điều lẽ nhượng, bảo rõ việc nên ưa nên ghét, để làm hưng-khởi phong-tục tốt đẹp, tinh-túy. Người xưa làm cho dân giàu rồi sau dạy dân, là như thế đó. Nên làm việc giáo-hóa nhân-dân, sửa-sang phong-tục, trong lúc bình-thời. Nếu không dùng giáo-hóa để đề-phòng, sao có thể khiến dân gần điều thiện mà xa tội ác ».

Các địa-phương tuân theo dụ-chỉ, dâng lên bản danh-sách những người con hiếu, cháu thuận, chồng nghĩa, vợ tiết-trinh ở trong hạt.

Hoàng-đế truyền mệnh cho Bộ Lễ bàn xin tùy theo việc hơn kém, chia làm ba hạng ưu, bình, thứ để tinh-thưởng [15a] có sai-biệt đẳng-hạng.

(Tiết-phu Nguyễn-thị-Ngũ, người dinh Quảng-bình, được thưởng bạc năm mươi lạng, đoạn hôn tằm, cấp cho biên-ngạch (biên khắc bốn chữ lớn : Đồng-quản (1) phương-tiêu (2) 彤芳芳標), quan địa-phương dựng phướng. Hạng bình có mười một người đều được thưởng bạc ba mươi lạng, đoạn hai tấm, cấp biên-ngạch (Biên cấp cho người

(1) *Đồng-quản* : Quản bút đỏ. Quản bút đỏ chép xử các đàn-bà giỏi, màu đỏ dùng để tô tấm lòng son, vì thế mới dùng để khen đàn-bà giỏi.

(2) *Phương-tiêu* : Nêu lên đức-hạnh tốt.

có hiệu khắc : Hiệu-hạnh khả phong 孝行可風 : Có nét hiếu, phẩm-cách khá. Biền cấp cho người cháu thuận, khắc : Hiệu thuận khả phong 孝順可風 : Có nét hiếu thuận, phẩm-cách khá. Biền cấp cho người chông có nghĩa kiêm con hiếu, khắc : Hạnh nghĩa khả phong 行義可風 : Có nét hiếu nghĩa, phẩm-cách khá. Biền cấp cho người tiết-phụ, khắc : Trinh-tiết khả phong 貞節可風 : Có trinh-tiết, phẩm-cách khá. Cái biền nào cũng khắc bốn chữ lớn).

Hạng thứ có chín người, đều được thưởng bạc mười lạng. Ngoài ra còn có hai mươi người tiết-phụ, sự-trạng tâm thường, được lệnh đợi chỉ.

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Dân ta có đủ hạng người hiếu thuận tiết nghĩa, có thể được tinh-biêu về phẩm-cách khá, Trẫm rất khen ngợi. Về hạng thứ, cho thưởng thêm bạc, ba mươi lạng. Riêng hai người con hiếu là Trần-Lệ-Dực, Tô-Bá-Đản [15b] có việc vì cha mẹ mà nếm phân. Dù đó là nét chịu khổ, nhưng nghĩ đến các bậc đại-hiếu đời xưa, không có ai được như vua Đại-Thuấn, thầy Tăng-tử, cũng chưa làm như thế, việc ấy gần như cầu chuốc tiếng khen, không đủ làm phép-tắc. Về sau, nghĩ đến việc hai người ấy chăm nuôi và chịu tang cha mẹ, lần-lượt có điều khen được, chuẩn cho thưởng-cấp theo hạng thứ. Đến như mười hai người tiết-phụ tâm-thường, dù không có sự-trạng gì rõ-rệt dễ tưởng-lục, nhưng cũng giữ tiết theo chông, không hề thay đổi. Nay nhân có diên mừng, nên lượng xét đề ban ân rộng-rãi, thưởng cho mỗi người bạc hai mươi lạng. Ngoài ra đều y như lời ban cho thi-hành».

MINH-MỆNH NĂM THỨ CHÍN

Việc tinh-thưởng các người dân sống lâu từ trăm tuổi trở lên, có Trần-Công-Yến, người tỉnh Nam-định, trước đã được ân-thưởng [16a] về «ngũ đại đồng-đường», đến năm nay, lại thọ một trăm tuổi.

(Thời ấy, có hai người một trăm mười tuổi, ba mươi sáu người một trăm tuổi).

Hoàng-đế hạ lệnh cho Bộ Lễ cấp thưởng trọng hậu cho các thọ-dân về mọi phương-diện. Mỗi người được đoạn một tấm, lụa màu mười tấm, vải màu hai mươi tấm, bạc ba mươi lạng, cùng một tấm biển-ngạch «Cao thọ phiến hi 高壽蕃祉: Thọ cao phúc tốt». Người đàn ông sống lâu một trăm mười tuổi được thưởng thêm bạc mười lạng, đoạn tơ một tấm. Người đàn-bà sống lâu một trăm mười tuổi, được thưởng thêm mười lạng bạc, ngoài ra còn được tinh-thưởng như lệ định.

Hoàng-đế lại ban sắc cho các địa-phương mỗi kỳ đầu năm, phải chi tiền công, để xét cấp những người thọ-dân trong hạt. Mỗi người đàn-ông sống lâu được cấp hai cân rượu, ba cân thịt. Mỗi người đàn bà sống lâu được cấp một cân rượu, hai cân thịt. Việc cấp rượu thịt như thế làm lệ lâu dài.

(Trước khi ấy, tỉnh-thần Quảng-nam tâu nói trong hạt, có người thọ-dân sống lâu đến một trăm mười tuổi. [16b] Bộ Lễ tâu rằng: Người thọ một trăm tuổi được gọi là kỳ-gi 期颐, đã làm điềm tốt cho người ta. Huống gì có người sống lâu thêm một giáp (mười năm) càng mở rộng kiến-văn. Thật nhờ Hoàng-thượng thu góp phúc-đức đem ban

cho dân, khiến người đời nay tiến lên cõi thọ. Miền đất gần kinh-kỳ, nhờ ơn hàm-dục (1), mới có bậc cao-niên ấy, thật là phúc lành cho nước sống lâu, điềm tốt cho thời thái-bình. Xin ban thưởng rất hậu, để rõ việc vui mừng).

Hoàng-đế cho lời tâu ấy là phải.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI

Tinh-biêu người trinh-nữ tỉnh Tuyên-quang là Nghi-thị. Nghi, ở châu Thị-thu, có sắc đẹp, năm mười sáu tuổi, bị người con trai tàn-bạo muốn làm ô-uế, Thị-Nghị thề chết không thuận, nên bị giết. Bầy tôi Bắc-thành đem việc ấy tâu lên.

Hoàng-đế truyền mệnh cấp cho biền-ngạch (biên khắc bốn chữ: Nghi-thị trinh-nữ 儀氏貞女: Gái trinh họ Nghi).

Sai quan địa-phương dựng phùng ở đầu làng, treo biền đề tinh-biêu.

[17a] Lại có người đàn bà họ Dương, người huyện Vĩnh-yên, thành Gia-định, chồng bị ác-tật, nhà nghèo, người chủ nợ ưa-thích sắc đẹp, muốn tư-thông với Dương-thị, hoặc đem lợi dụ, hoặc dùng uy-quyền đe dọa-nạt. Dương-thị cương-quyết không chịu, sau bị đâm chết.

Thành-thần đem việc ấy tâu lên, Hoàng-đế truyền lệnh

(1) Hàm-dục 涵育: Lấy giáo-dục mà chuyển đời phong-tục.

cấp cho biên-ngạch (biên khắc bốn chữ: Dương-thị trinh-phu 楊氏貞婦: Đàn-bà trinh-tiết họ Dương).

Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Vì phong-tục thành Gia-định, mượn việc này để khuyên người ta giữ trinh-tiết. Nếu người hạt khác, chưa xứng-đáng ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI MỘT

Tinh-thường những người dân sống lâu trăm tuổi tại các địa-phương.

Thời ấy, người Mên tên là Nhiên, làm quản-tri sách Lang-giao.

[17b] Khi Thế-tổ Cao Hoàng-đế mới khôi-phục thành Gia-định, sai các người Mên dâng gạo, lại cho hơn ngàn người Mên khỏe-mạnh làm lính. Sau ngày đại-định, Ngài cho đặt chức quản-tri những người Mên làm lệ-dịch. Đến năm Minh-mệnh thứ mười một, người giữ chức quản-tri sách Lang-giao, thuộc Phúc-khánh, Biên-hóa, hưởng thọ một trăm tuổi. Bầy tôi thành Gia-định tâu lên.

Hoàng-đế đặc-biệt ban cho vàng tốt hai mươi lượng.

Hoàng-đế hạ lệnh cho Bộ Lễ chiếu lệ, bàn việc tinh-biểu hai người sau đây :

— Lê-thị-Liên, người xã Yên-tôn, tỉnh Thanh-ba (Thanh-hóa).

— Nguyễn-thị-Yến, người xã Cù-sơn, tỉnh Hải-dương,

đều sống lâu hơn tám mươi tuổi, được năm đời cùng ở chung một nhà.

Thư (1) Lại-bộ Thượng-thư Lê-Đặng-Doanh dâng sớ cử sĩ-nhân (2) Nguyễn-văn-Anh, có thể kham chức huấn-đạo. Khi xét hạch, được xếp vào hạng thứ.

[18a] Hoàng-đế phán rằng :

« Chức huấn-đạo dù nhỏ, nhưng có quan-hệ đến phong-hóa. Văn-học của Nguyễn-văn-Anh tầm-thường, sao có thể đảm-đương chức ấy, không cho làm ».

Nhân việc ấy, Hoàng-đế bảo quần-thần rằng :

« Từ ngày Trẫm lâm-chính đến nay, chấn-hưng văn-hóa, thế mà nhân-tài vắng-về, tại sao vậy ? ».

Phan-Bá-Đạt tâu rằng : « Hoàng-thượng lưu-ý tác-thành, không ai là không cảm-động phấn-khởi. Nhưng phần nhiều giáo-chức đều do địa-phương tiến-cử, học-vấn cạn hẹp, không có người xứng-đáng làm mô-phạm. Nếu dùng những người có khoa-mục làm giáo-chức, nhân-tài sẽ càng ngày càng nhiều ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI HAI

[18b] Truyền mệnh khắc bản in bộ sách Ngự-chế thi văn sơ-tập 御製詩文初集.

(1) Thư 署 : Tạm nhận chức việc.

(2) Sĩ-nhân 士人 : Người học-trò.

(Từ cuối năm Minh-mệnh thứ mười một trở về trước, có 10 quyền thơ theo cổ-văn, gồm 845 thiên, 2 quyền mục-lục, 1 quyền văn biểu, 11 quyền dư, 1 quyền tập-ký, 1 quyền mục-lục).

Đến năm thứ mười ba in xong tập thơ. Hoàng-đế ban cho các hoàng-tử, đình-thần trưởng Quốc-tử-giám cùng các nha Học-chánh địa-phương, mỗi người một bộ. Các kẻ sĩ cùng thứ dân muốn có bản in riêng, cũng cho phép.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BA

Tinh-biểu trinh-nữ tỉnh Sơn-tây là Nguyễn-thị-Lăng (người ở Phù-ninh).

Thị-Lăng, năm mười sáu tuổi, không đề cho kẻ cường-bạo làm ô-uế, nên bị hại. Tỉnh-thần tâu việc ấy, Hoàng-đế truyền mệnh cho Bộ Lễ cấp biểu [19a] dựng phượng đề tinh-biểu.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng :

« Binh dân ở ngoài kinh-thành, có nhiều người theo Tả-đạo (1), đã ra khỏi giáo ấy. Truyền dụ cho lũ kia phải noi theo bần-phận, giữ phép nước. Chớ manh-nha theo thói cũ, có tội ».

Hoàng-đế ban dụ cho thị-thần rằng :

(1) Tả-đạo 左道 : Đạo Thiên-chúa (Thời Minh-mệnh gọi là Tả-đạo)

«Người thành Gia-định tốt đẹp, sáng-suốt, dễ hướng-dẫn theo điều thiện. Gần đây, nghe nói có những người hút nha-phiến, hay hát xướng và đánh bạc, họ ganh-đua nhau ham-chuộng thói xấu, lại cho là phong-lưu. Nếu những việc ấy không chấm dứt, họ sẽ thành trộm cướp. Tình-thế sẽ đưa đến chỗ vợ con họ thành tang-bộc (1) dâm-ô, tính nết càng xấu. Nhưng chồng đã chuyên việc phóng-dãng, sao có thể trách được vợ không giữ trinh-khiết. Nếu quan địa-phương hay giáo-huấn, răn bảo thói xấu, biết cách hướng-dẫn, tự mình không thể bị thói thường [19b] làm di-chuyển».

Thự tổng-đốc Vĩnh-long, Định-tướng là Lê-Phúc-Bảo sắp đi đến ly-sở.

Hoàng-đế ban dụ rằng: «Khi nước nhà mới hưng-phục, nhân dân sáu tỉnh Nam kỳ, đều hết lòng trung-nghĩa. Gần đây, nghe nói tập-tục còn phù-ba (2), thường xảy ra việc dâm đẳng. Chức-phận của người ở việc tuần-tuyên (3), nên lấy việc giáo-hóa làm trước hết. Đừng phụ lòng Trẫm mong cầu thành-công, là khá vậy».

MINH - MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BỐN

Hoàng-đế phán bảo Bộ Lễ rằng:

-
- (1) *Tang-bộc* 桑濮: Trong bãi dâu, trên sông Bộc, chỗ trai gái hẹn-hò với nhau. Dùng để chỉ sự trai gái trăng-hoa.
 - (2) *Phù-ba* 浮葩: Tốt đẹp bề ngoài.
 - (3) *Tuần-luyên* 旬宣: Đi khắp bốn-phương, để tuyên-dương mệnh-lệnh của vua. Theo nghĩa câu: Lại tuần lai tuyên 來旬來宣, trong kinh Thi.

« Địa-bạt tỉnh Quảng-yên giáp bờ bể, văn-học, phong-hóa mới được chấn-hưng, nên hết lòng dạy-dỗ, gây dựng, khiến lũ học trò được thành sự-nghiệp. Còn chức đốc-học, cho sắp đặt y như cũ, để giúp việc dạy học ».

[20a] Hai tập Ngự-chế thi được khắc và in xong.

(Từ mùa xuân năm Minh-mệnh thứ mười hai đến mùa đông năm thứ mười ba, in xong mười quyển thẻ thơ cổ kim, gồm 613 thiên, hai quyển mục-lục).

Hoàng-đế truyền mệnh In xong, cấp cho các hoàng-tử, các đường-quan tại những bộ, viện, nội-các, trường Quốc-lữ-giám trong kinh, cùng các tỉnh-thần, các nha Học-chánh ở các tỉnh ngoài, mỗi người đều được một bộ.

Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng :

« Phép thi Hương (1), thi Hội (2), trước đã đổi dùng văn-thẻ tam trường. Nhân nghĩ đến việc sửa-sang đổi mới, truyền lệnh cho bộ người phải có cách-thức làm văn, khiến các học-giả dễ thẻ nhận. Phải tra xét rõ-ràng thẻ văn tam trường của Bắc-triều, thiên nào bình chính, có thẻ làm khuôn mẫu thi chọn lựa lấy, như 30 thiên bát cổ (3) chế-ngệ, 20 thiên thi-thiếp (4), thơ ngũ-ngôn, thất

(1) *Hương thi* 鄉試 : Về thời-đại khoa-cử, các tỉnh cứ ba năm mở một khoa thi, đều chọn cử-nhân và tú-tài.

(2) *Hội-thi* 會試 : Kỳ thi các cử-nhân họp tại kinh-đô, cứ ba năm mở một kỳ thi Hội. Người nào đậu cao được dự kỳ thi Đình, đều chọn các cấp bậc tiến-sĩ.

(3) *Bát-cổ* 八股 : Lối văn có 8 vế đối nhau.

(4) *Thi-thiếp* 試帖 : Thơ văn dùng trong việc thi cử.

ngôn, 20 thiên luật-phú [20b], 10 thiên sách-văn, 31 bộ ấn-loát, chia cấp cho trường Quốc-tử-giám cùng các học-thần tại các địa-phương, ở trong kinh ngoài tỉnh, chiếu theo các tài-liệu ấy mà giảng dạy. Ngải lại truyền lệnh phải tập họp học-trò trong hạt đề sao lục văn thơ Ngự-chế.

Thời ấy, đảng giặc Phiên-an xâm-phạm tỉnh Biên-hòa.

Đêm ngày 14 tháng 5 năm ấy (Minh-mệnh năm thứ 14) thủ-nghịch Lê-văn-Khôi gây việc biến-loạn, chiếm-cử tỉnh-thành Phiên-an, làm phản, sai đảng giặc xâm-phạm tỉnh Biên-hòa, rồi các tỉnh Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, nối-tiếp thất-thủ.

Thự Phó Vệ-úy Vũ-lâm Phan-văn-Song, cai-đội Cẩm-y Trần-văn-Du, quản-cơ cơ Định-dũng tỉnh Bình-định Đặng-văn-Quyên, lãnh-binh tỉnh Bình-thuận Lê-văn-Nghĩa, phó quản-cơ tả-cơ hai tỉnh Thuận Nghĩa Nguyễn-văn-Ký, phó Quản-cơ Phú-tráng-cơ tỉnh Phú-yên Trần-văn-Thiều, phó quản-cơ Biên-hùng-cơ tỉnh Biên-hòa Ngô-văn-Hóa, lần-lượt chết tại trận trong khi chiến-đấu với giặc.

Hoàng-đế hạ lệnh truy [21a] tặng cho mỗi tử-sĩ và thưởng tiền bạc, có sai-đảng. Nguyên án-sát Tôn-Thất-Gia (nguyên án-sát tỉnh Bình-thuận, có chỉ tuyên-triệu về kinh, chưa đến nơi, can án trong khi đi đường, nên bị giữ lại đề chờ ngày xét xử, gặp khi tỉnh Biên-hòa báo có giặc, thự tuần-phủ Bình-thuận Khánh-hòa phái Tôn-Thất-Gia đi tiếp ứng). Tôn-Thất-Gia bị giặc bắt, đưa về thành Phiên-an, nghịch Khôi cưỡng ép bắt lay, Gia vì đại-nghĩa chửi mắng giặc, chung-cục không chịu khuất-phục, bị giết. (Giặc Khôi giận, đem voi giày đạp cho chết, rồi than rằng : « Một kẻ thư-sinh, can trường như thế, thật đáng sợ », sai

người nhặt-nhạnh (di-hạt) đem mai táng. Về sau, các tướng-quân tham-tán, hỏi biết sự-trạng, tâu lên

Hoàng-đế phán rằng :

« Gia vì nghĩa không tham sống, chửi giặc mà chết, trung-liệt thật khó được người như thế, nên tinh-biên, khen ngợi, đề khuyến-khích việc tận-trung trong ngàn đời ».

Truy-tặng Tôn-Thất-Gia chức án-sát-sứ, bỏ các chữ « giáng cách xử phân » ở dưới tên, thưởng thêm bạc sáu mươi lạng, một trăm quan tiền, đem cấp cho [21b] gia-đình. Lại truyền lệnh tra xét rõ kẻ hậu-tự (con cháu), chờ lượng xét cho tập-ấm (1).

Thị-vệ Lê-Kim-Trợ từ Nam-kỳ trở về tâu rằng :

« Nghịch Khởi thiết-cứ (2) Phiên-an, trong thành có một con voi không ăn mà chết ».

Hoàng-đế phán rằng : « Con vật không biết gì, còn hay được như thế. Huống gì bầy tôi đối với vua, từ lâu nhờ ơn gặp-gỡ sao không nghĩ đến cách báo-đền. Sáu tỉnh bị mất, không có một người nào vì giữ thành mà chết. Thậm-chí có kẻ cam tâm theo giặc, chịu để giặc nuôi-nấng như con vật, thật đáng khinh-bĩ, không theo kịp con voi này ».

Truy-tặng thự-lý tuần-phủ tỉnh Hà-tiên Phạm-Xuân-Bích làm tuần-phủ, án-sát Trần-văn-Quản [22a] làm bố-chánh.

(1) *Tập-ấm* 集慶 : Nói con cháu các quan theo chức tước của ông cha mà được hàm ấu-sinh.

(2) *Thiết-cứ* 蕞穽 : Nói về giặc cướp nổi lên, chiếm-cứ lấy một khu-vực nào.

Ngày trước, nghịch Khôi phiến-loạn, Xuân-Bích, Văn-Quản tập hợp binh dân xây đắp lũy đất làm kế phòng-ngự. Kịp khi An-giang thất-thủ, lũy giặc chưa đến, hai đội Hồi-lương, An-lương, thuộc tỉnh Hà-tiên, họp chúng làm loạn, ban đêm kéo đến vây dinh tuần-phủ. Xuân-Bích cầm kiếm đi ra, cùng kẻ gia-bộc tên là Nguyễn-văn-Vi giao chiến với giặc, bị thương, rồi bị giặc bắt. Giặc khuyên dụ hàng, Xuân-Bích lớn tiếng mắng rằng: « Chết thì chết, há chịu hàng lũ tù chúng mày! » Giặc liền giết chết. Giặc lại kéo đến dinh án-sát, Văn-Quản cầm dao ra đâm luôn mấy tên giặc, gia-bộc là Trần-văn-Vạn cũng cầm dao ra chống cự, đều bị hại. Nguyễn-văn-Vi (gia bộc viên tuần-phủ) cầu xin giặc cho linh di-hải của Xuân-Bích đem về khám-liệm, mai-láng. Giặc khen là có nghĩa [22b] hứa cho. Việc ấy được tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ rằng:

Lũ Bích không biết cách đề-phòng, nên việc biến-loạn sinh ra ở nơi trừu-dịch (1), vẫn có lỗi. Chỉ nhân việc xảy ra gấp rút, lũ Bích đều có thể kích-phát vì nghĩa-phần, chửi giặc, đâm giặc, tuần-nạn (2) quyền sinh (3), rất đáng thương xót ».

Đặc-biệt hạ lệnh truy-tặng và thưởng thêm bạc lạng. Những kẻ gia-bộc Trần-văn-Vạn, Nguyễn-văn-Vi đều được thưởng bạc mười lạng, để khuyến-khích các nghĩa-bộc.

(1) *Trừu-dịch* 肘腋: Trừu là khuỷu tay, dịch là nách. Trừu-dịch: sát ngay nơi mình ở, thiết-cận.

(2) *Tuần-nạn* 徇難: Chết vì nạn chung của nước nhà.

(3) *Quyền-sinh* 捐生: Liều bỏ sự sống.

Tinh-thường những bầy tôi toàn tiết ở tỉnh Cao-bằng.

Khi lũ nghịch Văn (4) xâm-phạm, áp-bức tỉnh thành Cao-bằng, thụ bố-chánh Bùi-Tăng-Huy, án-sát Phạm-Đình-Trạc, Lạng-sơn lãnh-binh Phạm-văn-Lưu, dời quân lên giữ thành lũy trên núi, bị giặc vây trong hơn một tháng, thuốc đạn hết cả, binh lính đều [23a] mỗi-một, đau ốm. Giặc đem người đi bắt là tuần-phủ Hoàng-văn-Quyền trôi ở đầu voi, cho xem và bảo phải đầu hàng. Nếu không, giặc sẽ giết tất cả những người ở trong thành. Bố-chánh Huy họp các quan văn võ, binh lính đến bảo rằng: « Nay sức đã hết, cứu-viện cũng tuyệt. Thà ta chịu chết để bảo-toàn sinh-mạng của quan dân trong thành ». Nói xong, mặc triều-phục, hướng về cửa khuyết, vọng-bái. Bố-chánh Huy làm lễ cáo xin tự đốt mình. Án-sát Đình-Trạc ngồi vào trong hổ, sai người lấy đất lấp đầy. Tăng-Huy, Văn-Lưu đều tự-ái chết.

Về sau, Tổng-thống Tạ-Quang-Cự hỏi biết sự-trạng, tâu lên. Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Ngày trước, tỉnh thành Cao-bằng thất-thủ, lũ Bùi-Tăng-Huy thung-dung tựu nghĩa, Trầm rất lấy làm xót thương. Vậy ban thưởng mỗi người một trăm lạng vàng, giao cho tỉnh-thần phải đem đủ hòm gỗ [23b] đến khám-liệm, đưa về nguyên quán để yên-thố (1). Nhưng cho chọn đất dựng đền thờ, mỗi năm tế một kỳ vào mùa

(1) Nông-văn-Vân, tri-châu Bảo-lạc, nổi loạn, đem quân đánh phá các tỉnh Cao-bằng, Tuyên-quang, Lạng-sơn, từ năm 1833 đến năm 1835, sau bị đốt chết cháy ở trong rừng.

(2) *Thố* 瘞: Quàn tạm xác người chết chưa kịp chôn. Yên-thố là đem chôn.

xuân, đề khuyến-khích những người tận-tiết. Đặt hiệu: Đền Tam trung».

Hoàng-thị-Trúc, người xã Hoàng-dồng, châu Thoát-lãng, tỉnh Lạng-sơn, năm mười chín tuổi, có sắc đẹp, bị thổ-ty Nguyễn-Đình-Thống muốn làm ô-uế. Thị không chịu nên bị giết. Việc được tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ rằng:

«Đất xa miền biên-thùy, chịu giáo-hóa là việc khó, nay có người trinh-khiết tự giữ mình, chỉ thật đáng khen. Hạ lệnh cho Bộ Lễ chiếu lệ tinh-biểu cấp cho biên-ngạch, đề khuyến-khích các trinh-nữ».

Kẻ hung-phạm Nguyễn-Đình-Thống bị tội chém lập-tức.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI LĂM

[24a] Ban những điều huấn-dụ cho thần dân trong triều ngoài quận.

Ngày trước, Hoàng-đế ban dụ cho Bộ Lễ rằng:

«Nước nhà vững bền có quan-hệ với nhân-tâm, phong tục tốt chính vì giáo-hoá. Gần đây, bọn vô-lại, hoặc dẫn dắt nhau vào tà-giáo, hoặc dụ nhau vào rượu chè, cờ-bạc. Nhiều tiền-dân ngu-xuẩn bị cám-dỗ, vì thế trộm cướp giặc giã không thể dứt hẳn được. Mỗi lần Trẫm nghĩ đến việc dân ta chưa giàu, chưa thể nói đến giáo-hóa. Song dân đã trải qua nhiều loạn-lạc, lòng người có đôi chút bối-ngộ. Nhân việc ấy mà dạy-dỗ, dễ-dàng đắc-lực. Bộ

người nên phòng theo đại-y bài «Thánh-du quảng-huấn» nước Thanh, đặt những huấn điều cho rõ-ràng. Chỉ cần lời văn cùng ý-tư trang-nhã, không cần phải trau-chuốt. Khiến bọn ngu-phu, ngu-phu, không có người nào chẳng hiểu biết, làm cho phong-tục, từ chỗ khinh-bạc, trở nên thuần-hậu. [24b] Đó cũng là kế-sách lâu dài của nước nhà vậy».

Đến năm ấy, soạn thành mười điều :

- 1.— Đôn nhân-luân 惇人倫 : Trọng tam cương ngũ thường.
- 2.— Chính tâm-thuật 正心術 : Làm việc gì cũng cốt phải giữ bụng dạ cho chính-đỉnh trong sạch.
- 3.— Vụ bản-nghiệp 務本業 : Giữ bản-phận, chăm nghề-nghiệp của mình.
- 4.— Thương tiết-kiệm 尚節儉 : Chuộng đường tiết-kiệm.
- 5.— Hậu phong-tục 厚風俗 : Giữ phong-tục cho thuần-hậu.
- 6.— Huấn tử-đệ 訓子弟 : Phải dạy bảo con em.
- 7.— Sùng chính-học 崇正學 : Chuộng học đạo chính.
- 8.— Giới dâm-thắc 戒淫逸 : Răn giữ những điều gian-tà dâm-dục.
- 9.— Thận pháp-thủ 慎法守 : Cần-thận mà giữ pháp-luật.
- 10.— Quảng thiện-hạnh 廣善行 : rộng sự làm lành.

Hoàng-đế truyền mệnh cho khắc in đề ban hành.

Cấp-sự-trung Ngô-Kim-Lan tâu rằng: «Cố-trì-phủ Anh-sơn là Nguyễn-văn-Hoàng, làm quan thanh-liêm kiệm-ước, rất được lòng dân hòa-mục; sau khi mất, bao tui không

chứa của riêng. Khi trước, Ngô-Kim-Lân làm quan tại Phủ-vang, đến nay dân vẫn còn mến-chuộng».

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Hoàng thanh-liêm, tiết-tháo, có sự-trạng rõ-ràng, nên tinh-biêu để khuyến-khích những người sau ». Liền thưởng tiền một trăm quan, hạ lệnh-quan sở-tại thuê thuyền đem đi-bái về nguyên-quán tống-táng.

[25a] MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI SÁU

Tướng-quân, tham-tán, lãnh-binh, quân-thứ (1) tại thành Gia-định tâu rằng : « Vệ-binh tỉnh Bình-thuận là Nguyễn-văn-Đắc trước bị bắt. (Đắc là quân-vệ mở đường Sà-hành). Giặc hỏi về tình-hình việc quân, Đắc nói thực tất cả mọi việc. Nay Đắc từ ở trong đám giặc trốn thoát, xin chiếu luật trị tội « tiết-lậu quân-cơ » để chính pháp ».

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Nguyễn-văn-Đắc gặp giặc đánh lên, đã không đem sức ra tử-chiến, đến khi bị bắt lại đem hết tình-hình trong quân ra nói với giặc, thật đáng giận. Vả lại, năm trước, tiền-phong vệ-binh Nguyễn-văn-Điêm, cũng từng bị giặc bắt, giữ tiết-tháo chửi giặc, đến chết không chịu khuất-phục. [25b] Tiết-liệt ra sao, triều-đình đã tinh-biêu, truy-tặng, cấp tuất, lập miếu thờ tế, đủ để khuyến-khích phong-hóa về sau.

(1) Quân-thứ 軍次 : Đứng quân ở nơi nào, lâu từ hai đêm trở lên.

(Nguyễn-văn-Điêm, người ở Bồng-sơn, Bình-dịnh, ngày tháng 6 năm Minh-mệnh thứ 15, bị thương trong khi đối-dịch tại thành Phiên-an, bị giặc bắt. Nghịch Châm khuyên dụ, bảo phải nói dối với lũ người ở trong thành rằng: «Số quan binh ở ngoài thành có ít, giặc Siêm lại đến». Khi nghịch Châm hội đảng chúng lại đề hỏi, Diêm đều nói trái lại, và nói thêm: «Thân đã bị bắt, sao còn sợ chết, vậy nói thực cho người trong thành biết đề sớm tìm con đường sống. Thà trái ý giặc mà chết, còn được làm thần, chẳng hơn theo giặc đề chết làm quý-vực (1) ư?» Nghịch Châm giận lắm, đem giết. Việc ấy được tâu lên. Thấy Diêm biết rõ đại-nghĩa, Hoàng-đế ban dụ truy-tặng chức cai-đội, hàm ngũ-phàm, lại cho cấp tuất. Sau khi dẹp xong giặc, Diêm được thờ tại miếu Trần vong tướng-sĩ, đề an-ủi trung-hồn. Triều-đình lại lục-dụng con trai Diêm, để khuyến-khích những người trung-liệt).

«Nay Văn-Đặc không bị tội chết, sao có thể nghiêm quân-luật. Hạ lệnh chém đầu lập-tức, khiến tất cả mọi người cùng biết. Một việc khuyến-miễn, một việc trừng-phạt, làm rõ nghĩa rõ tội, mới chấn-hưng được sĩ-khí, cô-lệ được hung-hàng».

[26a] Triều-đình lại truy-tặng phó-lãnh-binh tỉnh An-giang là Vũ-văn-Thường làm vệ-úy (hàm chánh tam-phàm), lĩnh-binh Lê-văn-Thường chương-cơ (hàm tòng nhị-phàm), đều chiếu theo tặng-hàm mà cấp tuất

(1) *Quý-vực* 九域: Vực là con vực, ngày xưa bảo nó là một loài hồ nhỏ, ngâm cát phun vào người làm cho người bị bệnh. Quý-vực là loại quý rất độc-ác, quý-vực còn có nghĩa là người hiểm-ác.

(Ngày trước, nghịch Khôi phiến-loạn, hai người này đều bị hại trong khi đánh giặc, bị giặc bắt. Vũ-văn-Thường giữ tiết không chịu khuất, giặc khuyển hàng, nổi giận, không chịu ăn mà chết. Lê-văn-Thường bị giữ, mưu đốt kho thuốc súng của giặc, việc tiết-lộ, bị giặc giết. Đến khi ấy, các tướng-quân, tham-tán quân-thủ tại Gia-định hỏi biết sự-trạng, tâu lên).

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Vũ-văn-Thường tiết-liệt, thật đáng khen-ngợi. Lê-văn-Thường, dù kém một bậc, song nghiệm thấy tâm-tích, muốn mưu đồ giết giặc, không toại-chí mà chết, lòng trung cũng không thể bỏ mất, đều cho truy-tặng ».

Khi Hoàng-đế mới nghe tâu việc Vũ-văn-Thường, phán bảo quần-thần rằng :

« Thần-tử vì nước tận-trung, thế cùng bị giặc bắt, không chịu khuất, [26b] nhận lấy cái chết, đại-tiết có thể giữ được, đâu phải bị bắt là nhục ư? Đời xưa, Văn-Thiên-Tướng nhà Tống bị giặc Nguyên bắt, chết vì nghĩa ở Sài-thị, tiết-liệt chói-dọi cỡ kim.

Ngày trước, xảy ra việc quốc-biến trong năm Giáp-Ngo, Duệ-tông (1) ngự-giá vào miền Nam, tham-tán Nguyễn-Đặng-Trường dẫn mẹ đi theo. Về sau đi đến Qui-nhơn,

(1) *Duệ-tông Hiếu-dĩnh Hoàng-đế* : Định-vương Nguyễn-Phúc-Thườn (1765. — 1777) làm chúa bị Trương-Phước-Loan chuyển quyền. Khi quân chúa Trịnh vào lấy mất Phú-xuân, Định-vương chạy vào Gia-định, bị tướng Tây-sơn là Nguyễn-Huệ giết mất. Ngài hưởng thọ 24 tuổi. Về sau, vua Gia-long truy tôn là Duệ-tông Hiếu-dĩnh Hoàng-đế.

nguy Huệ bắt được, muốn đổi đổi bằng sư-lễ, Đổng-Trường từ chối, lại dẫn mẹ đi tìm vua. Kịp khi vương-sư thất-lạc, mẹ con Đổng-Trường trốn tránh vào quán chợ, lại bị giặc bắt, không chịu khuất mà chết. Người ấy giữ được tiết-tháo, không hổ-thẹn với người xưa, đáng được dự điền-tế-lễ, để khuyến-khích người đời sau. Nước nhà có kẻ sĩ trung-nghĩa như thế, có thể bồi đắp nguyên-khi, xây dựng lại căn khôn. Nước Việt bao-lu, có quan-hệ [27a] với việc này rất lớn.

Trẫm lại nghe nói Trịnh-Đổng ở Bắc-hà bại trận chạy về phía tây. Tri-phiên là Lý-Trần-Quán gặp ở đường mưu giúp việc đưa đi trốn. Học trò là Nguyễn-Trang bắt Đổng dâng cho giặc Tây-sơn, thế của Quán không làm sao được, liền tự-tử để tỏ chí mình. Tiết-nghĩa cũng thật đáng khen. Về sau, giặc Tây-sơn thấy Trang là người bất nghĩa, giết đi. Như thế là người ác lai có người ác giết, thật khiến lòng người vui-sướng. Ôi! giặc Tây-sơn cướp nước người ta, biết gì là trung-nghĩa. Song vì điều bất-nghĩa mà giết Trang, cũng là đại-gian-hùng. Như Tào-Tháo đầu có trung với nhà Hán, nhưng buộc tội phản-nghịch giết Hồng Thừa, để yên lòng người. Dù việc khác nhau, nhưng gian-hùng cũng là một vậy».

[27b] Tỉnh-thần Định-tường tâu rằng :

« Các thuộc-viên trong tỉnh, có nhiều việc phải làm, nhưng thiếu người gắng sức. Tám người trong lũ Tri Điền Tỉnh chăm-chỉ thừa-hành, nên mọi việc đều được thỏa-đáng. Xin lượng xét cho khởi dụng. (Tỉnh nguyên trước là kinh-lịch Phiên-ty, chịu nhận chức của giặc Khôi).

Hoàng-đế ban dụ rằng :

«Tri Điem Tĩnh trước đã có chức-vị, đều là thần-tử của triều-đình. Ngày trước, nhân khi biến-cổ, cam tâm theo giặc để được sống trộm. Chiều theo phép nước, tội không thể tha. Nhưng gặp khi nước nhà có nhiều việc, đặc-biệt tha tội để sai-phái cho được gắng-sức, như thế đã là ân-diên khoan-hồng. Nếu thật có công-trạng, cũng chưa đủ để chuộc tội. Huống gì là kẻ tâm-thường ư? Ôi! người ta tự-lập ở đời, chỉ quý hai chữ cương-thường. Lũ kia là người thất-tiết, nếu vội cho quan-chức, [28a] sao có thể cổ-lệ phong-hóa, dạy bảo người sau».

Hoàng-đế không chuẩn-y điều thỉnh-cầu, nhưng đều cho lưu làm viên-dịch, gắng sức làm việc. Kén chọn người khác để bổ-dụng.

Giảm bớt chức đốc học tỉnh Quảng-yên. Giao viên án-sát kiêm giữ những việc có quan-hệ đến học-chính. Những việc khảo-hạch, đều chiếu lệ thi-hành.

Ngày trước, Hoàng-đế cho rằng văn-học tỉnh Quảng-yên mới nổi lên, chuyên đặt nha học-chính. Đến năm ấy, tỉnh-thần tâu rằng: Địa-thế tỉnh-hạt rộng xa, số học-trò càng ngày càng đông. Xin tăng giáo-chức, để giúp việc rèn-đúc nhân-tài. Hoàng-đế cho giảm bớt chức đốc-học, đặt chức giáo-thu phủ Hải-ninh, được cư-trú tại nhà Học-chính. Bốn huyện Hoành-bồ, Ba-phong, Tiên-yên, Vạn-ninh, đều đặt chức [28b] huấn-đạo. (Riêng huyện Yên-hưng ở gần tỉnh-thành, cùng châu Văn-đồn, chỉ có hai xã, không đặt giáo-chức).

Ban biên-ngạch cho nghĩa-dân tỉnh Cao-bằng.

(Viết trên mặt biển bốn chữ lớn, sơn son thếp vàng:

Hiếu nghĩa tri phương 好義知方 : Ham nghĩa biết đạo). Cho các xã thôn sở-tại chọn đất làm ruộng để dựng biển.

(Ngày trước, lũ thổ-phỉ là nghịch Văn bạo-động đại-đột, xâm-phạm bức-bách, tỉnh-thành Cao-băng bị mất. Ba mươi chín xã thôn tại các huyện Quảng-uyên, Thượng-lang, Hạ-lang, Thạch-lâm, theo nghĩa không theo giặc, tự đem dân-đinh, bắt chém lũ nghịch-phỉ, thu-phục tỉnh-thành. Sau khi bình-định xong, lại góp gạo cung-cấp quân-lương. Việc được tâu lên, Hoàng-đế ban cấp biển-ngạch, cho dân các xã thôn ấy khỏi phải nộp số tô-thuế còn thiếu, lại gia-ân khỏi phải nộp thuế thân trong năm ấy).

Hoàng-đế ngự đến nhà Duyệt-thị, phán bảo bầy tôi Bộ Lễ là Phan-Huy-Thực rằng :

« Trong kỳ Điện-thí, rất khó được người trúng đệ-nhất-giáp. Nếu không lấy, thành ra thiếu nhân-tài. Nếu lấy rộng, sợ không thỏa lòng trông mong của các sĩ-phu ».

[29a] Ngài lại phán rằng : « Ra đầu đề dễ, làm văn khó. Vì các quan-trưởng ra đầu đề bài thi, có tham-khảo, còn học trò làm văn chỉ do sự ghi nhớ mà thôi. Ngày trước, có đầu bài thi hỏi Phó-nê, Trường-lệ (付泥, 長累) là vật gì ? Kẻ đối lại không biết ».

(Ngày trước, đề-mục thi-hạch cử-nhân có câu : « Phó-nê, Trường-lệ là vật gì ? không ai trả lời được. Phó-nê, Trường-lệ là tên các ngôi sao, xuất-xứ ở danh-thư Sự-vật-di).

« Vì sách ở nước ta còn ít, dù có tài học uyên-bác, cũng không thể xem ở nơi đâu. Nay phái người qua nước

Thanh, phải mua nhiều sách, ban-bố cho các đám học trò, khiến kẻ học-giá được rộng thấy nghe, là phải vậy».

Khoa Điện-thí ấy có người đậu Đệ-tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân tên là Lê-Chân-Niên, tuổi còn ít. Hoàng-đế ban sắc hồi lại. Chân thừa thực.

(Chân mới có 13 tuổi, danh-sách lại ghi là 19 tuổi vì trước lý-trưởng khai lầm, chưa kịp cải-chính).

[29b] Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Khoa-mục là bước đầu để tiến-thân, nên lấy thành-tín làm gốc. Nếu có việc giấu tuổi như thế, trước đã tự dối mình, sau nầy ra làm quan, trông mong gì giữ được công-bình, trung-chính, vì thế Trẫm không thể lấy đậu. Hãy cho theo đúng tuổi mà cải-chính».

Hạ lệnh cho Bộ Lễ truyền dụ : « Từ nay về sau, họ, tên, tuổi, quán-chỉ của những người ứng-thí, phải được kê-khai xác-thực. Nếu người nào đã bị lý-trưởng khai-lầm, phải nhận quyền về, bầm rõ với quan trên để xin cải-chính. Nếu cứ bưng-bít, im-lặng, đến khi biết sẽ có tội».

Ngài lại đem những quyền thi đậu ra xem lại, để sửa-sang thói quen của học trò, và chỉnh-dốn quy-luật nhà trường.

Những người thi đậu tiến-sĩ từ 20 tuổi trở xuống, phải được Bộ Lễ trích tính danh tâu rõ, chuẩn cấp lương-hồng hàm thất-phẩm, lưu ở trường Giám một hai năm, học tập thành tài, rồi [30a] sau mới bổ-dụng.

Hoàng-đế ngự-giá đến chùa Thiên-mụ, xem đàn chay, nhân khi ấy, bảo thị-thần rằng:

« Họ Thích dùng thần-đạo để đặt ra tôn-giáo, còn giáo-lý của Khổng-tử, là mối luân-thường dùng đến hàng ngày. Song điều cốt-yếu đều dạy người làm thiện. Ôi! người ta sinh ra trong khoảng trời đất, nên làm điều thiện, nên bỏ điều ác. Họ Thích lấy họa-phước báo-ứng làm phép dạy, không thể nhất-khải cho là dị-đoan. Một việc khuyên người làm điều thiện, dù thánh-nhân cũng không thể thay đổi ».

Nhân việc dẹp xong tất cả giặc cướp từ Nam ra Bắc, Hoàng-đế truyền mệnh ban dụ cho thổ-dân các tỉnh Bắc-kỳ rằng :

« Thổ-dân các hạt Thanh-ba, Ninh-bình, Sơn-tây, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên [30b], Lạng-sơn, Cao-bằng, dùng dao dẽ cày, dùng lửa đốt cỏ, đồng ruộng được yên ổn. Sau khi nước nhà đại-định, những người cùng chung công việc, đều được xem ngang nhau, không có gì gián-cách. Từ trước đến nay, các thổ-dân thông-thả làm ăn, không vương-vú đến việc đánh giặc, yên phận cày cấy, có gia-cư, tài-sản, ở chung với dân miền Kinh, thật rất yên-ổn, sao còn vất-vả mà làm loạn ư? Nhân vì ở nơi xa-xôi, các thổ-dân quen tập thành thói, không biết kỷ-luật nghiêm-minh của triều-đình. Nhiều người lấy tình riêng hôn-nhân làm trọng. Như năm trước, kẻ nghịch-phạm Lê-Duy-Lương, mưu đồ làm giặc, các thổ-ty ở Ninh-bình, Sơn-hung, Thanh-ba, làm bè đảng, vây cánh. Khi Nông-văn-Vân khởi loạn, các thổ-tù ở Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn, Tuyên-quang phụ-họa, vây hãm thành ấp, tàn-hại dân lành. Kịp khi quân-đội triều-đình [31a] đến nơi,

Lê-Duy-Lương bị nhốt vào cũi, nấp dưới cửa khuyết, Nông-văn-Vân bị đốt chết cháy ở chốn cùng-sơn. Bọn hè đảng còn sót lại, hoặc bị bắt, hoặc bị chém, không còn một tên, há không phải lũ kia tự mình làm điều ác-nghiệt gây nên tội. Nhưng trong số thờ-dân có nhiều người thờ-ty hay vì triều-đình gắng sức, cũng không phải thiếu.

(Như Phạm-Công-Ban ở Thanh-ba, cha con Quách-Công-Chuyên ở Ninh-bình, Đinh-Công-Trọng, Quách-Công-Nhi ở Sơn-tây, Nguyễn-Kim-Báo, Nguyễn-Đình-Hán ở Hưng-hóa, Nguyễn-Đình-Biểu, Ma-Doãn-Bồi ở Tuyên-quang, Dương-Đình-Cầm ở Thái-nguyên, Nông-Trung-Đức ở Lạng-sơn, Trình-văn-Châu, Ma-Ngọc-Lý ở Cao-bằng, cùng ba mươi chín xã ở Thượng-lang, Hạ-lang, Thạch-lâm, Quảng-uyên).

«Hoặc có kẻ theo quan quân sai phái đi bắt giặc, hoặc có kẻ tập hợp thờ-dũng để giết giặc lập công. Sau khi thành-công, triều-đình đã đền báo. Người có âm-hàm được trao chức quan. Người được thưởng y-phục để khen ngợi. Người được ban biền-ngạch để tinh-biêu. Không có ai có công lại không được cất-nhắc về-vang. Còn bọn nghịch-phỉ, từ kẻ chính-phạm đến kẻ thứ-yếu, [31b] đều lần-lượt bị giết, thật rất ngu-tối.

Ngày nay, việc đã định xong, không thể không răn bảo cẩn-thận, đề tỏ rõ lẽ thuận-ngịch, mở cơ-hội cho người ta thiên về điều thiện, lánh xa tội-lỗi. Lũ người có đủ trí-thức, khả-năng, đều nên tự xét lòng mình trong lúc đêm khuya, thuận theo việc tốt, chống lại việc xấu, xem gương trước không xa. Như kẻ bội-ngịch, liền bị bại vong, nên lấy đó làm răn. Còn người theo lẽ thuận, đều được tưởng-lục, nên lấy đó làm điều khuyến-khích.

Người có quan-chức, chỉ nên nghĩ đến việc làm theo bổn-phận, giữ phép nước, đề bảo-toàn thân-danh. Người làm dân phải yên phận đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy gạo ăn, đề hưởng thanh-phúc. Không những lũ người được bảo-toàn lộc-vị, yên gia-thất, vui cùng vợ con, đến như con cháu các người cũng đời đời hưởng-phúc an-lạc vậy».

[32a] Hoàng-đế ban dụ cho các sĩ dân ở sáu tỉnh Nam-kỳ rằng:

«Nhân-dân sáu tỉnh, từ lâu nhờ Liệt-thánh ta nuôi cho nghỉ-ngoi, nhân-trạch sáu-dày, ân-đức hòa-hợp, hơn hai trăm năm. Kịp đến khi Hoàng-khảo Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta phục-hưng đất nước, dân sáu tỉnh lại hay cùng đức cùng lòng, góp của góp sức, đề giúp đỡ trong lúc gian-nan, đều có phong-tục thuần-phác, không thói gian-nguy.

Gần đây, nhân kẻ bầy tôi coi giữ đất ấy, không nghĩ đến đường chính, đem dân làm việc phi-lễ, phạm-thương, khiến kẻ sĩ quen thói trở-nhác, nhân-dân tập tánh kiêu-sa. Có người làm việc gian-ác, phạm tội, nhiều lần bị án, tập quen thành thói. Có người tự hào mình ở nơi biên-viên, chỉ biết cái soái-khôn (1), không biết có triều-đình [32b]. Nhưng lòng người không quên lễ xưa, đạo trời ghét vật quá đầy. Vì thế, xảy ra biến-loạn, của nghịch Khôi, cũng là lý thế hẳn đến vậy. Ngày trước, một phen biến-loạn, không thiếu người nổi giận vì nghĩa-khí, gắng sức giúp triều-đình. Song cũng có lũ người bất-mẫn, a-dua

(1) *Soái-khôn* 帥閭 : Cổng thành của tướng-soái. Đây nói về chức tổng-trấn thành Gia-định là Tả-quân Lê-văn-Duyệt.

làm việc bạo-ngược. Rất tiếc phong-hóa thuở trước trung-hậu, hưng-thịnh, một buổi kia, lại có kẻ ngu tối rất mực. Đợi đến ngày cô-thành bị hạ, phép nước khó dung, tất cả những kẻ phản-ngịch, đều bị giết chết, để giảm bớt sự tức giận của thần và của người. Đó là việc làm bất-đắc-dĩ. Nhưng nghĩ đến lòng người ta, thật đáng buồn lại cũng đáng thương. Hồi tưởng lại trong thời có cuộc phiến-loạn, những người ứng-ngĩa đã được trao cho chức quan, những người quyền tiền của, cũng được khen thưởng. Người nào bị ức-hiếp theo giặc từ trước về sau trở giáo giết giặc, đều được thu-lục. Những người trung-ngĩa [33a] không chịu khuất-phục, chửi giặc đến chết, được tặng-tuất nhiều hơn, chết rồi vẫn còn được tiếng vẻ-vang. Người nào gặp dịp đi theo việc tốt, xa lánh việc xấu, cần được soi tỏ. Vậy ai cũng nên hiểu biết, tỉnh-ngộ, cần-thận, giữ phép thường, sửa mình bằng hiếu để trung-tín, lấy danh nghĩa cương-thường làm trọng. Kẻ sĩ phải tầm gọi đạo-đức, để thành tài giúp nước cứu đời. Kẻ nông-giả phải gắng sức làm ruộng, để kho vừa chứa nhiều. Người làm thợ phải chăm chỉ nghề-nghiệp, để càng thêm tinh-xảo, chuyên-cần. Người buôn bán phải chịu khổ siêng-năng, để hàng-hóa được đầy-đủ. Dân-thù phải giữ gìn hỗn-phận, theo đúng pháp-luật. Người dâng vào sổ lính chớ nên vội vào rồi vội trốn ngay. Phải bỏ hẳn, chớ làm những việc bội-ngịch. Phải thận trọng, chớ phạm những điều cấm-giới. Bậc cha anh dạy bảo những điều ấy, lũ con em làm theo những việc ấy, [33b] để văn-hồi phong-hóa đời xưa, đón lấy hạnh-phúc lâu dài cho mai sau. Trẫm thật trông mong vậy».

Đời Công-quân phủ Thừa-thiên làm bốn Dịch-quân.

Ngày trước, Hoàng-đế phán bảo Bộ Lễ rằng :

«Đời xưa, Lý-Bạch nhà Đường có thể dịch thư của nước Phiên. Nếu chưa từng học chữ nước Phiên, sao có thể dịch nổi. Trẫm muốn đặt tại kinh-sư bốn Dịch-quán, chọn những người am-hiểu các thứ Phiên-ngữ, cấp nhiều tiền lương, khiến người trong nước học thứ chữ ấy. Ngoại-trừ tiếng chim tiếng thú, còn lại đều có thể học biết được, để trở thành một nước trong đời văn-minh. Như thế, việc nước ngoài không làm-lấn, quốc-thê cũng được tôn-trọng».

Ngài lại ban dụ rằng :

«Đời xưa có việc gửi thư bằng da cho kẻ tượng dịch (1) để thông-đạt phong-tục khác lạ. Việc giáo-dục của bản triều lan kịp đến nơi xa, các rợ ở phương đông, [34a] phương tây, nhiều nơi bắt chước. Vậy nên cho học-tập ngôn-ngữ cùng cách viết chữ của các nước ngoài, để đủ làm thông-dịch. Nay chuẩn cho các ấn-quan (2) những bộ, viện, các, cùng kinh-doãn, được chọn lựa con em các thuộc-viên, hoặc sĩ-dân từ mười sáu tuổi trở lên, tư-chất minh-mẫn, lại lược-thông nghĩa kinh sách. Bộ-thần gom góp tâu lên, khiến các học trò học-lập thành-tài, lượng xét cho lục-dụng».

Nhân việc ấy, Hoàng-đế phán-bảo Nội-các rằng :

(1) *Tượng dịch* 象譯 : Người truyền đạt ngôn ngữ ngoại-quốc, người phương Nam gọi là tượng, người phương Bắc gọi là dịch.

(2) *Ấn-quan* 印官 : Chức quan lớn được dùng ấn (seal) đỏ.

« Chữ của người Dương-phiên (1) chỉ có hai mươi bốn mẫu-tự. Nếu có thể hiểu được, các chữ khác cũng đều do các mẫu-tự mà ra. Học tập cũng không khó gì ».

Đến khi ấy, đời Công-quán phủ Thừa-thiên làm bốn Dịch-quán.

Trước khi ấy, Hoàng-đế ra lệnh cho Bộ Lễ truyền tập-hợp tại kinh, Ty Hành-nhân (2) cùng các viên thông-ngôn tại bộ, đều đến cư-trú tại Dịch-quán. Bằng-cứ vào các nha chọn-lựa [34b] con em thuộc-viên cùng các sĩ-dân, Bộ Lễ định-liệu chương trình hóa học, khiến người giảng-tập ngôn-ngữ, văn-tự Dương-phiên.

Hoàng-đế phán-bảo bầy tôi Bộ Lễ là Phan-Huy-Thực rằng :

« Việc giảng-tập ở Dịch-quán, chỉ muốn thông-dịch quốc-âm ra tiếng nước ngoài, để đủ ứng-đáp với người ngoại-quốc mà thôi. Đến như việc học ở nước ta, vốn học theo Châu Lỗ (3) về đạo thường làm người như vua tôi, cha con. Nếu nhất-thiết dựng lên một thuyết khác để nghe thấy sự mới lạ, chính phải nghĩ đến bọn trẻ nhỏ, biết ngôn-ngữ, văn-tự ngoại-quốc, tập thành thói quen, bị hãm-hại. Nên đem ý ấy mà răn dạy ».

(1) *Dương-phiên* 浮番 : Dương : Bề lớn, nghĩa rộng : Chỉ các nước ở phương xa phải qua bờ mới đến nơi. Phiên : giống rợ ở ngoài nước Tàu, Dương : Các nước ở Châu Âu, Châu Mỹ.

(2) *Hành-nhân ty* 行人司 : Nơi làm việc của các quan và thuộc-viên để làm thông-dịch trong việc giao-thiệp với người ngoại-quốc.

(3) *Châu Lỗ* 季氏 : Nước Châu trong đời Chiến-quốc là quốc-hương của Mạnh-tử. Nước Lỗ trong đời Xuân-thu là quốc-hương của Khổng-tử.

Về sau Hoàng-đế lại truyền mệnh cho các tỉnh-thần Bình-thuận, Nghệ-an, Hà-nội chọn con em nhà dân học tập ngôn-ngữ, văn-tự Chiêm-thành cùng các người Thở nước Tàu. [35a] Mỗi tỉnh một hai người, được cấp nhiều tiền lương, ở luôn trong tỉnh để học-tập.

Truy-tặng Ý-Họa-Bát, trưởng sách La-uyển làm cai-đội.

(Ngày trước, man-phỉ tỉnh Bình-thuận dấy loạn, quan binh tiến đến đánh dẹp. Một mình Ý-Họa-Bát ra quy-thuận trước, gắng sức thám-thính, bắt giặc. Khi quan binh trở về, thổ-phỉ là nghịch Lai đem đảng giặc man đánh úp, bắt ép Ý-Họa-Bát phải theo chúng. Không chịu theo, đến khi sắp bị giết, Họa-Bát lớn tiếng mắng rằng : « Ta chỉ biết làm tôi thờ triều-đình, quyết không theo lũ nghịch-tặc chúng mày. Nay đã bị bắt, còn nói gì nữa ». Họa-Bát liền húc trán vào cây tùng mà chết. Tuần-phủ Dương-văn-Phong hỏi biết được sự-trạng, tâu lên.

Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Ý-Họa-Bát là tù-trưởng dân Man, một lòng hướng thuận, không chịu khuất-phục bọn nghịch-phỉ, chửi giặc tự-tử, tiết-liệt thật đáng khen ngợi ».

Chuẩn tặng quan hàm ngũ phẩm, lại thưởng năm mươi đồng tiền lớn bằng bạc để hai chữ Phi-long (1), đem cấp cho gia-đình. Dựng đền thờ ở nơi ấy, [35b] đặt nơi tế-lễ, và cấp cho biên-ngạch để tính-biên. (Ban hiệu là Trung-liệt từ : Đền thờ Trung-liệt).

(1) *Phi-long* 飛龍 : Rồng bay. Kinh Dịch có câu : Phi-long tại thiên : Rồng bay trên trời. Ý nói vua ở trên ngôi cao, xem xét đến dân.

Hoàng-đế lại làm bài thơ sai Nội-các sao lục thành hai tờ gửi đến đàn tế. Khi tế xong, cho đốt một tờ chép bài thơ. Còn một tờ, đem khắc bài thơ vào bia đá, dựng nhà bia ở trước đền, lưu trình-dân (1) lâu dài, để khuyến-khích lòng trung-nghĩa của người đời sau trong thiên-hạ.

Về sau, tỉnh Thanh-ba, có trưởng-dộng Trịnh-mạn là Cầm-Nhân-Hiền, ngày trước theo quan-quân đi bắt giặc, bị bọn thổ-phỉ bắt được, dụ hàng. Cầm-Nhân-Hiền không chịu theo, bị hại. Việc ấy được tâu lên.

Hoàng-đế khen ngợi, chuẩn cho truy-tặng chức cai-đội, hàm tòng ngũ-phẩm, cho dựng phượng ở trong ấp, ban cho biên-nghạch Trung-tiết, đề tỉnh-biêu.

[36a] Trinh-nữ huyện Tuy-phước, tỉnh Bình-định, là Bùi-thị-Tâm; trinh-nữ huyện Hạ-ba, tỉnh Sơn-tây là Dương-thị-Việt, đều giữ trinh-tiết, không chịu đồ ô-uế, bị kẻ cường-bạo giết. Hai việc ấy được tâu lên.

Hoàng-đế truyền mệnh cho Bộ Lễ chiếu lệ đề tỉnh-biêu.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI BẢY

Giám-sát ngự-sử đạo Thuận-khánh là Bùi-Mậu-Tiên dâng sớ tâu rằng :

« Các làng ấp thuộc các hạt ở Bắc-kỳ, có nhiều hào-cường làm sai pháp-chế, dân lười biếng, lại ham-mê rượu

(1) *Trình-dân* 呈民 : Đá đẹp để làm bia khắc chữ.

chè, cò bạc. Lễ tế lễ thờ thần, thường quá xa-hoa. Khi có lễ chôn-cất hoặc tế-tự, dân-chúng ganh đua nhau ham chuộng xa-xỉ. Đến nỗi phá sản, hết sạch của-cải, chỉ vì việc trả nợ miệng, thật không phải nghĩa cùng giúp đỡ, cùng thương xót lẫn nhau. Xin lập điều-lệ cấm-chỉ, để ngăn-ngừa những mối tệ ấy».

[36b] Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Lễ-tiết định-đoạt chi-hương của dân, pháp-chế ngăn-ngừa sự gian-tà của dân. Những việc ấy làm yếu-trước để đổi đời phong-hóa. Nhưng việc thay-đổi phong-tục phải làm dần-dần, mới hợp với thành-hiệu của vương-đạo. Nay chuẩn cho trách-cứ các quan địa-phương, phải đem những huấn-diệu đã ban-bố từ trước, ra khuyên-bảo nhân-dân luôn-luôn. Chuyển sức các tổng-lý, hễ thấy kẻ du-đãng, lười biếng, không chăm-chỉ làm ăn, mài-miệt trong tượn chè, cò bạc, đã bị cấm-chỉ mà không chừa, phải bắt giải ngay lên quan trừng-trị, khiến những kẻ ấy biết điều khuyển-răn. Riêng trong đám hương lý hào-cường, có những người xưng là tuần-huyện, ký-huyện, trương-huyện, tổng-hào, tuần-tổng, tự ý quyết đoán việc công, kiện-cáo gian-giảo, hiệp-chế (1) quan trên, hách dịch, lừa dối đám bình-dân, cùng với những tục-lệ thờ thần, cúng tế tang ma trong dân-gian, đều giao cho hui Bộ Lại, Lễ [37a] chăm-chước, bàn-định, lập ra chương-trình khuyên-răn, ngăn cấm, để trừ bỏ tệ cũ, làm sáng tỏ việc giáo-hóa và sửa-sang phong-tục».

(Bộ Lại bàn xin cấm hẳn những chức cai-huyện, ký-

(1) Hiệp-chế 挾制 : Ép buộc người ta phải nghe theo mình.

huyện, vĩnh-viễn không được đặt lại, người nào trái lệnh, sẽ bị trừng-trị theo tội «Lạm thiết quan lại: đặt lạm quan lại», bị đánh bằng trượng và đem đi đày. Trong dân-gian, người nào còn theo thói cũ, xưng-hô chức quan ấy, sẽ bị tội vi-lệnh.

Bộ Lễ bàn xin tỉnh-giám các đền thờ những đấng-thần, trừ các đền đã có sắc phong hoặc nổi tiếng về linh-ứng, vẫn để như cũ. Về quy-chế các nhà miếu, chỉ cho dựng hai ba gian, không được bày đặt cửa lâu cùng đồ nghi-trượng. Các tế-khi không được khắc hình rồng phượng. Cái nào đã làm rồi, phải xóa bỏ đi. Mỗi năm, việc tế lễ kỳ-báo, hát xướng không được liên-miên, các tế-phẩm không được phí-tồn quá nhiều. Người nào phạm những lỗi kể trên, đều bị khép tội vi-mệnh (trái mệnh-lệnh). Đến như những việc tang-ma, tế-lễ, y-phục, ăn uống quá xa-xỉ, tiếm dùng trái phép, đã có điều luật nghiêm-cấm. Về sau, lại sai truyền chỉ đến các địa-phương, luôn luôn tra xét. Phạm trong dân-gian, có việc tế-lễ kỳ-báo trong mùa xuân và mùa thu, cùng các việc vui mừng diễn phùng trò chỉ hặn trong một ngày đêm mà thôi. Cho phép hát xướng, nhưng không được yến-hội trong nhiều ngày, no say liên-miên, có hại đến sinh-lý. Cũng không được chiêu-mộ nhiều người tụ hợp thành ban, thành đội, và đặt tên cho các ban đội ấy. Người nào trái lệnh, sẽ bị tội).

[37b] Nội-các khảo-xét và tâu việc Pháp-ty thu nhận các đơn kiện.

Hoàng-đế phán rằng:

«Đời xưa, đặt ra cây gổ đề cho dân ghi chép những

lời phi-báng (chê bai), đó là đề thông đạo trị-bình, lại thấu suốt đến tình dân ở dưới. Nhưng trong đời đại-dồng thuộc nhà Đường, nhà Ngu, dân-chúng đều lương-thiện, cây phi-báng cũng đặt trống không vậy thôi. Từ khi phong-tục thuần-hậu một lần thay đổi, đời Tam-dại không giống như đời Đường Ngu; đời Hán, Đường, Tống lại không được như đời Tam-dại. Nay Trẫm đặt ty Tam-pháp, cốt để hàng ngày thu-nhận những đơn kiện-cáo. Phàm thần dân trong kinh ngoài tỉnh, có việc gì oan-uổng, được phép đầu đơn. Lại cho đặt trống Đãng-văn, hễ ai có sự tình nguy-hại khẩn-thiết, đều được phép đánh trống, vì muốn người dưới, có tình gì u-ân, được thông-báo lên trên nghe biết. Nhưng từ trước đến nay, những đơn kiện-cáo, hoặc nói quan lại tham nhũng, hoặc nói hào-cường lăng-bức. Đến khi [38a] tra xét, phần nhiều là bày đặt không đúng sự thực. Phong-tục kiêu-bạc như thế. Nếu bắt chước đời xưa, đặt gỗ cho dân phi-báng, sẽ có người, hễ ghét ai, tất nhiên đem tên họ người mình ghét, viết vào cây gỗ, có lẽ không ngày nào không có việc ấy. Trẫm ban-bố giáo-diệu, thường đem nhân-tâm phong-tục làm kế-sách trọng-dại, gây nên đường lối lâu dài, về sau có thể giáo-hóa, tác-thành những người trong thiên-hạ ».

MINH-MỆNH NĂM THỨ MƯỜI TÁM

Định điều-lệ ca-hí trong dân-gian tại các hạt ở Nam-kỳ.

Chuẩn cho các xã thôn tế thần, diễn phường trò. Trong mỗi năm, chỉ được hát xướng một lần, hạn trong một ngày đêm mà thôi. Phải chiêu-tập những người ca-

công ở thôn bên cạnh, mỗi bọn năm người. Nếu quá số ấy, sẽ bị khép tội vi-chức (trái phép-tắc).

[38b] Lại do quan địa-phương sát-hạch các ca-công, người nào ở ngoài sổ dân-dinh, phải đăng tên vào sổ, để chịu việc sai dịch.

Ban dụ cho dân-gian từ tỉnh Hà-tĩnh trở ra Bắc, được sửa đổi y-phục.

Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Ngày trước, từ Linh-giang trở ra Bắc, dân vẫn mặc y-phục như tục cũ. Đã ban dụ truyền lệnh sửa đổi theo y-phục từ tỉnh Quảng-bình trở vào miền trong, để phong-tục đồng-nhất. Lại cho thời-hạn rộng-rãi, khiến dân được thông-thả may sắm quần áo. Từ năm Minh-mệnh thứ tám đến nay, đã mười năm rồi, vẫn nghe nói dân chưa sửa đổi. Và lại, từ tỉnh Quảng-bình trở vào Nam, mũ khăn quần áo, đều theo cách của nhà Hán, nhà Minh, xem khá tề-chỉnh. Theo phong-tục cũ của người miền Bắc, con trai đóng khố (1), con gái mặc áo thắt vạt, dưới mặc váy. Đẹp xấu [39a] đã thấy rõ-rệt. Có kẻ đã theo tục tốt, cũng có kẻ vẫn giữ nguyên thói cũ. Phải chăng cố ý làm trái lệnh trên? Các tỉnh-thần nên đem ý ấy mà chỉ bảo, khuyên-du nhân-dân. Hạn trong năm nay, phải nhất tề thay đổi. Nếu đầu năm sau, còn giữ theo y-phục cũ, sẽ bị tội ».

(1) Khố 袴: Miếng vải thắt quanh bụng xuống đến háng, một đầu bỏ tỏa để cho hạ-bộ. Tại miền Bắc, chỉ có những người đàn ông rất nghèo, không có tiền may quần, mới đóng khố, còn phần đông đàn ông đều mặc quần, chứ không phải đời xưa, người nào cũng đóng khố.

Tĩnh-thần Lạng-sơn tâu rằng: «Y-phục trong dân-gian vượt qua phép-tắc, xin cấm lệ ấy».

Án-sát Quảng-ngãi là Trương-Quốc-Dụng cũng nói: «Nhiều người dân mặc áo sa, đoạn, gấm, vóc, không khỏi tổn hại tiền của. Những người hát tuồng mặc áo măng, mũ rồng giả, cũng gần như tiếm-lạm».

Hoàng-đế ban dụ rằng:

«Dân-sinh lấy cần kiệm làm gốc, phong-hóa đời Đường cho như thế là tốt. Nếu dân tập quen thói xa-hoa, làm tổn của-cải, lại hại việc canh nông».

Nghị truyền lệnh cho Bộ Lễ bàn định điều-lệ nghiêm cấm. Từ khi ấy, [39b] việc phục-sắc được hạn-chế.

Thư (1) Lễ-bộ lang-trung là Nguyễn-Đĩnh Huân trước làm tri-phủ Điện-bàn, giữ gìn thanh-liêm, quan lại và dân chúng đều yêu-mến. Gặp khi có tang cha, không chịu nhận những vật đem tặng. Khi được bổ làm chức tại kinh, Huân bổ-gia nam tuần (2) dân nghe biết việc ấy, đón đường hỏi ban an-ủi, tặng nhiều quà biếu, y cũng không nhận. Đến nay, Huân mất trong khi đang làm quan, bao tài trống không. Phải dùng cái áo mặc trong mùa đông được ban thưởng từ trước để liệm thi-hài. Bầy tôi Khou-đạo dâng sớ xin lượng xét để ban Ân-diễn, khiến người liêm-khiết được khích-lệ (3).

(1) *Thư 署*: Tạm nhận chức-vụ.

(2) *Liê-gia nam tuần 扈駕南巡*: Theo hầu xe vua đi xem xét các tỉnh miền nam.

(3) *Khích-lệ 激勵*: Làm cho nức lòng, kích-dộng để khuyến gắng sức.

Hoàng-đế thương-tiểu, truy lạng chức lang-trung, thưởng một trăm quan tiền. Truyền lệnh bắt thuyền đưa di-hài về nguyên-quán. [40a] Lại thưởng một trăm quan tiền để nuôi vợ con. Sau nghe nói Huân còn mẹ già, Hoàng-đế lại thưởng thêm một trăm quan tiền nữa. Ban sắc cho quan điều-phương phải đến thăm hỏi luôn.

Hoàng-đế ban dụ cho Nội-các rằng :

« Liêm dừng đầu lục kế (1). Từ đời xưa, người làm việc chính, trước hết phải tướng-lệ, khuyến-khích quan-lại thanh-liêm. Trữ giữ việc sửa-trị quan-lại, chú-ý dạy điều hiếu, gây điều trung. Từ trước đến nay, xét thấy người nào có thực-trạng thanh-liêm, tức thì cho tinh-thưởng trọng-hậu. Giản-hoặc có người lúc sống thanh-liêm, không có ai đề-đặt, mãi đến sau khi chết, mới được tâu lên. Như tri-phủ Nguyễn-Hữu-Hoàng (tri-phủ Anh-sơn, trước đã được tinh-thưởng), lang-trung Nguyễn-Đặng-Huân, thật đáng tiếc. Và lại, đợi các ngôn-quan nói, rồi sau mới tướng-thưởng, sợ không khỏi được một sót mười. Như thế đạo khuyến người giữ liêm chính chưa được [40b] đầy-đủ. Ngày nay, nên làm cách thế nào, phải chằm chước, định-liệu các điều-chương. Chuẩn cho chín khanh trong các bộ, viện hội-ngự đề tâu lên ».

Tiếp đến việc bàn và quyết-dịnh cho các nha tại trong

(1) *Lục kế* 六計 : Kinh Chu-Lễ chép sáu việc (kế) để khảo-sát quan-lại : 1— Liêm-thiện 廉善, 2— Liêm-năng 廉能, 3— Liêm-kinh 廉敬, 4— Liêm-chính 廉正, 5— Liêm-liêm 廉廉 (thanh-bạch), 6— Liêm-biện 廉辨 (phân biệt điều phải điều trái một cách liêm-chính).

kinh ngoài tỉnh, được đề-cử những người liêm-chính trong hàng ấn-quan hay các thuộc-viên văn-võ. Các ấn-quan do các người đồng-sự đề-cử, các thuộc-viên do các quan quân-đốc đề-cử, đều được gom-góp sự-trạng đề tâu lên. Nếu nhà nào không chịu đề-cử người liêm-chính, vì sự ghen-ghét, nhà khác hoặc ty trên biết rõ thực-trạng cũng được đề-cử, đề đề-phòng sự che-lấp. Nếu ai dám mảy-may a-dua theo hùa, người cử cùng người được cử sai sự thực, đều phải phân-biệt trị tội. Nếu người nào đã được tướng-thưởng và đề-bạt, về sau lại thay đổi tiết-tháo, sẽ bị tội nặng thêm bậc, còn người làm chủ việc đề-cử từ trước, được khỏi tội.

Tuân theo thượng-du, các địa-phương xét hỏi những hiếu-tử, tiết-phụ ở trong hạt, đề lập đủ sự-trạng, tâu lên. Người hiếu-tử tỉnh Phú-yên Nguyễn-văn-Tự có con là Nguyễn-văn-Thiệu, năm 40 tuổi, hầu-hạ cha mẹ rất hiếu-thuận, chưa từng có chút đình ngộ-ngịch. Người lớn, người nhỏ ở trong làng xóm đều khen là hiếu. Bộ Lễ bèn xin cấp bạc và lụa. Còn về hiền-ngạch, cha là Nguyễn-văn-Tự đã được ban thưởng, xin thôi không cấp cho con là Nguyễn-văn-Thiệu.

[41a] Hoàng-đế ban dụ rằng :

« Ngày trước Nguyễn-văn-Tự đã được tinh-thưởng vì có hiếu-hạnh. Nay con là Nguyễn-văn-Thiệu nối-tiếp được đạo hiếu, mọi người trong châu lý cùng tiến-cử, thật là một việc rất tốt của triều-đại rực-rỡ. Nước nhà dạy người hiếu làm người trung, vốn là kế-sách đề sửa-sang phong-tục chấn-chỉnh nhân-tâm. Nếu con của Nguyễn-văn-Tự là

Nguyễn-văn-Thiệu lại có hiếu-hạnh, ấy là một nhà ba đời cùng nối-tiếp làm điều thiện, thật tốt đến thế nào? Tất-nhiên, Trẫm sẽ ban tinh-biêu trọng-hậu. Sao lại trù-trừ, phải cấp luôn biền-ngạch».

(Biên khắc bốn chữ : Thiệu thuật hiếu phong 紹述孝風 : Nối tiếp thuật lại thói quen hiếu-hạnh).

Ngoài ra, có bốn người hiếu-tử, tiết-phụ được tinh-thưởng.

Hoàng-đế xét thấy diên-lệ tế-lễ chưa được đầy-dủ tại Văn-miếu cùng đền Khải-thánh ở ngoài kinh-thành, truyền mệnh cho Bộ Lễ [41b] phải tham-khảo, kê-cứu các diên-lệ cũ, phân-biệt bần định, tâu lên. Lại hạ lệnh cho các đình-thần phải xét bàn, đề kỳ xuân-tế đầu năm sau, thi-hành.

Thường bàn về thơ với các bề tôi, Hoàng-đế phán rằng :

« Từ trước đến nay, ra đề-mục các bài thơ, phần nhiều lấy ở trong các bài thơ xưa, đề giải-bày câu mệnh-đề (1), đại-đề chỉ phỏng theo đề cũ mà thôi. Học trò làm văn, phần nhiều dẫn các câu đặc-biệt trong bài thơ cũ, như mệnh-đề là «Xuân du phương thảo địa 春遊芳草地 : Xuân, chơi đất cỏ thơm», lại dẫn «Hạ thưởng lục hà tri 夏賞綠荷地 : Hạ, ngắm ao sen xanh. Thu ẩm hoàng-hoa tửu 秋飲黃花酒 : Thu, uống rượu hoa vàng». Sao lại câu-nệ đến thế. Ví-phỏng đầu bài được chữ 雨 (mưa), chữ kiêu 橋 (cái cầu), sao lại không biết hai chữ «vũ kiêu», xuất-xứ ở bài thơ nào ư?

(1) Mệnh-đề 命題 : Đầu đề ra cho người ta làm văn bài.

Các khảo-quan chăm các quyền văn, phần nhiều căn-cứ vào việc dẫn [42a] các câu sẵn, chữ sẵn trong sách, thì khuyến điềm, khen ngợi, cho học-trò làm như thế, ghi nhớ được văn-tự trong sách, đó cũng là rất mực câu-nệ theo thói quen. Nói chung, người làm văn phải phát-minh ý đầu bài, và phò-diễn ý-kiến riêng của mình, tại sao lại cứ phải dẫn chữ trong sách. Như Đức Khổng-tử dạy người chỉ cần tìm ra lẽ chính-đáng, không hề chỉ rõ văn-tự ở trong kinh sách nào?».

Ngự-sử đạo Ninh-thái dâng sớ xin sưu-tập sách Phong-vật truyện-ký, trứ-tác từ đời trước, sửa-chữa lại cho đúng đề lập thành bộ, cùng các sách về chính-thê các bộ, viện, biên-tập lại thành từng pho (1). Lại xin cho các đề bài thì chuyên dùng các kinh truyện cùng những tài-liệu ghi chép sử-ký nước Nam và các văn-tập chư gia làm vấn-đề chính, còn Bắc-sử dùng làm tài-liệu giúp việc giải-thích, ngõ-hầu những lời xưa, việc làm cũ của nước nhà không đến nỗi bị chìm mất, mà [49b] học trò đều có thể thực-dụng».

Hoàng-đế truyền mệnh cho Bộ Lễ xem xét rõ-ràng tờ sớ ấy, bàn lại đề tâu lên.

(Bộ Lễ bàn xong, tâu rằng: «Từ trước đến nay, người ở trong kinh ngoài tỉnh có tiến dâng những tập ghi chép văn thơ, đều được thu nhận, đợi sau khi truyền mệnh cho các văn-thần xem xét mọi việc, lại cho tìm hỏi các thi văn từ phú của các nhà đời trước làm ra, cùng các sự-

(1) Pho: Bộ sách đầy-đủ (dịch chữ chặt 帙).

tích nhân-vật, ghi-chú núi sông, đệ lên để chia từng môn, định từng loại, lập thành các quyền, các pho để tiến trình. Về chỉnh-thề các bộ, viện, đã sai quan biên-soạn thành các quy-tắc điều-lệ trong bộ Hội-diễn. Riêng bộ Việt-sử được ghi chép từ đời trước, phần nhiều giản-lược. Từ đời Lê trung-hưng trở về sau, họ Trịnh tiếm quyền, bộ sử không biên chép ngay thẳng, còn nhiều nơi lầm-lỗi, phải đợi sai quan xét lại sửa-chữa một phen. Sau khi sửa đổi thành bộ *Lịch-dại Việt-Nam sử-ký*, sẽ giao cho các học-giả cùng nhau truyền-thụ, mới có thể đem dùng trong việc khảo-thi».

Hoàng-đế cho làm theo như thế).

Ngự-chế văn sơ-lập (theo bản ghi-chú, tập này có từ năm Minh-mệnh thứ mười hai).

Ngự-chế thi, tập ba (từ mùa xuân năm Minh-mệnh thứ mười bốn, đến mùa đông năm Minh-mệnh thứ mười lăm, có mười quyền, gồm bốn trăm năm mươi ba (453) thiên, hai quyền mục-lục).

Tập bốn [43a] (từ mùa xuân năm Minh-mệnh thứ mười sáu, đến mùa đông năm Minh-mệnh thứ mười bảy, có mười quyền, gồm năm trăm hai mươi ba (523) thiên, hai quyền mục-lục).

Các tập *Ngự-chế thi* ấy được san-định và khắc in xong, ban cấp cho các học-thần ở trong kinh ngoài tỉnh. Các học trò được phép sao chép và học tập những sách đã được ban cấp cho các quan, dù lâu ngày sách hư-nát, cũng không hỏi đến, chứ không bỏ lại, cất kỹ.

MINH-MỆNH NĂM THỨ MUƠI CHÍN

Cấm dân-gian chứa giấu riêng bộ *Lê-sử tục-biến*.

Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Từ ngày nhà Lê trung-hưng trở về sau, quyền-bính thuộc về họ Trịnh. Vua nhà Lê chỉ giữ khi-dung suông. Những việc ghi chép trong bộ *Lê-sử tục-biến*, đều là tôn họ Trịnh và ức-chế nhà Lê, định phạt trên dưới đảo-diên, không có gì quá hơn thế nữa. Nếu cất giấu bộ sử ấy, để truyền riêng cho nhau xem, sẽ đưa đến việc làm đâm-đuổi lòng người. Vậy thông dụ cho quan-lại sĩ dân: Nếu [43b] nhà ai còn cất giấu bộ *Lê-sử tục-biến*, đều phải đưa lên quan đề tâu, rồi đốt ».

Tĩnh-thần Vĩnh-long tâu rằng:

« Bốn huyện Vĩnh-bình, Vĩnh-trị, Thuận-ngĩa, Trà-vinh thuộc tỉnh-hạt, đều có thổ-dân, còn khác với dân miền kinh về văn-tự, ngôn-ngữ. Xin chọn những người dân miền kinh học-tập chữ của thổ-dân, lại hạ-lệnh cho con em các thổ-dân phải đến học-tập chữ Hán tại trường-sở của các quan huấn-đạo, giáo-thụ, để dần-dần tập thành phong-hóa miền kinh ».

Hoàng-đế ban dụ rằng:

« Thổ-dân đã ở trong sở hộ-khẩu, từ nơi tối-tăm ra nơi sáng-láng, nên khai-hóa dần-dần, mới hợp với nghĩa đem văn-minh biến đổi man-rợ. Chuẩn cho các tỉnh Vĩnh-long, An-Hà đều mở việc khuyến-dụ con em các thổ-dân trong hạt, thường đến học-tập chữ Hán tại trường-

sở giáo-huấn các phủ huyện, không được theo [44a] tập-tục hủ-lậu, chỉ học tại các nhà chùa người Miên. Hễ ai học tập biết được văn nghĩa chữ Hán, quan địa-phương lượng xét cho làm tổng, lý, chức-mục, khiến họ biết những điều khuyên bảo. Lại hạ-lệnh cho các thổ-dân học-tập ngôn-ngữ, phong-tục người kinh, quen tai quen mắt lâu ngày, sẽ có cơ-hội đồng-hóa, không cần quá vội. Quan địa-phương lại lượng xét; chọn lựa những người kinh minh-mẫn, biết chữ, để học-tập chữ Miên, được miễn việc binh đao, khiến tinh ý thông-suốt, thuận-tiện trong việc sai khiến. Như thế, làm việc có thứ-tự, sẽ thấy phong-tục dù có khác nhau, cũng dần dần đổi thành tốt đẹp, cùng chung văn-hóa, cùng chung luân-lý vậy».

MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI

Các quan khoa-đạo dâng sớ tâu rằng :

«Hiện nay, việc văn-trị rất hưng-thịnh, phương-pháp giáo-hóa đều đầy-đủ. Riêng các ban Kinh-diên (1) [44b] chưa mở, còn là việc thiếu sót trong thời thái-bình. Xin tham-chước các điển-lễ, mở ban Kinh-diên tại vườn Thu-quang, chọn lựa cẩn-thận những bầy tôi trong các bộ viện giỏi nghĩa kinh truyện, được giữ chức cũ, vào hầu để giảng đọc. Các hoàng-tử đứng hầu ở dưới, đức-nghiệp được nung-đúc, mà gió động rừng nho, mây theo biển học, thật là một đại-cơ-hội để triều-đình cổ-lệ phong-hóa vậy».

(1) *Kinh-diên* 經筵 : Nơi các quan giảng kinh sách để vua và các hoàng-tử nghe, hoặc bàn về giáo-lý, văn thơ. Đến triều vua Tự-đức mới mở ban Kinh-diên.

Hoàng-đế ban dụ về việc ấy, rằng:

« Từ xưa, các đế-vương làm việc học, cùng với những việc sửa trị khác, không giống nhau. Như vua Nghiêu, vua Thuấn giữ đạo trung, vua Vũ, vua Thang dựng đạo lớn để dạy dân, đều là việc học. Những việc chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ, thật không có việc học nào lớn hơn thế. Từ ngày Trẫm làm ngự đến nay, phàm làm một chính-sự, một mệnh-lệnh, không có việc gì là chẳng [45a] chăm-chước việc đời xưa đời nay, để tìm ra điều thích-đáng. Sau khi muôn việc bận-rộn, có lúc nhàn hạ, hoặc khi yên nghĩ ở trong cung, chưa có khi nào Trẫm không duyệt xem các sách, xét tìm đến đạo, như thế thật không có lúc nào không học. Vả lại, ban Kinh-diên bắt đầu mở từ đời nhà Tống, nguyên vì vua còn nhỏ cần giảng học mà đặt ra, theo ý lúc mới mở, suơ lại không phải. Kịp đến các vua nhà Thanh, có năm làm một lần, ưỡng-phí công làm việc cho đẹp. Nay muốn cử-hành, lại có khó gì. Nhưng không tìm sự thực, chỉ cầu hư-văn, cũng là vô-ích. Nếu chỉ mở ban Kinh-diên trong một ngày, lại bảo có thể tạo-thành đức-hạnh cho các hoàng-tử, cùng với gió động rừng nho, chẳng gần như là lời nói suông chẳng?»

Hoàng-đế nghe tỉnh Quảng đông nước Thanh, phát-xuất ra đại-án nha-phiến, đang trong thời-kỳ điều-tra. Sơ người Tây-dương đem nha-phiến [45b] đến miền bãi biển, chở bằng thuyền lớn qua nước ta. Hoặc có kẻ tham lợi vận-tải về. Hoàng-đế liền hạ lệnh cho các quan khoa-đạo đi đến các đồn trấn-thủ ở Đà-nẵng và Cần-giờ, để liêm-phóng tra bắt người mang nha-phiến.

Nhân việc ấy, Hoàng-đế ban dụ rằng:

«Cốt yếu của việc trừ hại, là phải nhổ từ gốc, lấp từ nguồn, làm việc mới đắc-lực dễ-dàng. Người nước ta hút trộm nha-phiến, tập-nhiễm chưa sâu, hệnh đang còn ở ngoài da, có thể chữa-trị. Phải xét đến nguồn gốc mà đề-phòng cho nghiêm-ngặt. Không quá hai, ba mươi năm, thói xấu ấy có thể trừ được. Mối hại của nha-phiến, gốc tại người nấu và người đem mua bán. Nước Thanh chỉ cấm người hút thuốc còn những người nấu thuốc, bán thuốc thì không hỏi đến, làm như thế có phải không chính-đáng chăng? Từ nay về sau, những người nấu và bán nha-phiến phải bị xét-xử theo tội trộm cướp, giết người. Nếu ai buông tha một cách dễ-dàng, hay kiểm-soát thiếu sót đều bị tội nặng».

[46a] Ngải lại truyền mệnh cho định rõ những điều cấm, đề thi-hành.

Tĩnh-thần Quảng-yên tâu rằng:

«Số học-trò tại các châu huyện Tiên-yên, Hoành-bồ, Vạn-ninh thuộc hạt tôi, rất ít, nghĩ nên giảm bớt chức huấn-đạo. Số học-trò tại hai huyện Ba-phong, Yên-hưng ngày càng đông, chỉ có một chức giáo-thu, sợ khó dạy bảo khắp được, xin đặt thêm chức huấn-đạo để giúp việc dạy học».

Hoàng-đế hạ-lệnh cho Bộ Lại xét bàn, nhận thấy huyện Ba-phong thuộc về phủ Vạn-ninh kiêm-ly, chức giáo-thu ở tại tỉnh-thành. Đường đi từ Ba-phong đến tỉnh-thành rất xa, nên đem trường học về phủ-nha giảng dạy, cho được thuận-tiện. Địa-hạt huyện Yên-hưng đã ở tại tỉnh-thành, lại là nơi huyện-ly, xin đặt thêm chức huấn-đạo được cư-trú tại trường học. Ngoài ra, xin cho làm theo những điều của tỉnh-thần tâu lên».

[46b] MINH-MỆNH NĂM THỨ HAI MƯƠI MỐT

Ban cấp *Ngự-chế thi, tập năm* (từ mùa xuân năm Minh-mệnh thứ mười tám đến mùa đông năm Minh-mệnh thứ mười chín, gồm năm trăm chín (509) thiên, chia làm mười quyền, hai quyền mục-lục), cho các hoàng-tử, các quốc-công, quận-công, thân-công, ở trong hay ở ngoài kinh-thành đều một bộ; các sở Kiền-đông được tám bộ; đình-thần văn-ban, cùng các tổng-đốc, tuần-phủ, bố-chánh, án-sát đến kinh-thành, mỗi người được một bộ; các trực-tỉnh và thành Trấn-tây, cũng trường Quốc-tử-giám, sở Học-chánh ở các trực-tỉnh, mỗi nơi được một bộ.



Mục - Lục

MINH - MỆNH CHÍNH - YẾU

TẬP III

	Trang
QUYỀN THỨ 8	
TRỌNG NÔNG (tập thượng).	5
Minh-mệnh năm thứ nhất	7
Năm Minh-mệnh thứ hai	8
Năm Minh-mệnh thứ ba	10
Năm Minh-mệnh thứ tư	11
Năm Minh-mệnh thứ năm	12
Năm Minh-mệnh thứ sáu	13
Năm Minh-mệnh thứ bảy	16
Năm Minh-mệnh thứ tám	18
Năm Minh-mệnh thứ chín	19
Năm Minh-mệnh thứ mười	25
Năm Minh-mệnh thứ mười một	28
Năm Minh-mệnh thứ mười hai	31
Năm Minh-mệnh thứ mười ba	35
Năm Minh-mệnh thứ mười bốn	39
Năm Minh-mệnh thứ mười lăm	50

QUYỀN THỨ 9	
TRỌNG NÔNG (tập hạ)	57
Minh-mệnh năm thứ mười sáu	59
Minh-mệnh năm thứ mười bảy	68
Minh-mệnh năm thứ mười tám	74

Minh - mệnh	năm	thứ	mười	chín	.	.	.	.	.	.	78
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	.	.	.	.	.	.	88
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	một	.	.	.	.	.	93

QUYỀN THỨ 10

SÙNG - KIỆM.	.	.	.	.	.	97

Minh - mệnh	năm	đầu	.	.	.	.	.	.	.	99
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	.	.	.	.	.	.	100
Minh - mệnh	năm	thứ	ba	.	.	.	.	.	.	101
Minh - mệnh	năm	thứ	sáu	.	.	.	.	.	.	102
Minh - mệnh	năm	thứ	bảy	.	.	.	.	.	.	102
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	.	.	.	.	.	.	103
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	một	.	.	.	.	.	105
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	hai	.	.	.	.	.	107
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bốn	.	.	.	.	.	107
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	lăm	.	.	.	.	.	110
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	sáu	.	.	.	.	.	112
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bảy	.	.	.	.	.	113
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	tám	.	.	.	.	.	114
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	.	.	.	.	.	117
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	một	.	.	.	.	121

QUYỀN THỨ 11

LỄ NHẠC (tập thượng)	.	.	.	.	125

Minh - mệnh	năm	đầu	.	.	.	.	.	.	.	127
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	.	.	.	.	.	.	135
Minh - mệnh	năm	thứ	ba	.	.	.	.	.	.	140
Minh - mệnh	năm	thứ	tư	.	.	.	.	.	.	155
Minh - mệnh	năm	thứ	năm	.	.	.	.	.	.	150
Minh - mệnh	năm	thứ	sáu	.	.	.	.	.	.	163
Minh - mệnh	năm	thứ	bảy	.	.	.	.	.	.	164
Minh - mệnh	năm	thứ	tám	.	.	.	.	.	.	165
Minh - mệnh	năm	thứ	chín	.	.	.	.	.	.	167
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	.	.	.	.	.	.	169

QUYỀN THỨ 12

LỄ NHẠC (tập hợp) 179

Minh - mệnh	năm	thứ	mười	một	.	.	.	.	.	.	.	181
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	hai	.	.	.	.	.	.	.	185
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	ba	.	.	.	.	.	.	.	188
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bốn	.	.	.	.	.	.	.	193
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	lăm	.	.	.	.	.	.	.	196
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	sáu	.	.	.	.	.	.	.	196
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bảy	.	.	.	.	.	.	.	201
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	tám	.	.	.	.	.	.	.	202
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	chín	.	.	.	.	.	.	.	208
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	.	.	.	.	.	.	.	211
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	một	.	.	.	.	.	.	219

QUYỀN THỨ 13

GIÁO - HÓA. 227

Minh - mệnh	năm	đầu	.	.	.	.	.	.	.	.	229
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	.	.	.	.	.	.	.	231
Minh - mệnh	năm	thứ	ba	.	.	.	.	.	.	.	236
Minh - mệnh	năm	thứ	tư	.	.	.	.	.	.	.	237
Minh - mệnh	năm	thứ	sáu	.	.	.	.	.	.	.	239
Minh - mệnh	năm	thứ	bảy	.	.	.	.	.	.	.	244
Minh - mệnh	năm	thứ	tám	.	.	.	.	.	.	.	247
Minh - mệnh	năm	thứ	chín	.	.	.	.	.	.	.	252
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	.	.	.	.	.	.	.	253
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	một	.	.	.	.	.	.	254
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	hai	.	.	.	.	.	.	255
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	ba	.	.	.	.	.	.	256
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bốn	.	.	.	.	.	.	257
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	lăm	.	.	.	.	.	.	263
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	sáu	.	.	.	.	.	.	265
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	bảy	.	.	.	.	.	.	270
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	tám	.	.	.	.	.	.	282
Minh - mệnh	năm	thứ	mười	chín	.	.	.	.	.	.	290
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	.	.	.	.	.	.	291
Minh - mệnh	năm	thứ	hai	mười	một	.	.	.	.	.	294

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

THƯ - MỤC

TỪ SÁCH:

- CỜ-VĂN
- KIM-VĂN
- NGOẠI NGỮ

của
ỦY-BAN DỊCH-THUẬT

SAIGON
ĐỆ NHẤT TAM CẢ NGUYỆT
1974

THƯ - MỤC

A.— TỬ SÁCH CỎ VÂN

01. a/CV. — Dực-lông Anh Hoàng-đế, **Ngự-Chế Việt-Sơ Tống-Vĩnh**. Tập thượng : quyển thủ, quyển 1 — 4. Bản dịch của Ban Cỏ-vân, Lê-Xuân-Giáo biệt-hiệu Hồng-Liên và Nguyễn-Quang-Tô. Tử-sách Cỏ-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-Hóa, 1970. 312 + CCCXII trang. Giá : 8000.
01. b/CV. — Dực-lông Anh Hoàng-đế, **Ngự-Chế Việt-Sơ Tống-Vĩnh**. Tập trung : quyển 5, 6, và 7. Bản dịch của Hồ-Tánh và Nguyễn-Duy-Tiểu. Tử-sách Cỏ-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1970. 228 + CCXXXVIII trang. Giá : 6500.
01. c/CV. — Dực-lông Anh Hoàng-đế, **Ngự-Chế Việt-Sơ Tống-Vĩnh**. Tập hạ : quyển 8, 9, và 10. Bản dịch của Hoàng-Khôi và Ban Cỏ-vân. Tử-sách Cỏ-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, Saigon, 1970. 204 + CLXXIV trang. Giá 5500.
02. CV. — Vô-danh, **Phạm-Công Tân Truyền**, Nguyễn-Quang-Xỹ và Hoàng-văn-Suất phiên-âm và chú-giải, Tử-sách Cỏ-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, 1970. Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 116 + 106 trang. Giá : 4900.
03. CV. — Vô-danh thi, **Thiếu-nữ Hoài Xuân tình thi**. Bản dịch của Hoàng-văn-Suất biệt-hiệu Đầu-nam, Tử-sách Cỏ-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-Hóa 1971. 38 + 20 trang. Giá : 800.

- 04. CV. — Trần-Hữu-Hiền, *Sơn-Hộ điển truyện*. Bản dịch của Hoàng-vân-Hòa biệt-hiệu Đình-Thụ. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 230 + CXXXII trang. Giá : 3800.
- 05. CV. — Vô-danh thị, *Đình-Lưu-Tế điển ca*. Bản dịch của Đỗ-Nhật-Tân biệt-hiệu Sơn-Chung. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 282 + CXXVIII trang. Giá 4000.
- 06. CV. — Vô-danh thị, *Trần tré hôn điển ca*. Bản dịch của Phan-Vọng-Húc biệt-hiệu Dương-tuyền dã-phu. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật, Saigon. Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 192 + 82 trang. Giá : 3800.
- 07. CV. — Vô.danh thị, *Hàm-Hàn điển truyện*. Tập 1 : Hồi thứ nhất. Bản dịch của Đỗ-Nhật-Tân biệt-hiệu Sơn-chung. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 204 + CIV trang. Giá : 3300.
- 08. CV. — Vô.danh thị, *Lưu-Bình điển ca*. Bản dịch của Hoàng-vân-Suất biệt-hiệu Bàu-nam. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa-1971. 32 + XXXII trang. Giá 1600.
- 09. CV. — Vô-danh thị, *Nguyệt-Hoa văn đáp*. Bản dịch của Hoàng-vân-Suất biệt-hiệu Bàu-Nam. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 84 — 89 trang. Giá 2600.
- 10. CV. — Trương-Cam-Lựu, biệt-hiệu Thạch am, *Tây-Nam Nhị-Thập Bát hiệu điển ca*. Bản dịch của Vũ-vân-Kinh biệt-hiệu Thanh-yên. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật, Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 112 + XLVI trang. Giá : 2500.
- 11. CV. — Vua Thánh-tổ và Dục-tổng nhà Nguyễn, *Huấn-dịch thập điều*. (Thánh dụ huấn dịch thập điều của vua Thánh-tổ. Bản nôm; Thanh-huấn thập điều nghĩa ca của vua Dục-tổng). Lê-Hữu-Mục giới-thiệu, phiên-âm, dịch-thuật. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 284 + XLVIII. Giá : 4600.

12. a/CV. — Bùi Huy-Bích, *Hoàng-Việt Văn-Tuyển*. Tập I: quyển I: Mục-lục và Cờ-phủ. Bản dịch của Nguyễn Đình-Diệm biệt-hiệu Tô-Nam. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật Saigon Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 112 + L trang. Giá: 2800.
12. b/CV. — Bùi Huy-Bích, *Hoàng-Việt Văn-Tuyển*. Tập II: quyển II, III và IV. Bản dịch của Nguyễn Đình-Diệm biệt-hiệu Tô-Nam. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 200 + CXXIV trang. Giá: 5000.
12. c/CV. — Bùi Huy-Bích, *Hoàng-Việt Văn-Tuyển*. Tập III: quyển V, VI, VII và VIII. Bản dịch của Nguyễn Đình-Diệm biệt-hiệu Tô-Nam. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 348 + CLX trang. Giá: 7500.
13. CV. — Vô danh thi, *Hoàng-Việt Xuân-thu*. Bản dịch của Nguyễn-Hữu-Quý biệt-hiệu Phương-Phủ. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 260 + 231 trang. Giá: 7500.
14. CV. — Vô danh thi, *Tây-Sơn thuật-lược*. Bản dịch của Tạ-Quang-Phát. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 22 + XXVIII trang. Giá: 1600.
15. CV. — Lê-văn-Ngũ, *Trung-Dung thuyết-lược*. Bản dịch của Nguyễn-Duy-Tĩnh biệt-hiệu Doãn-chấp. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 128 + CLVI trang. Giá: 4600.
16. CV. — Võ-Khiêm, Đức-Đạt, Song-Quỳnh và Mai-Am, *Nhàn trung vịnh cổ vịnh tân*. Bản dịch của Lưu-Minh-Tâm biệt-hiệu Hải-An-tử. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 678 + 198 trang. Giá: 10000.
17. CV. — Hoàng-Cao-Khải, *Việt-Sử yếu*. Bản dịch của Lê-Xuân-Giáo biệt-hiệu Hồng-liên. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 678 + CCCXXVIII trang. Giá: 8000.

18. CV. — Vô danh thi, Tam tể hành trạng. Bản dịch của Trần-Tuấn-Khải biệt-hiệu Á-nam, Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1971. 144 + CXCIV trang. Giá: 5800.
19. a/CV. — Tự-Đức Thánh-Chữ văn tam tập. Tập I: quyền IX đến quyền XIV. Bản dịch của Bùi-Tấn-Niên biệt-hiệu Tây-hồ và Trần-Tuấn-Khải biệt-hiệu Á-nam. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1971. 284 + CCLXXXVII trang. Giá: 8000.
19. b/CV. — Tự-Đức Thánh-Chữ văn tam tập. Tập II: quyền I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII. Bản dịch của Bùi-Tấn-Niên biệt-hiệu Tây-Hồ. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1973. 278 + CLXXX trang. Giá: 7400.
20. a/CV. — Nguyễn-Trãi, Ước trãi tập. Tập thượng: quyền 1, 2 và 3. Bản dịch của Hoàng-Khôi. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1972. 434 + CC trang. Giá: 8000.
20. a/CV. — Nguyễn-Trãi, Ước trãi tập. Tập hạ: quyền 4, 5 và 6. Bản dịch của Hoàng-Khôi. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1972. 862 + CCCCXXXVIII trang. Giá: 8000.
21. a/CV. — Phan-Huy-Chú, Lịch-triều Hiến-Chương Loại chí. Tập I: quyền thủ và I, II, III, IV và V: Nhân-vật chí. Bản dịch của Nguyễn-Thọ-Dực biệt-hiệu Tổ-nguyên. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1971. 372 + 295 trang. Giá: 9700.
21. b/CV. — Phan-Huy-Chú, Lịch-triều Hiến-Chương Loại chí. Tập II (Thượng): quyền VI, VII và VIII: Nhân-vật chí. Bản dịch của Nguyễn-Thọ-Dực biệt-hiệu Tổ-nguyên. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, 1973. 292 + CCCXXXII trang. Giá: 10000.
21. c/CV. — Phan-Huy-Chú, Lịch-triều Hiến-Chương Loại chí. Tập II (hạ): quyền IX, X, XI và XII: Nhân-vật chí. Bản dịch của Nguyễn-Thọ-Dực biệt-hiệu Tổ-nguyên. Tủ-sách Cờ-

văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, 1973. 244 + 320 trang. Giá: 800đ.

22. a/CV. — Dục Anh Tông Hoàng-Đế, *Tự-Đức Thánh-Chế Tự học giải nghĩa ca*. Tập I: quyển 1, 2, 3, 4 và 5. Bản dịch của Nguyễn-Hữu-Quý biệt-hiệu Phương-Phủ. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa 1971. 142 + 188 trang. Giá: 400đ.
23. a/CV. — Quốc-sử quán Triều-Nguyễn, *Minh-Mệnh chính yếu*. Tập I: quyển thủ, quyển I, II, III và IV. Bản Dịch của Hoàng-Du-Đồng và Hà-Ngọc-Xuyến. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 226 + CCCCVII trang. Giá: 750đ.
23. b/CV. — Quốc-sử quán Triều Nguyễn, *Minh-Mệnh chính yếu*. Tập II: quyển 5, 6 và 7. Bản Dịch của Vũ-Quang-Khanh và Võ-Khắc-Vân. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật, Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 146 + CCLXIV trang. Giá: 600đ.
24. a/CV. — Lê Quý-Đôn, *Phê-Biên tạp-lục*. Tập I: quyển 1, 2 và 3. Bản dịch của Lê-Xuân-Giáo biệt-hiệu Hồng-liên. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 316 + CCLXXXIV trang. Giá: 750đ.
24. b/CV. — Lê Quý-Đôn, *Phê-Biên tạp-lục*. Tập II: quyển 4, 5, và 6. Bản dịch của Lê-Xuân-Giáo biệt-hiệu Hồng-liên. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1973. 452 + CCXCII trang. Giá: 1.100đ.
25. a/CV. — Lê Quý-Đôn, *Văn-Đài Loại-ngữ*. Tập I: quyển 1, 2, và 3. Bản dịch của Tạ-Quang-Phát. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 290 + CCXXXVI trang. Giá: 750đ.
25. b/CV. — Lê Quý-Đôn, *Văn-Đài Loại-ngữ*. Tập II: quyển 4, 5, 6 và 7. Bản dịch của Tạ-Quang-Phát. Tủ-sách Cổ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 296 + CCLXVIII trang. Giá: 740đ.

25. c/CV. — Lê Quý-Đôn, *Văn-Đài Loại-ngữ*. Tập III : quyển 8 và 9. Bản dịch của Tạ Quang-Phát. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1973. 330 + CCXCIV trang. Giá : 1.200đ.
26. CV. — Lê-Quý-Đôn, *Đạt-Việt thông-sơ*. Bản dịch của Lê Mạnh-Liên biệt-biệt Trác-viên. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, 1973. 308 + CCCC trang. Giá : 1.200đ.
27. CV. — Vương-Duy-Trình, *Thanh-hóa Quan-phong*. Bản dịch của Nguyễn-Duy-Tiểu. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, 1973. 108 + 143 trang. Giá : 600đ.
28. CV. — Nguyễn-văn-Mại *Việt-Nam Phong-sơ*. Bản dịch của Tạ Quang-Phát. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1972. 304 + CCLXX trang. Giá : 750đ.
29. CV. — Phan Thúc-Trực, *Quốc-sơ di-biên*. Tập thượng : Bản dịch của Lê-Xuân-Giáo biệt-biệt Hồng-liên. Tủ-sách Cờ-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, 1973. 230 + CXXVII trang. Giá : 700đ.

B.— TỦ - SÁCH KIM - VĂN

- 01/KV. — Hiratsuka Masunori (Bình-trung Ích-Đức), *Xu-hướng và tiến-triển của Giáo-Dục Nhật-Bản*. Bản dịch của Nguyễn-văn-Tần (Châm-vũ). Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1970. 118 trang. Giá : 130đ.
- 02/KV. — Gaston Bardet, *Thiết-kế đô-thị*. Nguyên-tác : L'urbanisme. Bản dịch của Hoàn-Thêm. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Độc-Trách Văn-Hóa, 1970. 192 trang. Giá : 350đ.
- 03/KV. — Pierre Rousseau, *Từ nguyên-tử đến ngôi sao*. Nguyên-tác : De l'atome à l'étoile. Bản dịch của Trịnh Huy-Tiến. Tủ-

sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật, Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1970. 182 trang. Giá : 3000.

- 04/KV. — Alain, *Học khôn*. Nguyên-tác : Minervo ou de la Sagesse. Bản-dịch của Phạm Đình-Khiêm. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 298 trang. Giá : 3700.
- 05/KV. — Angela Medici, *Phương-pháp Giáo-Dục mới*. Bản dịch của Bàng Bá-Lân. Nguyên-tác : L'éducation nouvelle. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa. 1971. 268 trang. Giá : 1300.
- 06/KV. — Marcel Pagnol, *Kẻ ô*. Nguyên-tác : Fanny. Bản dịch của Vi Huyền-Đắc. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 220 trang. Giá : 1900.
- 07/KV. — R.M. Albières, *Cuộc phiêu-lưu tư-tưởng Văn-học Âu-châu*. Nguyên-tác : L'aventure intellectuelle du XXe siècle. Bản dịch của Vũ Đình-Lưu. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 688 trang. Giá : 5600.
- 08/KV. — Jean Laloup và Nellis, *Người và máy*. Nguyên-tác : Hommes et Machines. Bản dịch của Tôn-thất Trạch. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 350 trang. Giá : 2500.
- 09/KV. — G. Allison Raymond, *Một năm nhân-loại*. Nguyên-tác : World's People. Bản dịch của Thùy-Dương. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon. Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 252 trang. Giá : 2300.
- 10/KV. — André Villiers, *Nghệ-thuật diễn xuất sân khấu và màn ảnh*. Nguyên-tác : L'art du comédien. Bản dịch của Mỹ-tín. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 150 trang. Giá : 1700.
- 11/KV. — Pierre Leconte de Nully, *Từ Khoa-học đến Tín-ngưỡng*. Nguyên-tác : Entre Savoir et Croire. Bản dịch của Nguyễn Hữu-Trọng. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật.

Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 176 trang. Giá : 1900.

- 12/KV. — Dorethy Brewster và John angus Burrell, *Tiểu-thuyết hiện-đại*. Nguyên-tác : Modern Word Fiction, Bản dịch của Dương Thanh-Bình. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 476 trang. Giá : 4000.
- 13/KV. — Leopold Infeld, Albert Einstein. Bản dịch của Dương-Đình-Hòa. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 254 trang. Giá : 2300.
14. a/KV. — Crane Brinton, John B. Christopher, Robert lee Wolfe, *Văn-minh Tây-phương*. Nguyên-tác : Civilization in the West. Tập I. Bản dịch của Nguyễn-văn-Lương. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1971. 672 trang. Giá : 3200.
14. b/KV. — Crane Brinton, John B. Christopher, Robert lee Wolfe, *Văn-minh Tây-phương*. Nguyên-tác : Civilization in the West. Tập II. Bản dịch của Nguyễn-văn-Lương. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa. 1972. 488 trang. Giá : 6300.
- 15/KV. — Tibor Mende, *Nỗi kinh-sợ hay nỗi hy-vọng*. Nguyên-tác : Entre la peur et l'espoir. Bản dịch của Tam-ích. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 514 trang. Giá : 7500.
- 16/KV. — Girtton Rossiter, *Đảng-phái chính-trị ở Hoa-Kỳ*. Nguyên-tác : Parties and Politics in America, Bản dịch của Hoàng Mịch-diễn và Trần Thái-Chân. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vũ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 446 trang. Giá : 6000.
- 17/KV. — Robert-Hermann Tenbreck, *Lịch-sử Đức-Quốc*. Bản dịch của Trần-Đông. Tủ-sách Kim-văn Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, 1972 686 trang. Giá : 8000.
18. a/KV — Thạch-Điền Nhất-Lương, *Nhật-Bản tư-trưởng sđ*. Tập I.

Bản-dịch của Châm-vũ Nguyễn-văn-Tần. Tủ-sách Kim-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 668 trang. 6000.

18. b/KV — Thạch-Điền Nhất-Lương, Nhật-Bản tư-tưởng sử. Tập II. Bản dịch của Châm-vũ Nguyễn-văn-Tần. Tủ-sách Kim-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1973. 480 trang. Giá : 7000.
- 19/KV. — Arthur Koestler, Ignazio Silone, Richard Wright André Gide, Richard Crossman và Raymond Aron, Thảm-đảm âm. Nguyên-tác : Le Dieu des ténèbres. Bản dịch của Đinh-Bá-Kha. Tủ-sách Kim-vân Ủy-Ban Dịch-Thuật. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 510 trang. Giá : 6000.

C.— TỦ-SÁCH NGOẠI-NGỮ

- 01.NN. — Vi-Huyền-Đắc, Thành-Cát Tư-Hân, Gonghis Khan. Kịch ba hồi và một khai-trưng-từ. Pièce en trois actes et un prologue. Play in one prologue and three acts. Versions vietnamienne et française de l'auteur. English version by Nguyễn-Khang. Tủ-sách Ủy-Ban Dịch Thuật ngoại-ngữ. Saigon, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa, 1972. 143 — 145 — 227 trang. Giá : 6200.
- 02.NN. — Võ Long-Tê, Les archipels de Hoàng-sa et de Trường-sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie. Publications en langues étrangères de la Commission de Traduction. Saigon, Ministère de la Culture, de l'Education et de la Jeunesse (sous presse).



明
命
政
要



明命政要卷之八

重農第九

上

明命元年

遣中使分往畿內諸縣邑察看田禾以聞尋以
乂安以北久不雨復遣使往諸地方省察農
事諭所在官虔禱之

辰廣德安雲篤初二社民奏請免雜徭二月鑿
河渠以灌田命營臣勘寔許之

帝諭侍臣曰今農作辰候京師得雨朕深以爲喜未
審外間何如可遣人遍往訪之又

勅諸地方常年穀熟察境內收成分數以聞

明命二年

二月平和和今慶久旱鎮臣不報及禱得雨始以

聞

帝譴之曰爾等職在旬宣一遇亢旱當卽飛章八奏
竭誠祈禱庶幾早沐甘霖旱苗可救乃數月尙雨

猶且逡巡擇日禱後而雨始以上聞不急民事牧
守親民之責何居今且免罪後勿復爾

廣南該簿阮金追八覲

帝問以農事對曰月來不雨恐或妨農

帝愀然曰去年恩赦中外無不被澤猶念廣南凶歉
一歲兩糶憂民非不至矣今農功在候天又經旬
霪雨何獨因此一方民使朕日夜焦勞也卽遣中
使分往治平南義等轄察看田禾以聞

賜名安舊河曰利農河

嘉隆初年清江支河通于順直港農長灌漑

最爲民利至是始賜名焉

帝覽京城圖謂侍臣曰昔

先帝開此河農民萬世之利也乃以利農名之命於

河口上下立石碣爲誌

帝嘗舟過此河省穡諭戶部曰昔我

先帝捐數萬金濬此河以利民今禾穀秀茂比舊不

知幾倍可見

聖人作事澤及萬世非欲遠見小者所能識也

帝幸安雲古郵

二社名

觀禾召問耆老皆言今年秀茂

比近是勝

帝大悅復幸利農河召清水社耆老問之對曰今稍

秀茂但未知收成何如

帝曰朕爲民憫農年豐則喜非因是重加賦斂胡乃
不以寔對豈非負朕意乎至野犁社又問耆老對
曰臣等年逾七十未見禾茂如今日者

帝嘉其誠樸賞之錢適有北風偶發召廣德營臣
諭之曰今禾方發穗而北風其淒朕深以爲慮爾可
察訪田禾有傷損否朕所以日夜焦勞於此非慕
美名正念吾民終歲勤苦穀一不登則不免饑寒
耳旣而廣德安來社民請免兵民徭役浚水道以

灌田

帝諭戶部曰朕屢念民天每以勸農爲意此民能勤
力從事畝畝朕甚嘉焉可從其請又賜倉米百方

助之禮門安寧二社民亦以田溪堙塞請撤社兵與之開浚皆許之

明命三年

大蒐于世界山

帝諭戶部曰朕此行朝去晚還上無流連浹旬之虞下有休助歡迎之望朕深悅焉所經諸社民其免今年田租十之二羅渚社名官路一道田土有因水

潦衝圯亦除其稅又賜錢千五百緡令民補

筮之

明命四年

帝親筆福壽上壽有年六字于龍箋四幅以示羣臣
曰新年朕試筆此六字其有年二字以祈吾民今
歲豐稔因問戶部尚書阮有愼曰元日微風是何
風也對曰艮風其占爲有年

帝曰去年小歉朕常寤寐不忘信如所言朕心少慰
矣尋命戶部行咨諸地方凡遞年收穫期各據所

轄田禾收成分數具疏以聞嗣後歲以爲常

八月戊戌社稷壇秋祭

帝親詣行禮先是畿內旱

帝以農事爲憂祭之日虔誠默禱是夜雨翌日又雨

燥土深透者數寸

帝猶念雨澤無多田疇未甚滋潤復命承天府尹禱
于會同廟雨大降禾苗渟起

帝大悅命卽出內帑香帛致謝

月命文要

卷之八 重農上

五

北圻奏報年穀豐收

帝謂侍臣曰北城地勢廣邈歲或小歉則不肖之徒每每誑誘小民相率爲盜今歲豐登吾民皆樂溫飽復何憂乎

明命五年

廣治營臣奏言金交社舊有港道爲沙土壅塞其民請假在籍弁兵司屬併力開浚一引潮水以灌田一消淤水而注之海寔於農功有

利又從此港道通于長江以便租稅運納

帝許之免其民五月徭役

秋七月畿內霽雨命禱于南海龍王廟翌日雨
帝因諭禮部行咨諸地方如今田疇偷值乾旱者當
於會同廟或轄內靈祠竭誠祈禱不拘日數務得
甘霖以孚農望嗣後何轄有霽雨浹旬田禾雖未
傷損亦當先爲民祈禱著爲令辰廣治亦報得澍

雨

月令文要

卷之八 重農上

七

帝喜曰京中新得雨澤稍釋焦懷又聞廣治報朕曷
勝額慶不覺爲之加餐也

明命六年

二月京師久不雨命禱之皆未應

帝諭侍臣曰朕親政以來重農一事未嘗少忽今春
霽雨農務愆期曾令祈禱而未獲輒應意者一誠
之念有未至耶乃命設三神壇于京城內命官禱
之又勅嗣凡祈雨日禁理刑屠宰著爲令

帝召承天府尹裴增輝問民間禾穀何如對曰高田
乾燥低田復有虫鼠之害

帝嘆曰斯民何辜屢遭災歎如是邪顧謂侍臣曰京
城之內尚多曠土可令諸禁兵播植芋豆雖不如
穀亦粒食之一助也

濬廣治永定河命副都統制潘文瑋董其役

帝諭曰此河之濬可以通承天廣治諸水路而便農
功朕詢謀僉同故不靳費而爲之非欲輕用民力

也後又增濬廣南永奠河命副都統制張文銘董

其役

帝諭之曰此河開濬本欲便民向者董理不善致河道窄狹兩岸高聳農田灌漑不便今增廣之以爲吾民永久之利爾當節用民力使之以辰則人樂於趨事矣

清人米價驟減鎮臣未及以報

帝諭譴之尋勅自今諸地方各據蒞所市上米價月

二報後又改凡農月則併敘暑雨何轄遇有風雨

早潦不如常有關農民利病者所在官卽據寔繕

摺由欽天監轉奏後又命戶部行咨嘉定嗣凡何

月有關農功者於奏報米價疏內併敘日下暑雨

情狀以聞

初定廣平以南至平和秋田旱田廣平以南有五等田夏田

冬種夏獲秋田夏種冬獲夏秋田既獲於夏又獲於秋旱田夏旱田皆是高瘠一獲於三

四五月間一獲於十月十踏勘災傷例戶部一月間各隨節候而耕獲

月令文要

卷之二、重農上

奏言又安以北田賦分爲夏秋兩徵故遇有
災傷夏田秋田竝得報勘蠲減而廣平以南
一徵於夏故秋田旱田雖有旱災不得預勘
請嗣後此等田有下稼而報傷者聽得與夏
田夏秋田夏旱田一例踏勘事下廷臣覆議
請自今諸轄秋田旱田耕播於秋偶遭水旱
災傷炤又安以北踏勘秋田之例辦理其有
僥倖不依農候者不在此例從之

明命七年

平順鎮臣奏言去冬田禾大稔

帝諭羣臣曰新歲開韶先報有年之慶王者樂以天下何樂如之夫錦衣玉食誠云樂矣脫一穀不收民閒艱食則共誰樂邪朕夙夜祇懼惟望年穀豐登家人給足而已

承天順直公堤安傳私堤因濂坍圯府臣請因農隙修築以利農功

帝皆許之

帝臨朝召承天府臣問以農民情狀對曰農家皆言

旱久而雨今又晴明秋成可望矣

帝曰朕觀農書所謂一日雨數日晴則地氣溫燠田禾秀茂彼農家之望歲蓋亦有理信如斯言必慰吾農民望矣

嘉定以北至又安清葩奏豐收

帝諭羣臣曰去年藝見朕以荒歉爲慮每夜於宮中

密禱惟願年穀豐登人民安飽今獲覩有年深爲

吾民喜之

南義田未有蝗如白蟻如螳螂者

集于禾
盡枯死營臣

以聞

帝覽奏諭曰朕深爲此一方憂之今當設壇禳禱雨
降則虫消或設法除捕或勸民補植以祛民害利
農功可矣

廣義鎮臣奏言屬鎮六堅奇戍所自嘉隆年間

開墾荒田六十餘畝常年收穫畝畱秧粟四十升餘者登倉今請按度畝數分別等第起科徵之

帝諭曰國家稅課原不以此加多況六堅奇兵素有戍守之勞兼事耕作誠爲可軫倘一登之稅額則催科自有程限拖欠自有章條此兵將來何堪供納其以今年爲始凡所闢之田不拘畝高等第但於夏秋穀熟據所得以其半輸倉使之得利其利

而樂農功

明命八年

三月畿內雨

帝喜謂侍臣曰禾方發穗得此甘霖可以慰吾民之望

承天楊弩社有禦賊堤爲潦衝決其民乞免徭役培築以利農功許之

明命九年

修築北城堤防城臣奏言舊堤各所從無簿籍可稽今以定式較之多是低減若一槩如式不但需費太廣而工程重大恐不能周請以去年秋潦水面爲定量加高廣役民培修諸私堤坍塌民力不堪填築者亦量給錢米鳩工興辦工竣交所在領守

帝諭之曰堤政關農功利病不細修築工程朝廷原不靳費其辦理不如式咎在有司今責之吾民豈

不太覺勞擾可支庫錢雇工為之又以向來多募

遊手民受募草率了事往往潰決勅嗣後雇

所在民修築毋得募券

帝躬耕籍田

初設躬耕所于厚生安宅二坊左建觀耕臺前為帝藉後為具服殿右設先農

壇及神倉收穀亭復設演耕所于廣寧宮之

北名永澤園令揀買承天廣南廣治北城山

西執耒耨登貯以備播秧又定籍田農夫餉

例農夫三十人以富春八社民充之月給錢

米各一以是年四月朔為始農隙禮成蠲諸

後分班支餉值班者月給米一方

地方來年田租粟米

諭曰耕藉之禮唐虞及周最爲詳備漢而下亦不敢廢蓋農爲國家之先務不有身率之則無以教天下舍末而崇本也我

皇考世祖高皇帝大定之後禮臣未能考古故未暇舉行朕承

先志敕禮部做古損益議行仲夏二十九日朕躬詣先農壇致祭禮成親臨藉田躬耒耜三推從耕之公卿及農夫多有汗流被面者可見稼穡艱難而

農家終歲勤動未獲溫飽朕爲之惻然其來年應
征粟米恩蠲十之三以示朕推己及物地方官吏
有親民之責各宜勸課農桑使足衣足食以慰朕
崇本率先至意

初刑部侍郎阮公著上疏請開荒田以業窮民
言古者分田制產民有常業故相安田里罔
有邪心今南定膠水眞定諸縣荒閒之地一
望無際其他又不知幾千百畝如給之公需

傳集貧民墾治則國家所費無幾而自然之利及於無窮且錢洲蓁莽匪徒常於此嘯聚若開破之不惟可以業貧民併可以絕惡業請令鎮臣募民開墾五十人立爲一里三十人爲一邑量地以居牛耕田器官爲之給三年成田炤例起徵則地無餘利民盡歸農澆薄之風反厚矣事下廷議皆以爲試行三年以觀成效

帝曰半週可矣何待三年乃命著領營田使因

諭之曰朝廷治化莫先於導民務本今營田之事既以委卿凡可以爲百姓興利除害者聽便宜行之著又奏言寧平之安慶安謨二縣亦有沿海一帶荒莽尚多請亦併行募墾

帝許之已而募民墾閒田得丁三千餘人田三萬七

千餘畝設爲錢海金山二縣

錢海屬南定金山屬寧平

尋

又奏言寧平之蓬海社畱荒田土豪強多有

欺隱請令勘度分立邑里以業窮民乃命廷臣閱議以爲王者發政施仁當示以廣大寬容之體且令地方官開示凡有田土欺隱自首者免否則嚴治之則愚頑者得以自新可無丈量之煩矣

帝從其議已而其民首出漏田六百三十餘畝及荒田已墾而漏徵者四百餘畝令著簿起科而免其罪

承天大熟

帝喜謂京尹曰今歲朕始開藉田爲天下勸而畿內獲此休徵寔副朕重農務本之意惟北城重遭水患年穀未登是猶有不滿處耳

初置堤政衙門先是北城堤潰

帝曰堤防之設以防水衛農民生之利病係焉去夏河水爲災經諭城臣籌辦其可培可築必厚出帑項爲之務使十分穩固以防漲水復來之患今乃

如此彼等之罪可勝言哉原城臣堤政及所在鎮府縣臣令刑部議罪

帝諭羣臣曰河防之設有關利害不細去年堤潰諭令及早籌辦有司乃不卽修築工甫完潦至復潰可專諉水勢之倍常乎今當如何著爲條法明示勸懲可詳議以聞至是議上以爲北城之堤創自陳始歷代不廢我

國朝開拓之始堤政節目未暇致詳兩次河決

有司草率所致也今請專設堤政衙門諸有

重事堤政臣參從城臣商確會銜奏聞常事

聽其專摺凡堤防工式一如嘉隆年例

大江上流

中流堤面廣二丈脚七丈高一丈二尺下流堤面廣一丈五尺脚五丈高一丈中江堤面

廣一丈二尺脚四丈高一丈小江堤面廣九尺脚三丈高九尺但地有高低

宜以水面為準隨勢施工或應加高廣者預

籌八奏歲冬初水落察堤防如有衝激應築

新堤者是大工程奏請雇民興辦舊堤如有

坍塌滲漏是小工程飭附近民修理又定修築程限申定官吏賞罰設水竇立水誌限保固建河神廟各條款

帝準如議行乃命參知黎大綱充管理堤政衛尉吳進德充參辦又以黎大綱初理堤政事繁恐難獨辦命協鎮黃炯衛尉黎順靖履勘旣而新堤十八所告成金關堤施工最難亦克完固次年初夏北圻水漲黎大綱以事馳奏復

諭之曰堤雖成尤當以一簣樹山爲戒其衝要者預

爲之防尋定奏報安瀾例

以霜降日奏報

明命十年

嘉定大稔城臣以報

帝批示之曰嘉定田土肥今獲上稔城臣及列曹宜
勸導民間多備船艘駛往諸城鎮米貴之方則彼
此獲利甚普免致穀賤傷農又當如何嚴飭轄下
毋得一粒盜賣外邦不然豐稔之年吾民旣不受

其福僅邊防有事米粒不能應手裕如爾等亦難
辭其咎矣乃令炤屯田搜粟一斛帶徵二斛每斛
給之錢一緡又遍告城轄商船有願運米來
京者官爲增價買之

築承天永昌守禮二社衛農堤免所在兵民徭
役併力爲之

嘉定樂化府遵義茶榮二縣畚民以農爲業田
閒惟資潮水灌溉自水利有征領徵者每築

堰攻魚水道爲之不通所在民失其生理城
臣奏請傳徵其稅凡二十一所以便于農
帝曰斯民皆朕赤子損上益下何靳焉命蠲之

寧平安謨縣沿山諸社村田地卑濕夏禾晚稼
五月又爲風暑所傷道臣以災報命戶部議
奏以爲田家耕稼必適早晚之辰不順農候
而彊爲之則苗之不秀不可以罪歲也道臣
率爾勘報請坐罰其各社村田禾損傷不在

蠲例

帝曰諸轄今獲豐收獨此民耕稼稍晚致被損傷樂歲之民不免偏有向隅可矧例蠲之地方官勘報蓋欲民隱得以上聞亦免其罪

定諸地方祈雨日限先是海陽霽雨自五月至七月鎮與府縣有禱至三四十日夜者有五六十日夜者至是以銷冊上

帝謂戶部曰有司爲民祈雨職守當然前諭令竭誠

不拘日數此朕恤農至意欲使地方大吏及有社民之責者各宜致誠虔禱苟誠有未孚則膏澤何能仰冀豈有積日經旬繼之以月然後謂之竭誠邪嗣凡遇霽雨浹旬卽遵旨設壇或親詣靈祠禱一次三日夜未得雨則閉二日再禱三次而未應者則止得雨賽謝如例其壇前歌唱俳優竝禁

明命十一年

詔曰天下之本農爲重各府州縣有勤於耕植務本

力作者地方官常加獎勵以示鼓勵

春正月畿內霖雨頻降

帝謂羣臣曰開春以來未旬日而得雨五次朕心誠
覺欣愜且今年值朕四旬慶節早沐

天恩如此優渥想不但垂眷朕躬而農民蒙此雨澤
亦可卜有年矣夫王者推恩所及有限孰若

天錫屢豐使吾民咸得飽煖受賜於無窮乎其令禮
部臣卽咨問諸城鎮轄已未得雨飛章以聞因出

御製朝陰詩以示羣臣謂之曰今春雨澤透潤然朕
夜觀太白星將沒其色反赤更恐二三月間未免
亢旱又不能放懷耳

帝又諭禮部曰旬來得雨在京雖數次然而未得十
分深透近聞廣治亦未霑濡本日自丑至卯雨降
乍大乍微辰刻卽止究亦未成分寸朕情殷農事
益切心祈形於篇什已刻卽蒙

天眷尺澤滂沱快注敷施八夜未止朕曷勝寅感諒

已三農共慶而四望濃雲迴遮密蔽勢必南北遍
及遠近咸霑爾部可飛咨廣南以南至富安廣治
以北至北城諸轄近來已未得雨情形各卽據寔
具奏以慰朕懷

五月畿內霪雨

帝召承天府丞問農功情狀對曰閏月以來雖霪雨
而南風未起夏田未耕農功猶有欲祈晴者
帝顧謂內閣曰比來暑氣炎蒸朕夙夜清心爲民請

雨而農功反有所晴乃知祁寒暑雨民猶悉容爲
民父母將何以愜天下之願乎對曰天地之大人
猶有所憾是以聖人常有不滿足處

帝曰然夫生民在勤所寶惟穀朕常較晴課雨以重
農功而高田欲雨下田欲乾人情不同此一事已
難盡副人望況萬幾至眾者乎乃令侍衛分往諸
京縣看驗田禾以聞廣平寧平亦奏畷雨循
例致禱

帝諭禮部曰今農作方殷而溽暑經旬未蒙尺澤閒
有一二輅得雨想亦未能浹洽朕民天念切倍覺
焦心可傳旨廣平以北至北城屬鎮其地方嗇雨
應禱者各須蠲潔盡誠爲民請命冀邀玄天早沛
甘霖若有所禱之名而無其寔致雨澤未霑農功
未順則豈待譴罰及之而後爲忝厥職乎其各凜
遵之纔數日京師雨大澍諸省隨亦奏得雨

帝大悅

十一月北城諸轄霽雨

帝諭戶部曰在京邇來晴雨均勻禾苗青秀乃節據山南北寧海陽山西等轄奏報霽雨令人難以舒懷可飛咨此地方已未得雨農功便否速專摺具奏諸轄隨各以得雨報

明命十二年

帝駕幸東郊見禾苗秀茂甚悅賞沿途民錢二千緡諭侍臣曰朕因幾暇巡幸所過民家多設儀彩朕不

以此爲美觀惟喜禾色青蔥耳乃出

御製詩示之

帝諭禮部曰在京開正連日甘澍優霑迨初十之後
屢值常暘未濡春澤去日朕誠心默禱頻著詩章
本日中宵仰叨

天貺大沛甘霖徹夜滂沱凌晨尚猶滴瀝曷勝欣感
故異彌殷今京縣禾苗舉皆潤秀未知畿南畿北
已未同霑爾部卽由馬上傳旨詢問準各據寔入

奏以慰朕懷

帝以河僊之地廣漠無際而田野未闢閭里尚稀欲
一番經理以廣地利奠民居

諭嘉定城臣悉心籌擬當如何使無業之民卽未盡
墾之地分立村落耕作農桑可爲萬世之利者區
畫事宜具摺以聞

帝謂禮部曰邇來京畿雨降普被田疇而北城山南
亦屢得雨乃曩據清人寧平奏報望澤尚殷且此

等轄居南北之間豈有雨不旁及之理但未知日下已得霑潤否耳爾部其咨問之寧平祈雨三次所支禮品錢文止以一次爲限

帝聞之令通諭諸地方嗣有所雨或至二三次者準每次炤例支錢毋得節減禮品務期召格

帝謂內閣曰本年北城堤壩完堅河流順軌近聞山南寧平二轄之夾官路處間有河水溢浸田禾或是地勢卑窳抑私堤殘缺不能如式修培而然邪

朕念切民天殊耿耿其令工部傳旨城鎮並堤
政臣勘明籌擬如何可以救弊便民者繕摺以奏
城臣請於常信應和里仁諸府驛路何處爲
河水漫溢者以開春施工培築並理作美林
社竇口至如祥麟等社私堤懇俟後籌辦許
之

帝以諸轄地多閒曠緣府縣考成未以勸課爲功令
勅吏戶工三部議定章程以聞至是議上以爲植

物中惟波羅蜜尤切於用請自廣平以南又
安以北官路河邊一律栽植至如通國路徑
兩旁與江溪池畔林麓岡阜一切荒閒空曠
之地所在府縣遍飭各隨土宜或樹禾麥桑
麻或樹波羅蜜者不拘兵民寔戶客戶聽先
墾者得僮屬人家田土令業主自墾治之仍
計自報墾之年爲始滿三年彙冊報部復計
滿三年卽照多寡分數併與課績分項議敘

若地多空棄者覈參議處以別勤怠所徵田
土六年考成後均著從私田土項起科

帝從其議諭令戶部傳旨諸地方大吏轉飭府縣員
各炤所轄畱曠田土飭令墾植其報墾考成
諸節次炤依部議條款奉行

明命十三年

承天富榮縣田有水蟲緊捲禾葉漸黃命京
尹設法捕之府臣尋奏言詢之農家皆云此

蟲未嘗害苗何年偶值春寒則此蟲生一遇晴霽繼以甘雨立見淨盡禾復暢茂如常非惟不爲禾之害且有豐年之兆故諺有禾蟲斯倉水蟲斯箱之語

帝曰此蟲謂有豐年之兆朕所未之信惟謂遇雨則蟲消禾茂尚屬有理汝等能勉爲賢司牧不惟蟲不爲災亦自有豐盈氣象如月底猶未得雨宜竭誠祈禱早得甘霖以臻上稔斯可矣已而暑後雨

降蟲果減

定諸地方耕耤養蠶例

帝諭禮部曰古之帝后皆重農桑以奉郊廟表萬民
朕前躬親耕耤玉粒足供禋祀今春命妃嬪率宮
人養蠶織爲制帛嗣後大

饗即可敬奉筐篚朕欲舉此以示勸諸地方應行耕
耤養蠶事宜可詳議具奏部臣議請凡諸地方均

于省城外東郊擇地開設耤田三畝

周圍緣以土垣

田首中設望闕位南東在道先農壇東向
 北隅設神倉前設收穀亭撥所在民十五人
 充耕夫兼守護勸牛三逸年部送耕藉口督
 撫員具朝服率屬詣先農壇行禮訖更耜四
 衣幅乃耕九推九返畢仍朝服行望闕五拜
 禮成農夫終畝至收成期登揀秧粟別貯餘
 登之神倉又各于本廳內構蠶室擇地樹桑
 以供祭祀
 雇充蠶母俾司蠶事逸年孟春擇吉祀先蠶
 于蠶室乃理蠶事歲終各炤應收成絲之數
 派人由部奉納以明命十四年舉行爲始著爲例後
 又

諭戶部曰勸課農桑國之善政前令諸地方耕藉養

蠶非特供祀事而已誠欲勸相民閒勤于畝畝者

可以足食力於蠶績者可以足衣使之皆溫飽耳

可傳諭督撫布按體朕此意開導其民凡藉田之

粟蠶室之絲但要以堅寔精好為貴何必計較多

寡雖歲獻成絲固有例定

廣平清又河內南定海陽山西北寧興安廣南

平定永隆酌定歲納成絲各一百斤上下富安平

和藩安定祥歲各七八十斤上下廣治河靜寧平

興化宣光諒山高平太原廣安廣義要亦隨其土
平順邊和河德歲各四五十斤上下

宜酌略成數以示勸率之意耳不必拘限其農夫

及植桑養蠶之人亦當厚價和雇毋彊督以擾民也

帝諭禮部曰八春以來晒澤孔殷節據南義平定富安平和諸轄奏報霽雨朕深爲縈念今在京幸獲雨降終日霑濡諒大田禾苗舉皆滋潤可傳旨飭問廣南至平和日下已未得雨農功有無順便據寔以聞又命戶部詢問寧平以北各省數旬來已未渥沛甘霖田疇禾苗渟長青秀與否竝已未吐

葉含包可得豐穰否當卽八奏以慰朕懷會山西
得雨疏至

帝大悅卽命出內帑香帛齋送督臣黎大綱賽謝傘
圓山神祠北圻各省繼以得雨報

寧平省臣奏言屬轄金山縣田土今屆起科之
期惟所在田閒多有溪渠道路未在折除及
有減欠原數請一番盡度據現樹禾數者著
爲私田樹草管者著爲私土依例徵稅短欠

原數及溪渠道路者除之從寔彙冊以爲定額許之

帝臨朝召京尹問曰數日來雨降農事何如對曰田疇高低並霑足農功順便

帝曰方今耕稼之候如止細雨則利於低田而高田恐未浹洽甚雨則利於高田而低田又慮其漫漶蓋艱難勤苦農家之常而朕念切重農每爲之課雨量晴未嘗少置也

明命十四年

帝謂戶部曰朕聞諒山有白蠶繭大於常繭不知何
 轄所產抑從北地得來爾部可咨買一二斤試看
 如何尋又命分給河內南定興安海陽山西北寧

諸省白蠶連

蠶卵紙也

雇工飼養

諭之曰農桑乃自古帝王所重朕經耕藉養蠶爲下
 民表率近聞清國有雪繭其絲質勝於我國所產
 故不遠數千里重購之爾諸省督撫須申飭飼養

月命文要

卷之八 重農上

五

人等要使此白蠶日益蕃多俾廣其類於民間則人之所賴多矣

二月畿內雨適有侍衛自清詔公回

帝問及暑雨以連日雨對

帝謂羣臣曰春韶雨澤朕日望之而地方不卽以聞非所以副朕勤民意也其令禮部咨問廣治以北雨澤如何再傳諭凡值春秋耕作農候有得雨者立卽奏聞

三月又安霽雨總督謝光巨禱之雨大降疏八
 帝謂內閣曰此轄禾穀方花近聞連日酷暑深以爲
 憂今得此甘澍可望豐登朕心曷勝欣慰謝光巨
 帶降四級準開復一級

北圻諸省奏報雨澤頻降農功順便

帝諭內閣曰去年北圻疊遭風潦民食多艱節經糴
 貸賑給漸獲起色今仰邀天眷雨和苗秀可望豐
 登四月新穀登場民閒已可均飽惟念鄉村積習

多有偷穫釀成鬪政命按其弊所當釐革可令刑部傳諭嗣屆夏熟省臣飭府縣親往田閒曉示令細民咸知朕意

省北圻堤政衙門科道陳光進等奏言設堤原以衛農向來秋汛之期堤政臣專以培築保固爲職其於農功利病痛癢不關如霖雨淤積河水未盛卽利在開竇引水于河否則夏禾浸滄矣雨霑田乾河水漸漲卽利在開竇

引水于田否則秋秋焦枯矣地方官目擊情
形不能自便輾轉申報堤政未免稽延是以
尋常暑雨亦或致災民食之艱未始不由於
此今諸省既有督撫大員興革利弊專委責
成公私堤何處應設水竇及堤內小江何處
應疏開請由地方官奏辦其堤政衙門應省
乃命廷臣覆議皆以爲可準依議行

秋七月畿內雨

日名正三

卷三

三

帝召問京尹陳秀穎曰田禾何如對曰稍得滋潤

帝曰八月閒若無潦水可望有秋所可慮者夏旱既

久或有秋潦耳

帝諭內閣曰北圻諸省

興安北寧河內山西

堤條多有漫潰更

有轄內無堤如海陽南定寧平等省卻因鄰傍波

及亦受其害朕北望縈懷日增宵旰可傳旨諸督

撫等卽炤日下水誌降殺如何田閒禾秧已未補

植各據寔三日一奏至秋分卽止又命中外條陳

治河方策辰有議廢堤者

帝諭之曰河堤與水爭利亦覺勞費然歷代行之既
久未可遽廢北圻地勢平曠去海甚遠又無山阜
可依堤條一去高者猶可早殺低者汎濫不止旬
日吾民其將安徙是未見其利而已見其害何異
因噎而廢食乎適維先私堤潰堤政臣阮有嘉奏
言維先金榜彰德懷安山明富川上福七縣
水勢皆從喝江灌注其民咸云地勢卑濕七

八月閏雨積雖無堤潰而田禾當被浸渝願
因而廢之不獨可寬民力而浮沙滋培夏禾
可獲豐收命廷臣議皆請且試行之及至是
秋水落農民稱利省臣以奏

帝諭之曰此等縣盡是夏田縱所利在此則上游諸
縣逆流波及能不移害於他乎命訪之諸縣民均
以廢堤爲利乃令罷七縣堤其珥河諸堤河
內督臣尋奏言青池青威二縣堤一捍珥河

之水一捍喝江之水其地與下流諸縣勢相聯絡願一體停築以舒民力便農功

帝諭曰堤防一事利害攸關向來培築勞費不貲總爲農利至計若國不費民不勞而民獲其利則有堤不若無堤之善一舉兩便利莫大焉何事年年徒費許多工帑爲也準從所請

帝又諭曰向來設築堤防未嘗靳費且豎河竿驗水誌以爲預備之準其爲防計至矣惟堤之規式當

隨地勢之高下不然則長堤一帶水漲辰勢必從
低處漫過高者安足恃乎乃命以水痕最長之年
爲準凡衝要卑濕者增高之

命廣治以北諸地方府縣以勸相農桑爲課績
考勤怠定黜陟

帝諭內閣曰本年北圻堤潰被害者多卽邊遠之宣
光諒山米價亦因之騰踊因思救荒善政無如廣
栽食物北寧山西河內興安海陽五省已降諭訓

飭矣

河水今已降殺其居傍高處高者飭令播種百穀及芋豆薯麥毋畱一毫曠土又須多播

籽秧俾低下之區水落後借以補植如有不敷官爲之給

可傳自治平安靜清

葩南定以及興化宣光太原諒山高平廣安等省

督撫布按各須盡心民事凡田土有業主田戶管

業者要多方勸課使皆盡力農桑餘官田土並一

切荒閒之地官爲招雇貧乏飭令多植百穀及芋

豆薯麥物力不足者則貸以錢米迨成熟後如數

還官剩者均聽自食其力府縣如能勸率有方致

月

廿五日

重農上

二日

米賤而民食足者由上司察奏準爲上考不次拔擢其次雖米價不減亦不增貴者準爲中考量與級紀若奉行不力茫無成效或有別項情弊亦準參奏革罷仍炤輕重治罪再如沿邊等省凡所轄漢民加心勸督至如土民不必苛求或致驚擾

帝召問京尹曰近來不雨田禾何如對曰低田猶可

高田則乾涸矣

帝曰禾方發穗而旱朕甚憂之今八月雨候已近更恐

霖潦愈爲民害耳

定安督臣奏言農候已晚田禾勢難補植其民
有願畱淤水以便後次耕作者

帝謂戶部曰昨者山西奏稱農候尚早田禾猶可補
植何同此節候而早晚卻異朕近因潦水旣落節
次諭令疏積水以補植之今南定所奏更與山西
不同可見人情不同欲大槩如此然而爲政者安
可違民之所欲乎孔子曰爲君難誠哉是言也

八月畿內雨潦

帝召京尹陳秀穎問以田閒情狀對曰潦雖未甚而田禾近熟者多爲風所靡乃令往勘之因命駕幸旗臺觀潦水及秀穎還

帝問田禾視去年何如對曰減卻一二分

帝曰此潦幸在月

八

之中浣儻在七八月之交則損

傷多矣

帝諭戶部曰嘉定省近因逆壤煽變延及五省人民

驚動靡所底居甚至耕稼愆期田野委成荒廢似
此情形誠深憫惻今官兵進薄城下逆賊已可指
日蕩平安集撫寧正關要著其傳諭定邊隆祥安
河諸督撫布按等各宜加心招撫凡團廛商賈驚
散者安集之間里小民流徙者還定之務期市不
易肆人皆樂堵其田疇有荒廢者宜及今勸課凡
宜稼之田使之補植以至芋豆菜麥凡可以濟饑
者栽之俾地無曠土民有資生則事平之後可望

月

令文要

卷之八 重農上

三二六

完復完足矣

諭南圻諸道將軍參贊竝各省地方官曰六七月間正在農候南圻之民所被賊徒擾掠想已不安生理又有激於義憤相率從征雖尊親一念出自天良而失業妨農朕心誠所不忍今宜遍行曉示所在民人凡從前業已應義從征者就中酌量誰是原無管業情願效力以卒前功者聽餘係有作業之民及初附者各散歸農俾得田里相安用副朕

愛民勸農之意

海陽省臣奏報米價驟減

帝謂戶部曰前者北圻水災此轄尤爲切害纔經潦落米價驟得就減而諸轄未見好音何也可傳諭山西北寧河內南定興安寧平等省卽據日下米價竝田禾情狀以聞

帝召問京尹陳秀穎曰今天晴暑民間以爲何如對曰雨後而晴則禾苗秀茂民皆喜其農功順

便

帝又問民間所植菀利何物對曰芋豆

帝曰何不植赤麥對曰恐冬寒非宜

帝曰冬初未寒赤麥猶可植朕嘗令於後宮植之其

植於八月者至今月十已熟植於九月十月者今已

青秀此易於爲功而可以充饑也乃命出赤麥以

示羣臣且賜之食又諭京尹勸民多植之

廣安是秋禾穀上豐省臣以報

帝諭內閣曰朕深爲一方赤子幸之爰親製詩章紀

其事

明命十五年

郊祀禮成是夕甘雨降

帝大悅諭曰京縣田方發穗春膏優渥百禾勃發可
必大有書年愈微

乾坤眷祐寅感曷勝其令禮部傳諭問諸地方得雨
情狀以聞諸省尋奏膏澤頻降四野浹洽禾苗麥

薯皆秀茂比之往年十倍焉

命濬興安久安河

初興安堤潰民願停築改為濬江之役督撫臣鄧文添鄭

光卿遵諭會勘奏言崇市社堤潰處現成深潭通於田間水道有小溪一帶經東安金洞

僊侶天施芙蓉梁分等縣抵汴津江口直注于海陽青沔縣江分請因其勢開鑿下流諸

堤量隨剗削俾秋潦順注直放于海

帝諭之曰河之兩岸多有闢八民田可嚴戢在工人

等凡構蔡舍運沙土要于閒曠之處至於田閒禾

苗芋豆一寸則重一寸一尺則重一尺毋得率意

踐傷違者責令所管督工並府縣賠之

帝又謂侍臣曰北圻堤防一事應去應留衆論不一
朕日夜籌思未嘗少置且北圻事勢與清乂以南
不同前人築堤亦不得已儻去堤果有目前之利
猶不可行況去堤而河水溢八害已隨之則堤之
不可去也明矣若輕議去堤不免貽後世之笑朕
令濬久安河蓋以分殺珥河之水想此河旣開水
有所洩則萬世之下民將歌功頌德之不暇又孰

得而閒言哉及河工竣興安省臣奏言夏禾豐熟
大勝往年因

諭之曰興安前因遇潦禾穀歉收曾命濬河築堤

河之

兩岸各築護堤以衛之

以衛畝畝今夏禾告熟倍常諒吾民

以豐補歉元氣可復初矣惟北圻夏中雨候常多
水漲而久安河護堤新築土質未堅可爲之掛慮

乃命省臣亟勸田家收獲登場以防水患及
潦至田禾竟無損者尋以久安河兩岸均有

護堤水潦愈激勢難兩保準先於地勢稍高
之左岸程工起築以衛田禾至如右岸地勢
稍卑俟後再擬

帝臨朝命出黃梁盆以示羣臣曰梁乃易生之物朕
於宮中令植之見有一穗兩歧者因思古人以麥
穗兩歧爲瑞梁非麥而亦穀類此必豐年之兆且
宮中蓮池多竝蒂葩諸植物亦有雙果連結者蓋
和氣充盈則物類暢茂故凡上豐之年必有奇葩

月令文要

卷之八 重農上

四

瑞草爲之先兆也

海陽省臣奏摺請凡公私田土遺漏畱荒各聽所在民及田主續徵展以年限徐徐開墾其外人報墾控徵姑且禁止事下戶部議請嗣凡請地方各社村公私田土從來有耕無徵脫漏版籍竝聽由所在府縣自首著簿起科以發覺之年爲始故不首者不論何社村人均聽赴官陳訴卽將隱漏者按律治罪再按

畝責收每畝錢三緡充賞告者田土仍給主
管業炤例追收一年租稅告發全虛問以反
坐若無賴之徒因事嚇恠而有漏田者復私
賄以求免控覺出其賊八官各按律加等治
罪至如荒閒田土依例先墾者得若私田土
不能自墾以致荒廢亦聽外人得以報墾均
俟三年成熟後著從私田項起科惟流民荒
田由所在飭附近者分力耕徵其民回復卽

如數交還毋得槩援墾荒之例再地方上司
宜申飭府縣凡勘辦田土之案派勘者須定
程限不得稽延敢有滋弊聽民訴發除賄遺
銀錢按律重治卽如飲食款頓有要索者亦
炤枉法計贓科罪

帝曰嚇忱之弊固自不無而隱漏田土律有明條亦
不應停其告發事關國課民生必須就中斟酌以
求其當其令廷臣安議以爲田土之遺漏有二有

於原徵各處所中漏出者亦有別處全幅盡
是隱漏者請嗣凡遺漏田土爲人發覺何者
於原徵在簿各處中剩出者仍依部議辦理
其別處全幅炤原例斷歸先徵者得如刁猾
貪圖霸占於原徵剩出之田土捏立處號指
爲別處全幅妄自起爭卽按律重治其田土
斷歸田主至於荒閒田土有人耕墾者應炤
十二年議定俟至六年後起科餘並依部議

帝準如議行惟訴遺漏者如不明指畝數處所含混
粘單均槩不準理

南定大熟

帝謂侍臣曰南定近無盜賊民皆力稼俗漸回淳宜
其得天之降祥歲臻大稔也乃親製詩章紀其事
令硃刻頒給諸省俾各知之

寧平省臣奏言金山縣地連於海土氣酸鹹有
小溪自安謨之貞女江流注久經堙塞所在

民願開濬以利農功許之

江號乾

十一月畿內膏雨命禱于雨師廟

帝又於宮中齋誠密禱雨大降廣平河靜亦膏雨省

臣但委府縣分禱

帝聞之諭曰朕向來憫雨恤農日夜未曾少懈當此
盼澤之期地方大吏正當殫竭精誠爲民請命方
爲不負所職卻乃視同膜外則民社之責何居如
日下雨未降省官一人親禱之

帝諭工部曰昨朕舟過城外見沿江多有草莽叢生
恐日久堙塞或至妨農獨不見利農河爲利農乎
宜令所在民隨勢順導開濬溝渠以利農功

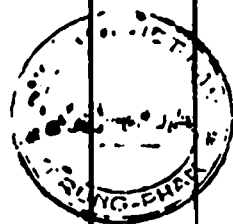
明命政要卷之八止

明命政要卷之九

重農第九

下

明命十六年



帝召問京尹王有光曰近來連日晴霽民間高田曾
否滋潤禾穀已未發穗對曰高田前經得雨茲尚
潤澤禾苗秀茂其早稼者已發穗

帝曰今歲春氣暄和而去冬雨澤旣多田閒浹洽想
必獲豐稔矣又聞民間借耕昔價賤而今價貴亦

以年穀屢豐民愈勤農故田土價貴耳因思我
皇考開利農河以便灌漑所以水旱無患大有頻書
誠爲千萬世之利昨朕船經富良港道諭令疏通
毋使壅塞此亦利農之要也

畿內北風寒雨

帝諭內閣曰在京冬雨稍多八春田猶滋潤而正月
間應旬雨沛連獲甘膏四境田疇青葱一律乃近
據寧平河內奏報畱雨朕遙爲默禱日切于懷今

LXXXIX
風雨自正北而來理或北圻同霑膏澤其令禮部
傳諭詢問之已而諸省疏至皆云已獲甘雨禾苗

競秀

帝大悅因謂承天府尹曰朕昨以北風寒雨爲憂命
皇子訪之民間有言已發穗者無損大抵民間栽
植早晚不齊故天不能隨之而晴雨各適朕亦無
可奈何惟同此節候而北圻諸轄霑雨之後復報
得雨田禾可蘇是可喜也承天田禾竟以寒雨損

傷又可憂也憂喜交集朕不知如何使吾民各得
遂願但夙夜兢惕不懈于心耳

二月又安河靜久霽雨

帝諭曰王政首務莫先於足民去冬諸省咸報豐登
惟安靜未獲全稔朕深爲之掛念今春北圻諸省
霽雨近據奏報亦已霑濡而此二轄未蒙甘澤又
又安前奏嚴霜太盛禾苗萎黃恐收成之期不能
盡臻大熟不得不先爲預籌其令省臣多方勸課

屬轄人民廣栽芋薯菽豆之類要可療饑者朕於
前年曾因米貴命兵民于京城郭外遍植尋皆告
熟米價爲平是亦救荒之寔政也至如民間宰牛
煮酒豐稔之年其害猶小歉薄之年傷農匪輕宜
嚴禁之

南圻大稔米價減賤

帝聞之大悅降諭曰六省曩因事變田疇荒廢米價
日昂小民不免艱食朕念及民依曾經傳諭地方

勸課栽植今幸獲豐年之應寔惟

天眷有加亦由吾民之務本力農也重念諸轄地本
沃饒耕播易於爲力向來粟粒罔知顧惜況值此
樂歲穀米狼戾正恐吾民漸生怠惰不畚不耨何
望有秋能保其日常溫飽乎夫民生之本在農勤
於稼穡獲享上豐其效驗諒如今日之所親見凡
爲吾民勿以豐盈爲自足各宜勤力於農以至桑
麻芋豆蔬菜亦須栽植務使地無遺利百穀用成

則不惟生理常豐而盜賊亦由此屏息于以相安
無事此朕之所厚望也

置河僊省屯田

帝諭兵部曰河僊地多餘利而適今省轄無事可諭
令省臣倣古屯田擇其可耕之地按給駐防弁兵
以耕牛田器使之且耕且操所得粟米花利聽自
食用俟一二年成田後卽以此充爲口糧在官只
給餉錢毋須給米以爲久遠之計再廣募貧民開

墾耕作凡籽秧及耕牛田器官爲借給俟後田土成熟民食稍豐再將官項回納務期足食足兵著有成效已而省臣尋擇得河洲縣美德社平安村地轄皆有曠土可堪耕稼乃量地廣狹請撥河僊奇兵五十人守朱巖堡就近耕作一百人于平安屯田以農隙操演又招募河洲墾江二縣貧民各給以耕牛田器秧粟使之墾治

帝諭內閣曰本年因以禾穀歉收京中米價昂貴曾

已多方調劑或減蠲租稅或減價發糶或以工代

賑

修廣盛倉雇民應役厚給八月錢二緡米二方

凡關裕民善政莫不次

第舉行今吾民雖未至艱食而米價猶未減平朕

念切民天未嘗少置不得不預爲籌料以裕民食

其令在京諸管員通飭所在軍人于京城內曠土

多栽百穀及芋薯麥豆城外左右後三面附郭之

地亦隨便栽植準京尹遍行勸課人民力事耕耘

俾地無空曠人有餘資近來暘雨迭更諒必秋成可望矣

海陽督臣奏言屬省宜陽縣明輦社荒田可得千計墾闢亦易請令各衛募兵分班墾治給爲世業從私田例徵稅其耕牛田器仍照管田例給之

帝諭曰此亦古者寓兵于農之意可以底行但行之貴有實效耳爾須親自量度計畝程功使帑不虛

費兵有所資可也

命廣義至平順諸省給爲兵囚犯荒閒田土

帝諭曰此等犯前經有旨開釋分插沿邊社村蓋愈他久在拘禁故欲使之並生並育於天地之間須爲之處置得以資生方有遷善自新之路且所在番荒田土爲數猶多可傳諭廣義平定富安慶和平順諸省督撫布按等各招屬轄諸省閒曠可耕之地而民不能盡墾者卽量給爲兵等犯使出力

耕作其起科年限並應徵稅額均依向例耕牛田

器官爲給之

帝諭鎮西將軍參贊

張明講
蔡大綱

曰鎮西城乃邊陲重地

設置一初雖撫禦隄防正關要著而蠻地久隸版

章蠻民亦吾赤子必須開誘引掖使之日染漢風

且農桑教養寔爲王政之始近聞此處地勢廣漠

肥饒又多產牛耕作亦屬便易但其俗治地則專

用鋤鋤而不識牛耕播穀則僅給饔餐而無有蓄

積至於布帛鴨豕亦民間日用之常而價值太昂
總緣蠻俗愚情不知勤力樹畜所致也準于邊防
講武之暇化導其民教以牛耕多植禾穀俾地無
遺利家有餘貲又廣樹桑麻以爲布帛多養豕鵝
以資食用凡一切常需均要學習漢民勤於生理
諒他雖蠻貊亦有知能況我兵現設屯田與之偕
處則觀化已有其機要宜徐徐訓誨善體而行之
可也

明命十七年

命京尹雇民續濬普利河及工竣

帝親幸觀之見河道疏通甘水湧注勅京尹傳示轄

民凡河之兩旁隨勢導水八田又增溝渠畝澮至

鹹水期壅閉以利農功

復準于河之南岸設順瀾站

兵部臣奏言嘉定崑崙島田地肥饒水土平善

多閒曠可耕之處堡兵海防之暇

清河堡有破臺飭

令墾植又招募窮民與居食力耕牛田器官

爲之給則有兵可守有田可耕數年之後必
成一樂土而海防固矣從之

南義撫臣奏言省轄今春田禾偶因北風傷損
帝諭曰諸轄田禾近來雖未盡獲上豐亦稱中稔何
獨此轄連年偶遭小歉因思農功早晚要適乎辰
卽如承天邈年以十月播穀十一月下稼歷冬徂
春漸臻秀茂迨至二三月間次第發穗適此暮春
和煦多獲豐收雖有年之應寔賴天和而耕播得

宜亦善於乘辰之明驗也不審廣南一轄田禾何
乃播植太早致冬末春初卽已發穗當此寒氣未
散安必其無北風之患乎似乎人謀之不善也可
傳旨詢問轄民僉稱闔境田疇多是高燥須早施
工方及節候省臣具以八奏

帝曰千里不同風亦地勢使然農功早晚不妨隨地
之宜誠不可彊之齊一也

河寧總督奏言富川縣古遼社休堤因小滿潦

漲太早河水漫過田禾浸滄接轄上福山明
青威等縣田水泛濫一望汪洋

帝諭之曰今此處夏禾旣遭浸滄難望有秋可加心
勸導其民或及早下稼俾來年四月下旬先已收
成免致重遭夏潦或修築衛農堤路要可禦小滿
之水以保夏穀登倉方爲盡善

帝幸藉田觀禾謂京尹曰農者本也朕躬耕藉所以
勸天下之民今禾苗淳長可望有秋宜常飭耕夫

刈稂莠毋使害苗可也

帝諭戶部曰朕因巡幸廣治地方見田禾均獲青秀而永定河兩岸多有曠土詢之所在民皆云此緣用力艱故畱夏耕以省工費驗其言則此土非不宜於秋但小民憚勞或資本不充所致耳夫民生之功莫先於稼穡朕於勸農一事向來丁寧告戒誠欲吾民專事南畝共陶富給今廣治近畿乃有此怠惰生穀之地未盡墾而地方官亦不能加心

勸相豈朕導民務本之意乎其令省臣察驗如有
貧乏無力者借以籽秧或錢粟使之勤於耕稼務
期野無曠土民有餘糧以稱朕意

邊和省臣奏言省轄有沿林一帶廣漠肥饒請
不拘兵民誰願開墾五十畝以上者免兵役
一年

帝諭之曰墾治閒田固是導民先務但開墾多至五
十畝豈一夫之力所能而兵以保衛卒伍不可不

充豈有免役之理今當募外籍民立爲邑里以此處荒地量力給之成田後起徵方爲無窮之利也帝又以慶和省轄地多林麓人煙尚稀諭令省臣在募民夫先於官路兩旁剪除草木一望平曠仍親行勸導所在民隨便於林澤加工墾植又準量隨勢多設屯田發兵民換駐給以耕牛田器使之墾作以資儲積

帝諭內閣曰南圻六省從前田土疆界處所總屬含

混今經略大臣親所閱歷逐款詳議安合

定邊隆祥安河

六省原徵田土其明著畝高等第者少而以一繩一頃一所計者頗多從無界限儻有控爭難憑處斷是年二月日命經略大臣前往履勘據現在頃所度成畝高議分等第交所在民定修地簿從耕

居炤例徵稅

準如議行重念仁政必自經界始經界正

然後可以垂永久而杜爭端可令社村以新度田簿爲準明立界限或用木表或用石碣標誌明刻俾便遵循不得一毫改易田界已定而荒閒可耕之地猶多須勤於勸相俾墾闢日廣而益裕民天

尋命南圻諸省臣申飭府縣勸課轄民儘將
所在荒廢田土報墾年底準據轄下田土增
減之數彙冊以聞

定北圻奏報河水升降例

帝諭工部曰北圻河防朕日夜縈懷未嘗少置因念
珥河水勢遞年自夏徂秋或漲或落節候不同今
已過白露之期其令河寧總督據現在情形先報
一次嗣十五日或二十日遇有奏報各據河水升

降夾敘或附片以聞至寒露止開年自小滿至寒
露亦照此行

明命十八年

築翠苑靈蔡山傍衛農堰初

帝因巡幸見山之兩旁田禾中有一帶小溪鹹水汎
溢久欲築堰以禦之至是命京尹訪之所在
民皆樂願乃派衛兵於溪口築橫堰一段自
是鹹水不能入農民利之

鎮西城臣奏言城轄前各府招集流民立成村
邑與藩民間居開墾荒土生理未裕請俟滿
三年建修田簿酌定稅額惟巴川府前因投
寓之民分設七村應據田數由安江修簿以
來年起科許之

帝又諭戶部曰自古帝王爲治莫不以重農爲先是
以宅不毛者有里布之征而田野日闢者有加地
進律之典誠以民事不可緩也朕一念民天前依

廷議以勸課爲考績法邊和土廣報墾屬寥寥人
民遊惰久已成風亦所在上司不能勸督之過也
可傳諭布按等申飭轄民各墾荒閒之土不拘著
落在何社村均聽經官報墾其耕牛田器及籽秧
有不足者官給之歲終以所墾之數報部六年成
田後照例起科至如屬轄蠻民今旣列爲編戶亦
須量地立邑教之農桑栽植日染漢風此乃用夏
變夷之要著也邊和省臣尋奏言屬轄新墾田土

止須用火一遭便能耕播三年已成良田請
徵其稅毋須援以六年

帝諭曰墾徵田土是民間勤業以爲生一年用功便
可耕植繼之兩年成熟自收其利勞已足償三年
起科宜矣何待六年諭中外以湊滿三年爲例

帝諭內閣曰近日山西海陽興安偶有河水之災尋
各以潦退報農務亦不爲晚朕聞潦水所至多是
浮泥潦落後則爲膏腴秋收愈倍可傳諭諸省臣

勤於勸課凡百穀芋豆以至桑麻可以資溫飽者
隨宜栽植務期以得補失轉歉爲豐以副朕勤民
本意

寧平省臣奏言省轄田疇年前潦漲常被浸滄
擬應於屬轄小江中段截開一新江過金山
縣以通于海

帝諭曰農事民天朕心深所懸慮如其籌擬果能消
淤而利農雖經費鉅萬亦所不靳第此轄與河內

接壤每至潦漲上流合派之水直注下來大江猶或消受不過今欲開一小江何能消洩得透況金山原有條路以禦鹹水若于此開截之則上流之水未必其能洩而鹹水從此湧入轉致妨農不若且仍舊貫但臨期隨勢疏鑿猶爲愈也

明命十九年

置左右澤源屯田

帝諭曰國家承平日久戶口日蕃所在地方田野爲

之日開矣乃京畿之地開曠尙多卽如左右兩澤
源距京城不甚遠一向委之荒莽豈不可惜昨經
派出監城相度繪圖進覽其可耕居者凡得十餘
處可傳旨京尹量雇開墾要得田地可耕仍聽民
認領耕居自食其力使之樂樂而利利矣尋墾得
成土一百四十餘畝令給人各錢十緡以爲
資本差役並免復發承天治平南義爲兵囚
插八屯田由承天管束使之出力墾治

河僊省臣奏言屯田兵開墾凡得二百餘畝本年收成粟除徵稅並量畱籽秧尙剩五百九十餘斛請一併登貯備給

帝諭曰分兵屯田乃是寔邊要著須勸督弁兵續墾俾地利無遺以裕人食

廣義省臣奏言原歸義隊兵分插沿邊各社給以閒田二十餘畝使之墾治今三年各已安居生理請以本年起科令與所在一例徵納

許之

定安道御史黃收等疏言今夏禾告熟其承天
轄民雇役諸公所請權放回俾及農候

帝曰輒民以備用橋梁以濟人皆事之不容已朝廷
重用民力厚價和雇使之仰資天庾悅以忘勞何
至有妨農務但言官旣以陳奏未應付之愬然其
令京尹炤何所可緩者量放之還俟粟粒登場後
再辦

帝臨朝問京尹王有光農功晚否對曰雨亦未晚

帝曰穀者民生之命邇來經旬亢旱大田晒澤正殷
朕於宮中曾命植禾一處雖日令灌漑亦不滋長
朕心益加焦急因感風寒今獲雨降從此枯苗可
救而朕微恙亦瘳矣又問工部曰北圻河水何如
對曰諸省報有勝常五七尺不等

帝曰如此則大汛之期水必漲盛憂旱未已又將憂
水矣

申命鎮西勸課兵民墾闢田土

帝諭曰鎮西地多閒曠曾令飭撥兵民出力墾治乃
向來未聞著有成效曩因土匪滋事未暇於耕亦
勢之所必然方今事平諒已相安無事其傳諭將
軍乘此閒暇督令開墾務期田野日闢得穀益多
以爲寔邊要著又此轄土質輕浮禾苗易枯雨潦
又常浸淪要宜籌擬隨方蓄水以備灌溉或別擇
早禾能於三月內播植成熟者以爲籽秧俾夏秋

旱潦亦不能爲之災斯善矣城臣尋奏言城轄節
次墾田凡得三千餘畝請於城之右面築一
堤以防潦設一竇以引水許之

平順米貴艱食土民更甚命貸之粟因

諭之曰積貯生民之命古者三年耕必有一年之積
蓋所以爲先備之具今此轄米貴漢民原有儲積
猶能自贍若土民全無資產動至饑窮卽此已可
展驗宜開示土民等各須務本力農勤於耕作以

至一切芋豆薯麥亦多栽植如食用有餘則儲爲他日之用勿可仍前奢情一有小歉便形匱乏其深戒之

慶和省臣摺言省轄地多閒曠請勅下北圻諸大省招募窮民徙居使之耕墾

帝諭之曰此轄曠土雖多而草木荒蕪必先費一番勦伐然後可耕若徙別處人來則目前但見其勞未見其利安保其皆寧幹而無逃遁乎準依前所

議派兵屯田近來墾田得穀著有成效今當加心
勸相務期墾治愈增又邇年冬春之交既是農隙
又無雨潦可因弁兵畢集之期令于省城旁近閒
曠處隨便芟除草木開破成田仍栽植花穀以取
利或募窮民而給之則聚闢日加將見山林荒莽
之區可變爲菽粟豐盈之樂土矣

命纂承天羅碧蘇沱二潭堤堰二潭與利農河
相通京尹奏請橫築小堤以捍河水將來成

田可得四百餘畝乃命雇民爲之

帝諭府尹范世忠曰今雨潦不至逾常但積旱而雨其雨必久想吾民收穫尚未畢功況播秧又正其辰遇此一潦能保其無損乎朕念切民天未嘗頃刻忘也

邊和省臣奏言屬轄福安縣赤藍汛一帶上源與隆慶縣連接原有荒田並膏腴之地可以開墾者多第經久沙土培塞秋潦漲溢難於

耕作請雇民隨勢開鑿則荒地可耕而田日以闢許之及水道既通人民願墾徵者凡得一百七十餘畝再請於開年農候派屬省兵給以籽秧耕牛田器往墾以盡地利

帝嘉其盡心民事命賞之

南圻諸省以屬轄增墾田土之數彙奏準戶部按其多寡議賞之因降

諭曰曩以南圻田土尚多閒曠經諭令地方官加心

勸相務使民各勤農茲據所奏但就荒閒田土報
墾上說至若寔徵田土有無荒廢未曾提及且田
土各有荒熟如熟者盡力耕作而荒者又能日闢
方足言功儻若熟田多荒究亦何益其傳諭諸省
察訪轄下在籍寔徵田土果皆一律耕作抑其閒
或有荒廢仍將各縣寔徵原數分爲百成就中寔
耕幾何荒廢幾何約取大略具奏俾悉情狀

領平富督臣奏言平定一轄公田者少私田倍

多其私田率爲豪富兼併貧者無聊請量爲
之制凡私田定以五畝爲限餘者併爲公田
分給兵民以爲糧田口分俾資生理

帝諭曰古者均田以業民生使之有常產有常心誠
爲美意顧今昔異宜井田一廢於秦歷漢唐宋而
下終不可復總緣勢異事殊行之有不著處況私
田土之爲世業年月已久簿籍已成今無故割取
人之私產血本諒非人情所安而一番創作更張

恐未見其利而已不勝其擾此事殆難行也尋令
 六部會議請凡公私田土諸村邑或公勝於
 私或公私相等者毋須折取餘私勝於公者
 公田聽仍舊均給私田土折半閒有人丁無
 田及有土無田並人數多而田數少者就近
 量摘官寨田公田充給則兵民均蒙其利乃
 命協辦大學士武春謹等往行均田法總里
 富戶舉皆歡洽準昭原議施行及事竣

帝諭曰君民者以惠民爲心豈忍使一夫失所顧併吞積習豪彊獨專其利則窮丁下戶無所資生卽如平定一轄私田之數十倍于公富者田連阡陌而貧者無立錫之地其不均莫大於是此次分析爲公務使貧富相均兵民兩利此朝廷切意爲民何曾有一毫私利凡識者諒皆知悉不然一番改給事屬殷繁乃纔數月而事已完竣自非人情有所樂利曷能若是其數濟乎今簿籍旣成及早送

交俾得炤數耕徵其閒年夏務應徵錢粟竝免

明命二十年

帝諭戶部曰鎮西田地肥饒而尙多閒曠經諭量摘駐防弁兵竝發往屯田兵犯耕墾以期土地日闢粟粒贏餘茲據奏墾得三千餘畝其勤力服勞亦屬可獎第此田多爲旱潦損傷致收成粟米僅四五千斛則用力多而就效少未足言功其諭令城臣加心勤督弁兵悉力耕墾自本年以後每至成

熟檢看何所粟數得七分以上分爲十成炤原墾之兵有餉例者賞一成未有餉者賞一成半再分項彙奏增賞以勸之

科道臣上疏言鎮西河僊地控遲蠻均爲西陲要閫儲積不可不預請勅下南圻諸省募民入粟寔邊仍于安江建倉就近輸納行之數年積貯必贏而屯田日闢乃命戶部詳議以爲南圻田地富饒民多逐末若募八粟則西

陞兵餉既無漕運之勞而田野富民蒙得朝廷賞格彼此相視盡力勤農亦勤相之一端

也請命南圻諸省曉示轄民凡有情願輸粟

按項賞之俟滿三年即止從之

輸粟五百斛免身稅兵徭

五年一千斛免十年千五百斛免二十年二

千斛復其身二千五百斛賞從九品百戶三

千斛賞正九品百戶三千五百斛賞從八品

百戶四千斛賞正八品百戶五千斛以上賞

七品官臨期由

部聲明候旨

慶和永隆河僊諸省奏報弁兵墾田收成粟數

令炤隨多少量賞之

河寧督臣奏言屬轄洲土陰沙二千餘畝自嘉隆年閒單徵至茲未報成土又有增培而脫漏無徵者請皆勘度並將總里治以欺隱之罪事下部議亦以爲然

帝諭曰本年北圻人民甫離疾疫朝廷將安養之不暇若遽爾派勘不惟不肖吏胥從中滋擾而吾民隱漏之辜到此又不可以恩宥朕念及此有所不

忍可傳諭北圻有洲土諸地方宜開示所轄總里等凡有陰淤已成土竝新培成土者限以本年內報官起徵其新培未成土亦卽單徵登案則從前隱漏之罪竝免若出限不報別爲他人訴發或自官勘出必加等罪之

京師雨潦遣侍衛往田上觀之及詢之承天皆以田禾不至損傷爲對

帝謂侍臣曰禾穀正在成熟之期遇此雨潦則穗粒

折落亦其勢之不能免但所幸者無暴風乍雨乍止雖有損亦不過十之一二豈有全無損傷之理乎或者見朕念切民天故爲此悅耳之言也且北圻諸省田地卑濕恃堤以衛農每每爲潦水潰決所害今年潦晚則禾穀先已收成可保無患惟廣南以南地多高燥望雨以生儻七月閒雨潦愆期則禾穀不免損傷是爲可憂也朕爲民父母每祈上天施貺常獲豐登使斯民共享太平之福此其

大願望也

命通諭南圻六省各據屬轄荒閒之地何所有
屯田兵墾植者卽將在省軍流徒役安置安
插爲奴與充當苦差諸囚犯交所在屯田兵
管束令勤力耕作其軍流徒囚仍舊鐐鎖炤
鎮西屯植例人各月給米一方

富安綏和縣田疇多因江溪稍遠委爲曠土署
督臣奏請開渠導水令民墾治成田凡得千

餘畝命賞之復令摘在省軍流以下諸囚犯
發往此處屯植炤依南圻例給之尋復準戶
部議慶和以南有屯田者各量摘成田許囚
犯管作逮收成一半輸官一半自食口糧停
給剩者聽近便民耕徵充爲公田

戶部臣奏言平順以北諸直省田土猶多荒廢
閒有寔耕而著爲畱荒與已墾而未報徵者
請以開年正月爲始限六個月聽田戶或里

役陳首其寔耕者炤等起徵新墾者假限三年而免其隱漏之罪若限外不首覺出卽加等重治至如畱荒未墾者由地方官勸督墾治每至年底以荒墾之數會彙奏冊由部覈辦其省府縣及總里炤所墾多寡分別賞罰一依南圻之例從之

明命二十一年

嘉定省臣奏言屬轄緣無公田富者包占至千

百畝貧者無資請炤各社村私田之數折分
爲二一半給主管業一半作爲公田均給兵
民

帝諭之曰南圻諸省土沃而田多但患民之不勤不
患田之不足如能善爲調劑以富者之有餘補貧
者之不足開示而善導之自可使民均利豈不逾
於逐處折半不免一番改修冊籍動滋煩擾乎茲
準察驗何社村田土多荒者飭令所在民併力墾

作充爲公田均給兵民或何社原有田土較多耕作不盡者親行曉示使之摘出一半或十之三四交社內充公與民同利試觀事可底行摺奏遵辦省臣尋奉開諭轄民多願以已私田讓爲公田準交所在民均給

帝以永隆崑崙堡地廣土饒而民居稀少諭省臣轉飭駐防弁兵出力開墾各量給以耕牛田器及秧粟隨其地利播植禾穀芋豆以資食用

畿內耆老獻新穀

帝命摘數粒親嘗之召

皇長子長慶公及諸大臣各賜一穗謂之曰朕嘗
此米旣寔而甘殊深歡慰曩田禾暢茂適遇連日
寒冷深以爲憂朕聞禾方發穗遇寒則不免傷損
今乃豐寔如此意者彼等揀其早熟而美者以獻
之乎

命承天開刮轄下江河諸水道

帝諭曰京城四外諸江道河道所以通舟楫而便農
功其利大矣近者無知小民往往利其無稅輒于
水道兩旁栽植禾芋日久蔓延漸成蕪塞其令按
江分飭民隨段剗整俾江河一律流通農商咸利
犯者杖一百枷號一月總里各杖八十京尹縣員
均交部議處

廣治春陽富海等社控稱有舊港道夾永定河
自港口塞無水灌田請開之令省臣察勘奏

言港口在河上流開之其利無幾而水分河
淺舟行不便

帝諭曰永定河之開所以爲千萬世無窮之利彼民
見小豈宜曲徇惟旣以病農爲辭朝廷何忍恣視
準炤此等社分諸舊港道有沙塞者挑剔之淺涸
者疏導之則田禾有資灌漑而雨潦亦免淤積農
功未爲不利矣

明命政要卷之九止

明命政要卷之十

崇儉第十

明命元年

賜建安公吳錢二千緡

帝諭之曰爾俸爾祿民膏民脂當思儉約以承家愼毋侈泰以妨德予爲天下守財豈得常用公帑爲私惠乎其後賜以米千方復

諭吏曰爾宜節省浮費儉德最好其念之

帝將北巡諭諸地方曰行宮之設聊備駐蹕但用茅茨雜木爲之務從省節橋梁道路圯壞者修之亦不必高廣

明命二年

北城臣奏言今近有事北巡在城行宮請丹雘以壯觀瞻

帝諭之曰

尊廟致美則可人君所居宜素樸以示儉況一辰巡

幸安用文飭爲又傳

諭廣治以北修葺行宮戒毋奢麗及北巡

車駕將至又安適風雨行宮有傾損者鎮臣以聞

帝諭曰行宮暫歇之所仍舊補葺不必復加粉飾轉
生虛費至清苑見行宮不甚雕飾

帝顧謂侍臣曰朕因事巡幸不欲多費於民今至此
所見寔慰朕懷

明命三年

管武庫臣奏言中和殿閒有滲漏請改葺之

帝曰昔我

先帝建此殿意欲傳之永世苟易一椽正一瓦踐履
動搖必有所損朕卽位未幾安可用人力乎其補
葺之而已

明命六年

辰恭值秋

饗多有進果品者

帝諭禮部曰辰物薦新禮也今諸地方貢品登之邊
豆頗覺贏餘若復進之豈不滋勞費乎其免之

明命七年

又安鎮臣奏言是年鐵木稅額請依定例征徵
其拖欠追收必長十五尺以上者方聽輸納
帝諭之曰爾所請重國課也然竹頭木屑猶爲有用
况此木需用最廣何必以此限爲今木戶所納不
拘正供積欠凡木橫六寸長十尺以上均準折納

以便于民因謂工部曰朕自卽位以來所用材木甚撙節翼廊廚舍多用接木爲之雖所益無幾然畱爲無窮之用亦不可忽嗣凡材木旣經構作而撤去當揀其堪用者貯之毋得委爲棄物

明命十年

帝諭工部曰清乂鐵木稅例向來定有成式疵者斥之姑念鐵木國家要需豈可寸棄今民間斫納甚艱旣不八正供又不敢私賣毋乃委爲無用之物

乎可令鎮臣通告木戶其有表節枝段長四五尺橫三四寸以上竝疵跡尚堪工作願輸官者酌估給之使小民得資其利

帝諭禮部曰向來萬壽元旦端陽三大節京外均有恭進銀禮明命三年改定在京例有差等在外準酌隨方物具表委員遞進而免銀禮今朕念在京既有所賞公費銀錢毫無所損至如諸城大鎮官多祿厚所捐廉俸各止分釐惟小鎮官少祿微雖

獻無多而不免遞年捐斂更有不肖官吏從中取巧高騰價值託公營私寔有乖改定初意自今三大節中外貢獻皆罷之但炤前具表稱賀如遇國家大慶備物獻誠亦不妨也又罷商舶稅上進禮其禮例錢併歸稅額

命內務集零星綵緞緣席以進

帝因賦詩以誌其事有云可觀哉碎綵緣席似勝乎書囊作帷

明命十一年

承天府臣奏言府轄各縣耆目咸願屆

慶節日齊集京城之南設案餘街鋪各隨所在陳

設廬效祝釐

帝嘉其肫誠令於綵樓庭前構綵棚二屆期瞻拜至
於街鋪仍依向例張燈不必設案又勅凡應
作綵棚者各隨所有不必限定錦綵以副崇
儉抑奢之意既而

帝幸綵樓見其壯麗諭羣臣曰董理等員寔不能仰
體朕心徒事美觀不免多費且去年禮部議奏本
年值朕四旬正壽懇請舉行慶典朕不忍孤臣民
之望爰準行之然當以奢靡爲戒

帝又諭禮部曰邇年萬壽節臣民例有門首張燈本
年值朕初開四袞問之在京民間不拘貧富爭相
較效多備燈燭點明雖每戶門首止一二盞油燈
數夜點放所費不過百十錢文有物力者此不足

爲有無而貧乏小民衣食旣未能裕如則分文朕亦爲之愛惜其通諭下戶貧乏者各宜撙節勿可勉強效人

帝念京畿三縣所構絲棚未免損民令戶禮二部問其所需官爲給直鄉紳等皆請免給

帝諭之曰畿輔爲首善之地久漸聲教所請寔出尊親誠悃昨日朕以民間張燈小費猶爲之愛惜物力令其撙節況如此陳設能無費乎其給之錢一

千緡

帝諭禮部曰廣南採進南珍果品乃恭備

尊廟饗忌薦新諸禮節雖備物所以致敬而禮意不
貴乎多今循例採進每至十三四簍驛遞多煩民
力其令嗣凡按期恭進以六簍爲限著爲例

明命十二年

木倉材料多朽敝工部請充薪爰命覆檢之猶
有堪用者

帝謂內閣曰木屑竹頭未應寸棄乃工部不能詳檢
槩欲銷案殊非愛惜材用之意可傳旨嚴飭其尚
堪用者且畱倉隨事公需餘秤交承天水軍俾充
薰操板片燒造瓦甃之用以省虛費

明命十四年

帝幸太和殿工所諭董理黎文德曰午門牆腳宜用
碎甃其成片者當畱之以備砌築此亦儉德之一
端也且今雖大段經營而所增者一大宮門爲朝

謁出入之所耳餘皆因舊而修葺之何嘗以土木而糜費財用哉又

諭內閣曰大宮門正中鐫詩有一人受命治天下天下原非奉一人之句思甚精好蓋謂人君受命于天以治天下當憂勤庶務使萬物各得其所豈徒以天下之供輸而爲一人之奉哉今一番營建亦以宸居之所觀瞻係焉不得已而爲之非以奢侈自奉也古有土階茅茨誠云儉德然施之於古則

可今若用之則非所宜至若近代有服澣濯之衣者有鄉大夫乘牛車者此亦儉德之小節耳於世務民生何益且如清道光帝御輦不用朱漆金湘而以布包之更換轉滋煩費朕甚不取也

帝御文明殿謂侍臣曰北圻潦水爲災民生昏墊朕爲民父母何忍甘於宴樂乎其以今日爲始尙膳所進御膳減其半一切歌樂竝罷宮中珠玉珍玩之物亦卽省卻上苑禽獸悉放之又勅內宮凡有

名位者炤品服用不得過奢婢女不得僭用錦繡
飲食須有節度不得屑越因

謂之曰朕首重民天邈年躬耕爲天下勸汝等所共
知也寧可妄費乎凡此訓戒各條所當慎守傳曰
家齊而後國治國治而後天下平其可忽哉

工部據河內籌擬礮車應需鐵木長橫之限轉
咨清苑採買

帝聞之謂內閣曰礮車木料長短大小皆可酌用卻

乃拘定長橫尺寸木價能不浮高乎其傳旨嚴飭
仍通諭部院諸衙嗣有應辦之事類此者須加意
熟籌若漫無可否虛費工力必交嚴議

明命十五年

帝諭禮部曰土宜致貢亦是用下供上之禮第程途
稍遠不忍使民煩勞郵傳準定嗣凡恭遇

列廟春饗禮與十一月

聖壽令節海陽依例恭進飴柑十二月

奉先殿忌辰各炤例海陽恭進飴柑南定大火鹹餘
悉止之又準定遯年

郊祀社稷壇春秋二戊

列廟正旦諸禮節例有炤灼大燈籠嗣後停省又

萬壽

聖壽正旦端陽等節宮殿庭前及午門前張掛燈籠
亦停之著爲令

帝幸木倉詢知民間輸賣各色材木督工匠役費用

者多問之工部則稱此木已經支過三千七百餘株

諭之曰朕爲人君每事愛惜物力思圖省節乃彼等不體朕意視國帑一同糞土是誠何心哉其令戶部都察院查明有無浮支侵蝕竝所辦謬妄一一具奏候旨懲辦部院尋摘出領發含混指參督工管木倉及巡查科道等員俱分別坐罪

帝躬耕藉田前一日

駕幸慶寧宮見張燈結彩甚壯麗謂之曰朕以去秋偶值災傷省躬修行宮中所陳珠玉玩器亦多減省況此宮止蹕一宿安用此爲嗣宜停設及閱耕具多有飾黃金者

諭之曰朕邈年躬耕帝藉蓋欲務本重農以身率下故不憚勤勞夫力求於畎畝又何有於黃金況耒耜飾金甚屬無謂而反若示奢矣其可已者已之如耒柄之類則勿飾不可已者如牛鞭之類皆以

銅錫代之以副名寔召勤儉

明命十六年

平順捕弁進勦蠻匪搜獲匪柵所貯粟米十餘
所悉焚之事聞

帝諭曰粟米民之所天蠻匪作孽不妨取其儲積但
當此米價稍昂乃將許多粟粒付之一炬殊爲可
惜嗣有搜獲宜設法隨便運貯給發災黎不可一
槩燒燬暴殄食物

明命十七年

帝將幸廣南

諭曰此行專以爲民及整頓地方其行宮並用茅茨
土階一切供應都從撙節準兵工二部擬奏及巡
幸

帝以沿途行宮各所規制樸素深嘉之賞省臣及承
辦人等有差

帝巡幸順安海口

諭曰朕屢次巡幸畿內親見兩岸社村明燭焚香跪迎跪送其日閒明燭無謂而費嗣宜止之

帝諭內閣曰武庫帑項總匯之所從前監守人等多有因循支發或製辦之項應用粗而支精應用少而支多不能權量重輕虛糜國帑屢經申飭而其弊尚未盡除卽如懸掛庭燎乃暫辰之用竹繩椰繩有何不可乃向來槩以麻繩爲之甚至有染色者就此一事其他可知其傳旨清查等員悉心稽

覈凡有支放不合者無論寔支寔銷準卽摘款嚴
參其領辦諸衙亦覈出參奏以戒將來

明命十八年

武庫監臨奏請以官項土塢土盆發交玻璃珙

璫二匠局擣末粘窰口作物範

帝諭曰物雖至微如竹頭木屑猶不可棄況此乃人
閒日用所需今欲將完善者搗碎之何其暴殄天
物若是邪彼等有心邀請預爲他日換易之媒耳

命重責之

帝諭

皇長子長慶公曰人誰無欲惟飲食起居能知撙節則可以祈

天永命矣朕辰亦思自窒遏以勸導臣子也今宜慎之

帝諭侍臣曰昔舜造漆器諫者十餘人夫聖莫聖於舜所造者漆器亦不爲侈猶以爲諫直以臣之愛

君當防其漸漆器不已恐更流於金玉玩好此所以諫也

帝諭工部曰向來大慶節每於勤政殿構作綵棚一座以備設宴第思此棚只備設宴一日隨復撤去未免轉滋勞費其停之屆日宴項賞項各于殿上竝左右廡陳設惟樂工聽于庭前奏樂用示雅觀帝謂戶部曰財者國之大政自古量入爲出無非謹於用財也朕親政以來節財爲務日期富盛乃安

靜等省租賦所八不足以供所出意者工作所支
不能省約或利其私役多雷班兵不免虛糜國帑
舉一例餘總緣諸地方大吏不知經國遠圖以致
然耳夫古者九年耕必有三年之積今海宇清寧
而諸省方其無事常支已覺不足將何以爲有事
之防乎準通諭諸督撫布按等當悉心籌畫如何
可以省節財用者聽各條列以聞及諸省奏上令
部臣按款閱議準定施行

明命十九年

改定嘉定運納御粟例

此粟出於福祿縣七社村結總既疎收穫又晚

帝以嘉定向例歲輸御粟一百斛爲數過多久貯不免陳減諭令嗣歲五十斛餘改納粗粟俾得簡便又定承天廣治河內南定買糯粟歲以一千一百斛爲準

明命二十年

準定自今諸地方派遞金銀輸京銀者仍由內

務府會同驗收黃金則於閱是堂登納

帝謂戶部曰向來內務縫匠領項裁製率多用意揮霍朕昨令取錦緞等匹有從中侵挾取二三片者或已截成衣裾而復委爲零餘者如此豈不虛糜國帑且工匠之與主守猶巫卜之相爲表裏監臨旣曲爲容徇而諸衙屬員會同看驗者亦不曾糾摘則檢覈專員不幾於虛設乎嗣凡內務工所祇領庫項縫製鋪繡諸物件監臨主守宜審熟籌算

務使長短多少各適其宜其會同看驗者亦加心
覈檢如辦理不善致有虧損者立即嚴參若失於
檢舉別經發覺工匠等即以坐贓論監臨主守及
諸衙看辦者亦分別議處

帝問武庫烏煙價幾何督工等以寔對

煙一斤值錢近一絡

帝曰煙之佳者無逾松煙乃向來因循以橄欖脂薰
取誠爲妄費其令守護衛及承天派兵往採松枝
及枯葉枯樹一萬斤上下送庫依法燒薰取煙貯

用若仍前虛糜國帑者罪之

河內省臣奏請再建在省行宮正殿

帝諭曰在外行宮但備屬省官員望拜足矣此省前
以北巡製式有前殿正殿又各有前楹正楹過於
侈費茲經年朽漏準卽撤下仍依明命十三年部
送規式止設行宮一座三間二厦以合體制

帝諭內閣曰開年值朕五旬萬壽大慶節中外臣工
同辭懇請預辦樓棚以爲祝嘏之所夫一人有慶

普率莫不尊親但臣之事君要在肫誠不在奢靡
近聞諸直省意欲爭奇競勝以博美觀殊非朕崇
儉抑奢之意顧樓棚材料已有弁兵爲之採辦其
陳設物件亦準權借官項諒亦不至多費惟所進
品物聽隨省轄之大小紳弁之多寡酌量計辦務
表丹忱足矣若以奢麗相高不惟不爲朕之所賞
鑒亦非朕之所樂聞且損上益下是朕素志況值
慶節行將敘福敷錫加惠臣民豈忍視其傷財勞

在內務者當詳加牌誌以備點刷毋使奸吏得以
 游移換易朕所以丁寧於此者以國家之財貨皆
 民之租賦所入凡有賞賚當與臣工共之若以下
 民之膏脂充奸宄之囊橐豈爲天下守財之意乎
 帝閱視慶節樓棚見又安棚有陳設木獸形二命進
 覽愛其體勢天然不假彫琢特賞大金錢一
 枚及至南定棚見其陳設侈靡

謂布政陳光進曰今值慶節臣工祝嘏盛陳文物朕

所不禁然窮極奢麗亦非朕所好也歸語同僚如
能恪守官常撫綏吾民使之不失其所方稱朕懷
若徒事壯觀夫亦何益又遍歷各省樓棚諸有陳
設清雅皆撫慰之因

謂董理何維藩等曰諸省樓棚爭尚奇巧朕觀之約
費各以萬計縱使外官亦如京官以三月俸錢會
斂何足以供但恐科及兵民不免有咎況錦緞價
貴今剪割以繡龍鳳慶成後反爲無用豈不甚虛

力者乎其令禮部傳諭中外知之有平順派員買
 一屏風值錢至一千七百餘緡令卽還業戶
 準給庫項充需辰海陽富戶四十餘人自願
 供賢白金八百兩錢百緡先摘數人來京預辦樓棚屆
 期慶祝省臣咨部以聞

帝曰以此轄民數十人幾及千金之費則此外未必
 無爭奇競勝以博美觀可傳諭諸地方轉飭轄民
 有情願來京稱慶者其恭進土宜品物以至陳設

等項要量加省節無得過爲奢麗至如樓棚材料
官爲代辦不至多傷財力若有姦巧之徒藉事科
斂者覺出重治

帝聞尊人府構辦祝嘏樓棚物項多侈靡召謂之曰
汝等乃是至親宜仰體朕意事事都從質樸勿尚
壯麗枉費財力也

明命二十一年

帝以樓棚各所陳設事繁因謂之曰凡陳設之物領

費乎宜以此意宣示使各知之

帝駕幸京城外遍觀民戶鋪戶棚見承天府諸棚陳設雅淡甚悅又至北圻諸棚陳設極壯麗

諭之曰汝等遠來祝嘏有此尊君親上之誠朕已鑒諒但不可過於奢侈耳儻能自出財力開浚天德月德等江使珥河之水有所洩不爲民害豈不爲美事乎歸相報告朕願爾等耕鑿相安毋事爭訟毋好作亂以共享太平之福若夫鬪巧爭奇朕不

月
本
正
夏
卷之十

取也

明
命
政
要
卷
之
十
止

明命政要卷之十一

禮樂第十一上

明命元年

春正月戊午朔

帝卽皇帝位於太和殿改元明命大赦頒恩詔于天下先是

先帝上賓文武大臣交章敦請仰遵遺詔早正尊號以繫人心

帝不許羣臣再三勸進皆以爲付託重器不可久虛
帝重違其請至是勉從之每對羣臣稱述

先帝功德輒涕泣不已尚書范登興阮有慎等皆以

節哀順變爲請

帝曰朕固知哀毀踰禮至不勝喪者反比不孝但哀
慕至情不能已耳羣臣屢以爲言

帝始親政然日就几筵哀哭諒陰三年未嘗輟焉

帝詣

皇仁殿行殷奠禮自是日三奠朔望殷奠

祀

天地于南郊先期命官卜郊前三日會百官誓齋二

日祗告

太廟

皇仁殿前一日駕詣齋宮屆日行禮率如故典

命清範錕臣祭告

原廟

月令文要

卷之二十一 禮樂

詔曰報本所以崇孝正始所以明禮

原廟肇基王迹垂裕萬世可令備禮謁告以明追遠
之義又增定

原廟禮例

上

大行皇帝尊謚曰開天弘道立紀垂統神文聖武峻
德隆功至仁大孝高皇帝廟號世祖

帝曰我

皇考以中興兼創業功德隆盛漢高光不能過以此
尊謚其庶幾乎

奉安

高皇帝金冊於皇仁殿初

帝親閱金冊欲具衰經禮部請以素服不允羣臣亦
皆固諫勉從之因

謂人君以尊廟社稷爲重禮制所限情不能伸宮殿
之中非衰經笄衣之所曩者

皇考遺命千秋萬歲後遷

梓宮於皇仁殿正爲是耳德音在耳朕何敢忘然其
情終不自安因泫然泣下羣臣亦皆感泣

命官以

寧陵日期祇告

郊廟社稷又敕中外啓奠前二日至卒哭禁朱紫色
服音樂歌唱自啓奠至初虞禁市肆屠肉

夏四月辛丑寧

天授陵前三日戊戌

靈駕進發

帝步隨至香江津次蘆殿奉

靈駕登舟是日至

皇堂前蘆殿酉刻安玄宮壬寅題

神主于明成殿奉還

皇仁殿安位禮成祇告

郊廟社稷布告中外賞扈從諸軍有差

月令文要

卷之十一 禮樂上

四

諭初虞至卒哭

皇仁明成二殿日三薦膳

帝諭禮部曰尊廟典禮隆重古之祭者必身親之朕方在衰經不親展如在之誠凡遇

饗祀等禮可於尊人中擇謹慎有官職者代之又定朔望清晨尊室人員具朝服恭詣

列廟行禮

加上

高皇后尊謚命有司鑄

金冊

準定嗣凡恭遇

列廟忌辰欽命諸公皇子攝祭

帝詣

皇仁殿奉迎

高皇后聖位升配

明成殿又謁

月令文要

卷之十一 禮樂上

日右正司

卷二十一

三

天授陵賞扈從諸軍錢有差

加上

皇妣簡恭齊孝翼正順元皇后尊謚曰承天佐聖厚
德慈仁簡恭齊孝翼正順元高皇后

帝親率羣臣詣

皇仁殿奉

神主升配

先是

神主奉

安午殿右至是
合祀正中間

賜京官四品外官三品以上代宴銀

詔曰人君卽位之始必覃敷闡澤宴饗臣工所以慶
明良而孚輯睦也朕仰邀

天眷上承

付託之重下協推戴之誠臨御在初正惟罔極緘悲
喪禮輟轡未暇舉行今

橋山寧厝

福廟合尊崇答彝章次第具舉然而海音猶密弓劍

月令文要

卷之二十一 禮樂上

六

未寒朕心哀疚訖訖豈君臣歡宴之日禮不可越而事不容曠其以銀代宴有差

帝以邵陽夫人靈應向來合祀于會同廟乃命于邵

陽別祠祀之

社名秋歲以春致祭

阮文仁請為開國功臣立廟

帝曰忠節之臣亦須祀有常所乃命工部建開國功

臣忠節功臣二廟祀之

開國功臣廟在中興功臣廟之左忠節功

臣廟在右後每歲春秋以甲日祭

帝謂禮部曰今開國中興諸功臣咸在祀秩惟念國家開創以來王臣及士卒死於王事者不少而姓名埋沒弔祭不至殊可哀惻乃準定歲以春秋二期功臣廟祭則別祭諸死事者名恩祀壇

帝謂禮部尚書范登興曰古禮有云喪不祭又云君子有終身之喪忌日之謂也則忌非吉祭可知嗣遇

列廟忌辰當何如登興請御禮服行禮從之

帝諭禮部曰王者敬事

尊廟祠官不可不備其增置廟郎廟丞奉守

列廟祀事尋復改司奉一二二隊為左右祠祭二司

司置祠祭使副使以管之又增置典事各一

明命二年

春正月癸丑朔

帝始御九龍冠黃袍玉帶祀

太廟自後

廟饗皆親祀焉

原廟成

帝欲追尊

澄國公徽號廷議以爲禮莫備於周昔武王受命周
公成文武之德追王太王王季上祀先公以
天子之禮夫周公達孝者也上推文武之意
追王只於二三世組紃以上至后稷惟曰先
公而已未有尊謚今我

世祖高皇帝混一天南追帝

肇祖

太祖復立

原廟因舊基也正廟奉祀

肇祖

太祖左廟別祀

澄國公而無追尊徽號此卽周家祀先公之禮同一

軌也請仍舊號奉祀

帝然之

初嘉隆年間始建

太廟于皇城內之左同堂異室正中奉

太祖嘉裕皇帝左右奉

列聖爲九廟室之北別建廟以祀

肇祖靖皇帝又建廟于城之右以奉

孝康皇帝至是

帝將建世廟乃移建

日名正馬

卷之十一

ナ

右廟于其北

依

肇廟體制命羣臣議上廟號咸以爲

皇祖篤生

聖子應

天順人帝業之興寔基于此興之爲言起也又盛也

詩云天保定爾以莫不興請以興字爲

廟號從之

帝又追念

先帝功業

諭羣臣曰我

皇考神功聖德卓冠千古當居中南面永饗尊崇方
合天下臣民之望若祔於

太廟則于

睿宗召穆更恐非宜又以次而祔非朕所以孝事意
也可于

右廟之前依

太廟制別建

世廟百世不遷以合情禮後又製

諭文藏之史館其略曰親盡則祧禮也然以臣子而

議君親於心安乎沉禮緣義起寧失於厚聖人豈

不云乎我國家蒙

天地

宗社之靈雲仍相承

世廟九室既盈則擇地更建新廟永遠遵循引而弗

昔何美如之何善如之若聽腐儒泥古妄議祧遷
斷非本朝臣子矣此有關

宗廟至計不得不剴切明示我之子孫臣庶當深悉
朕心奉爲成法用期萬年惟庶云

帝諭禮部曰國家肇造丕基永保

天命寔惟

祖宗積慶福祉鍾靈其封

長原陵天尊山爲肇禋山之神

長基陵之山爲啓運山之神

基聖陵之山爲興業山之神尋又封

天授陵之山爲天授山之神各立祠春秋二祭

上

皇太后尊號先是羣臣上表請尊

皇母爲皇太后

帝以表進奉

慈諭曰予覽表已知皇帝及諸臣誠心了朕念

先帝寧陵未幾寢食不甘更茲癘氣兵民疾病者多
予見皇帝如此憂勤不勝憐憫雖此災癘未必由
人君涼德所致然有天下者當天下之責可也則
受天下之奉者憂天下之憂亦可也予願諸老先
生同德一心匡輔皇帝所不遠以回天意以樂民
生則予欣忭多矣所請尊崇一款不必舉行羣臣
再三敦請乃從之至是

帝率羣臣奉上

尊號頒恩詔其略曰自古帝王光膺圖錄莫不表德
垂鴻以播休鑠周有思齊之什著於詩歌漢有長
樂之謠垂於史策誠彝倫之鉅典呂代之題觀欽
惟

皇母佐我

皇考世祖高皇帝淑問宣召慈愛之仁施于子姓積
累之慶裕于邦家明勛藐躬享有大業雖治統治
法全仰

聖謨而善行善言寔蒙

慈訓仰惟

至恩大德無可以稱用是參稽典禮崇上徽稱今大
禮慶成可覃恩於中外

帝與羣臣議

廟祀羣臣奏言明鴻武年間以太廟辰饗未足以展
孝思乃別建奉先殿朝夕焚香朔望瞻拜辰
節獻新生忌致祭皆在於此清興因之我

世祖高皇帝初建

皇仁殿深意蓋有在焉今旣建

世廟則

皇仁殿亦猶明清之奉先殿請俟

升廟禮成奉安

聖位于皇仁殿其登進禮例由禮部詳議以進

帝善之後命更皇仁殿爲

奉先殿

冊贈

元妃胡氏爲召儀謚順德
卽

仁皇后

建關公祠

在京城御河之北

歲以春秋致祭

定通國神祇封典上列贈三美字中列二美字

下列一美字神號鄙俚者改之

帝諭禮部曰百神舊封美字太多每一加贈又繫其
 下後將不勝書矣今宜以新封諸字書于敕舊字

省之可也後廷臣續議北城神敕多以黎季不足
徵信請削之

帝曰朕爲百神之主登秩之禮惟視其有功德者旣
委廷臣覈議則以廷臣爲耳目朕當從之且我朝
中興之際雖由人謀協贊然天命所歸必有神明
敕順如水牛渡江海中甘醴之類非神靈默相而
何嘉隆年閒經議封贈嗣以奉行差誤事遂中止
今朕適承

先志舉行盛典非如鄭氏僭濫媚悅鬼神以壓服人心也神如有知其諒朕之心矣

禮部臣奏言歷代帝王廟請於發迹處或接近前途者命官致祭名山大川由地方官合祭各一壇從之

帝親詣

太廟以北巡事告

帝與羣臣議邦交禮問曰諭祭之日當服何服禮部

月令文要

卷之二十一 禮樂上

十三

尚書范登興對曰黎朝故事用烏袍角帶

帝曰

列聖忌日我

皇考服春秋冠交頤衣自有典則朕當以

皇考之事

列聖者事

皇考何必因黎典乎乃定諭祭日如忌日服

車駕北巡

至廣平行宮

帝登城觀古壘與羣臣談論國初南北分爭事因賜
祭南北陣亡將士

諭曰

列聖開創之初此爲戰地將士爲國捐軀埋碧之場
也北人抗我顏行不得不加之鋒鏑然亦各爲主
致命耳其令營臣設南北二壇而南壇禮品加厚
示隆殺焉特遣欽命祭之

車駕至清苑親謁

原廟望拜

長原陵謂從臣曰朕瞻橋山念

祖德可於回鑾後撰文建碑用召鴻業之所由興垂
示億萬斯年無疆也

帝自製表文恭進

慈壽宮其略曰臣自啓鑾以來所歷地方並施恩澤
在京在外官吏兵丁每加賞賚所費銀幣錢糧何

營數十餘萬欲集天下之歡以承歡斂天下之福而爲福祝我

聖母聖壽無疆少伸臣本心之大願也及恭值

聖壽節復製表文略曰臣以邦交之故久稽于外未

能親捧霞觴承歡祝嘏中心怵惕寤寐不寧願日

月升恒延景福無疆之曆山河永祝洽臣民共慶

之心益篤純禧彌增福祉億萬載之光葩弘開寶

籙八千春之歲月疊積箕疇自後元旦端陽及

聖壽慶節皆親率皇子諸公文武百官恭詣

慈壽宮朝賀

帝駐蹕北城

諭畱京

皇長子曰昨因清使遲緩朕將回鑾以及大祥鉅
典而僉同諫阻咸願少畱今使期已定至日爾
當敬謹攝祭亦如我之親身叩拜也及清使至

以十九日

十二月

諭祭

帝諭從臣曰十九日正值我

皇考祥日清使此來大禮恰逢其期自丁黎李陳以
來才有如此者得非我

先帝在天之靈有以致之邪是日朕親先拜告可也

明命三年

車駕至京師謁

皇仁殿復詣

慈壽宮慶安又以邦交禮成祇告

月令文要

卷之二十一 禮樂上

一

列廟

帝詣

皇仁殿行禋祭禮

世廟成奉

世祖高皇帝

高皇后神主升廟尋賜親勅太傅毅公尊室旻等四
人功臣太尉國公武性等十二人從祀于左
右廡後復賜太傅郡公阮德川預焉

準定自今

郊祀從壇八皇子親公分獻四壇文武大臣分獻四壇

太廟五饗左右八案皇子皇親分獻四案文武大臣分獻四案禮部先期請旨分派其不預分獻者按班陪祀曠者糾參之

帝御中和殿諭羣臣曰曩者朕以正殿東廊光明堂爲倚廬朝夕于斯三年猶一日也今升廟大禮告

成爰命諏吉御正殿以協宅中圖大之義焉

禮部臣奏上大朝常朝禮例每月朔望設大朝
于太和殿初五初十二二十五等日設常
朝于勤政殿百官朝拜如儀

帝乃準以是年二月十五日爲始復勅凡遇閏月大
朝常朝竝免

奉

世祖高皇帝升配郊壇嘉隆初肇建南郊歲以仲春

合祀

天地左奉

太祖嘉裕皇帝升以配至是禮部奏言祭祀之禮莫大於郊天帝王之孝莫大於尊祖我

世祖高皇帝戡定禍亂身致太平功高德厚峻極于天宜陟配於

天穹竝居歆於

烈祖請于郊壇升配以彰

月令文要

卷之二十一 禮樂上

二下

聖孝

帝善其言乃降諭其略曰殷薦之象垂於義經右享
之歌載於周頌尊尊親親王道之備至也奉我
皇考世祖高皇帝聰明神武應天順人茂經綸於雲
雷掃陰霾乎宇宙滌萬眾之讎恥慰

九廟之聲靈受天眷祐統有南方創業中興功德茂
盛制禮作樂以賁前庥立紀陳綱以貽後代躬四
十餘載之勤勞垂億萬斯年之基統宜配祀

上帝申錫無疆朕嗣位以來緬懷

前烈仰

召明于在上想

陟降以如臨深恩鋪揚崇鴻以抒孝敬茲準依禮部
所請施行乃命小吉大祀

天地奉

世祖高皇帝升配于右其儀章與
左配位同禮成頒恩詔于天下尋

月命文吏

家之上禮樂上

三

御勤政殿賜羣臣宴皇子皇親及大臣行上壽禮舞

八佾樂奏五章奉

帝陞

成之章樂舞生舞千戚上壽第一次奏

平

青葩枝第二次奏允成之章舞

紅葩枝第三

奏嘉成之章舞黃

葩枝禮成奏慶成之章舞羽籥

賞賚各有

差恭其後過

聖壽六旬七旬大慶節奉

帝御殿賜宴羣臣上壽舞佾樂章竝做此

帝謂禮部曰向例

廟饗竝元旦端陽二節前夕用小侯女樂且小侯歌

唱近於褻瀆其傳之今國家閒暇增修文物宜惟

其辰可議製樂章使樂工登歌以復古禮乃準部

議凡恭遇

列廟饗祀樂奏六章

咸和壽和張和寧和安復勅嗣
和雍和壽和後改祥

凡

郊

廟竝大朝常朝諸禮皇子皇親文武百官各如例朝

拜無故曠廢者參之

禮部臣奏言聲音之道與政通鐘鼓樂器也用
之郊廟朝廷所以警羣音之動而宣眾音之
和也考之清典凡饗祀慶賀諸大禮車駕出
入竝有鳴鐘嚴鼓今請參酌定爲典例從之

明命四年

定省

陵歲以清明節爲例向例歲以臘月省謁去臘

帝奉

皇太后謁

天授陵

慈舟既發風雨驟至

帝亟率羣臣扈從及禮成回鑾

諭禮部曰前代上陵之禮多用清明節今以隆冬涸
寒之期不但隨駕官員衝冒寒冷而扈蹕士伍立
風雨中尤爲可憫況非晴和之候而朕親奉
安輿更非慎重之意自後謁

陵定以清明爲例復命禮部議展謁禮部臣奏請用
牲饌薦獻邈年至日

皇上親謁

天授陵欽命皇子諸公分詣諸

陵行禮從之

帝諭禮部曰自古帝王各有廟祀第自黎以前都在
民間奉事國祭廟宇未經創建緬念前王迭作功
德在民朕深景慕其議建廟以祀之

部臣奏請參酌明典一堂

五室合祀伏羲神農黃帝唐堯虞舜夏禹商
 湯周文王武王以明道統之傳我國則自涇
 陽王赧龍君雄王至丁先皇黎大行李太祖
 陳太尊仁尊黎太祖聖尊皆一代令辟功業
 顯著雖乎在聞均應列入祀典命廷臣覆議
 請加士王李聖尊仁尊陳英尊黎英尊並列
 廟祀至如東西兩廡請以歷代功臣施於
 民功及於國如風后力牧皋陶夔龍伯夷伯
 益伊尹傅說周公旦太公望召公奭召穆公
 虎方叔與丁李陳黎之功臣如阮弼洪獻黎
 華曉李常傑蘇應城陳國峻陳日燭范五老
 張漢超丁列黎熾黎魁黎念鄭惟悅黃廷燮
 馮克寬等亦於是建廟于京城香水之南歲
 應列從祀典於是建廟于京城香水之南歲
 以春秋二仲遣官致祭其後禮部奏稱士燮

日右正旦

卷二十一

三

在東漢爲交州刺史未嘗正位居尊黎英尊
爲鄭松逼害則統紀已紊豈可與正統之君
同祀乎請各省之

帝可其奏

御製

帝系金冊及藩系銀冊成

帝將以事告

郊廟勅禮部議儀注部臣請應先告



列廟然後告

天地庶合於禮從之

社稷壇秋祭

帝親詣行禮

諭禮部曰舉行崇典爲民祈福也爾有司各宜敬謹

將事

增定季冬祫饗禮

向稱臘祭與
四孟饗禮別

帝謂禮部曰遞年

月令文要

卷二十一 禮樂上

三

廟饗朕躬詣行禮既有定期茲準依部議增設
祫饗禮品與四孟均爲五饗典禮攸關創自今始其
本年朕躬詣

太廟明年詣

世廟行禮

列廟竝命官攝祭後復準禮部議

列廟上標元旦端陽諸節均命皇子親公代之

明命五年

禮部臣奏言向來恭遇慶節奉有覃恩寶詔粘
 掛于數文樓其樓前官軍排列守護與畿甸
 父老并候瞻拜並民人歡感據情陳謝諸儀
 節尚屬疎略請應議定施行從之

重修

瑞聖寢殿工竣

帝御九龍冠黃袍玉帶行奉安

聖位禮尋御禮服謁

月令文要

卷二十一 禮樂上

三十八

天授陵先是禮部奏言向來掃謁山陵用忌日之服如遇有吉禮合用服色未有定式謹按清典凡修理陵寢工竣奉旨親詣行禮大饗禮畢皇帝易素服詣明樓前酌酒又謁陵適逢廟饗之期親詣行禮者御朝服以此推之茲

瑞聖陵奉安

聖位奉

上御朝服庶合於禮然之

帝出胡笙一以示協辦大學士鄭懷德曰此中國之
樂音也甘露何亦有之懷德對曰昔嬴秦之虐伶
官散之四方此其一驗也

帝曰樂以養性情今朕欲改定音律第未得其人耳
建火神廟禮部奏言今國家閒暇禮樂修明自
大祀中祀至羣祀靡不畢舉山川鬼神以莫
不寧惟火神未之及請建專廟祀之

帝從其議乃命建廟於御河之北歲以六月二十三

月令文要

卷之二十一 禮樂上

三二

日台正馬一

卷之十一

三

日致祭

初鑄銅人

手持齋戒牌

凡遇

饗祀致齋禮臣由內監以進

郊祀前三日進

廟饗前二日進社稷壇歷代帝王廟文廟

帝親詣行禮者前一日進尋準定社稷壇歷代帝王

廟文廟遇有慶典

帝親致祭歲春秋二祭則命官祀之

玉牒成命禮部議定上進儀注

帝御中和殿皇子皇親百官具朝服祇候于勤政殿
總裁鄭懷德等捧

玉牒金函置龍亭皇子譜銀函置彩亭儀仗雅樂前
導進至勤政殿皇子皇親百官跪迎內臣捧
進

帝展閱尊藏于殿正中其副本藏于國史館賞總裁
以下至謄錄等有差

聖壽節

帝率羣臣詣

慈壽宮行慶賀禮自是歲以爲常先是命禮部撰

聖壽節樂曲

凡十章

令樂生演習是日奉

慈旨停免部臣復奏言慶節歌頌乃臣子尊戴之誠

請嗣後照例獻舞

帝然之

定元旦端陽上標諸節禮例
今年除夕上標

帝詣
世廟明年元旦詣

太廟端陽詣
世廟上標詣

太廟又明年元旦詣
世廟端陽詣

太廟上標詣
世廟週而復始

列廟命皇子詣
公攝祭

明命六年

置恩祀壇嘉隆初建設都城荒墳在城內者皆

移葬歲久圯缺

月令文要

卷之十一 禮樂上

七

帝命京尹封築之立木界禁踐踏歲以季春獨吉祀之

賜祭陣亡將士

諭曰粵昔奉我

皇考世祖高皇帝仁征義戰凡陣亡將士常令致祭朕嗣服云初經準設恩祀壇歲命官祭之因念近來邊警戰士閒有鋒鏑捐軀者亦可矜憫其令京尹擇地設壇祭之尋命諸地方各致祭一壇

建思容海口神祠

舊附祀于南海龍王廟始置專祠

歲以春秋

致祭

明命七年

建風伯雨師廟

風伯廟在南海龍王廟之左雨師廟在楊春社

帝謂禮部曰風能鼓物雨能潤物有功於國大矣從

來祈禱只設壇而已其令各建廟祀之又以雲雷

作解一氣相參命于雨師廟增設二位合祀

建火礮神廟

在富春社

明命文要

卷之十一 禮樂上

三

帝以火礮成器有神司之當列在祀典故命建廟

改建忠節功臣廟先是命建開國功臣忠節功臣二廟于中興功臣正廟之左右有司以右有船廠水道乃於左後西向建忠節功臣廟至是準禮部議填其水道改建于右其舊廟畱爲遞年春秋恩祀之所

明命八年

禮部臣奏言遞年恭遇

慈壽宮聖壽正端陽諸禮節奉

皇上親率羣臣行禮萬幾之暇又奉親詣視膳問安

誠足以銷舒

聖孝惟春首恭進錢文

常年一萬緡大慶之年五萬緡

未有儀式請

先擬撰禮膳嗣由戶部于春初奏請欽命皇
子公竝部臣一人各具冠服進獻如儀

帝從之

十一月

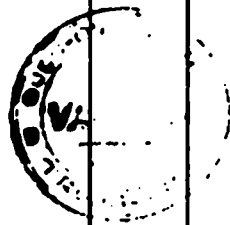
二十七日恭遇

皇太后六旬大慶節先命有司建綵樓綵棚于

僊壽門內盛陳音樂

帝奉

慈駕御觀之樂工獻禎祥舞八蠻樂



帝因諭羣臣曰我

皇考開拓興圖混一區宇功厚德茂予不能殫述其

萬一當辰

聖壽年近六旬慶典猶未舉行故朕與羣臣未得一

番捧觴上壽此心所以不足者此耳雖帝王之孝在於繼志述事立紀陳經垂之久遠不但節文已也然人子事親必有備禮隆儀庶無遺憾今

皇太后六旬慶典雖祝嘏登歌未足云報而爲子之心亦可以少慰矣屆日

帝親率皇子親公文武百官詣

慈壽宮恭上慶賀金箋禮品行上壽禮樂奏五章舞

八佾奉

皇太后陞座奏樂慶之章樂舞生舞鼓拍金箏月
琴琵琶笛管三絃二絃上壽第一次奏集慶
之章舞青葩枝第二次奏彰慶之章舞紅葩
枝第三次奏保慶之章舞黃葩枝禮成奏成
慶之章舞
僊桃菓 頒恩詔于天下

明命九年

禮部臣奏言春首命官卜郊命將出兵亦宣命
之一事耳向來設大朝儀于太和殿頗屬繁
文請歲以正月十一日于勤政殿設常朝儀
令欽命官卜郊及出兵官趨拜

帝從之復申定陳設大朝常朝法駕鹵簿竝騎駕鹵

簿

行耕藉禮用之

用召太平儀衛

禮部臣奏言故事

郊祭前設朝誓齋夫齋者齊也當風夜淨慙用表精

虔若陳儀衛宣誓戒則繁文也況考之清典

竝無所謂誓齋者請罷之凡遇

郊祭百官齋戒如律而已從之

建北城河神廟于白鶴

社名屬山西白鶴縣

贈效靈協順

河神歲以春秋致祭安瀾後又賽謝一次

明命十年

初行迎春進春禮先是禮部奏言謹按禮記月
令季冬之月命有司出土牛以送寒氣隋禮
儀志立春前五日造土牛耕夫犁具於東門
之外是日黎明官吏各具綵仗擊牛者三以
示勸耕又按清典立春日恭進芒神土牛配
以春山各陳於案夫迎春以導和氣亦裁成

輔相之一端而鞭牛以示勸耕且寓重農之

意奉我

皇上注念民依垂情農政其有關於勸相似應倣古
參酌而行之請歲令有司製芒神土牛各三
春山寶座二立春前一日承天府預于東郊
設壇行禮曰迎春禮畢迎芒神土牛春山寶
座各二案安于禮部堂至日部臣及京尹欽
天監各具朝服恭遞于

僊壽門興慶門太監接奉以進曰進春其芒神土牛

一案置之府署京尹鞭其牛三以示勸耕

帝從其議後又命諸地方一律遵行

定先賢廟禮例

歲以春冬二祭給
禮品錢八十緡

帝諭禮部曰朕曩使樂工奏登歌一節尚多疎略因

見絲竹相和聲音歷歷可聽問其所以則云得之

手指擦撥之末至於樂之本則漫無所知朕以一

初草創禮樂闕如每欲制作猶未得其要爾部曾

記黎朝雅樂乎參知潘輝湜對曰黎朝之樂只有
把令而已

帝曰黎朝素稱隆盛而禮樂一事粗鄙如此今雖古
樂遺亡而八音之器尚可攷也當求曉音樂者與
卿等裁之

初定

郊祀典禮嘉隆五年肇建

南郊壇合祀

月令文要

卷之二十一 禮樂上

三十一

天

地 第一歲

圓丘合祀

天

地 南向第二成方壇從位八大明西向周天星宿在

其次雲雨風雷又次之太歲月將又次之夜

明東向山海江澤四陵山神在其次歲以仲
丘陵墳衍又次之天下神祇又次之

春諏吉舉行至是命禮部參考古典詳定禮

樂儀章尋議上一曰祀器璧琮用蒼黃玉

璧蒼

以祀天黃
琮以祀地
爵用陶匏尊用瓷器著尊以盛玄

酒登餼以薦太羹簋簋以共粢盛遵豆以寔

菓品登餼簋簋豆均祀天皆青色祀地皆黃

色

配位從天並青色從位從天者用青從地者用黃方壇

從位八左一大明左二周天星宿左三雲風
兩雷左四太歲月將右一夜明右二山海江

澤四陵山神右三丘陵墳衍右四天下神祇
左一右一左二左三左四從天右二右三右

地四從二曰禮品制帛有三等

正位曰郊祀制帛青色十有二黃色
一均用一項帛

配位曰奉先制帛

左右白色各一亦用一項帛

從位曰祀神制帛

左一赤色一右一白色一均用二項帛左二青赤黃黑色各一白七凡十有一左三青白

黑黃色各一左四白色十有三右二白色各八右三白色四右四白色一均用三項帛各

書字于帛端寔之于筐牲牷用童黝牛羊豕

牛羊八滌三月而芻之粢盛用香糯三曰音

樂歌以九章

顯成景成安成嘉成美成瑞成永成綏成祐成

舞以八

佾

文武舞師各二人舞生六十四人分左右二列初獻武舞干戚亞獻終獻文舞羽籥

樂器則用罍鐘特磬編鐘編磬

鐘用銅磬用石罍鐘特磬

各一編鐘編磬各十有二每奏樂一章先起
 鐃三聲既畢樂以編鐘編磬和諸絲竹曲
 終特磬三聲以止之
 其升降等節仍用大樂
 四曰儀注郊前有卜
 吉之儀祭日升壇禮用三獻

帝命廷臣覆議請玄酒之設改太尊運豆之寔用糕

餅殖醢餘如部議從之又增定燔牛進俎徹

饌之節

燔柴節用童牛一刺爭寔以速香桂葉焚之奠玉帛後行進俎禮飲福受

胙後行徹饌禮其樂章省燔柴上香二節顯成景成增進俎徹饌二節登成尤成以備九奏

禮部臣奏言兵者國之大事奉我

列聖肇基之始北伐南討戎事孔殷暨我

世祖高皇帝聖德中興武功著定所以向例遞年春

肯庭頒旄節命將出師蓋因辰制宜禮則然

也今國家閒暇正武不可觀之辰卽春首而

出兵無事而頒旄節恐非所宜惟太平之世

武備不可忘謹查明典每歲仲秋遣官祭于

旗纛廟若遣將出師祭旗纛而後行再查之

清典旗纛無專廟逸年亦無祭儀惟遣將與
親征啓行乃祭于堂子內門之外則旗纛神
之祭尚矣請嗣凡春首于京城南郭外設壇
命官祭旗纛而省頒旄節之例

帝命廷臣覆議皆以爲是乃準仍依議行自是歲以
爲常

準定

奉先殿諸禮節戒禁條例

一逸年恭遇

誕辰忌辰奉
帝御行禮

凡皇子諸公文武職官陪祀執事者均于

忌辰禮

陪祀執事職官有冠服者依班次侍立餘例

得趨拜而未具禮服者預於左右班次外均候

母得談話喧囂俟趨庭羅拜訖即趨出一階

禮節擡進牲饌并兵各須靜肅有司陳設訖

即出外均候母得停雷兩廡俟禮成徹饌復

靜肅願速以出一每月朔望焚香禮皇子公

炤次具常朝服恭詣瞻拜亦只帶隨長史一

員一當班應直并兵製給角牌各一左右兩
廡之內母得雜置物件仍常加灑掃一門外
磚路左右已有木欄限禁凡一切職官吏役
軍人常日不得擅入
欄內違者按律懲辦

明命政要卷之十一

止

月令文要

卷之十一 雜錄

三十七

月令正長

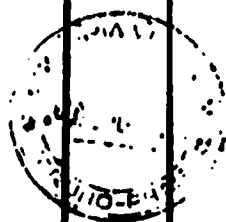
卷二十一

三十三

明命政要卷之十二

禮樂第十一下

明命十一年



準定嗣凡文武三品以上、命婦各昭品自辦朝服、凡恭遇

慈壽宮

聖壽、正旦、端陽、三大節、均於內庭隨班瞻拜、用昭禮度、著爲例

平定安裕汛有泗陽祠素著靈應適載期海口
沙塞已而復通漕船利涉省臣以爲神力請
備三牲禮致謝

帝許之令遞年官船有由此解運而全幫通濟炤此
例行

四月
三十日恭遇

萬壽四旬大慶節文武百官懇請備儀祝嘏舉行慶
典乃命建綵樓于乾元殿闕下建儀門于左

右端門外、又於勤政殿庭及左右廡、各構綵

棚以備張設、禮部議定儀注、請以大慶前十

日是日至正日、文武臣工各於單日具朝服、

八侍諸皇子每日清晨輪班、具朝服詣勤政

殿、左廡恭候、宣召、兵部議發賀礮、請於慶賀

八內請安親膳、前發賀礮、五九四十五聲、蓋取五居尊位、而

九為陽數、不易之義也、自此十年為一節、五

十大慶、用六九五十四聲、六十大慶、用七九

帝皆從之、令有司獨吉度告、

六十三聲、七十大慶、用八九七十二聲、八十

大慶、用九九八十一聲、九十大慶、用一百聲、

歲期願以至萬壽無疆、竝用一百聲、

日 今 正 旦 卷 二 二

郊

廟社稷屆日

帝御太和殿受賀舞八佾樂奏七章

无壽頤壽永壽
嘉壽熙壽顯壽

終壽頌恩詔二十條復

御勤政殿賜皇子諸公文武三品以上宴樂奏五章

景福弘福純福崇福衍福諸公大臣以次上壽

帝親酌酒賜之賞以綵幣次日宴文武四五品及內

閣屬員諸城鎮土司屬國頭目于左右大將

軍廠各賞銀幣又賜承天府耆老大脯三日、
帝御綵樓觀之耆老于樓前瞻拜者二百餘人賜金
銀錢及絹布有差、

禮部議安慶公見爲生母制服以爲嘉隆年間
準定皇子公主爲所生母服齊衰期年準古
施今已適乎天理人情之當今安慶公所服
生母請制齊衰杖期之服再期行禮卽同忌
日惟在兩期之內聽持心喪仍免隨班朝賀

從之、

明命十二年

帝諭禮部曰人臣執笏奏事古之制也可酌行之以
備朝儀乃命炤品製給象笏木笏凡著朝服者皆
用之

初製

郊祀冕服

向用九龍冠黃袍玉帶如廟饗禮

命禮部稽古衮冕之

制以進親自斟酌定式爲之是年祀

天地于南郊、

帝御袞冕執鎮圭行禮既成設朝受賀

諭羣臣曰袞冕肇自軒轅三代而下鮮有行者朕今
取法而損益之垂旒肅穆佩玉鏗鏘服之愆覺肅
敬雍容益召禮度乃知古人製此良有深意朕歷
觀前史不惟我國所無而北朝自清以來亦已久
廢今舉行之清人典禮既失亦將於我取正視之
北朝更有光焉然朕心未敢以爲盡善蓋事天以

寔不以文豈徒侈此美觀以飾文具而已又曰明
世尊不親郊祀甚失事天之義清朝祭天一年凡
二亦爲瀆祀此皆不足法者惟我

皇考世祖高皇帝定爲每年一祭甚合禮典傳之萬
世當遵守之以爲法也後禮部復議奏衣裳之制
取諸乾坤而彩色彰施所以召其文也故古
者上自天子下至諸侯卿士衮冕服章各有
等級今

皇上垂情古典、新製御服衮冕召事

上帝誠為盛典、惟臣工將事周環左右亦應製定章

服以肅禮容、

帝允其奏、乃準炤預充

園壇執事竝從壇分獻者製冕服給之

禮部議定

廟饗禮樂請用五尊以盛玄酒

春饗用犧尊、夏饗用象尊、秋饗用菁尊、冬

饗用壺尊、給饗用山尊、

登斲以寔太羹和羹、簠簋以寔

月令正義

卷之二

三

秬、秳、籩、豆以寔菜品、菹醢、簠、帛用三項、

正案曰奉先制帛、從祀親勳曰展親制帛、功臣曰報

功制帛、樂用九奏、

咸和、嘉和、祥、和、豫和、寧和、美和、肅和、安和、雍和、舞

八佾樂器用鍾磬、炤、依

郊祀之制、

帝命廷臣覆議、皆以為部議斟酌古今可底于行、從

之

帝尋因

饗禮

諭內閣曰、祀禮固主乎誠敬、而有此一番制作兼備、情文尤足以伸召格、寔慰朕懷、羣臣以禮樂修明、

上表稱賀、後省從祀各案制帛、

太廟

世廟正獻位禮品、改用童牛各一、
配用大鼎、

明命十三年

禮部臣奏言、方今

郊

廟儀章次第考定誠足以示成規而垂來許至於朝

廷禮樂所當以次修舉用召文物聲名之盛

請凡朝會禮用雅樂鐃鐘特磬各一編鐘編磬各十有二祝敔各一

建鼓搏拊各二琴瑟各四排簫簫笙塤箎拍
版各二每奏樂一章先起鐃鐘三聲次擊祝

三聲雅樂合奏歌生歌樂章曲終大樂鼓二
樂止標敔三聲次擊特磬三聲

笳八鈎角鈔鑼大鈔各四海螺二駕至太和
殿北警門樂作奉御陞座樂止禮成

後樂作駕八各一部樂章十一履平肅平度
勤政殿樂止平怡平元平

咸平允平闡平隆平順平和平平逸年三大節
與大慶節竝頒朔傳臚常月朔望外藩歸款

諸禮節奏、御陞座奏履平之章、諸禮
 節百官班齊行禮、奏肅平之章、逸年三大節
 與大慶節、百官行慶賀禮、奏慶平之章、逸年
 正旦節奉宣旨宴賚與大慶節、奉宣恩詔訖
 百官行謝恩、禮奏怡平之章、逸年頒朔、欽天
 監行禮、奏元平之章、逸年頒朔百官謝恩、奏
 咸平之章、凡殿試傳臚、欽命官復命奏允平
 之章、新進士行禮、奏聞平之章、凡恭遇大慶
 節、諸外藩行禮、與新奉歸款者、恭行朝拜、奏
 隆平之章、凡外藩新奉歸款、謝恩、奏順平之
 章、凡朝會等節、禮成奉
 吉和子之章、其樂辭皆用詩經全句、御回宮

帝從之、復準定凡遇

郊

月令文長

卷二十二 禮樂下

二

廟大祀禮文五品、武四品以上、隨班陪祀、文六品武五品以下、不預執事者、均於輦路左右跪迎、跪送如儀、

帝諭禮部曰、自古

宗廟之制、所以供

饗祀吉禮、至若追遠感辰、則宜于別所展敬、方表精虔而合禮意、乃命于

太廟之左營建

隆德殿以奉

太祖帝后忌辰禮前左建

召敬殿奉左四案

列先帝后忌辰禮前右建

穆思殿奉右四案

列先帝后忌辰禮又以

宗廟之奉禮統于尊向例

興廟

月命文要

卷之十二禮樂下

八

奉先殿忌辰、皇子諸公、尊人府文武百官、有附進牲禮者、皆停之、

命諸地方建社稷壇、準禮部議定規式、及祀典、以明命十四年春祭、舉行爲始、

禮部臣奏言、遞年三大節、竝頒詔、及常月朔望、諸地方均于行宮集歌工、以歌舞、夫行宮尊嚴之地、歌工喧闐、非所以表兢莊而肅瞻視、請停之、嗣後諸節禮朝拜、只用絲竹細樂、而

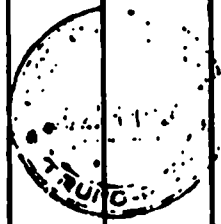
已、

帝可其奏、

帝諭內閣曰、向定設朝日期、每月大朝二次、常朝四次、禮臣均屆日預先奏請、因思慶節御朝、具有典例、如遇有吉事設朝、另撰儀注呈進、況凡單日、朕必御殿聽政、文武臣工按班齊集、此乃朝侍儀章、何俟奏請、準嗣後大朝常朝等日、非因事應設朝儀者、不必虛應、故事、繕牌瀆請也、

明命十四年

郊祀禮部循例以銅人進



帝因諭之曰、向來凡齋戒日、朕常不飲酒茹葷、亦不御肉、第思酒能散氣、五味辛辣食之昏神、戒之可也、至如肉食、所以養人、其味甘平、非此之比、槩禁之不幾、釋家之持戒乎、爾部可參稽典禮、奏準行之

帝諭禮部曰

宗廟尊敬之所、向來登薦品儀止、由祠祭司員拜獻、未足以昭敬意、嗣凡

列廟

奉先殿奉有薦新、準侍衛所轉報皇子、公皇子、各具品服分詣行禮、

故事、公主下嫁降旨後、又遣官傳命婚期、欽天監錫吉、欽命主婚、公以事告

廟至親迎日、女官導公主恭詣

廟所拜辭、辰第二公主下嫁、署左軍阮文孝之子、

帝諭禮部曰、釐降已有明諭、而復違官傳命、殊屬贅文、再

宗廟尊嚴之地、有關重事、方可祇告、女子下嫁、常禮也、豈宜盛瀆、嗣當省之、又令傳諭聘儀、隨其所有、勿可過奢、及文孝卒、部臣議奏、公主當降服、

帝曰、公主既嫁、則須宜其家室、孝事公姑、方合乎禮、朕爲天下主、深思風化之原、教孝作忠、以率天下

乃準用舊年禮、內庭朝謁改用常服、免宴樂、
帝命于京地及平順各建占城王廟、歲以春秋命官
致祭、

諭內閣曰、

壇

廟尊嚴之所、雖守護各有專司、第日久怠生、必須稽
覈方召整肅、乃命科道月一輪往巡查事、有不合
者參覈之、尋十六年又定以遞月科道竝禮部

太常司侍衛禁兵率隊分詣

陵寢諸所巡查製巡查牌輪給之

明命十五年

帝諭禮部曰歲

列廟忌辰前一日正日例有禁理刑屠宰及宴樂歌
唱紅紫色服但稽諸載籍無前一日戒禁之文其
改定嗣凡戒禁皆以正日

明命十六年

帝諭禮部曰、宣旨官所以代王言、乃元旦節傳旨旁
立於左一閒、卻在皇子諸公之下、嗣宜于殿上正
中閒立宣、以重事體、又祝文恭寫

神號、向來讀祝員每於朕後捧讀、亦宜于朕前稍左
讀之、恭導官所以導引行禮、既謂之導、何乃後行、
自後不妨先行、若以爲未雅、則隨旁恭導、方爲合
禮、

帝諭禮部曰、遞年正旦節宴賚、例定文武正五品以

上得預萬壽節、文武從五品以上得預端陽節、耕
藉禮賜宴、文自署郎中、武自署副衛尉以上得預
至如內閣屬員均一律預列、念嘉禮宴、賜儀典、攸
關朝廷、以品爲定、若未應預而預其可乎、其改定
凡諸禮節各炤向例、按品預列、餘如內閣機密屬
員、並屬部署員、外郎、屬都察院科道署銜、於何禮
節原品未應預者、並不得預用正朝儀、

嘉隆初、例定黎廟祀事、歲給錢三千緡、以布衛

社爲廟夫

帝初卽位命黎後黎維祐爲該奇監守祀事其後

五十

年

維良以反誅禮部臣奏準裁奪黎氏祀典

以召國法至是

諭內閣曰昔黎太祖驅逐明人恢復疆土聖尊文德
武功澤被南國本朝追緬前徽推恩勝國如雄王
士王安陽王及丁黎李陳亦給與祀田墓夫況黎
帝乎黎之不肖子孫誅殛之可也若夫先世有功

德于民、亦可斟酌乎禮法之中、俾得永畱香火、乃命給田一百畝、墓夫六十人、由清苑省申督所在民歲展奉祀、

禮部臣奏言、爲國之道、文武並行、今內外並建文廟、專重於文、而武教猶未之及、夫設武教、使弁胄知所視效、亦是禮之可以義起也、唐玄宗開元年間、兩京各設太公廟肅尊、又尊爲武成王、皆有故典可徵、茲請建立武廟、選

古名將及本朝功臣可爲後人矜式者配饗
用召激勸、

帝從之乃命於京城外之西建廟祀尚父姜太公以
北朝管仲、穰苴、孫武子、張良、韓信、諸葛亮、李
靖、郭子儀、李晟、岳飛、徐達、我國陳國峻、黎魁
本朝阮有進、阮有鑑、尊室會、阮文張等從祀
歲以春秋二仲命官致祭、禮有制帛正殿
位一用二項帛
帝諭內閣曰國家修明典禮

宗廟歲有五饗以至正旦清明端陽除夕諸節皆有
 薦獻用伸召事之虔因念辰節如上元中元下元
 七夕中秋重陽冬至古人亦有登薦之禮而我朝
 國俗尚未舉行其令禮部酌議部臣奏言冬至陽
 生禮稱報本反始與三元清明之禮亦著八
 典例其登薦品儀請如端陽節用脩至若七
 夕中秋重陽均應減殺用茶菓珍品從之又令上
 元中秋皆張燈徹夜以表佳節尋復準定遞

年

列廟竝

列聖帝后諸忌辰陳設祭器由禮部堂官祝文儀節

由太常管官牲粢禮品由光祿管官預先親

檢禮部堂官太常管官仍恭候行禮正旦端

陽朔聖諸禮節則以部寺郎中員外郎檢辦

嘉隆年間

十七年

建社稷壇于京城內之西春秋

二戊命官致祭至是禮部奏請申定典禮王

用黃珪青珪制帛用黑色

正位、二配位、二壇各一均用一項

帛樂章用七奏

延豐興豐、湛豐茂豐和豐、格豐慶豐

以至太尊

爵碟登銅簠簋蓮豆各有體製

帝命廷臣覆議皆以為是乃依議行

諸地方社稷壇祀典列在羣祀

與在
本別

明命十七年

禮部議請嗣凡逸年常月朔望非恭遇

饗祀及慶賀諸禮節者、屆日均設常朝儀于勤政殿

皇子諸公、文自署員外郎科道、武自署副衛尉以上、各具補服朝拜、禮成、諸衛以次奏事、帝從之、

準定歷代帝王廟典例、列在中祀、歲春秋二祭

禮器用太尊、篚、帛

正中案九位各帛一、左右四案各帛一、均用一項帛

及登、鉶、簋、簠、豆、樂用六奏

景徽、延徽、崇徽、安徽、明徽、壽徽

正旦節行一獻禮、尋準定祀神制帛、惟

郊

廟、社稷壇、文廟用之餘皆停止、

兵部臣奏言、舞佾登歌所以用之

郊

廟饗祀及朝賀大禮誠不可闕而舞佾之數但要足
充應辦可以成禮而已前者禮部議準增募
清平署務足十隊且舞佾人數應用止二百
六十八人何必多設其清平署原設一二三
三隊請仍畱額有缺由所管充募常川應直

以備臨期演戲、嗣屆大禮期、由禮部、炤數咨
摘在京諸營衛兵、知歌曲者、交清平署演習、
以充舞佾、事已回伍、從之、

帝又謂禮部曰、向來朔望日、設常朝禮、禮成升殿、文
武百官皆分班侍立、而皇子諸公、偃然獨坐、殊未
合禮、準嗣後如有宣召賜茶、方得左右侍坐、以肅
朝儀、

明命十八年

日台正身

卷二十一

十一

初命鑄九鼎曰高鼎、仁鼎、章鼎、英鼎、毅鼎、純鼎、宣鼎、裕鼎、玄鼎、凡本國舟車兵器之屬、飛潛動植之物、以及天文地理圖象悉備、鼎成奉安于

世廟庭前

帝親御祭告、乃閱九鼎、見其體制宏鉅、精粹無瑕、顧謂內閣曰、朕博求上古鑄鼎象物、而古器罕存、傳述失真、書籍所著、多是食鼎、至如高大重器、不但近

世所無、雖三代亦所罕聞、今法古而斟酌之、誠足
以爲傳國寶器、其令遍諭諸地方知之、

帝諭禮部曰、

世廟北牆外有地弘敞、朕擬移建

奉先殿于此、倣

世廟規式爲之、

殿原在北、其制三間、

改爲九間、前

廟後

殿、且於情禮亦合、乃令工部蠲吉營建、

是年恭遇

聖壽七旬大慶節、

帝命詔吉親率皇子親公、文武百官、奉金冊金寶尊

上徽號曰

仁宣慈慶皇太后、又于

慈壽宮前及皇城外各起綵樓綵棚、畿內士民設樂

案以祝嘏一日、奉

慈駕幸午門前綵樓、

帝親帶橐鞬御馬前導、皇子諸公皆執儀仗以從、奉
慈駕登樓

帝率百官行一叩禮、侍立樓前、盛陳歌舞百戲爲樂

屆日

帝率百官恭上金箋行慶賀禮

上壽樂舞與八年大慶節同

頒恩

詔凡十八條

初

帝以京外文廟及啓聖祠禮例尚未周備、命禮部參

日、右正旦

卷之二十一

三

稽故典、分別議奏至是議上、一禮器曰尊爵

文廟正位、增著、曰登鉶、曰簋簋、曰籩豆、在

等以寔玄酒、以下、二禮品曰籩帛、文廟正位一項帛配位

柱省、白色、從祀各案與、曰犧牲、曰粢盛、曰菓品、三

音樂曰樂章、用六奏曰景文召文端文顯曰

樂器、鍾用鐃鍾特磬各一編曰樂舞、用文舞六

及在外仍用且言從祀配位之次、先哲十人

先賢六十二人、先儒三十三人、國初因明萬

曆禮也、就中有子爲聖門高弟、論語所載格
 言爲多、朱子發明聖學、功在萬世、其德業等
 之十哲、亦相伯仲、左子親受經於聖人、當與
 聖門弟子竝列、周程張邵、衛翼聖道、迥出諸
 儒之表、請升有子若朱子、熹爲先哲、左子丘
 明、周子敦頤、程子灝、程子頤、張子載、邵子雍
 爲先賢、與夫漢儒鄭玄、宋儒羅從彥、李侗、尹
 焞、黃幹、陳安卿、魏了翁、何基、王柏、元儒金履

祥許謙陳皓吳澄明儒蔡清清儒陸隴等其所著述皆能開發經傳正義我國朝文教始於士王陳朝朱安開導理學世稱大儒其於名教皆有補益請各增八從祀至於啓聖祠祀典始於明本以追崇聖人所自出而推及於先賢先儒者也考其道統之傳前乎顏曾思孟後乎周程張朱皆有以接夫尼山之正印崇德報功於禮爲正請參清典增祀張子

之父張迪于啓聖門兩序與原祀先儒周氏
輔成程氏珦朱氏松、並列以明周程張朱之
所自出若夫蔡元定與其子沈俱爲朱子門
人淵源有自請改祀元定於文廟左廡以表
蔡氏之學

帝命廷臣覆議皆以爲是又以樂正克公都子萬章
公孫丑范仲淹范甯趙復羅欽順等咸親炙
賢門講論辨說多所發明或事業文章鳴名

於世請皆從祀以召典祀

帝準依議行

後省先世制帛

帝諭禮部曰歲暮而禋國家大祭我朝循用舊章以十二月十五日行禮北朝清明則以除夕前一日稽之經籍禋者蓋取合而祭之義至於禋用何日則無可徵且國俗歲除日例有上標宜併用之以召禮意乃改以歲除日爲禋饗日期親御行禮復勅嗣有行幸如遇

列廟忌辰、應禁紅紫色服者、其隨駕傘蓋停設錦衣、
護衛扈蹕者、亦不得穿著紅色、

明命十九年

帝親詣

太廟行饗禮、陪祀諸大臣各昭左右八案分立、四五
品官或昭從案位、或比肩排立、率多造次

帝諭禮部曰、左右各案已有承祭官將事、陪祀者當
以正案爲重、方合禮統于尊之義、其令嗣後預在

陪祀文五品武四品以上均于甬道左右
品排列又準遞年恭遇

廟饗捧香爐香盒接受福胙以皇子公皇子輪班充
辦兩廡從祀各案派諸襲爵人員分獻復準
定

饗禮

太廟派皇子公

肇廟

興廟派親公如駕詣

太廟行禮承祭各案以皇子公皇子親公充派儻有
特命皇子公恭代其承祭仍于皇子公皇子
充派毋須再派親公以合情禮

帝因春首閱兵謂兵部曰演兵之有鼓樂自我
先帝始用西洋之法雖臨陣對敵趨步進退當隨機
應變不必槩依樂音而訓練之間聽者有節此亦
不可無也

日台正旦

卷二十二

三

郊祀八齋後適遇寒雨、禮部請改卜日、

帝曰、本朝

郊壇原是露祭、儻雨中行禮、恐或有愆于儀、不得不
額懇改日、庶獲齊整、此誠出於不得已也、乃命改

以吉日、部臣因奏請、遞年于壇之第一成增

設圓青幄、

青幄五間、正中開近北、設正獻位二案、左二右二、兩間設配位二案

皇帝行禮位、

正中近南設

第二成午階前設方黃幄、

近北設青

東近南設

御拜位

以來年爲始、著成典例、

萬壽節準文自五品武自四品以上以前一日文正
六品武正五品以正日各賜宴一次嗣以爲
常是日申刻命舞八佾于敷文樓俾臣庶共
觀之

帝以

元配宸妃胡氏

仁皇后

舊祠在護城河之東與嘉妃范氏合祀體制

未合乃命于河之西崇建專祠勅禮部議更

定祀典特加隆焉、

命禮部議諸地方製行宮鹵簿歲

萬壽正旦端陽三大節、並不期接奉

恩諭行謝恩禮、與屬國貢蠻由地方朝貢者、均于庭
前陳設其雅樂槍劍弁兵次之、

明命二十年

帝嘗問禮部尚書潘輝湜曰、黎代廟制如何、對曰、黎
廟用工字樣、廟之中間奉太祖位、兩邊奉諸

帝位、每至諱日、只據正案行禮、無迎出別所
 帝曰、左右神位皆于正案祭告、豈非未合禮乎、我國
 家之尊稱帝號、自我

皇考始、朕爲萬世創立禮典、別修

世廟、後以世次崇奉、同在此廟、幸邀

天眷、國祚延長、九世之後、復修一廟、後世或置議者

則禮寧失於厚、亦何不可之有哉、

帝以海雲乃畿甸名山、命于是山之承天界、分營建

神祠歲以春仲致祭、遇有巡幸、經過去回、辰亦各命官致祭一次、

帝諭禮部曰、本朝

列聖帝后諸尊陵、多近臨江次、向來公私船艘經過、率意喧呼、殊非敬其所尊之義、茲諭昭

陵在江邊者、均于津次砌築葩表柱二、使之誌認、嗣凡扈從官兵及人民船筏過者、各屏息而行、不得呼喝喧噪、違者罪之、

命官致祭黎廟

帝諭內閣曰、本朝之得天下、原取于偽西之手、非取於黎之子孫、既得之後、其所以待黎氏者、胤嗣有公爵之封、遺廟有辰祀之典、雖周家忠厚、殆無以過、不謂黎之遺孽、維良輩忘恩反噬、自蹈刑誅、而其族不曾連坐、只分插于南直地方、黎之廟祀、復與祀田廟夫、誠仁之至、義之盡也、重念黎家賢君迭出、德澤在人、比之安南、歷朝爲較勝、不忍以其

子孫之不肖、遽爾忽然、今節屆清明、緬思往蹟、不覺耿耿于懷、其令禮部擬撰告文、派科道一員前往黎廟致祭、又念前代帝王陵寢多有頽廢、令諸地方備禮謁告、而封築之、

帝諭侍臣曰、在外官員遇有自京中來、未常不以在京僚友安否爲問、情禮然也、況乎君臣之閒、殆猶父子瞻仰、戀慕誰無是心、豈有京派到省而無一言請問君父安好之理乎、乃令禮部議定外官接

見欽差官恭請

聖安之禮行之

寧平文廟有先師孔子及四配神像服以衮冕
奉祀省臣奏請擇地埋藏、

帝命禮部議以爲孔子之道如太和元氣磅礴周流
非可以形容者是以奉設神牌崇祀禮則宜
然若乃繪形塑像不但失之褻瀆且又以王
者衮冕之服加之是失禮之中尤失禮焉藏

之爲是從之、

帝命禮部嗣凡勤政殿視朝常日、陳設品山、俾文武
官員按品超拜、無須仍列一行、部臣因奏請
於勤政殿左右兩廡、及左右待漏二院官員
班次列坐、亦應分別高下以肅觀瞻

帝從之

帝諭禮部曰、方今國家閒暇、衣冠禮樂、次第恢張、在
京文四品、武三品以上、經已給予朝服、茲宜詳查、

文五六品、武四五品、炤員數多寡酌議給之、俾朝會之際、彬彬可觀、以召太平體制、

禮部臣奏言、國初崇建都城隍廟、又增建從祀二室、左祀廣平以南、右祀河靜以北、諸直省城隍之神、其諸直省別有會同廟奉祀神祇列位、而無專設、本轄城隍廟、夫城隍之神、褒災捍患、寔有功德於民、所在設有專祠、禮也、請命諸地方增設本境城隍神、位于會同廟

日合正旦

卷三十二

三

中案原祀神祇列位分設于左右兩間匾額
改刻爲城隍廟其從祀在京諸牌位均奉化

銷

帝可其奏

帝將親詣

世廟行冬饗禮適連日霖雨未止禮部奏請命官攝

祭

帝俯從之而心猶未安至日清晨由宮中出嘉祥門

詣

奉先殿上香、以展孝思、又準定嗣凡

列廟

奉先殿五饗忌展、禮部都察各派屬會檢穀饌、務得

豐潔、有苟簡者參奏、

禮部臣奏言冬至圓丘禮天、夏至方丘禮地、順

一陰一陽之生也、唐宋仲冬合祀天地于南

郊、亦有以正二三月行者、穀梁傳正月至三

月郊辰也、四五月郊不辰也、明初合祀以正
 月上辛、嘉靖以後冬至祀天、夏至祀地、孟春
 上辛行祈穀禮、我

國朝歲仲春卜吉合祀于

南郊酌辰宜也、第常年二月天氣多未晴霽、臨期適
 遇寒雨、恐或愆儀、請至三月舉行、則對越儀
 章庶臻安善

郊祀既以三月、其社稷請歲以二月上戊、日歷代帝

王廟以癸日、文廟以中丁日、武廟以巳日餘
羣祀以次致祭、俾合禮意

帝從之、後科道有言、天者百神之主、明禋未舉、而先
及于羣祀、恐未爲宜、請依向例歲以仲春

郊祀

郊後凡諸祀典次第舉行、庶順乎先後之序、

帝曰、夏至祭地、冬至祭天、豈不是地先於天乎、何況
於羣祀也、且本朝

日 月 正 月 年 三 二

三

郊祭嘗用卜吉非指定如清之祈穀嘗雪以冬至日

也又何爭於二月三月邪況

郊天大祀豈可屢更其勿議

禮部臣奏言開年恭遇我

皇上五旬萬壽大慶節奉有頒示恩詔請于午門樓

上宣讀

向例宣讀于太和殿

再稽諸明典百官朝賀有

山呼萬歲之禮亦參酌施行

開年元旦節百官行慶賀禮分

班後贊萬呼百官拱手加額呼萬歲又贊再萬呼

百官拱手加額呼萬歲凡三次萬
 呼并兵歌樂人等並齊聲應之至如遞年

元旦節仍遵舊儀惟嗣有大典頒示恩詔均
 于午門樓宣讀嵩呼一節凡遇大慶者亦炤
 此例

帝可其奏

明命二十一年

帝諭侍臣曰今年值朕五旬大慶元旦施惠普及臣
 民宣布恩詔之日偶遭風雨恐未足以孚視聽乃

月令文要

卷之五 禮樂下

三

元夕陰雲密布、轉而澄霽、可見

上天垂祐、協氣嘉生之一驗也、且朕年三十卽位、值庚辰歲、四旬五旬大慶、各值庚寅、庚子等年、蓋庚者更新之義、受命行慶、皆值此年、豈非人事氣化相符者乎、

禮部臣奏言、本年春首奉有恩典、名山大川各祭一壇、且向來諸地方均合祭一壇、牌位總題本轄名山大川之神、而無顯著名號、查之

清典、名山大川之祭、有專祠者、就祠行禮、未
有專祠者、設壇而祭、明典載山川之氣、本自
流通、無有限隔、宜合為一壇祀之、茲請參酌
定議、凡在祀典、如海雲翠苑、阜鳩、啓運、興業
天、授諸山神、瀘洮合祿、河神、各有專祠、仍依
向例致祭、餘應祭諸名山大川、請令地方合
設一壇於省城外、具列神牌、明著何山神牌
位、何川神牌位、禮品亦應分別俾有隆殺、從

日不正

卷二十一

三十一

之

帝因

郊祀準禮部議嗣凡駕詣齋宮及迴鑾竝巡幸各所
有陳設鹵簿者其人民觀看聽于輦路左右
曠地或于路旁江岸靜立駕至列跪駕過叩
興毋得誼謹失禮違者罪滿杖

四月、

萬壽五旬大慶節先期營建綵樓綵棚于午門前及

皇城二角中外臣工以至民戶庸戶亦願於
京城內外各構樓棚祝嘏普許之一日

帝奉

慈駕御正樓陳音樂放燈火

太后嘉悅久之

帝諭從臣曰陳設奢麗朕心不以是爲有無徒增抱
慊而已惟

聖慈壽宇日高一日喜悅即可慰朕一日爲子之懷

月
中
文
要

卷之二十一 禮樂下

三十三

焉耳、復駕幸祝嘏樓棚、所至諸臣各進茶爲壽、情
禮交孚、恩賞優渥、至日

帝御太和殿、皇子親公、文武百官及屬國貢蠻各上

表稱賀舞八佾樂奏四章

履平、肅平、慶平、和平

殿下皆

呼萬歲、頒恩詔凡二十六條、次日

帝御勤政殿、設大宴、諸公大臣以次起上壽、樂奏四

章

熙慶、弘慶、純慶、崇慶

宴罷、賞以綵幣、有差、又賜承天

四直者、老大、哺三日、民戶庸戶賜食于數文

樓前遍及觀者、

帝諭禮部曰、神佐天機、作善降祥、國家崇祀正神、用祈靈貺、古者禱于神祇、望于山川、著在經籍、朕自臨御以來、欽崇天道、懷柔百神、惟期護國庇民、臻于大順、本年值朕五旬正壽、慶澤均行、神人普被、因念右畿以北、各轄靈神、就中最著者、如乂安之蜀安陽王、河內之真武尊神、北寧之董神王、山西之傘圓山尊神、佛跡山寺、素稱靈應、其派出京官

日、有正月、

三、四

分往備禮祀之、

禮部臣奏言、春首恩詔、凡歷代帝王陵寢有缺壞者、雇民修理、再立碑誌、禁樵採、茲據北寧咨稱、省轄亭榜社名有李朝諸帝陵寢、但不詳何所、是何帝號、與夫涇陽王士王諸陵應否封築立碑、

帝曰、李朝諸帝陵號、既無可考、又同界禁、宜於陵所修築完整、統立石碑、刻李朝諸帝陵等字、涇陽事

跡雖屬外紀所載而厥初開拓寔爲安南歷代始
 君亦卽遵恩詔辦理至如士燮原是太守當辰國
 人敬慕以王呼之未曾自正王位年前經準從祀
 文廟預在先儒之列豈可援炤歷代帝王稱爲陵
 寢而一槩行之者乎

帝諭禮部曰今年值朕五旬正壽步履康彊興居迪
 吉四境安靜萬姓牧寧皆仰賴廕庥何修而得緬
 懷

日 右 正 月

卷 三 二

三 二

祖德莫己孫情今初秋氣候甘澍微涼朕未伸素懷
難安寤寐縱不能週謁諸

陵亦當於

太祖陵展謁方愍丹忱乃命駕詣

長基陵行禮及駕還因念諸

尊陵內外實城舊制稍低令加高修築之尋復親祭

社稷壇因見壇所樹木秀茂

諭禮部曰夏天酷暑之後此處樹木乃爾葱鬱蓋是

地氣使然、且古人於社壇所樹之木、如夏后以松、殷人以栢、周人以栗、亦不過樹其土之所宜耳、宰我戰栗之對、豈其然乎、朕觀清興社稷壇前有櫺星門、蓋取疏通之義也、可詳查體製、送工部爲之、帝又詣文廟行釋奠禮、以廟宇規模質素、命禮工二部籌擬、重加丹雘、廟前亦增設櫺星門、以至簋簠籩豆祀器、有應修飾者、奏準施行、

向例、逾年十二月朔、設大朝儀于太和殿、頒來

歲協紀曆至是準禮部議改定于午門樓宣
旨頒之、

明命政要卷之十二
止

明命政要卷之十三

教化第十二

明命元年

帝初卽位、戒勅中外略曰、皇極建中、對辰而育萬物、
王言作則、施命以誥四方、體乾坤交泰之機、正上
下相須之日、左右規箴罔曠同其實而協其恭、朝
郡牧守相師、序以法而考以信、爰及爪牙之士、曾
經行陣之勞、一辰講而三辰耕、各服止齊之令、千

日養而一日用、無忘果毅之忠、與夫林聚總群、咸在并包、遍覆耕織、無荒爾業、知能各保爾真、特因班瑞之朝、用廣敷言之訓、各思勉勵、共慶清平、

議定國子監規程、

帝諭戶部尚書阮有愼曰、學校賢士所關、國家用人多取諸此、昔我

先帝置國子監、設學官、定課法、本欲成就人才、以爲國用、朕遙追先志、欲令築舍增員、優廩餼、申章程、

俾學者各得成材、以待甄錄、卿等可與學臣條議
以聞、

帝諭廣德記錄吳伯仁曰、京師聲名文物之地、風化
所先、曩自西山之亂、兵民染習陋風、不知遜讓、今
當導之以禮、車駕所過、肅靜迴避、無得衝突、見官
長輿蓋、坐則起、行則避、以示尊君敬長之禮、爲天
下先、

明命二年

詔諭中外臣庶略曰、禮正月之吉、布法于始、和易、重
巽之文、申命以行事、故帝謨述、勅天之戒、惟幾、惟
康、而箕疇陳經世之言、是彝是訓、我

皇考世祖高皇帝、肇創垂之大業、貽憑藉之宏規、朕
受此丕基、監于成憲、繼志述事、謂孝方愼、日以圖
幾、布德和令、在春、肆敷言而用訓、大臣交修一德、
以共享尊榮、百辟各愼攸司、以咸熙庶績、諸軍訓
練有素、技必致精、力必致勇、鼓雷霆江漢之威聲、

多士造就也。深行宜加勵、學宜加勤、備棖桷棟梁之寔用、耕桑樹畜欲使之遂其生、序別信親欲使之得其道、各宜勉勵、祇迓丕庥、

帝嘗謂尚書阮有愼曰、嘉定之人、素性忠義、但寡學故多、以氣使相、尙若得碩儒宿學者爲之師範、教以禮讓、則易化爲善、而成材者必多矣、乃以翰林修撰阮登隲爲嘉定督學、又安士人阮仲瑀爲副督學、從廷舉也、

帝崇獎節行、初卽位詔諸地方察訪孝子順孫義夫節婦以名聞至是

諭侍臣曰、天下治亂、係風俗之美惡、人主能崇尚節義、表正風俗、則可培養國脈、長治久安之基、其在此矣、朕初詔中外、察有孝順節義者、奏請旌賞、所以勵風化也、而今未有應舉者、其何以副朕化民成俗之至意乎、復命諸地方察訪以聞、後有平定女阮氏、漂京北、女何氏、邊皆不污彊暴所在

以奏、

帝命各賜金匾

匾刻某氏貞女四字

以旌之

帝諭兵部曰、京師之地、四方是型、近聞無賴子弟、三五成羣、專事遊戲、當有以禁止之、乃令傳諭訓勅、有不率者、刑部拏治、管官坊長容縱不舉者、罪之、

初置國子監祭酒司業、

帝諭祭酒武春鑣曰、凡人才、行兼備、方爲可用、爾宜

於國學中、辰加訓飭、月一奏報、其有才行者優給錢糧、俾成學業、否則革退之、如此則人思砥礪成材、達德者必多矣

嘉定城臣以大疫之後、士子多居重喪、若槩以場規不得應試、則士數無幾、報部以聞、

帝諭之曰、移孝作忠、乃士君子立身本領、若忘親之喪而急於榮進、非孝也、夫求忠臣必於孝子之門、苟不能孝、何有於忠、試法禁之、誠合於禮、不可改

也、

國子監成、禮部奏言學校之設、所以行禮樂、宣德化、召文物、流教澤、典至鉅也、奉我

世祖高皇帝大定云、初親謁孔子、改建文廟、築學宮、于其西、基址已成、而經營未卒、我

皇上丕承厥志、因舊基起國學規模、煥乎建矣、今已落成、請設望拜

先聖位于彝倫堂、監臣集生員祇謁、日坐講堂論

難、以開萬世崇文之盛、從之、後禮部又奏言
文廟在國子監之左、崇祀有其所矣、于此拜
謁、庶爲合禮、請嗣凡學生入監、監臣具品服
率詣文廟謁告、畢、退回講堂、參謁、開講、輟講
日、毋須致告、其彝倫堂望位、停設、然之

明命三年、

帝諭禮部曰、書籍所以廣見聞、今士學淺陋、書少故
也可、令祭酒司業、按在監書籍未備者、奏請頒給

以資訓習、復命禮部傳諭諸科鄉貢會試不中格者、如有情願入監肄業、補爲監生、給與廩餼、諭禮部曰、國子監首善之地、風化所關、不以孝悌忠信爲教、何以範我多士、傳諭監臣講習、當以是開導之、使敦士行、

令諸地方采訪百歲壽民及孝子義夫以聞、諭曰、自古優老舉孝興廉皆以陶淑民風、躋斯世於仁壽之域也、今諸城營鎮宜訪壽民百歲以上與

孝子事親著有寔行、義夫見利不動心者、具列寔
狀、候旌賞焉、

明命四年、

初定旌賞壽官民例、

帝諭禮部曰、古人皆以百歲爲期、然往代以來、凡至
七十壽辰、已稱希罕、況登百十餘歲、如此期頤、誠
爲太平人瑞、各給銀幣匾額、以旌之、
如壽登百歲者、一二三品官、賞銀一百兩、幣十匹、四五六品官、減十之二、七
八九品官、減十之四、命婦、昭品、減三之一、均給予

匾額建坊千里門百十歲者加銀五十兩幣五匹
 增十歲者銀幣倍之其士流鄉長壽百歲者賞銀
 三十兩布帛各五匹亦準給匾建坊民壽男百歲
 者賞銀三十兩布帛各三壽婦百歲者賞銀二十
 兩布帛各二均給匾懸于所居之處以上各增十
 歲者加銀十兩所在上司及府縣歲首令人到家
 給以酒肉已而諸地方冊上壽民年登百歲以上者百

餘人命昭例旌賞辰廣德廣南廣平以冊奏
 遲緩壽民有八人先病故事聞

帝諭譴之曰年之貴於天下久矣故王政以養老爲
 先漢世山東布詔令老者願少須臾無死以觀德

化今畿甸有此高年、乃使之不及身被太平慶澤、
 是地方官罪也、令降一級、有富安鹽田社人阮文
 就有孝行、居父母喪廬墓三年、鄉里皆稱之、
 鎮臣訪得其狀以聞、

帝曰、有此孝子、正可表之、以勵風化、準禮部議給匾
 額、匾刻孝順賜銀三十兩、緞二匹、
額可風四字

明命六年

國子監監生胡士熒擅賣諸監生廩米事聞

帝曰國子監人才成就所關監臣當夙夜警誨加意
陶成生員亦當砥礪濯磨以承庥德乃行檢虧缺
如此一何無恥之甚耶其負朕教育深矣卽令刑
部查究士癸坐徒、

帝因諭禮部曰朕親政以來廣學舍置生員欲得真
才儲用比聞坐監諸生屢招聲價皆由地方泛舉
與監臣師道不嚴所致爾部其傳諭諸地方官加
心精選及酌議監堂課肄程督諸條款以聞

定考課士人例、向來諸省學臣課士、歲二課、四課不同、禮部議請歲二課、以夏冬二孟月十五日、優者免兵徭一年、次者半年、

帝從其議、

命諸地方察屬縣教職、

帝諭禮部曰、教職之設、以範模多士、非備員也、昨設縣教、或舉知、或坐監生員、多不稱職、師資之責、豈可如此泛濫、其令省臣詳察學行為士子信從、或

識陋果不堪職、各甄別奏聞、候朕黜陟、如有缺當
補、須擇宿學有年齒者充之、

秋七月承天場鄉試、乙酉科廣治士人有阮千條

者、入第一場、以題目難首唱、左圍士人羣起
喧鬧、欲撤圍而出、事聞

帝大怒、諭曰、國家待士有素、今遇掄才盛典、彼等當
爭自濯磨、以舒所蘊、乃有昏瞶惡衿、濫廁其間、肆
行亂吠、若不究治、何以革澆風、其令六部堂催集

左園士人究問、仍傳諭示之曰、噪動場園之事、罪在首唱、朕斷不以一二愚情之人、而遷怒濫及無辜、爾等宜將首唱者指出、則罪名早定、免誤科期、若一味推諉含糊、終無了局、卽逮繫窮究、於是魃魅亦無所遁形、而爾等身名不可復問矣、後悔何追、可捫心自擇、毋謂朕不憐念也、已而千條首服、問以絞候、餘皆釋之、場官以奏報遲延、坐罰、督學教訓及祭酒司業、以平日師範不嚴、各

坐降革有差

帝以學臣多不得人致士子罕所進益臨場應舉又

不免糶雜虛數命廷臣悉心詳議課肄考試之法

及旌別學臣淑慝以聞議上其課肄之法一曰日講二曰月課三曰會

考四曰繼准考試之法一曰精考二曰詳名冊三曰置官吏四曰設廳房五曰揭門匾

六曰串卷數七曰秤等第八曰正名色九曰嚴防守十曰禁要索至如旌別則於場事既

畢由禮部政驗士人試中多寡以為學臣淑慝之別

帝從之又命北城清人各舉所轄故黎鄉貢可堪教

職者以名聞

帝諭禮部曰、敎職之設、所以陶淑人材、儲爲國用、舊
斯選者、模範攸關、念故黎諸鄉貢、尙在者、多是文
學老成、私塾講磨、又其素業、其令北城清乂諸地
方官、指名奏舉、候旨簡用

明命七年

帝命禮部行咨諸地方、察訪民間有五代同堂者、以
聞、北城乂安以六人奏

帝以爲昇平慶瑞加賞銀緞布帛賜奕葉衍祥匾額

各一官爲建坊以旌表之令部臣繪爲人瑞

圖以進

帝見陳功燕一門團聚至六十餘口特復其子一人

使侍養

北城南定美祿人陳功燕年九十八有子十一孫三十五曾十五玄一山

南山明人阮仲秉年八十八僊侶人段富庶年九十九有子孫曾玄各一北寧超類人阮

玉輦年七十有子二孫二曾三玄一懷德貞婦阮氏均年九十五有子孫曾玄各二又安

石河人阮維藩年一百歲有子二孫一曾三玄一賞藩銀十兩緞一匹色帛十匹色布二

日、今夏、年二二

十四、功、燕等四人、各銀十兩、鞍一匹、帛五匹、
布十四匹、阮氏均銀五兩、鞍一匹、帛三匹、布五匹

命廣平布政州民改易衣服

帝謂禮部曰、國家輿圖混一文軌、攸同豈應有異宜者、布政州屬畿輔地、而民間衣服猶然殊別、殆非共貫同風之義、其令廣平營臣宣示州民服從、灑江以內體制、俾同風俗、後又清以北士民皆願一齊改服、諸省臣以聞、下廷議以爲王者化民

必齊其俗聖人爲治當順其情今南北同風
士民式化厥訓宜從所願

帝許之因諭禮部曰安常徃舊人之情也北河六七
百年積習一旦翻然改易意有關於氣運非人力
所及也

北城匪黨多人民間求索有宋舍釋富二社民

易英
山縣

不肯從執其黨以送城臣以事聞

帝深嘉之賞錢二百緡諭城臣曰向城轄愚民有暗

齎盜糧、有匿盜不報、有爲盜耳目以伺官兵、雖云逼於盜、亦與盜同科、事發豈能倖免、使彼能于二社是效、一力同心、於盜賊又何畏乎、旣爲鄉黨捍患、復蒙朝廷獎賞、此則何憚而不爲也、可將此諭示之

明命八年

詔中外軍民人八十以上、給子布帛米有差

十八

以上布一匹、米一方、九十以上布一匹、米二方、百歲以上布二匹、布一匹、米三方、

帝又諭禮部曰、向來恩詔賞賜高年、專指壽男者言、
今年恭值

皇太后六旬大慶節、春初恩詔賞給軍人八十以上
布帛米有差、壽婦亦炤項給予、嗣後計節軍恩、均
準得預、

旌賞又安山西五代同堂耆民四人

又安黃克
迪、蔡允洽、

俱一百歲、山西武氏伍一
百歲喬氏翔八十七歲、

帝諭禮部曰、壽民乃壽國之徵、肆朕親政以來、惠錫

教廐深期薦臻介祉今此四人洵為昇平人瑞可
優賞以旌之乃命給奕葉衍祥匾額各一官為建

坊加賞銀幣有差

迥治各銀十兩、緞一匹、帛
十匹、色布二十匹、氏、伍氏

朔各銀五兩、緞一
匹、帛三匹、布五匹

旌賞山南宋舍社義民

屬笑葉縣

先是土匪擾掠權

差該總黎如威率社民拒戰陣死其民多傷

斃至是經略使阮文孝等奏請旌表以為義

民勸

帝覽奏曰、民雖死傷、不爲虐焰所屈、尊親之義、不當如是邪、追贈威寔、授該總、賜卹銀三十兩、傷斃者給錢二百緡、社民逋欠租稅、並免

命禮部行咨諸地方督學教訓、嗣宜以八股制義肄習、學徒務要書旨發揮、詞語瞻麗、毋專用學規格式、課期亦然、其夏冬二課、取中士人聽於冬課後會修申冊、由部具題、毋須仍前繕奏

廣南鎮臣鄧璋八奏

帝諭之曰、比來地方寧帖人民案堵加以辰和年豐
戶口繁息汝等有牧民之責當思宣揚教化先禮
讓示好惡以興粹美之俗昔人富而後教此之謂
也夫化民正俗當在平辰若不以教化隄防之豈
能使之遷善而遠罪哉

諸地方遵諭冊上所轄孝子順孫義夫節婦命
禮部議請隨行寔高下分爲優平次三項旌

賞有差、優項一人、

節婦阮氏、廣平省人、

賞銀五十兩

緞四匹、給予匾額、

匾刻彤管芳標、四大字、

官為建坊、平

項十一人各賞銀三十兩、緞二匹、給匾額、

孝子

匾刻孝行可風、順孫匾刻孝順可風、義夫、孝子匾刻行義可風、節婦匾刻貞節可風、各

四大字、次項九人、各賞銀十兩、餘節婦二十人

事狀尋常、聲敘候旨、

帝諭之曰、吾民具此孝順、節義可表可風、朕深嘉焉

其次項加恩賞銀三十兩、惟孝子陳勵翼、蘇伯璽

月命文要

卷之十三 教化

五

爲親嘗糞一事雖是苦節、但思自古大孝莫如大
舜、曾子亦未有行之者、此事近乎邀名沽譽、不足
示法、將來姑念其就養執喪、差有可取、準從次項
賞給、至如尋常節婦十二人、雖無顯狀可錄、亦能
從一不更、茲因慶典、所宜量沛隆施、其賞每人銀
二十兩、餘均如議行、

明命九年、

旌賞百歲以上壽民、有南定人陳功燕、前以五

代同堂經蒙恩賞今年復登百歲

長一百十歲二人一

百歲三
十六人

帝令禮部從優給賞表裏緞各一匹、色帛十匹、色布

二十匹、銀三十兩、竝高壽蕃禧匾額百有十

歲壽男加賞銀十兩、八、綵緞一小卷、壽婦銀

十兩、餘旌賞如例、復勅地方官每於歲首支

官錢、炤給轄內壽男、各酒二斤、肉三斤、壽婦

各酒一斤、肉二斤、永為例、

先是廣南奏言境內壽民有至百十

日台正三

卷一三

二

歲者、禮部奏稱百歲曰期頤、已為人瑞、况復
添一甲、尤屬曠聞、惟我

皇上敕福錫民、使斯世咸登壽域、故畿輔之地、仰蒙
涵育、有此高年、為壽國之休徵、昇平之嘉瑞

帝可其奏、請優加賞賜、以昭慶事

明命十年

旌表宣光貞女儀氏、議氏、收州人、年十六、有色

暴男欲汙之、氏以死自誓、為所斫殺、北城臣

以聞、

帝命給匾額、匾刻儀氏、建坊于里門、懸掛以旌之、又
貞女四字、

有楊氏於者嘉定永安縣人其夫得惡疾而
貧有債主悅氏姿色欲與之私或誘以利或
怵以威氏終不肯卒爲所刺死事聞令給匾
額如之

刺楊氏貞婦四字

諭曰嘉定俗多淫藉此爲貞者勸若他轄則未當也
明命十一年

旌賞諸地方百歲壽民展邊和有廊交冊管知
蠻子名然者

日、午、正、三、

二、

世祖高皇帝初復嘉定、率諸蠻獻米粒、復遣精壯千
餘人從軍、大定後許爲管知諸蠻、隸邊和福
慶守、至是年登百歲、城臣以聞、特賜白金二
十兩、又有清葩安孫社人黎氏連、海陽衢山
社人阮氏燕、皆年八十餘、五代同堂、令禮部
炤例議旌表之、

署吏部尙書黎登瀛疏、舉士人阮文英、可堪訓
導、及覈次項、

帝曰、訓導雖微、有關風化、英文學尋常、何可當此、不

許因

謂羣臣曰、朕臨政以來、作興文教、而人才若是其寥
寥何也、潘伯達奏曰、

皇上畱意作人、孰不感奮、但教職多由辟舉、學問淺
陋、無以爲人模範、若以科目處之、則人才將
日盛矣、

明命十二年、

日名正月一
卷三

命鑄

御製詩文初集

自明命十一年歲以前詩古文體十卷、凡八百四十五卷、目錄二卷、文表

一卷、餘十一卷、雜至十三年詩集成頒賜皇

記一卷、目錄一卷

子諸公、廷臣、及諸地方、國子監、學政、諸衙各一部、士庶有願印私本者亦聽。

明命十三年、

旌表山西貞女阮氏朗

扶事人

氏朗年十六、不爲

彊暴所污、爲其所害、省臣以聞、命禮部給匾

建坊以旌之、

諭內閣曰、京外兵民業從左者多、已出教其傳諭彼等嗣須循分守法、勿萌故態有罪、

帝諭侍臣曰、嘉定人秀穎、易導以善、近聞吃鴉片縱歌賭、爭相慕尚、以爲風流、此而不已、則爲竊爲彊、勢所必至、婦女則桑濮淫汙、行尤可惡、蓋其夫旣專事放蕩、又何以責其婦之貞潔乎、爲地方者如能教訓、使之痛懲陋習、知所向方、自不爲流俗之

日
古
正
日
卷一

所移也及署隆祥總督黎福寶之柱

帝諭之曰國家興復之初南圻六省人民皆效忠義
此聞習尚浮葩流爲淫蕩爾職在旬宣當以教化
爲先務毋負朕責成可也

明命十四年

帝謂禮部曰廣安省轄界在海瀕文風初振所宜篤
意甄陶俾抱策青衿得成其業其督學準仍舊設
置以資訓肄

御製詩二集刊刻告竣

自明命十二年春迄十三年冬古今體十卷凡六百十三

篇目錄
二卷、專命

印給皇子諸公及在京部院內閣堂官國子監在外諸直省並學政各一部

帝諭禮部曰鄉會試法前經改用三場文體因念釐正維新須有行文榜樣俾學者易於體認其令詳檢北朝三場文體何篇平正可為矜式者揀取八股制藝三十篇試帖五七言詩二十篇律賦二十

篇策文十篇、印刷三十一部、分送國子監、並京外
諸地方學臣、照此課肄、再傳集所轄士人抄錄之、

辰藩安賊黨侵邊和

本年五月十八夜首逆黎文儂起變據藩安省城、造

反、委其黨侵邊和、及隆祥安河等省、相繼失守、

羽林署副衛尉潘文

雙錦衣該隊陳文遊、平定定勇奇管奇、鄧文

絹、平順領兵黎文義、順義左奇、副管奇、阮文

理、富安富壯奇、副管奇、陳文韶、邊和、邊雄奇

副管奇、吳文化、節次與賊戰死于陣、令各追

贈加賞銀錢有差原按察尊室嘉嘉原平順按察有

旨宣召來

京未就道尋干案截留候審適還和報至順慶署撫派委迅往接應為賊所

擄送于藩安逆懷強使之拜嘉以大義罵之

終不屈而死賊怒使象踏死既而嘆曰一介書生肝腸至此誠可畏也令人

收葬之後諸將軍參贊訪得其狀事聞

帝曰嘉義不貪生罵賊而死其忠烈誠難得矣當表

而揚之以為千古盡忠者勸乃追贈按察使名下

降革處分竝免加賞銀六十兩錢一百緡給諸其

月令子
卷之三 教化

三

家、又令查明後嗣、量與廕授、

侍衛黎金助自南圻還奏言、逆僂竊據藩安、城
中有象匹不食而死者、

帝曰、無知之物、尙能如此、況臣之於君、久蒙恩遇、可
不思所以報效乎、乃六省淪陷、曾無一人以城死
者、甚至甘心從賊、爲所養、鄙哉若人、其不及此
象遠矣、

追贈河僊署理巡撫范春碧爲巡撫、按察陳文

琯爲布政先是逆僂煽變春碧文琯集兵民築土壘爲備禦計及安江失守賊徒未至屬省回良安良二隊糾夥作亂夜圍巡撫署碧挺劍而出及家僕阮文爲與賊戰被傷爲其所擒賊誘以降春碧厲聲罵之曰死則死耳豈降汝囚輩邪賊遂殺之復來按察署琯持刀連刃數賊家僕陳文萬亦持刀拒戰竝爲所害阮文爲哀求於賊乞領碧等殮葬賊義

而許之事聞、

帝諭曰、碧等失於防範、以致變生、肘腋固爲有過、惟事起倉卒、均能激發義憤、罵賊、刃賊、徇難捐生、殊可憫焉、特令追贈、加賞銀兩、其家僕陳文萬、阮文爲各賞銀十兩、以爲義僕者勸、

旌賞高平全節諸臣、初逆雲賊徒侵逼省城、署布政裴增輝、按察范廷擢、諒山領兵范文劉等、移據山堡、賊圍之一月餘、樂彈殆盡、兵皆

疲病賊繫所獲巡撫黃文權于象頭示之、嚇
使之降、否則屠其城、輝等乃會員弁兵役謂
曰、今力盡援絕寧死以全一城、官軍之命、於
是具朝服向闕望拜、將告身焚之、廷擢卧于
坑、令人以土填之、增輝文劉俱自縊死、後總
統謝光巨訪得狀以聞、

帝諭曰、曩者高平失守、裴增輝等從容就義、不苟偷
生、殊爲可愍、其加賞白金各一百兩、準省臣備木

棺收殮、送貫安厝、仍擇地建祠、逾年春一祭、以爲
盡節者勸、號三忠祠、

諒山脫朗州黃同社人黃氏竹、年十九有姿色、

土司阮廷統欲汙之、氏不肯爲所殺、及事聞、
帝諭曰、邊遠之地、被化爲難、今有此貞潔自守、其志
可嘉、令禮部照例旌表、給與匾額、以爲貞女者勸、
凶犯阮廷統斬決、

明命十五年

頒訓條于中外先是

帝諭禮部曰、固國係乎人心、而美俗必關乎教化、近來無賴之徒、或導之以邪教、或誘之以酒博、愚蠢小民多爲其所蠱惑、此盜賊所以不能止也、朕每念吾民未富、未可言教、惟經亂之民、人心稍已悔悟、乘此而教之、易於爲力、爾部可做清國聖諭廣訓大意、明列訓條、務在辭意莊雅、不必浮飾、使愚夫愚婦、莫不知之、則可以反薄回醇、風俗歸厚、此

日 古 正 一 三

三 四

亦國家長久之至計也、至是撰成十條、一惇人倫
二正心術

三務本業、四尚節儉、五厚風俗、六訓子弟
七崇正學、八戒淫慝、九慎法守、十廣善行

命付梓頒行之

給事中吳金麟奏言、英山故知府阮有黃居官

清約、甚得民和、沒後囊橐並無私積、前在富

榮、至今民猶有追慕之者、

帝曰、黃清操有顯狀、當旌表以勸來者、乃賞之錢百

緡、令所在雇船送喪回貫、

明命十六年、

嘉定軍次將軍參贊領兵等奏言、平順衛兵阮

文得前者爲賊所擄、

得從管衛開蛇行道

賊問軍務邊

情、悉以寔告、今自賊中脫出、請律以洩漏軍

機之罪正法示儆、

帝諭曰、阮文得遇賊暗襲、旣不能出力死鬪、及爲所

擄、又將軍中情形具言於賊、殊爲可限、且年前前

鋒衛兵阮文點亦曾被執、乃抗節罵賊、至死不屈

何等節烈、朝廷卽優加贈卹、立廟賜祭、足以風勵

將來

點平定遼山人十五年六月日與藩安城賊黨對仗帶傷爲其所擄逆統誘令誑說城外

官兵數少還寇又來以惑城中眾黨及統會黨問之點皆反其說且云身旣被擒豈惜一

死故以是告城中人等使早尋生路寧違賊意而死猶可爲神豈不愈於從賊死爲鬼城

者乎統大怒殺之事聞以點能明知大義諭準贈該隊保五品銜給卹事平後列在陣亡

將士廟用慰忠魂再錄 今文得不正刑誅、又

何以嚴師律、其卽斬首遍徇於眾、俾一勸一懲、明

義明罪方能振作士氣、鼓勵戎行、

又追贈安江副領兵武文常為衛尉正三品領兵

黎文常為掌奇從二品均招贈衛給卹先是逆

二人皆因戰敗為賊所擄武文常抗節不屈

賊勸之降發憤不食死黎文常被禁謀燒賊

火藥庫事洩賊殺之至是嘉定軍

大將軍參贊等訪得其狀以奏

帝諭曰武文常節烈誠可嘉尚黎文常雖稍遜一籌

然驗其心跡以謀圖殺賊不遂而死其忠亦不可

沒乃皆追贈之初武文常事聞
月命女一不 卷一三教化
三

以死、其大節固有可取、豈以被擄爲辱乎、昔宋文
天祥爲元所擄、就義柴市、節烈石揭古今、國初甲
午之變、

睿宗南幸、參贊既登場、攜母從亡、後行至歸仁、僞惠
執之、欲待以師禮、登場辭以扶母尋君而去、及王
師失利、避于館市、復獲於賊、不屈而死、其秉節無
愧古人、允宜列之祀典、以勸來者、國家有此忠義
之士、可以培固元氣、故能再造乾坤、奄有全越、所

係甚大、朕又聞北河鄭棟兵敗西奔、知番李陳瓚
 遇于途、謀護送之、其弟子阮莊反執棟以獻、西賊
 瓚勢出無奈、乃自死、以見志、其節義亦屬可嘉、後
 西賊以莊不義殺之、則是惡人自有惡人磨、誠大
 快人心也、夫西人篡人家國、豈知忠義、然更以不
 義殺莊、此亦大姦雄處、如曹操豈忠於漢、乃以叛
 逆加之、董承而殺之、以鎮人心、其事雖殊、而姦雄
 則一也

日
右
正
二
三

三

定祥省臣奏言、省屬員役多缺效力池恬靜等

八人承辦均能安濟請量予起用

靜原藩司經歷受僞

職

帝諭曰、池恬靜等預有職司、均是朝廷臣子、前因有變、甘心從賊偷生、律以國法、罪在不赦、第方多事之秋、特準開釋、差派效力、已覺寬典、即使確有功狀、亦未足以贖前罪、況又尋常者乎、夫人能自立于世、惟貴綱常二字、此輩失節之人、若遽授官職、

則何以鼓勵風化、垂示來茲、遂不準所請、準各仍
畱效力員役、遴人推補、

省廣安督學其學政關防交接察兼掌、凡考覈
事宜、炤例辦理、先是

帝以廣安文學初興、端設學政、至是省臣奏言省轄
地勢曠遠、而士子日漸加多、請增教職、以資
陶淑、乃省督學改設海寧府教授、準于學政
堂居住、橫蒲葩封、先安萬寧四縣州、各設訓

日、右、正、日。

卷二十三

三、

導

惟安興縣地近省城、雲屯州止有二社不設、

賜高平義民匾額

面書好義知方四聽各于所

在社村擇地構方亭揭之

初土匪逆雲等蠢動、便逼高平省城

失守、省轄廣淵上琅下琅石林等縣三十九

社村義不從賊、自相糾率民丁擒斬逆匪收

復省城、事平後又供輸米粒以給軍餉、事聞

準賜匾額、所欠租稅並免、復加恩蠲減是年

身稅、

帝御閱是堂、謂禮部潘輝堤曰、殿試第一甲最為難

得、如其不取、則是乏材、若泛取之、恐無以愜士夫

之望又曰、出題易行文難、蓋場官出題有書可考

而士子行文只是記憶而已、昨有付泥長麗何物

之問、而對者不知、

先是襄舉人題目有云、付泥長麗何物不能對、蓋付泥長麗是

星名、出事緣我國書籍鮮少、雖有宏博之材、無從

觀覽、嗣有派往清國、須多買書籍、頒布士林、俾學

者得廣見聞可也、是科殿試有第三甲同進士出

身黎貞年紀尙少、勅問之、貞以寔對、

貞年一十三而

名冊著十九歲、緣前爲里長、開未及改正、

月命文

卷之十三 教化

三十九

帝諭曰、科目進身之始、須以誠信爲本、乃有似此隱減年紀、則是先已自欺、將來出仕、何望其能一秉公忠者乎、誠朕所不取也、姑準從寔改正、仍令禮部傳諭、嗣後應試人等姓名年貫、要開列確實、或業爲里長、謬開須於認卷、辰稟明改正、若一味緘默、覺出有罪、復將所得科第停點、以釐士習、而肅場規、再凡試中進士有年自二十以下者、由部摘出聲明、準支七品俸、畱監肄習、俟一二年、成材然

後擢用

帝駕幸天姥寺、觀齋壇、因謂侍臣曰、釋氏以神道設教、孔子之教、乃華倫日用之常、然要其歸、皆教人爲善而已、夫人生於天地間、善所當爲、惡所當去、釋氏以禍福報應爲教、不可槩指爲異端、其勸人爲善一節、雖聖人復起、不能易矣、

帝以南北盜賊愁平、命通

諭北圻諸省土民等曰、清詭寧平、山西興化、宣光太

原諒山高平等轄土民刀耕火耨田野相安邇自
國初大定之後一視同仁綏懷無間向來休養作
息無征役之累有耕鑿之安均有常居常產視與
漢民更爲安佚尙何苦而爲亂乎乃以僻居邊遠
慣習成風不知朝廷法紀之嚴多以姻婭私情爲
重年前逆犯黎維良謀圖起僞則寧平山興清龍
土司爲之黨羽農文雲唱亂則太原高平諒山宣
光土酋起而附和圍陷城邑殘害黎元迨天師一

臨黎維良檻送闕下農文雲燒斃窮山其餘黨夥

或擒或斬靡有子遺豈非彼等自作之孽就中土

司有能為朝廷出力者亦不乏人

如清施范公班寧平郭功專父

子山西丁公仲郭功貳興化阮金報阮廷漢宣光

阮文表麻允培太原楊廷錦諒山農忠德高平程

文珠麻玉理玆上琅下或應從官軍差派捕務或

琅石林廣洲三十九社

糾集土勇殺賊立功成功之後朝廷酬報有予以

廕銜有授之官職有賞衣服以褒異之有賜匾額

以旌表之無不在在榮擢而逆匪正次要犯各以

次第駢誅、誠爲昏愚之極、今事已大定、不得不重
加告戒、以顯順逆之理、開遷善遠罪之機、爾等知
能具在、各當中夜捫心、順吉逆凶、前鑒不遠、卽如
悖逆者、隨卽敗亡、當以此爲戒、向順者、均蒙獎錄、
當以此爲勸、有官職者、惟思循分守法、以保身名、
爲民庶者、安於鑿井耕田、以享清福、則不惟爾等
得以保其祿位、宜家室而樂妻孥、而子孫亦可保
世世相安之慶矣、

諭南圻六省士庶等曰、六省人民久蒙我

列聖休養、作息厚澤、深仁食德、飲和二百餘載、逮至我

皇考世祖高皇帝、龍興之會、又皆同德同心、出財出力、以弘濟于艱難、胥然醇樸之風、無有姦偽之習、近因守土之臣、不思以善道率民、習於非禮而犯上、馴致士安偷惰、民習驕奢、作姦犯科、屢屢破案、甚者慣習成風、自謂邊遠、只知有帥閫、不知有朝

廷人心不古、天道惡盈、因之有逆懷之變、亦理勢之必至也、曩者一番變亂、其間激於義憤、爲朝廷出力、固不乏人、然亦有不逞之徒、阿附爲虐、可惜從前蔚然忠厚之風、一旦有此昏愚之極、直待孤城既下、國法難容、遂至悉與駢誅、以洩神人之憤、此固不得已而爲、而念及人心誠可惱、復可憐也、迴思煽變之秋、應義者蒙授職官、捐貲者亦得獎賞、其向爲所脅而能倒戈殺賊者、均加收錄、忠義

不屈罵賊以死者、又從優加贈卹、死有榮名、吉凶
 趨避之機、可爲炯鑒、各宜憬然省悟、慎爾典常、孝
 悌忠信以自修、名義綱常爲至重、爲士者澡身浴
 德、以成經濟之材、爲農者力穡服田、以裕箱倉之
 積、工則居肆成業、益致其精專、商則茹苦服勤、以
 豐其貨殖、爲民庶則惟守分守法、隸兵籍則勿乍
 給乍逃、悖逆之事必痛絕而不爲、禁戒之條必敬
 避而勿犯、父兄以是而化率、子弟以是而服行、于

以挽回上古之風、永迓將來之福、朕寔有厚望焉、
改承天公館爲四譯館、先是

帝謂禮部曰、昔唐李白能譯番書、若未嘗學、如何譯
得、朕欲於京師設四譯館、擇諳曉諸番語者、優給
錢糧、使國人學之、除鳥語獸音之外、餘皆知之以
成一代文明之國、如是則外事不誤、而國體自尊
矣、又

諭曰、古有寄蹠象譯以通殊俗、本朝教聲遠暨、東鷄

出屬員子弟及士民等酌定課程使之講習
番洋言語文字

帝因謂禮部潘輝湜曰譯館講習蓋欲通譯國音以
備應答外國而已至其所學我國本從鄒魯之教
君臣父子人道之常若一切割爲異說新人聽聞
正念童子知其言語文字習與性成反爲所陷宜
以此意訓戒之後又命平順又安河內擇民家子
弟學習占尼及北國土人言語文字選其諳曉者

每省一二人優給錢糧居省教習

追贈羅宛冊長椅畫撥爲該隊

先是平順蠻匪起變官兵進剿

椅畫撥獨先向順出力探捕及兵還土匪逆
未率蠻黨掩襲逼之從不肯將殺之畫撥厲
聲罵之曰我惟知臣事朝廷決不從汝逆賊
今既爲所獲尚復何言乃觸類于松而死遇
撫楊文豐訪得其狀以聞

帝諭曰椅畫撥以一蠻酋乃能一心向順不爲逆匪
所屈罵賊自死其節烈誠屬可嘉準贈五品官銜
再賞飛龍大銀錢五十枚給諸其家又於其處建

祠致祭一次並給匾額以旌表之

號忠烈祠

帝復親製詩章命內閣錄出二張一送于壇賜祭焚

之一刻石建碑亭于祠前永留貞珉以爲天

下後世忠義者勸後清苑有鄭鴻尚長琴因

顯者初從官軍捕務爲土匪所獲匪誘之不

從遇害事聞

帝嘉之準追贈該隊從五品銜建坊于其邑賜忠節

匾額以旌表之



平定綏福縣貞女裴氏心、山西夏范縣楊氏越
皆守節不汙、爲彊暴所殺事聞、均命禮部昭
例旌表、

明命十七年

順慶道監察御史裴茂先上疏言、北圻諸轄鄉
邑多有豪彊、違制情民、酒博事神、禮例多用
過奢、葬祭之禮、爭尚侈靡、甚至破產傾貲、以
償口債、殆非相保相憐之義、請立條禁、以約

之

帝諭曰、禮節以定民志、法制以閑民邪、自是易俗移風、要著而革、俗以漸方、爲王道之成、茲準責成所在、地方官將前所頒訓條、以辰勸導、並轉飭總里如見遊惰不勤、流連酒博、曾經禁止不悛者、卽解官懲治、俾知所戒、惟鄉里豪彊、有稱巡縣記縣、張縣總豪巡總等名色、武斷刁訟、挾制官長、嚇詐平民、與夫民間事神之例、葬祭之禮、準交吏禮二部

酌議戒禁章程俾祛積弊以明教正俗

吏部議請該縣記縣

等名色並禁永遠不得設置違者以濫設官
吏之罪杖罪之民間敢有循習稱呼問以違
令禮部議請一切淫神並省餘經有勅封與
著有靈應仍舊惟廟宇規制只用二三間不
得設置門樓儀仗祭器不得雜刻龍鳳式樣
已經製者挑去過年祈報歌唱不得流連祭
品不得過費犯者並以違命論至若藉祭衣
服飲食奢僭違式者自有條律明禁後又命
傳旨諸地方常加查檢凡民間如春秋祈報
慶喜演戲限以一日夜而止有事歌唱者亦
聽但不得頻日燕會醉飽流連有妨生理亦
不得招募班隊故有名色聚習多人違者罪
之

內閣覆奏法司收受控單、

帝曰、古者設誹謗之木、所以通治道而達下情、然唐虞當大同之世、黎民於變、比屋可封、想此木亦徒虛設耳、自淳漓一變、三代已不如唐虞、漢唐宋又不如三代、朕今設三法司、定收受控單日期、凡內外臣民有冤枉者、聽得投控、又設登聞鼓、誰有切害事情、皆得擊之、蓋欲使下情幽隱、達于上聞也、乃邇來所控、或云官吏貪求、或云豪彊凌逼、逮至

交查率多虛捏、風俗如此澆薄、儻又倣古設木則
凡有所惡者、彼必將其人名姓書于此木、無日無
之矣、朕曾頒布教條、未嘗不以人心風俗爲至、計
將久道而後天下化成邪、

明命十八年、

定南圻諸轄民間歌戲條例、準嗣凡諸社村酬
神演戲、年內止聽歌唱一次、一日夜而止、其
歌工聽招集近便村民五人、過者以違制論、

再由地方官察覈歌工、猶外籍者飭令登籍受差、

申諭河靜以北民間改易衣服、

諭曰前以瀝江以北衣服尚仍舊俗、諭令改從廣平以裏用示同風、又寬假程限、俾得從容自製、乃自明命八年至茲已、經十載、猶聞有未改者、且廣平以南冠服衣袴一從漢明之制、如齊整視之、北人舊俗、男子帶褲、女子衣著、交頰下用圍裳、其美惡

顯然易見、卻有已從美俗、亦有安于故常、豈非有意於故違乎、諸省臣宜以此意開導、勸誘仍限以本年內一齊更換、若開年後猶有仍舊者罪之、

諒山省臣奏言、民間服飾踰制、請禁之、會廣義按察張國用亦言、人民多穿著紗緞錦繡、不免傷財、唱優裝假蟒服龍冠、亦近於僭、

帝諭曰、民生勤儉爲本、此唐風所以爲美、若夫習尚奢麗、妨財害農之事也、乃命禮部議定條禁、於是

服色皆有限制、

署禮部郎中阮登勳前知冀盤府清約自持吏民愛之遇有父喪餽送皆不受及補京職扈駕南巡民間其來遮道慰問多餽之亦不受至是卒于官囊橐蕭然惟有賞項冬衣爲殮而已科道臣疏請量加恩典俾廉者有所激勵、

帝憫情之追授郎中賞錢一百緡令撥船送之歸奠

再賞一百緡養其妻子、又聞其老母尚在、加賞一百緡、勅地方官以辰存問、乃

諭內閣曰、廉爲六計之首、自古爲政、必以獎勵廉吏爲先、朕董正治官、拳拳以教孝作忠爲意、向來察有清廉寔狀、卽已從優旌賞、更念間有平生無人提及、直至沒後、乃始上聞、如知府阮有黃、知英山府前已旌郎中阮登勳者、誠爲可惜、且必待言官言之、而後獎賞、恐不免得一遺、干其於勸廉之道、尚有未

備今當如何酌定條章準部院九卿會議以奏

議尋

準內外諸衙印官及所屬紳弁如有廉介底人印官由同事員屬僚由管官酌得專摺保奏儻何衙或有嫉妬不為題明而別衙上司確知寔狀者亦得專舉以防壅蔽敢有一毫阿比舉者及受舉者分別治罪若其人既蒙獎拔後乃變節加等坐之主舉者免

諸地方遵諭察訪所轄孝子節婦具狀八奏閒

有富安孝子阮文就之子阮文紹年四十順

事父母未冒少忤鄉里少長皆稱其為孝禮

部議請酌給銀幣至如匾額其父已蒙賞應

傳給、

帝諭曰阮文就前以孝行蒙旌賞今其子阮文紹又克繼其孝爲州里所共推洵爲熙朝一至美事夫國家教孝作忠原爲風俗人心計儻紹之子又有孝行是則一門三代濟美其美爲何如朕必從優旌表今日之賞豈可靳乎其併給之

匾刻紹述孝風四字餘

孝子節婦預旌賞者四人、

帝以向來京外文廟啓聖祠禮例尚未周備命禮部

參稽故典、分別議奏、復令廷臣覆議、以開年春祭施行之、

帝嘗與諸臣論詩、謂曰、向來命詩題目多於古詩中、以賦得某句命題者、大抵擬出此題而已、乃士子行文多引用詩中別句、如以春遊芳草地命題、則又引夏賞綠荷池、秋飲黃花酒等意、何其拘泥、若此、假如賦得雨、賦得橋、則雨橋二字、不知的指從何詩出乎、又考官點閱士子文卷、多據引用書中

成句成字者則圈點褻揚以爲記得書中文字此亦循習拘泥太甚大凡行文須發明題意及鋪敘已見何必引用書中字如孔子教人但求理之至當耳何曾印指經籍中之文字乎

寧太道御史上疏請搜集前代著作風物傳記校正成編竝部院政體各編輯成帙又請試題專以經傳及南史記載諸家文集爲正問北史爲襯解庶本國前言往行不至湮沒而

士子皆有寔用

帝命禮部詳閱覆議以聞、及議上以為向來中外有

後後簡命文臣董理其事、再搜訪前代諸家

所作詩文詞賦及人物事跡山川志記續逸

分門定類彙成卷帙進呈其部院政體命官

纂修會典則例惟越史前代所載率多簡略

自黎中興以後鄭氏踰僭史不直筆疵謬猶

多須待命官一審刪正、改修歷代南越史記

俾士林公相傳受、方

可用以考試從之

御製文初集

註見十二年

御製詩三集

自明命十四年春迄十五年冬、十四集

卷凡四百五十三篇目錄二卷

自十六年春迄十七年冬十卷
凡五百二十三篇目錄二卷
刊刻告竣頒

給于中外勅諸學臣凡所給官書並聽士人
抄寫學習日久敝裂者不問毋得高束

明命十九年

禁民間私藏黎史續編

諭曰黎中興以後權歸鄭氏黎君徒擁虛器所載本
紀都是尊鄭抑黎冠屨倒顛莫此爲甚藏本畱之
私相傳看將至陷溺人心其通諭官吏士庶如有

月命文要

卷之二十三 教化

四十三

家藏黎史續編各卽送官奏燬之

永隆省臣奏言屬轄永平永治遵義茶榮四縣
皆有土民文字言語尚與漢異請擇漢民習
番字又令土民子弟就訓導教授學習漢字
使之漸成漢風

帝諭曰土民旣歸版籍出谷遷喬當以其漸方合用
夏變夷之義準永隆及安河等省各開誘所轄土
民子弟以辰就諸府縣教訓學習漢字毋得仍循

陋習止向番僧學門誰能習知漢字文義者量置
 爲總長里目使知所勸又令學習漢人言語風俗
 濡染既久從化自有其機不必太急仍量擇漢人
 明敏識字者酌免兵徭使兼習番字俾得情意相
 通便於指使如此行之有序將見殊俗殊風可漸
 變爲同文同倫之美矣

明命二十年

科道等上疏言方今文治大典教法詳備獨經

月命文要

卷之十三教化

日下

筵未開、猶爲太平闕典、請參酌典禮于舒光
園、大開經筵、精選部院經明行修之臣、以本
職入侍講讀、皇子諸公侍立於下、德業既有
所陶成、而儒林風動、學海雲趨、又朝廷所以
風勵之一大機括也、

帝諭之曰、自古帝王爲學與經生不同、堯舜執中、禹
湯建極、皆學也、正心修身、齊家治國、平天下、學亦
莫大乎此、朕自臨御以來、凡一政一令之行、莫不

斟酌古今以求其當、而萬幾餘暇、宮中燕閒、則未嘗不閱覽羣書、搜求至道、是無辰而不學也、且經筵始於宋、原爲幼君講學而設、初意何嘗不善、逮清諸帝亦有歲一行之、侈爲盛事、今欲舉行、又何難者、但不求其寔而徒事虛文、亦無益耳、若止於一日之經筵、而謂可使皇子德成、士林風動、不幾於虛言乎、

帝聞清國廣東發出鴉片大案、正在搜查、恐洋人帶

來下洲、派往大船、或有貪利載回者、卽令科道馳往、沱灤、芹、蓆、諸汎、廉訪查拏、因

諭之曰、除害之要在乎拔本塞源、則爲力易、我國人盜吃鴉片、習染未深、猶人病在皮膚、尚可醫治、探其本而嚴爲之防、不出二三十年間、汙習可除矣、鴉片之害、本在於煎煮之人、轉將賣買、清人止禁吃者、而煎煮與賣者、則不之問、抑亦左矣、自今煎者賣者、宜按疆盜殺人律科斷、其輕縱失檢、俱重

罪尋命申定條禁施行之

廣安省臣奏言、屬轄先安橫蒲萬寧諸州縣士數希少、訓導擬應裁省、葩封安興二縣士數日蕃、獨教授恐難週顧、應增設訓導以資陶淑、下吏部議以爲葩封乃屬萬寧兼理、其教授居于省城學堂、程途遼遠、應抽回府衙講肄爲便、安興地轄旣在省城、又是首縣、請增設訓導、聽於學堂居住、餘如省臣所擬從之

明命二十一年、

頒給

御製詩五集

自明命十八年春迄十九年冬、凡五百九篇、分爲十卷、目錄二卷、

于中

外皇子公、國公、郡公、親公、各一部、乾東各所

八部、文班廷臣、並來京督撫布按各一部、諸

直省及鎮西與國子監諸直省學政各一部

明命政要卷之十三 止

**MINH-MỆNH CHÍNH YẾU
(TẬP III) BẢN DỊCH CỦA
VÕ KHÁC VĂN VÀ
LÊ PHỤC THIỆN IN KÈM
NGUYÊN TÁC 2000 QUYỀN
TẠI NHÀ IN TƯƠNG LAI
133 VÕ TÁNH SAIGON
XONG NGÀY 1.10.1972**

明 命 政 要

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC và THANH-NIÊN XUẤT-BẢN

1974

Giá: 2500\$